No 123 Novembre 1927

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

KHOA-HỌC VÀ LUÂN-LÝ (1)

Hiện nay cái chủ-nghĩa thần-bí xem ra muốn xoay lại chống với khoa-học. Xưa kia trong bao nhiêu lâu chủ-nghĩa thần-bí đã lung-lạc thế-giới, làm cho thế-giới khốc-hại biết bao nhiêu ; đến cận-đại bị khoa-học tranh mất cái quyền chuyên-chế đó, bây giờ lại muốn mưu khôi-phục lại. Câu chuyện thần-bí với khoa-học xung-đột nhau là một câu chuyện cũ lắm rồi, theo như sách thánh-thư của đạo Cơ-đốc thì kể từ ngày các thiên-thần chống lại với Thiên-chúa, dạy cho loài người các khoa-học khôn-khéo, tự đấy khoa-học đối với tôn-giáo đã hầu như đứng cái địa-vị cừu-thù vậy. Chủ-nghĩa thần-bí trong bao lâu lấy tôn-giáo mà lung-lạc luân-lý, nay lại muốn khôi-phục lại cái thế-lực cũ đó.

Các nhà chủ-trương thuyết thần-bí nói rằng luân-lý là ở tôn-giáo mà ra, lời ấy không có bằng-cứ vậy. Xét lịch-sử tiến-hóa của loài người và lịch-sử văn-minh trong thế-giới thì biết rằng nguồn gốc của luân-lý không phải ở tôn-giáo, tôn-giáo chẳng qua là chiếm lấy luân-lý mà dạy chứ không từng tạo-thành ra luân-lý được, mà có khi lại làm cho trở-ngại luân-lý không tiến-hóa được. Thực ra thì trong phạm-vi luân-lý-học cũng như phạm-vi thuần-lý-học, các tôn-giáo chẳng qua là chỉ nhờ cái công học-vấn của đương-thời, lấy tài-liệu của các khoa-học đương-thời mà liền kết-cấu thành những giáo-lý tuyệt-đích.

Nhưng cái thời-đại ấy đã qua rồi, khoa-học trong bao nhiêu lâu bị cấm-đoán mãi, suốt đời Trung-cổ bị bách-hại biết thế nào, đến ngày nay thì nhờ đã có công với loài người nhiều lắm, nên đã được thảnh-thơi độc-lập. Cho nên dẫu phái thần-bí công kích thế nào, khoa-học cũng chẳng hề chi. Vả lại kẻ thanh-niên đời nay đã công-nhiên không chịu theo phái ấy nữa. Dù họ biện-thuyết khôn-khéo thế nào, tín-ngưỡng thành-thực đường nào, cũng không đủ cho kẻ thanh-niên cảm-phục nữa, và kẻ thanh-niên đã rõ-ràng khuynh-hướng về những tư-tưởng cùng học-thuyết cao-thượng hơn, đích-xác hơn và quảng-đại hơn. Những người xướng lên rằng « khoa-học đã phá-sản » (*banqueroute de la science*), là những người mơ-tưởng, không biết phương-pháp và tinh-thần của khoa-học thế nào. Khoa-học chưa hề thấy thất-bại bao giờ : những lời hứa của khoa-học tự thế-kỷ thứ 17, thế-kỷ thứ 18 đến giờ, do các nhà triết-học về phái

(1) Dịch một bài luận-văn của MARCELIN BERTHELOT. Ông là một nhà khoa-học trứ-danh về thế-kỷ thứ 19, chuyên-trị về hóa-học. Lại là một nhà tư-tưởng, thường đem phương-pháp khoa-học nghiên-cứu về các vấn-đề triết-lý. Ông sinh năm 1827, mất năm 1907. Mới rồi ở Pháp, ở các thuộc-địa Pháp, và ở khắp thế-giới đều làm lễ kỷ-niệm bách-chu-niên ngày sinh-nhật ông, và mở cuộc lạc-quyên để dựng một nhà « Hóa-học viện » (*Maison de la Chimie*) ở *Paris*.

thiên-nhiên bày ra trước nhất, thời giữ được như lời cả, hứa sao làm được như vậy, không sai điều gì bao giờ. Không những từ thế-kỷ thứ 17, 18 đến giờ, mà có thể cho là từ thượng-cổ đến giờ, cách sinh-hoạt về vật-chất, về tinh-thần của các dân-tộc, chỉ là nhờ sức khoa học mà mỗi ngày một thêm tấn-tới lên.

Tuy cái cỗi-rễ xa-xôi của khoa-học, trong bao nhiêu lâu vẫn bị những sự tưởng-tượng mơ-hồ nó làm cho mờ-ám đi, nhưng thực từ khi các văn-minh mới phôi-thai ra đến giờ, phàm mọi sự tiến-bộ canh-cải trong loài người, đều là nhờ công của khoa-học cả. Nhưng mới được hai thế-kỷ rưỡi nay là phương-pháp của khoa-học mới thành-lập được hoàn-toàn, thoát-ly được hết những cái tạp-chất ở ngoài và phát-hiện ra được thuần-túy. Thế mà đem ra dùng về phương-diện nào cũng có kiến-hiệu vô-cùng, cứ xem các kỹ-nghệ cùng cả xã-hội tiến-hóa mau là dường nào thì đủ biết vậy.

Vẫn biết rằng trong thế-giới này còn lắm chuyện bất-lương, lắm sự đau khổ, lắm điều oan-uổng, hiện nay còn mà sau này cũng còn mãi. Nhưng cái giá-trị của khoa-học không phải là chỉ yên-ủi cho người ta nhẫn-nhục mà chịu lấy những nông-nỗi ấy, cho rằng sức mình không đủ chống lại được, không phải thế, mà lại thúc-giục cho người ta phải gia-công gắng sức chống lại với số-mệnh, dạy cho người ta cái đường lối nên theo để mà giảm bớt những sự đau-đớn oan-uổng ấy đi, tức là tăng thêm cái hạnh-phúc cho mình và cho kẻ đồng-loại vậy. Muốn làm cho trọn cái công-nghiệp đó, khoa-học không phải là chỉ dùng những cách suy-lý viển-vông hay là tán-tụng hão-huyền đâu ; khoa-học chỉ dùng những phương-pháp, những phép-tắc thật có kiến-hiệu, vì là đã từng nghiên-cứu kỹ các cách sinh-hoạt của người ta cùng nguyên-nhân mọi sự đau-khổ ở đời, rồi mới căn-cứ ở đó mà đặt ra vậy. Ấy cái mục-đích của khoa-học từ xưa đến nay và từ nay về sau là thế, các nhà khoa-học trước sau vẫn tận-tụy mà theo đuổi cho được, chỉ vì một tấm lòng tín-ngưỡng ở chân-lý và thương yêu cả loài người. Ngày nay khoa-học thịnh-hành nhất ở Tây-phương, nhưng tương-lai rồi có ngày cả thế-giới sẽ được hưởng cái ân-huệ của khoa-học hết

Những điều đó nên đem ra mà giảng-giải cho mọi người biết, để đối lại với những kẻ thuộc về phái hoài-nghi kia, cho khoa-học cùng với tôn-giáo là hư-huyền cả, chỉ khuyên người ta biết trọng cái khoái-lạc hiện-thời mà thôi. Tác-giả muốn chứng rõ cho hiểu rằng những phép-tắc chủ-trương cho đời người ta ngày xưa cũng vậy, ngày nay cũng vậy, không phải là thần-thánh nào dạy cho loài người mới biết, không phải là nhờ các tôn-giáo đời xưa hay đời nay, phương Đông hay phương Tây truyền cho mới biết được thuộc về vấn-đề luân-lý cũng như thuộc về vấn-đề nguyên-lai cứu-cánh của loài người, phàm xướng lên cái thuyết nào mà quyết-đoán cho là tuyệt-đối thì hoặc là bằng-không kết-cấu ra, hoặc là không có đủ căn-cứ ở thực-học, thật là không đủ cho ta đáng tin vậy.

* *

Trước hết ta hãy bàn qua về chữ thần-bí (*mystère*), thiên-hạ thường hay ngộ-nhận lắm. Tiếng «thần-bí» ngày nay, các nhà khoa-học không ai nói đến, cũng như tiếng « kỳ-tích » (*miracle*), vì hai tiếng ấy, những kẻ nào tin ở thần-quyền, cho rằng mọi sự hành-vi học-vấn là có cái lẽ mầu-nhiệm bí-hiểm ở trong ấy cả, thường hay dùng đến luôn. Nhưng các nhà lý-học hóa-học không

thấy bao giờ nói hayviết đến hai tiếng ấy. Phàm nhà khoa-học luận-thuyết về sự-vật, không bao giờ dẫn-chứng đến những lẽ cùng những việc quái-dị, mà sở-dĩ thế không phải là chỉ suy-lý mà biết rằng sự quái-dị là vô-lý, chỉ là bởi kinh-nghiệm các sự-vật mà thấy rằng sự gì vật gì cũng có nguyên-nhân kết-quả cả, chứ không phải là vô-cố mà thành ra, bởi một cái thần-quyền u-ám nào. Ấy phương-pháp của khoa-học là ở sự kinh-nghiệm rõ-ràng như thế, chứ không phải ở sự thuyết-lý bông-lông vậy.

Vẫn biết rằng khoa-học không thể khám-phá được cái cùng-lý của sự-vật trong vũ-trụ; khoa-học cũng không tự-phụ như thế, mà lại dạy rằng phàm sự gì chưa từng kinh-nghiệm, chưa thể phán-đoán được. Khoa-học biết rằng sự-vật phiền-phức vô cùng, và sức người kinh-nghiệm chỉ được một bộ-phận rất nhỏ rất hẹp mà thôi, còn những điều không biết thì to rộng vô-cùng, bởi thế nên nhà khoa-học phải lấy cái đức khiêm làm đầu. Nhưng khiêm thì khiêm, mà không phải là đối với sự-vật nhất-thiết hoài-nghi cả. Cũng không phải là nên tin rằng trong vũ-trụ có những cái lẽ huyền-bí, thuộc về thần-quyền, người ta không bao giờ khám-phá cho được. Sự kinh-nghiệm các đời trước và sự kinh-nghiệm của đời nay đã chứng rõ rằng duy có phép khoa-học mới đạt tới được cõi tri-thức, và phàm chân-lý chỉ có một chứ không có hai, không phải là có một cái chân-lý do thần quyền chỉ-thị cho người ta bằng những phép mầu-nhiệm, với một cái chân-lý do sự quan-sát, sự kinh-nghiệm mà biết vậy.

Ấy bởi lẽ đó nên phàm nghiên-cứu về người ta hay về vũ-trụ, kinh-lý các công việc của cá-nhân hay của xã-hội, phải bài-trừ cho hết cái quan-niệm về thần-bí đi. Phải thần-bí mới tổn tổ-chức việc đời theo lẽ quái-dị, thì sẽ thấy nguy-hiểm ngay: xét lịch-sử các dân-tộc, xét khoa-học các bệnh thần-kinh, thì biết rằng dân-tộc cũng như cá-nhân, phàm để cho thần-quyền can-thiệp vào công-việc của mình, thì cái triệu nguy vong suy-đồi liền rõ ra trước mắt vậy.

Vậy ta cứ nên để cho phái thần-bí mơ-mộng những chuyện hoang-đường; ta chẳng nên ngăn-trở những sự hành-động huyền-ảo của họ làm gì, bất-luận là sự hành-động ấy thuộc về cá-nhân hay thuộc về đoàn-thể nào; nhưng ta đừng để cho họ lấy cái chấp-kiến thiên-lệch của họ mà đem những sự mơ mộng ấy làm phép-tắc cho xã-hội. Vẫn biết rằng người ta xưa nay thường mượn những sự tưởng-tượng viển-vông ấy để tìm đường thoát được cái luật nhân-quả khốc-liệt, cũng như xưa kia dùng phép kỳ-đảo hay dùng thuật yêu-ma để mong tránh khỏi tai-ương hoạn-nạn. Nhưng đó là những sự hão-huyền cả, ta không nên vì đó mà làm sai cái phương-pháp của ta, khiến cho những mối tín-tưởng vô-lý hại đến sự kinh-nghiệm đích-đáng của ta.

Ta phải định giới-hạn cho nghiêm, mà phân-biệt phép khoa-học với phép thần-bí, sự phân-biệt ấy xưa nay chưa được rõ ràng cho lắm. Sự tưởng-tượng mơ-hồ với sự kinh-nghiệm đích-xác, trong bao nhiêu lâu vẫn lẫn-lộn với nhau, phải nghiên-cứu kỹ-càng mới biện-biệt phân minh được. Muốn giải cho rõ, ta hãng thử tóm-tắt lại lịch-sử khoa-học từ xưa đến nay thế nào: phàm nghiên-cứu việc gì cũng phải suy-nguyên đến cội-rễ, thì mới hiểu rõ được cái hiện-trạng thế nào.

. . .

Hãng thử xét lại các thời-đại xa-xôi kia, hồi nhân-loại hãy còn chưa vượt qua cái trình độ giống vật. Ngày nay cũng có thể suy ngược lại như thế

được ít nhiều, là nhờ sự phát-minh của khoa khảo-cổ-học, và nhờ những lời ký-thuật của các nhà lữ-hành, các nhà thám-hiểm, đã từng quan-sát những dân rợ-mọi, là những dân hãy còn đứng vào các bậc dưới trên trình-độ văn-minh, tức là tiêu-biểu cho các thời kỳ đồng-ấu của loài người. Lại xét kỹ cách sinh-hoạt của các giống vật, sinh-lý tâm-lý của người ta, nhất là thuộc về tuổi đồng-ấu, càng thêm tỏ rạng được cái vấn-đề về cỗi-rễ của khoa-học.

Cái công nghiên-cứu ấy đã chứng ra rằng các dân-tộc tùy trình-độ cao thấp, đời nọ sang đời kia đã dần dần chế ra được những đồ dùng, những khí-giới, những lối ăn cách ở, nhờ đó mà thắng-đoạt được thiên-nhiên, tổ-chức thành thể-thống. Còn gia-tộc, quốc-gia, luân-lý, đạo-đức, thì là bởi cái tính hợp-quần dần dần gây dựng lên, cái tính hợp-quần ấy ngày nay cũng như ngày xưa, không phải riêng cho một loài người, các giống vật đều có cả.

Nhưng mà trí-tuệ của người ta hồi đầu hãy còn non-nớt lắm, chưa thể quan-niệm ra được những phép-tắc trừu-tượng thuộc về sự sinh-hoạt của mình hay thuộc về các hiện-tượng thiên-nhiên. Không thể lấy phép trừu-tượng mà quan-niệm ra được, bèn hình-dung tưởng-tượng ra thành những giống có sinh-hoạt như mình, mà gọi những giống ấy là quỉ là thần. Hiện nay các nhà lữ-hành quan-sát các dân mọi-rợ, thấy đâu đâu cũng có cái khuynh-hướng như thế. Ngay con trẻ ta, khi vui-vẻ, và thứ nhất là khi sợ-hãi, thường tưởng-tượng ra những cái hình-tượng kỳ-quái, rồi những hình-tượng mơ-màng ấy hiển-hiện ra mà hầu như làm hướng-đạo cho cái tư-tưởng ấu-trĩ của chúng nó. Nói tóm lại, ta thường quan-sát mà thấy loài người vẫn có cái khuynh-hướng tự-nhiên, phàm tư-tưởng ra cái gì thì biến-hóa nó thành hình ngay, rồi cho những cái hình-tượng đó một cái tính-cách thiêng-liêng tuyệt-đích, mà thờ làm thần-minh ngay.

Ấy bởi thế nên khi các văn-minh mới phôi-thai ra, phàm các sự chế-tác kiến-thiết, đều cho là bởi thần-minh chỉ bảo cho cả. Những người thông-minh tài-giỏi thì lợi-dụng cái lòng tin-tưởng đó để mà đặt quyền chuyên-chế của mình ; vả tự họ cũng có cái lòng tin-tưởng như thế. Đến khi đặt ra đền thờ các vị thần tưởng-tượng ra đó, như ở Ái-cập, ở Tiểu-Á-tế-á, hễ sự học-vấn và sự lễ-bái là liền hẳn với nhau và tập-hợp cả ở chung quanh nơi thờ cúng. Kẻ có cái chức-trách phụng-sự thần-minh, nhân đó cũng thành ra có cái tính-cách thiêng-liêng, và tự-nhiên làm tiêu-biểu cho cả khoa-học, cả tôn-giáo vậy. Khoa-học với tôn-giáo thành ra lẫn-lộn nhau và cùng mang một cái tính-cách độc-đoán như nhau. Đến đầu đời Trung-cổ, nhân các rợ Bắc-man phá-hoại mất cái văn-hóa cổ của La-Hi, thành ra cái tình-trạng hỗn-độn ấy lại xuất-hiện ra lần nữa.

Bởi đó nên các khoa-học đời cổ-sơ, như khoa chiêm-tinh-học, khoa luyện-kim-học, vốn vẫn là khoa-học thực-nghiệm, mà lại đời có cái tính-cách yêu-thuật, dùng những phù-phép hoặc để trấn-áp quỉ-thần, hoặc để cầu-viện thần-minh. Đời bấy giờ thì phàm quỉ-thần hành-động là kỳ-kỳ quái-quái cả, nhưng những cái kỳ-tích ấy không có quan-hệ gì với luân-lý đạo-đức cả.

Các nhà triết-học Hi-lạp trước nhất muốn giúp cho khoa-học chân-chính thoát được hết những cái tạp-chất mê-tín đó, và biệt-lập hẳn với tôn-giáo. Bởi thế nên các nhà ấy bị phải thần-bí buộc tội cho là phạm thần-quyền, tội ấy đã làm cho ông Tô-cách-lạp (SOCRATE) đến phải uống thuốc độc mà chết, và trong

hai nghìn năm lịch-sử Âu-châu đã biết bao nhiêu kẻ tài-năng tuấn-kiệt cũng vì cái tội oan ấy mà bị khốn-ách vô-cùng. Tuy-nhiên, người Hi-lạp dẫu có tài-trí lỗi-lạc thật, nhưng cũng chưa phát-minh được hoàn-toàn cái phương-pháp khoa-học như ta ứng-dụng ngày nay để nghiên-cứu về vũ-trụ và về loài người. Phương-pháp ấy trước còn lẫn với phép lý-luận thuần-túy, mãi đến thế-kỷ thứ 17, 18 mới phân-biệt ra hẳn, đời bấy giờ là hồi các khoa-học thực-nghiệm, các khoa-học quan-sát mới thành-lập, như vật-lý-học, thiên-văn-học, động-học, hóa-học, sinh-lý-học, tự-nhiên-học. Từ đó phép khoa-học suy rộng ra và đem ứng-dụng ra cả các khoa lịch-sử, xã-hội, phá những cái cựu-thuyết về thần-học đời Trung-cổ và xướng ra những học-thuyết mới hợp với sự-thực hơn. Phép khoa-học chỉ châu-tuần ở trong cõi đối-đích, không cầu cho tới được tuyệt-đích, kể mãi đến thời-đại ta này mới thực đem ra ứng-dụng được hoàn-toàn về khắp các bộ-phận trong cõi học.

Người Hi-lạp đời xưa cũng biết trọng lẽ phải, cũng biết thờ chính-lý như người đời nay. Nhưng người Hi-lạp lại ưa lý-luận nhiều, muốn cứ lý-luận mà kết-cấu được cả vũ-trụ, cho sự kết-cấu ấy cũng có một cái tính-cách tuyệt-đích như tôn-giáo vậy. Các nhà triết-học Hi-lạp lấy lý-luận mà đặt ra những thống-hệ để tiêu-biểu cho thế-giới cùng loài người. Bởi thế nên nhà nào cũng có một cái vũ-trụ-quan, một cái nhân-sinh-quan, đời đời đã thành một cái lệ trong triết-học-giới, truyền mãi cho đến cận-đại, qua những tay triết-học như DESCARTES, LEIBNITZ, HEGEL, mỗi người đều có một cái thống-hệ riêng cả. Thực ra thì cứ đem học-thuyết của các nhà ấy mà phân-tích cho kỹ, sẽ thấy rằng phàm được điều gì đích-xác là nhờ ở cái công khoa-học đương-thời cả; các thống-hệ ấy thành-lập được, có ảnh-hưởng, cũng là nhờ ở khoa-học vậy. Như vậy thì cái công kết-cấu duy-lý của các nhà triết-học, cũng không khác gì cái công kết-cấu độc-đoán của các phái tôn-giáo: hai đàng cùng là nhân những tài-liệu của sự quan-sát, sự kinh-nghiệm, mà đặt thành phép-tắc đặc-biệt hẳn với sự quan-sát, sự kinh-nghiệm ấy. Nhưng các thống-hệ, các giáo-lý đặt ra như thế, sở-dĩ có được giá-trị phần nào thực là nhờ ở sự quan-sát, sự kinh-nghiệm cả. Đến những tư-tưởng phụ-họa thêm vào, cũng là bởi các nhà triết-học, các nhà thần-học nhân sự thực đã nghiên-cứu được về đời bấy giờ mà suy-diễn ra, hoặc qui-nạp lại, có khi không nói ra mà muốn giấu đi, cũng có khi là tự-nhiên không chủ-ý vậy. Ra ngoài cái giới-hạn thực-nghiệm đó, thì các học-thuyết, các giáo-lý là không có bằng-cứ gì cả, thành những ức-thuyết viển-vông, mà đến di-hại cũng có. Vì rằng các học-thuyết cùng giáo-lý ấy đã xướng lên làm tuyệt-đối nhất-định, thì không mấy lâu mà thành ra trở-lực cho sự tiến-hóa vậy. Những cái khuôn mà các tôn-giáo, các triết-học thuần duy-lý đời xưa, đặt ra để khu cả cái thế-giới hình-nhi-thượng hình-nhi-hạ vào đấy, đã làm cho nhân-loại phải khó-nhọc mới phá cho vỡ được, nhiều khi cũng đau-đớn và cũng nguy-hiểm lắm.

Nay muốn biết về phương-diện đó đã tiến-bộ dường nào, nghĩa là biết người đời nay đối với phép khoa-học thế nào, tưởng nên xét qua về cỗi-rễ sự tri-thức của loài người theo khoa-học đời nay thế nào. Đây không nói về khoa số-học, vì số-học tuy là một cái đồ dùng để nghiên-cứu tiện-lợi lắm, nhưng thực không có thực-thể cùng hiện-tượng gì. Vậy chỉ nói về các khoa-học thực-nghiệm mà thôi, là những khoa lấy sự thực kinh-nghiệm làm gốc.

∴

Người ta đối với nhân-loại và đối với vũ-trụ, thuộc về hiện-tượng cũng như thuộc về nguyên-lý, sở-dĩ biết được điều nọ điều kia cho đích-đáng, thì cái nguồn gốc sự tri-thức ấy là ở đâu? Thuộc về quan-niệm, là những sự tri ta tưởng-tượng ra mà không chắc có thực hay không, thì những sự quan-niệm của ta về nguyên-lai và về cứu-cánh của mọi sự mọi vật, cái uyên-nguyên nó ở đâu? Lại những sự tưởng-tượng của ta về hình-nhi-thượng, tức xưa kia gọi là đấng Tuyệt-đích và cõi lai-sinh, mà học-giả đời nay gọi là cái « bất-khả-tri » (*l'inconnaissable*), thì có căn-cứ ở đâu, khởi-điểm tự đâu? — Những phép-tắc chủ-trương cho sự sinh-hoạt về vật-chất và về tinh-thần, của cá-nhân và của xã-hội, có phải là căn-cứ ở cái « bất-khả-tri » đó, ở những sự tưởng-tượng của ta về nguyên-lai và về cứu-cánh của vạn-vật mà đặt ra không? Những phép-tắc ấy há lại không có một cái căn-bản vững-vàng hơn, khiến cho nhân-loại tùy tài tùy sức nương-tựa vào đấy, theo dõi ở đấy mà sinh-hoạt cho phải đường?

Muốn trả lời những câu hỏi ấy, không thể theo những cái thuyết độc-đoán được, — vì khoa-học đời nay không dám quyết-đoán điều gì là nhất định, chỉ nhất-thiết tùy theo ở sự thực kinh-nghiệm được mà hằng ngày thay đổi luôn, — muốn trả lời những câu hỏi ấy thì phải bằng-cứ ở lẽ phải thiên-nhiên và phải biết rõ kết-quả sự nghiên-cứu của ta về sự-vật đáng tin là chừng nào.

Vì khoa-học có hai phương-diện: một là phương-diện thực-nghiệm, phàm đem ra ứng-dụng về vật-chất, về tinh-thần đều phải căn-cứ ở đó; hai là phương-diện lý-tưởng, là gồm những sự hi-vọng, sự tưởng-tượng, sự phỏng-đoán về sau này.

Hai phương-diện ấy có mối liên-lạc với nhau, là cái phương-pháp của khoa-học. Phương-pháp khoa-học là trước nhất phải quan-sát sự-thực, sự-thực thuộc về nội-tâm cũng như sự-thực thuộc về ngoại-giới, quan-sát rồi đem ra thí-nghiệm xem nó phát-hiện ra thế nào, nhân thí-nghiệm mới phát-minh ra được những điều mới lạ. Phương-pháp ấy đem dùng ra các sự-thực về xã-hội, về chính-trị, cũng như các sự-thực về vật-chất, về kỹ-nghệ, cũng là một cả, không có khác gì.

Như vậy thì phàm tri-thức là căn-cứ ở sự-thực cả. Sự-thực đã kinh-nghiệm, thì tri-tuệ đem ra so-sánh, và định cái mối quan-hệ chung việc nọ với việc kia thế nào. Mối quan-hệ ấy tức gọi là luật khoa-học, và phàm mọi sự ứng-dụng của khoa-học thuộc về cá-nhân, thuộc về xã-hội, là đều căn-cứ ở các luật ấy cả.

Nhưng chỉ kinh-nghiệm sự-thực mà đặt thành phép-tắc mà thôi, chưa đủ mãn-nguyện cho chí người ta. Chí người ta có cái khuynh-hướng tự nhiên muốn kết-cấu sự tư-tưởng của mình thành thống-hệ, bởi đó nên thường bằng-cứ ở sự-thực đã kinh-nghiệm rồi, suy-lý rộng ra, tưởng-tượng xa ra, để tập-hợp các điều tri-thức của mình lại cho thành thống hệ, cho có trật-tự. Muốn nghiên-cứu được rộng, phát-minh được nhiều, thì tất phải có tập-hợp, có thống-hệ như thế mới được; vì muốn tìm ra những sự-thực mới, mối quan-hệ mới, thì trước phải tưởng-tượng ra đã, sau mới tìm cách thực-hành ra được. Mỗi người tùy tài-trí của mình, nhân những sự tưởng-tượng ấy mà suy-diễn mãi ra; nhưng nếu là nhà khoa-học chân-chính thì hễ thí-nghiệm thấy sự thực không đúng với sự tưởng-tượng của mình, phải liền bỏ những sự tưởng-tượng ấy đi. Dù thế nào mặc lòng, mỗi người cũng kết-cấu được một cái

vũ-trụ-quan riêng của mình; sự kết-cấu ấy vẫn là căn-cứ ở sự-thực, nhưng càng khuếch-trương ra bao nhiêu, càng xa với sự-thực bao nhiêu, càng không được vững-vàng bấy nhiêu.

Như vậy thì phàm các lý-thuyết, nghĩa là những điều tri-thức của người ta tập-hợp lại cho thành thống-hệ, là đều gốc ở sự-thực, ở những phép-tắc tiêu-biểu cho mối quan-hệ các sự-thực với nhau, ở những sự tưởng-tượng suy-diễn ở các sự-thực và các phép-tắc ấy ra để sắp-đặt cho thành trật-tự vậy. Ấy cái tư-tưởng chung của người đời nay đối với khoa-học như thế, ấy cái ý-kiến của những kẻ học-giả muốn đặt cho khoa-học một cái mục-đích cao-xa, siêu-việt lên trên cõi thực-nghiệm, là như thế.

Như trên kia đã nói, xét lịch-sử các triết-học đời xưa thì biết rằng các triết-học ấy sở-dĩ thành-lập được cũng là không ngoài cái phương-pháp vừa kể đó. Nhưng mà phương-pháp ấy mãi đến gần đây thiên-hạ mới thật là hiểu rõ, thật là công-nhận.

Tôn-giáo cũng vậy. Những cái quan-niệm của tôn-giáo tức là quan-niệm chung của thời-đại đã lập ra các tôn-giáo ấy, pha tạp thêm những sự tưởng-tượng huyền-hoặc, có khi là tự kẻ tư-giáo bịa đặt ra để giúp cho sự chuyên-chế của mình. Các tôn-giáo đời thượng-cổ là thờ những sức mạnh thiên-nhiên trong vũ-trụ tiêu-biểu ra thành các vị thần; các giáo-lý của đạo Cơ-đốc phần nhiều là mượn của phái triết-học Hi-lạp thành *Alexandrie* ngày xưa. Bởi thế nên các tôn-giáo không bao giờ dám đem những chứng-cớ hiển-nhiên mà bày tỏ rõ-ràng cho nhân-loại phán-đoán, và cũng không thể đem ra đương-trường thảo-luận cho phân-minh được. Hễ bàn đến cùng-lý thì tất phải mượn đến thần-quyền, là một mối bất-khả-tri-thức, bất-khả-tư-lượng, can-thiệp vào.

Phương-pháp khoa-học với phương-pháp thần-học, hai đàng là cách-biệt nhau xa, phản-đối nhau hẳn, xem như cách ứng-dụng các phương-pháp ấy ra luân-lý, ra chính-trị thì lại càng đủ rõ vậy.

Phái thần-học thì tự-phụ cho các giáo-lý của mình là tự thần-minh chỉ-thị cho, có một cái giá-trị tuyệt-đối, muốn miễn-cưỡng bắt người ta phải theo trong việc cử-xử riêng của mỗi người cũng như trong cuộc sinh-hoạt chung cả xã-hội, coi như những phép-tắc thiên-niên bất-dịch vậy. Nhà khoa-học thì không thể, biết rằng phàm sự tri-thức của người ta là thuộc về đối-đích cả, không có gì là tuyệt-đích hết, nên phàm đặt phép-tắc cho người ta về luân-lý, về chính-trị, về đạo dưỡng-sinh cũng như về đường công-nghệ, là đặt cho một hiện-thời mà thôi, tức là phép-tắc tạm-thời, tùy sự tiến-hóa về sau này mà mỗi ngày một thay đổi đi, cũng như các đời trước đã từng thay đổi biết bao nhiêu rồi.

Còn đến cái vấn-đề về nguyên-lai, về cứu-cánh của vạn-vật, thì hiện nay còn mập-mờ tối-tăm lắm, chưa thể bằng-cứ ở đó mà định được cái phương-châm cho cuộc đời thế nào. Cứ như ý-kiến riêng của tác-giả thì khoa-học không nên bài-trừ hẳn cái vấn-đề ấy mà không xét đến; khoa-học không nên từ-chối một vấn-đề nào cả, vấn-đề nguyên-lai cũng như vấn-đề tiến-hóa của vạn-vật, vấn-đề nguyên-thủy của loài người cũng như vấn-đề phát-sinh ra sự sống, nghĩa là biến các hóa-chất thành những « viên sống » (*cellules vivantes*). Tuy-nhiên, khoa-học dẫu không dám khước các vấn-đề ấy, nhưng cũng không tự-phụ rằng hiện nay đã giải-quyết được. Khoa-học chỉ dần dần nhân những sự đã biết rồi, khái-niệm đến những sự còn chưa biết, mong rằng tương-lai hoặc có ngày giải-quyết được phần nào

chăng, nhưng cũng biết rằng những sự khái-niệm ấy, càng khuếch-trương ra bao nhiêu thì càng vô-bằng-cứ bấy nhiêu, vì những hiện-tượng và những phép-tắc đó là phiền-phức vô-cùng và xa cách với sự quan-cảm của ta cả.

Nói tóm lại, khoa-học tuy không hề hạn-chế cái sức biết của người ta, nhưng cũng không hề tự-phụ đã khám-phá được cái bí-quyết của sự-vật, như phái thần-học kia, cho là mình đã đạt được cùng-lý sự-vật, nhưng xét cho kỹ phàm sự quan-niệm của họ rút lại là những sự tưởng-tượng viển-vông, mà cũng không thoát khỏi cái phạm-vi nhân-loại vậy. Nói là phá được bí-quyết, đạt được cùng-lý, chẳng qua là dùng những danh-từ khoa-đại để mà trang-sức cho những sự tin-tưởng mơ-hồ vậy. Khi các nhà triết-học muốn đem ra sát-hạch cho kỹ, bỏ hết những cái tạp-chất mơ-tưởng huyền-hoặc, thì kết-quả chỉ còn lại có một cái lý-tưởng thuần-túy, nghĩa là một cái khuôn của thần-trí người ta dựng ra, mà trong khuôn ấy không có sự-thực gì cả.

Đặc-tính của khoa-học đời nay là phàm những sự tưởng-tượng mà kết-cấu ra, tuyệt-nhiên không dám tuyên-bố cho là có cái tính-cách xác-thực gì cả. Tuy đối với các vấn-đề về cỗi-rễ sự-thực, khoa-học không dám khước đi không xét đến, tuy các vấn-đề ấy thực cũng là nhờ tài-liệu của khoa-học mới có thể nghiên-cứu được ít nhiều, nhưng khoa-học cũng không dám quyết-đoán gì cả; khoa-học cho rằng những vấn-đề xa-xôi ấy, còn là thuộc về thời-kỳ tưởng-tượng, chưa có gì là chắc bằng cả, không thể căn-cứ ở đó mà định phép-tắc cho sự làm ăn hay cho cách ăn ở của người ta được. Cứ thực ra thì người ta hành-động ở đời không có bao giờ là theo những phép-tắc tuyệt-đích, vì đã biết rằng những phép-tắc ấy là những sự tưởng-tượng cả, mà căn-bản nó là bao giờ cũng ở những sự-thực có thể trực-tiếp quan-sát được rồi. Muốn nhân những phép-tắc tuyệt-đích mà suy-diễn ra được đủ mọi sự mọi vật, là một sự mơ-tưởng: bằng-cứ ở sự tuyệt-đích là bằng-cứ ở cái hư-không vậy.

. . .

Như vậy thì thuộc về những điều khoa-học không hề quyết-đoán bao giờ, những sự hi-vọng mà khoa-học không từng chủ-trương bao giờ, dẫu người đời có chưa lấy làm mãn-nguyện, cũng không thể trách ở khoa-học được, không thể cho là khoa-học thất bại được. Những điều quả-quyết, những sự hi-vọng ấy, có sai với sự thực, là lỗi tại tôn-giáo, tôn-giáo phải chịu trách-nhiệm, chứ không đổ tội cho khoa-học được. Những điều đạo-đức của tôn-giáo dạy cho người ta, chúng ta vẫn tôn-trọng lắm; vả tôn-giáo xướng lên những điều ấy, cũng là do ở khoa-học chứ không phải ở đâu xa, nghĩa là cũng phải nghiên-cứu ở tâm-tính người ta mới phát-minh ra được. Nhưng còn những sự tin-tưởng quá cũ, không thích-hợp với sự-thực, hoặc là thuộc về luân-lý, hoặc là thuộc về lịch-sử, mà các tôn-giáo cứ cưỡng-bách cho ta phải theo mãi, thì ta không thể nào theo được, không thể nào thành-tâm mà tôn-kính được.

Khoa-học không có hề chủ-trương cái thuyết sáng-tạo bao giờ, không có mơ-hồ không biết gì về vũ-trụ cả mà dám xướng lên rằng có một đấng mầu-nhiệm chế-tạo ra mặt trời mặt trăng thế nào; khoa-học không hề dạy rằng rồi có một ngày vạn-vật sẽ bị tiêu-diệt hết, mà lại tưởng-tượng cả ra cái cách tiêu-diệt thế nào nữa; khoa-học không hề bắt cả vũ-trụ tùy thuộc về một cái mảnh địa-cầu cỏn-con của ta này, và không hề dự-đoán rằng đến kỳ thẩm-phán

sau cùng, cả vũ trụ sẽ tiêu-trầm đi hết cả, hoặc giáng xuống địa-ngục Ai-cập, hoặc thăng lên thiên-đường Ba-tư, cùng với những giống thiên-thần địa-quỉ toàn là những truyện mơ-hồ hỗn-độn tự hai nghìn năm tới giờ. Các giáo-lý của tôn-giáo không hề giúp cho người ta phát-minh được một cái chân-lý gì thực ích-lợi cho loài người hay là sửa-đổi được cách sinh-hoạt của loài người cho được tiện-lợi thêm lên. Không phải là tôn-giáo đã phát-minh hay đã chế-tạo ra được nghề in sách, kính hiển-vi, kính thiên-lý, điện-báo, điện-thoại, phép chụp ảnh, các chất nhuộm, các dược-liệu, hơi nước, hỏa-xa, phép hàng-hải, phép vệ-sinh. Không phải là tôn-giáo đã thắng-đoạt được các sức mạnh thiên-nhiên để lợi-dụng cho người ta. Cũng không phải là các giáo-lý của tôn-giáo đã tạo-thành ra cái lòng ái-quốc, lòng danh-dự, bãi bỏ được cái tục khảo-tấn, tục mãi-nô, tuyên-bố được cái chủ-nghĩa tôn-trọng sinh-mệnh của loài người, chủ-nghĩa khoan-dung đại-độ, bình-đẳng tự-do, cùng phát-minh được cái lẽ liên-lạc trong nhân loại.

Nhưng tác-giả không muốn thuật lại đây những công-ơn của khoa-học đối với loài người : nhiều người đã nói đi nói lại nhiều lần rồi. Tác-giả chỉ muốn bàn về vấn-đề khoa-học và luân-lý quan-hệ với nhau thế nào, và muốn chứng-giải rằng luân-lý cũng là căn-cứ ở khoa-học mà thôi, và tự xưa đến giờ, từ nay về sau, phàm sự tiến-bộ về luân-lý, thuộc về cá-nhân cũng như thuộc về xã-hội, là thường-thường đối-chiếu với sự tiến-bộ của khoa-học cả.

Về phạm-vi luân-lý, cũng như về các phạm-vi khác, các tôn-giáo sở-dĩ muốn chiếm lấy độc-quyền, cũng là bởi một sự mơ-tưởng mà ra, mơ-tưởng rằng những giáo-lý của mình là những chân-lý tuyệt-đích, phép-tắc tuyệt-luân cả, không biết rằng khởi-điểm cũng là từ cái bản-năng của loài người cùng những điều tri-thức của khoa-học vậy.

. . .

Sự tri-thức của loài người chỉ có một phương-pháp không có hai, là quan-sát sự-thực ; nhưng mà cái nguồn gốc nó thì có hai, một là thuộc về nội-tâm, hai là thuộc về ngoại-giới.

Ngoại-giới là nhờ sự cảm-giác mà ta biết được, sự cảm-giác chính là khởi-điểm của các khoa-học về vật-lý, về thiên-nhiên, về lịch-sử. Sự cảm-giác tỏ cho ta biết rằng cá-nhân đối với nhân-loại bé nhỏ là dường nào, và tự-cổ-dĩ-lai cá-nhân vẫn phải tùy-thuộc với nhân-loại ; lại tỏ cho ta biết rằng nhân-loại đối với toàn-thể vũ-trụ bé nhỏ là dường nào, và tự-cổ-dĩ-lai vẫn phải tùy-thuộc với vũ-trụ. Xét về phương-diện ấy thì phàm luân-lý là phải dạy cho người ta biết phục-tòng các luật-pháp thiên-nhiên của vũ-trụ ; tôn-giáo cũng dạy thế, vì tôn-giáo cũng thường đem người ta so-sánh với thần-minh, cho biết cái thân-phận hèn-mọn là dường nào. Điều đó thì tôn-giáo với khoa-học cũng giống nhau, vì là thuộc về khách-quan cả.

Nhưng đến nội-giới, nghĩa là trong cõi tâm-tính, thì người ta chỉ có một mình, mình đối với mình mà thôi : tâm-tư của mình, ý-kiến của mình, tức là thước đo sự-vật vậy. Sự-vật ta có cảm-giác, ta có biết đến, thì sự-vật mới có ; thành ra sự-vật có là chỉ bởi trí-tuệ ta, ở trong trí-tuệ ta mà thôi. Nghĩa là nội-giới là thuần thuộc về chủ-quan cả.

Ấy hai cái nguồn tri-thức của ta, không phải là phản-đối, nhưng là sai-biệt với nhau như thế.

Nay hai cái nguồn nội-giới ngoại-giới của thực-học cũng lại là hai cái

nguồn của luân-lý nữa. Đó là điều cốt-yếu trong cuộc tranh-luận của phái thần-bí với phái khoa-học từ xưa đến nay.

Luân-lý cũng như khoa-học, không phải là tự thần-minh chỉ-thị cho loài người: luân-lý không phải là phát-khởi tự tôn-giáo ra. Phép-tắc của luân-lý là do sự quan-niệm trong nội-tâm và sự quan-sát ở ngoại-giới mà dựng đặt ra. Trong các tôn-giáo, tôn-giáo nào có giá-trị nhất là phần nhiều nhờ ở một cái luân-lý không phải tự mình tạo-thành ra cả. Nhưng mà bởi một cách chuyển-biến kể cũng không lấy gì làm lạ, vì là một lối lý-luận thường nghiệm thấy luôn-luôn, các tôn-giáo bèn nhân ở luân-lý suy-diễn ra mà đặt thành những cái biểu-hiệu riêng, tôn lên gọi là thần là thánh, rồi tặng cho cái phép mầu tạo-thành được luân-lý, không nhớ rằng những cái biểu-hiệu ấy hay là những vị thần ấy chính là nhờ ở luân-lý mà tưởng-tượng ra vậy.

Nay xét thẳng ngay vào giữa vấn-đề mà bắt đầu tự các quan-niệm thuộc về nội-giới. Người đời nay, ở trong bản-tâm đã có cái quan-niệm tự-nhiên về điều thiện điều ác, và cái quan-niệm rất thâm-thiết về nghĩa-vụ, tức là cái « tuyệt-đối mệnh-lệnh » (*impératif catégorique*) của ông KANT vậy. Nghĩa-vụ lại là phải đối với ai mà nói, hoặc là mình đối với bản-thân mình, hoặc đối với kẻ khác, tức là trong cái quan-niệm nghĩa-vụ đã hàm có cái quan-niệm nhân-loại liên-lạc rồi. Đó toàn là những sự-thực cốt-yếu trong tâm-tính người ta, không có quan-hệ gì với mọi sự tưởng-tượng về thuần-lý hay về thần-bí cả. Những sự-thực về tâm-tính ấy, dù giải nghĩa cái nguyên-do nó thế nào mặc lòng, cũng không thay đổi được tính-cách nó, vẫn là những sự-thực đã kinh-nghiệm hiển-nhiên: hai cách kiến-giải về luân-lý không có mà cũng không thể phản-trái nhau được.

Vậy nay xét đến phương-diện thứ hai. Những quan-niệm thuộc về ngoại-giới, nghĩa là thuộc về lịch-sử và về các khoa-học tự-nhiên, như nhân-loại-học, động-vật-học, sinh-lý-học, tâm-lý-học về các giống vật và về loài người, thời kiến-giải luân-lý ra một cách khác hẳn, vì bày tỏ cái nguyên-lai của nó tự trong bản-năng của loài người và cái lịch-sử tiến-hóa từ xưa đến nay thế nào. Loài người chẳng qua là một giống trong muôn giống động-vật ở thành xã-hội. Nay xét các giống động-vật, hễ trình-độ tiến-hóa càng cao, thời đã thấy cái mầm luân-lý xuất-hiện ra càng rõ. Không kể các giống thấp hơn nữa, kể ngay giống muông, giống thú, đã thấy tiềm-tiệm manh-nha ra cái chế-độ gia-tộc rồi, duyên-do tự cái bản-năng bảo-tồn chủng-loại mà ra. Cái mầm gia-tộc là liền với tình mẹ con, và có khi cả tình cha con nữa, tình ấy ở nhiều giống muông thú đã phát-đạt lắm.

Những giống có cái bản-năng hợp-quần đã mạnh, thời không những có tình gia-tộc, mà lại có cái nghĩa liên-lạc, nghĩa đoàn-thể, mỗi cá-thể biết tận-tụy với đoàn-thể, có khi đến hi-sinh cả sinh-mệnh của mình đi vậy. Nghiên-cứu về các dân-tộc hãy còn mọi-rợ, thời thấy cái luân-lý ấu-trĩ của các dân-tộc ấy hãy còn tương-tự với luân-lý của các giống vật biết hợp-quần, thường lại còn kém nhiều giống vật nữa cũng có; về phương-diện ấy thì các cái bản-năng xã-hội ở loài người cũng như ở loài vật, giống nọ với giống kia cách xa nhau nhiều lắm. Nhưng mà cái gốc chung của nó cũng là một, đã từng quan-sát mà chứng rõ như thế.

Như vậy thời những cái bản-năng xã-hội, những mối cảm-tình cùng nghĩa-vụ nhân đó mà ra, không phải là riêng cho một loài người mà thôi, cũng không phải là bởi thần-quyền nào ở ngoài khai-đạo cho hay là chỉ-thị cho vậy.

Nó là liền với não-chất và sinh-lý của loài người, não-chất cùng sinh-lý ấy dẫu có cao hơn các giống vật, nhưng cũng là đồng-thể với các giống vật, sở-dĩ được cao hơn là nhờ trí-tuệ của loài người đời đời mở-mang phát-đạt ra vậy. Những cái bản-năng ấy đời nọ sang đời kia đoàn-luyện di-truyền mãi, tức là căn-bản của luân-lý và là khởi-điểm của các xã-hội văn-minh vậy.

Các xã-hội càng ngày càng tiến-hóa lên, sự tri-thức càng ngày càng rộng thêm ra, thì người ta càng biết rằng nhiều cái nghĩa-vụ, nhiều cái phép-tắc luân-lý là có ích-lợi cho xã-hội, nhân đó các bậc cầm quyền xã-hội, nhà lập-pháp, nhà tư-giáo, bèn đặt thành phép cưỡng-bách. Nhưng nhân vì đời bấy giờ trí người ta hãy còn quẩn-quanh ở trong vòng thần-bí, nên các phép-tắc đó vốn là kết-quả của khoa-học suy-diễn ra, mà đến khi xướng lên vẫn không khỏi liền-lẫn hỗn-tạp với những phép-tắc hão-huyền vô-bằng-cứ của thần-quyền. Sự đạo-đức chân-chính, cũng như những thói dã-man dâm-tà đời xưa, như thói hi-sinh người ta để tế thần, hay thói hối-dâm đàn bà để mị-thần, toàn là những thói mê-tín bỉ-ối, đều là giả danh thần-thánh mà bắt người ta phải làm cả.

Xét lịch-sử các tôn-giáo thành-lập tiến-hóa trong nhân-loại tự bảy nghìn năm đến giờ thì thấy luân-lý và thần-bí không có cái mối quan-hệ gì tất-nhiên với nhau cả; tự các tôn-giáo của Ai-cập, của Ba-tỉ-luân (*Babylone*), của Do-thái, cho đến đạo Cơ-đốc về đời La-mã đế-quốc, và đạo Cơ-đốc từ đời trung-cổ cho đến cận-đại, cũng không từng thấy hai đàng tất-nhiên có liên-lạc gì với nhau cả. Dân-tộc cũng như cá-nhân, có khi lòng tôn-giáo thịnh thì lòng đạo-đức suy cũng thường thấy vậy. Không xét các dân-tộc ở ngoài Âu-châu, xét ngay trong cõi Âu-châu, cứ nghiệm những dân mê-tín ngoan-đạo về nam-bộ Tây-ban-nha hay Ý-đại-lợi, hay cứ nghiên-cứu lịch-sử những nhà thần-học về đạo Hồi hay đạo Cơ-đốc đã làm sách về lòng yêu chúa lạ-lùng là dường nào, thì đủ biết vậy. Nói tóm lại, lịch-sử chứng rằng luân-lý trong thiên-hạ là uyên-nguyên tự khoa-học mà ra, còn các tôn-giáo thì thường y-ỷ vào luân-lý làm nơi căn-cứ để khuếch-trương thế-lực. Nhưng về phương-diện lịch-sử cũng như về phương-diện tinh-thần, luân-lý tuyệt-nhiên không phải là kết-quả của tôn-giáo: chỉ vì sự huyễn-tưởng chuyển-biến nguyên-nhân làm kết-quả, kết-quả làm nguyên-nhân, mới thành ra ngộ-nhận như thế mà thôi.

Nguồn luân-lý là ở tự người ta; tự người ta đời đời phát-siển nghiên-cứu cái quan-niệm về nghĩa-vụ, cái cảm-tình về nhân-loại, nên mới dựng thành ra luân-lý, thế mà thường muốn tiêu-biểu nó ra cho trọng-thể, lại cứ quy-công cả cho thần-quyền. Tự mình dựng ra luân-lý, mà lại cứ cho là thần-minh giáng-thị cho mới biết. Ấy bởi cái thói quen của người ta cứ đem luân-lý mà tiêu-biểu ra tôn-giáo như thế, nên mới thành ra đời nọ sang đời kia, nước này sang nước khác, mâu-thuẫn phản-trái nhau, mới có câu cách-ngôn lạ-lùng rằng: « Bên này núi là phải, bên kia núi là trái » (*Vérité en deçà des Pyrénées, erreur au delà*); nhưng mà câu lạ-lùng ấy không phải nói về khoa-học, chỉ là nói về tôn-giáo, về luân-lý lệ-thuộc với tôn-giáo mà thôi. Vì rằng nhân-sự ngộ-nhận về nguồn gốc của luân-lý đó, thành ra trở-ngại cho luân-lý không tiến-hóa lên được, tự khi sáp-nhập vào với tôn-giáo nào thì hình như bị giam-cầm vào trong vòng khuôn của tôn-giáo ấy, kết-tinh lại, ngưng-trệ lại, không thay đổi được nữa. Cũng bởi đó nên mới thành ra cái tính hẹp-hòi, không dung các đạo

khác với đạo mình, vì đã tin rằng đạo mình là tuyệt-đối rồi, thì muốn cấm cả kẻ khác không được quyền dị-nghị nữa, sợ chuyển-di mất cái lòng tín-ngưỡng của mình đi. Lại cũng bởi thế nên cái quan-niệm rất cao-thượng về tình liên-lạc của loài người, trong bao lâu đã bị cái quan-niệm về lòng từ-thiện của đạo Cơ-đốc nó trở-át đi, không phát-đạt lên được; lòng từ-thiện của đạo Cơ-đốc cũng là hay lắm, cũng là quí lắm, cũng là cảm-động lắm, nhưng sánh với nghĩa liên-lạc cả loài người thì còn là cái trình-độ thấp kém vậy.

Như tôn-giáo dạy cho người ta phải nhẫn-nhục mà chịu khổ, cả đời Trung-cổ cùng các thời-đại sau cứ yên theo như thế, thành ra làm cho đình-đốn cả mọi sự cải-lương tiến-bộ về xã-hội, bất kể bình-dân thế nào cũng cứ phải an-phận, không có quyền được thay đổi thân-phận của mình cho được hay được tốt thêm lên. Cái công-nghiệp lớn-lao của cuộc Đại-cách-mệnh nước Pháp là xướng lên một cái luân-lý mới về xã-hội, hiện nhân-loại đương được hưởng cái kết-quả tốt và sau này còn được hưởng nhiều nữa. Công-nghiệp ấy không phải là tự-nhiên mà làm thành được, phàm sự tiến-bộ xưa nay vẫn là phải gian-nan nguy-hiểm mới thành được, thường bị một bên thì phải thủ-cựu cố-chấp, một bên thì phải cấp-tiến bạo-động.

. .

Xem đó thì biết luân-lý xưa bị hỗn-hợp với tôn-giáo, đến thời-đại các nhà triết-học Hi-lạp La-mã đã phân-biệt ra hai đàng, về thời-đại Trung-cổ lại hỗn-hợp làm một, cho mãi đến ngày nay mới thật là được độc-lập. Luân-lý là tự khoa-học mà ra, luân-lý ngày nay cũng như khoa-học, ở trong đoàn-thể quốc-gia, đã được biệt-lập hẳn đối với tôn-giáo. Điều đó nên chú-ý và nên bàn kỹ. Không phải là ngày nay cần phải đặt ra một nền luân-lý mới, để rồi cưỡng-bách cho người ta phải theo đâu; ta nói luân-lý đây là cái luân-lý thông-thường của mọi người lương-thiện, là cái luân-lý dạy người ta điều nghĩa-vụ, điều đạo-đức, điều danh-dự, dạy người ta biết hi-sinh cho việc nghĩa, biết yêu-mến tổ-quốc nhà, biết quyến-luyến kẻ đồng-loại, biết rằng suốt cả nhân-loại là có liên-lạc với nhau hết cả. Những điều cốt-yếu trong luân-lý ấy đã biên chép vào pháp-luật, ngày nay cứ tuần-tự suy-diễn ra cho nhân-loại được nhờ cái ơn-huệ sâu-xa vậy. Nhiều người nóng-nảy cho rằng cái luân-lý ấy chưa bành-trướng được đủ mau, nhưng ta chỉ cần cho tuần-tự phát-đạt được mãi mãi là hay hơn.

Luân-lý này không thuộc về một cái thống-hệ tuyệt-đích nào, không thiên về cái chủ-nghĩa duy-kỷ khốc-hại kia, cho rằng cuộc đời là một cuộc cạnh-tranh, mạnh được yếu thua, không có nhân-nghĩa gì cả, cũng không thiên về chủ-nghĩa khổ-hạnh quá-đáng, muốn vì một vị thần riêng chinh-phục cả thế-giới, hay là muốn đem những cách tu-hành khốn-nạn, hại cho thân mình mà không ích gì cho kẻ khác, để mong cho đến cõi lai-sinh được cái hạnh-phúc vô-hạn.

Luân-lý đời nay có một cái ý-nghĩa quảng-đại bao-quát hơn nhiều. Cũng có trình-độ cao thấp, tùy tài-trí người ta; cách thi-hành cũng có khéo vụng khác nhau, tùy cái tâm-lý của mỗi cá-nhân, mỗi dân-tộc. Nhưng rút lại luân-lý đời nay cũng như luân-lý đời xưa, là đương-đối với cái trình-độ học-thức của loài người, có chỗ cao có chỗ thấp, có kẻ kém có người hơn, tùy địa-phương, tùy nhân-cách vậy. Bởi vậy nên luân-lý không phải là nhất-định ở trong một quyển sách

thánh-thư nào ; luân-lý cũng phải tùy theo sự phát-minh của các khoa sinh-lý, tâm-lý, xã-hội mà ngày ngày thay đổi dần đi. Luân-lý cũng như khoa-học: khoa-học thì có khoa-học thực-nghiệm và khoa-học lý-tưởng, khoa-học lý-tưởng cũng là do ở khoa-học thực-nghiệm khuếch-trương ra, nhưng mà thường lại đi trước để hướng-đạo cho khoa-học thực-nghiệm; luân-lý cũng vậy, có luân-lý thực-tiễn, và luân-lý lý-tưởng, luân-lý lý-tưởng cũng là do ở luân-lý thực-tiễn mà khuếch-trương ra, nhưng thường lại đi trước để làm tiên-phong cho luân-lý hiện-tại, mà mở đường cho luân-lý tương-lai vậy. Luân-lý lý-tưởng của các nhà triết-học Hi-lạp đời xưa, tức là thế; đạo Cơ đốc chẳng qua cũng là mượn phép-tắc của luân-lý ấy mà làm biến-tính đi mà thôi. Lại luân-lý lý-tưởng của phái triết-học nước Pháp về thế-kỷ thứ 18, nhờ cuộc Đại-cách-mệnh Pháp tuyên-truyền cái chủ-nghĩa bình-đẳng ra khắp thế-giới, cũng tức là thế. Mà cho đến luân-lý lý-tưởng của các nhà tư-tưởng đời nay, muốn xướng lên những chủ-nghĩa đại-đồng bác-ái, để làm cơ-sở cho thế-giới sau này, cũng tức là thế.

* *

Cái tư-tưởng, cái quan-niệm về luân-lý đời nay như thế, xem ra mỗi ngày một bành-trướng, tuy chưa được có thế-lực vững-vàng như khoa-học, là bởi xưa nay việc giáo-dục trong xã-hội vẫn bị quyền tôn-giáo lung-lạc mãi chưa thoát được hẳn. Từ xưa cho mãi đến thời-đại nay, phàm việc giáo-dục trong dân-gian, dạy cho người ta biết làm người cho phải đạo, là căn-cứ ở tôn-giáo, ỷ-ngưỡng vào thần-quyền cả, chứ không hề lấy những điều xác-thực kinh-nghiệm được, thuộc về nội-tâm, thuộc về ngoại-giới làm căn-bản. Bởi thế nên những người có chí đời nay muốn cải-lương lại việc giáo-dục trong dân-gian, thường chú-ý nhất về điều đó, vì những sự mê-tín từ đời thượng-cổ đến giờ đã giam-hãm cho trí-tuệ người ta không vẫy-vùng lên được, cũng là nhờ đó mới di-truyền mãi được. Ngạn-ngữ nói : cha ăn của chua, con ghê răng, là nghĩa thế. Nhưng ta đừng tưởng lầm rằng ngày nay đã bài-trừ được hết những cái giáo-lý vô-bằng-cứ đi rồi, thì trong phép giáo-dục, cũng phải giữ lấy mấy điều cốt-cách xưa, không khỏi còn phảng-phất cái khí-vị tôn-giáo, chưa thể nào thoát hẳn cho được. Ta không phải là không biết rằng người ta về phương-diện luân-lý cũng như về phương-diện tri-thức, hễ không biết tín-ngưỡng ở cái gì, trong lòng hoài-nghi, thì lấy làm bâng-khuâng khó chịu; nhưng cũng chớ có nghĩ lầm rằng nếu tôn-giáo với thần-quyền bị suy-sút đi, thì nhân-loại thành ra hoang-toàng bậy-bạ cả đâu. Nhà thi-nhân La-mã ngày xưa đã có thơ giễu những kẻ sợ-hãi viển-vông như thế. Ngày nay về đường luân-lý cũng như về đường tri-thức, cần phải phát-minh là phát-minh những lẽ đích-thực, do sự kinh-nghiệm về nội-tâm về ngoại-giới mà tìm ra được; ta phải bằng-cứ ở những lẽ đích-thực ấy mà định cái phương-châm cư-xử của ta ở đời, còn ngoại-giả cao hơn nữa, muốn tưởng-tượng ra những lẽ siêu-việt thế nào mặc lòng. Người ta ai cũng có quyền tưởng-tượng như thế, nhưng mà không được đem những sự tưởng-tượng ấy mà truyền dạy cho người đời, muốn cho ai ai cũng phải theo như mình vậy.

Cứ làm như thế thì sẽ gây ra được một cái phương-pháp giáo-dục mới; phương-pháp ấy hiện nay đã thấy mỗi ngày một rõ-rệt ra, và thực là chủ-trương cho các xã-hội đời nay; nhưng muốn cho kết-quả hoàn-toàn, thì phải thi-hành ngay từ thuở nhỏ để cho người ta tập quen mà biết dùng.

Tự thượng-cổ đến giờ, cho mãi đến mấy chục năm gần đây, thiên-hạ dạy kẻ đồng-ấu chỉ toàn bằng những chuyện thần-tiên ma-quỉ, khiến cho suốt đời người, những cái hình-ảnh phất-phơ ấy làm cho ám-muội cả thần-trí người ta. Ngày nay thì những nhà có học-thức đã bài-trừ hết cả những câu chuyện viển-vông quái-dị ấy đi rồi. Trong thần-trí người đời nay không còn phảng-phất những chuyện thần-tiên ma-quả, ba bị chín quai gì nữa, mà cái trình-độ luân-lý có phải vì đó mà kém-sút đi đâu. Đến ngày những cái thuyết thần-bí không truyền dạy ra nữa, thì cũng vậy, không khác gì.

Hễ những cái hình-ảnh phất-phơ ấy không in vào trong óc người ta từ thủa trẻ nữa, thời người ta sẽ bỏ được thói quen phàm sự gì càng không biết lại càng hay cả quyết vậy. Nếu bỏ được như thế cũng không có tổn-hại gì cho tâm-tư trí-lực mình cả ; mà lại giảm bớt được nhiều điều mâu-thuẫn làm ngăn-trở cho các xã-hội ta. Thế-lực của luân-lý mới càng bành-trướng ra bao nhiêu, thời xã-hội cũng như cá-nhân, sẽ tiêm-nhiễm sâu lấy cái tình-nghĩa liên-lạc, là một mối thâm-trầm phát-sinh tự trong bản-năng của loài người vậy.

Đến bấy giờ thời các chế-độ của ta sẽ thoát được khỏi cái lòng ngoan-mê của phái thần-quyền, cái chính ích-kỷ của bọn chuyên-chế, cái mưu quỉ-quyệt của kẻ chính-khách, thường phải siểm-mị công-chúng đã bầu-cử cho mình ra ; không phải bấy nhiêu mối ác nó chủ-trương, nó chi-phối nữa, sẽ biết lấy những lẽ đích-thực của các khoa-học tự-nhiên và khoa-học xã-hội đã phát-minh ra mà làm căn-bản. Tương-lai này, về chính-trị cũng như về công-nghệ, rồi tất ai cũng hiểu rằng có phép-tắc nhất-định, do kinh-nghiệm mà biết được, nếu một dân-tộc nào hay nhà công-nghệ nào mơ-hồ không biết mà làm sai, thì tất nguy-hiểm thất-bại. Các phép-tắc ấy đã biến-đổi phép ngoại-giao đi nhiều, khiến cho liệt-quốc hiểu rằng sự chiến-tranh không những hại cho bên thua mà hại cả cho bên được, lại nuôi cái lòng ác-cảm nhau, di-truyền mãi mãi, trở-ngại cho sự tiến-hóa chung. Về ngoại-giao đã thế, về nội-chính tuy còn trắc-trở nhiều, nhưng rồi cũng sẽ được thế,

Hằng ngày ta trông thấy khoa-học ứng-dụng ra công-nghệ làm cho các nước phú-cường là dường nào ; cứ so-sánh ngay tình-trạng Âu-châu ngày nay với Âu-châu về thế-kỷ trước thì đủ biết. Khoa-học ứng-dụng ra phép vệ-sinh, phép trị bệnh, làm cho bớt được sự đau-khổ của loài người và tăng được cái kỳ-hạn đời người thêm lên. Xét lịch-sử thế-kỷ hiện nay, thời lại biết rằng nhờ những tư-tưởng mới ấy, dẫu đến thân-phận kẻ bần-cùng đời nay cũng được hơn đời trước nhiều. Vẫn biết rằng đối với luân-lý hoàn-toàn, thì hãy còn xa lắm thật, nhưng đó là cái đích mà ta phải mỗi ngày bước lên cho tới dần. Ấy phép khoa-học có kết-quả hay như thế, hay về dường luân-lý cũng như hay về dường vật-chất, mà kết-quả ấy mỗi ngày một bành-trướng ra, không gì ngăn-trở được. Bởi thế nên khoa-học mà được toàn-thắng thì người ta sẽ được tới cực-phẩm hạnh-phúc, cực-phẩm đạo-đức vậy.

HỒNG-NHÂN *dịch*.

VĂN-MINH NƯỚC MĨ

Ý-KIẾN MỘT NHÀ LÀM SÁCH ANH

Hiện nay Cựu-thế-giới thường để ý quan-sát đến Tân-thế-giới, không phải là một sự hiếu-kỳ mà thôi. Kể ra cái cảnh-tượng một nước rất thịnh-vượng, rất phú cường, càng ngày càng thêm mạnh, càng ngày càng thêm giàu, bày hiển-nhiên ra trước mắt cho thiên-hạ xem, cũng đủ giục cái lòng hiếu-kỳ của khách thế-giới thật. Nhưng mà các nhà quan-sát Âu-châu chú-ý xét về Mĩ-châu, không phải là xét một cái cảnh hiện-tại mà thôi: lại còn muốn nhân đó mà dự-đoán về tương-lai nữa. Vì thế-giới ngày nay càng ngày càng biến theo lối Mĩ, và xét văn-minh nước Mĩ có thể biết được cái đường lối của các nước ngày nay vì lẽ vật-chất bắt-buộc không thể không theo được, tức là biết cái phương-hướng chung của sự sinh-hoạt trong thiên-hạ vì tình-thế khiến nên vậy. Vậy xét trong các đặc-tính của văn-minh nước Mĩ điều gì hay điều gì dở, tức là xét điều hay điều dở của cả văn-minh thế-giới đời nay, theo như cái phương-hướng đã xuất-hiện ra từ bây giờ và chắc sau này cũng cứ đi một đường như thế vậy.

Gần đây có một nhà tư-tưởng lỗi-lạc về phái tân-tiến ở nước Anh, ông ALDOUS HUXLEY, là cháu gọi bằng ông của nhà sinh-lý-học trứ-danh HUXLEY (Tàu dịch là Hách-tư-lê 赫胥黎) thuở trước, có làm một bài đại-luận đề là «Khái-luận và văn-hóa nước Mĩ» (*The outlook for american culture*), đăng ở tạp-chí *Harpers Magazine*, chính đúng về phương-diện đó mà bình-phẩm văn-minh nước Mĩ. Bài luận ấy căn-cứ ở cái hiện-tượng đặc-biệt của thời-đại nay, là cái cơ-giới chủ-nghĩa đương toàn-thắng. Chủ-nghĩa này bành-trướng ở nước Mĩ đương dữ lắm, luận-giả bèn quan-sát những sự kết-quả hay dở của nó thế nào, vì không đâu kết-quả ấy rõ-rệt bằng ở Mĩ.

. .

Kết-quả hay của cơ-giới chủ-nghĩa thì ai cũng đã biết rồi, không cần phải nói dài nữa. Nhờ cơ-giới chủ-nghĩa, kẻ công-nhân ngày nay vừa được công cao, vừa ít giờ làm, lại vừa khỏi được công-việc nặng-nhọc. Nhờ cơ-giới chủ-nghĩa, người bình-dân ngày nay được nhiều thì giờ nhân-hạ hơn ông cha thuở trước; cách sinh-hoạt của bản-thân và của gia-đình, có cái vẻ phong-lưu hơn trước nhiều. Sự nhân-hạ, sự phong-lưu ấy, trực-tiếp đã là hay, mà gián-tiếp lại hay hơn nữa, vì nhờ đó mà người ta có thể tăng cao cái trình-độ học-thức lên, tăng cao cả cái trình-độ nhân-sinh lên nữa. Sự du-lịch ngày nay, nhờ được cách giao-thông vừa mau vừa tiện lại vừa rẻ tiền, không phải là cái đặc-quyền của bọn phú-quí nữa. Thời-đại này không phải là thời-đại phần nhiều người ta sinh ở chỗ nào chết ở chỗ ấy, chung-thân không ra khỏi chốn quê-hương. Người đời xưa cho vũ-trụ là gồm cả trong cái hoàn-cảnh sinh-hoạt của mình mà thôi, ngoài ra là đất hoang cõi lạ cả. Ngày nay đến người nghèo cũng thường đi chỗ nọ sang chỗ kia luôn; người giàu thì du-lịch khắp các châu cũng được. Trí-não thêm được cảm-giác ở ngoài, lại càng tinh mạnh hơn lên; cái nhỡn-giới của người ta càng to rộng mãi ra. Cơ-giới chủ-nghĩa làm cho cách giao-thông tiện-lợi, thật là khiến cho đại-đa-số người ta đều có thể mở-

mang tri-thức mà hưởng cái ơn giáo-dục dồi-dào. Sự tiến-bộ ấy không đâu là rõ-rệt bằng ở nước Mĩ. Cơ-giới chủ-nghĩa lại làm cho nghề ấn-loát phát-đạt lạ-lùng, nhờ đó mà tin-tức cùng tư-tưởng truyền-bá ra rộng rãi vô-cùng. Những kỳ-công kiệt-tác của mĩ-thuật, nhờ có cách phiên-tả ra vừa tiện vừa rẻ, ai ai cũng có thể mua được. Âm-nhạc thì đã có máy lưu-thanh truyền ra đúng như hệt; không những âm-nhạc, phàm các thanh-âm gì ngày nay cũng có phép truyền đi khắp các châu được, tự bài diễn-thuyết của nhà chính-trị, đến cuộc hòa-nhạc, cuộc khiêu-vũ của một kịch-viện nào, hay bài giảng-đạo ở nhà thờ nào, tức-thì cả thế-giới có thể nghe được hết.

Nhưng hay thì hay thế mà cái dở không phải là không có. Ngạn-ngữ tây có câu rằng: cái mền-đay nào cũng có mặt phải mặt trái. Ta đã xem mặt phải rực-rỡ như thế, ta thử xét mặt trái bây giờ thế nào. Nhờ cơ-giới chủ-nghĩa người ta được nhàn-hạ hơn xưa, nhưng cái thời-giờ nhàn-hạ ấy thiên-hạ dùng để làm gì? Người đời nay được cảm-giác nhiều, nhỡn-giới đã mở rộng ra lắm, nhưng sự đó có ích-lợi gì cho cái trình-độ tri-thức chung không? Người đời nay được muôn điều tiện-lợi, có cái cơ, có cái thế sinh-hoạt một cách cao-thượng được, nhưng có biết lợi-dụng để mà tăng cao cuộc sinh-hoạt của mình lên không? Chúng ta xin chịu thú thật rằng: quả không được như thế, mà lại trái lại hẳn. Ta tin những cái chủ-nghĩa nhân-đạo, chủ-nghĩa bình-đẳng, chủ-nghĩa tự-do, chủ-nghĩa dân-chủ, nhưng tin thì tin mà nghiệm ra phải chịu rằng phần nhiều người đàn ông đàn bà ngày nay không thiết gì đến sự tri-thức, sự văn-hóa cả, mà cũng không hứng muốn sinh-hoạt một cách cao-thượng làm gì. Chỉ cầu lấy thoả-mãn những cái khoái-lạc về nhục-thể mà thôi, chỉ trì-trục trong những cuộc tiêu-khiển hèn-hạ thô-tục, không biết khao-khát những chuyện siêu-việt cao-xa. Ở chỗ yên-ổn tĩnh-mịch không chịu được, dụng trí khôn để tư-tưởng suy-nghĩ lấy làm khó-nhọc. Ở Mĩ ngày nay lại hơn cả các nơi khác: thiên-hạ chỉ xô nhau ra ở các nơi thành-thị lớn, công việc hằng ngày chỉ có nhảy đầm, xem hát, chớp bóng, đánh « ban », với lại đọc những nhật-trình nhảm-nhí. Càng nhàn-hạ, càng giàu có, thì lại càng nhảy, càng múa, càng chơi-bời dữ. Cái tâm-lý thông-thường của người ta, là không muốn khó-nhọc đến mình một chút nào, nay cơ-giới chủ-nghĩa làm cho người ta được nhàn-hạ thêm, thì lại chỉ nuôi cái tâm-tính ác-liệc đó mà thôi.

Vì rằng cơ-giới chủ-nghĩa vừa làm cho người ta được nhàn-hạ, lại vừa đặt thêm ra những cách để lãng-phí cái thời-giờ nhàn-hạ ấy. Hình như đã mở cho người ta con đường rộng-rãi, lại tự ngăn lại cho không đi lên được nữa. Xét ngay một điều như sau này thì đủ biết. Về đường vật-chất, cơ-giới chủ-nghĩa đặt ra cái lối chế-tạo cả thể (*la production en série*), phát-minh được cái máy-móc gì thì liền chế ra trăm nghìn vạn ức cái được ngay, không phải là không ích-lợi, nhưng cái lối chế-tạo cả thể ấy đem dùng về đường tri-thức, đường tinh-thần, thì hại to. Những chủ nhật-báo, chủ rạp hát, chủ rạp chớp bóng, chủ công-ti vô-tuyến-điện, cũng muốn kiếm được nhiều tiền như chủ các công-nghệ khác. Bèn nghĩ cách kinh-doanh thế nào để cho được đông khách, chỉ cốt chiều lấy công-chúng là số nhiều, không biết thưởng-thức mấy, chứ không thiết đến những hạng người tri-thức, có tư-cách thưởng-giám cho đích-đáng. Không những thế mà thôi: một bên là kẻ công-chúng tầm-thường, một bên là bậc thượng-lưu tri-thức, các nhà

ấy khuynh-hướng về công-chúng mà không thiết đến thượng-lưu đã đành rồi, nhưng giữa hai hạng ấy, còn có một hạng người phân-vân do-dự, không có ham gì văn-hóa cho lắm, nhưng giá có người chỉ-dẫn cho thì cũng biết thưởng-thức một đôi phần, nay hạng ấy vì cái cơ-giới chủ-nghĩa, vì cách chế-tạo cả thể như vừa nói trên kia, không được khuynh-hướng về với hạng thượng-lưu tri-thức mà phải xô-đẩy theo cả với công-chúng, thiệt-hại cho đường văn-hóa biết dường nào.

Nhưng cơ-giới chủ-nghĩa lại còn hại cho vặn-hóa vì một điều này nữa, là tiêu-diệt mất cái sức hoạt-động du-hí, là nguồn gốc của mĩ-thuật. Trước kia chưa có máy-móc, thời người ta phải tự mình nghĩ lấy cách tiêu-khiển. Người nào thích âm-nhạc, thời tự mình ca-xướng, tự mình gẩy đàn. Muốn lưu lấy hình-ảnh một người, hay phong-cảnh một chỗ, thì tất phải cầm ngọn bút mà vẽ lấy. Ở xa nơi thành-thị mà muốn được hưởng cái thú tuồng hát, thì tất phải hội-họp anh em, nghĩ bày trò ra để diễn kịch mà mua vui với nhau. Ngày nay thời dễ-dàng lắm, không phải bận nhọc gì đến mình. Muốn nghe đàn, nghe hát, vặn ngay cái máy hát, là tiếng hát véo-von, tiếng đàn thánh-thót; muốn lưu lấy hình-ảnh một người, hay một cảnh nào, thì mở ngay cái máy ảnh, rập lấy được ngay; muốn xem kịch, thì đi đến nhà chớp bóng, ngày nay ở Mĩ đến những làng xóm nhỏ cũng có cả. Phàm muốn tiêu-khiển, mua vui bây giờ, không phải khó-nhọc gì đến mình nữa: đã có những công-ti lớn, họp cổ-phần to, để kinh-doanh đủ các cuộc, tùy-thích mọi người, không thiếu gì cả. Các cụ ta ngày xưa muốn bày cuộc vui trong gia-đình, phải nghĩ-ngợi biến-báo biết bao nhiêu. Bây giờ thì đã có cái máy nó làm việc cho mình vừa tiện vừa mau biết dường nào. Nhưng mà thần-trí không phải tác-dụng đến nữa, vô-vi thành ra biếng nhác, thời cái tài sáng-tạo mĩ-thuật ắt phải dần dần tiêu mòn đi vậy.

. . .

Luận-giả làm án cái cơ-giới chủ-nghĩa kể cũng nghiêm thật. Song án ấy không phải là không bác được, cái hại của cơ-giới chủ-nghĩa không phải là không chữa được. Ngay ở Mĩ, đã có những nhà trước-thuật về phái tân-tiến không ưa gì chủ-nghĩa ấy và ra sức tố-cáo một cách kịch-liệt. Ông SINCLAIR LEWIS là một nhà tiểu-thuyết trứ-danh, có viết hẳn một bộ tiểu-thuyết đề là *Babbitt*, để giễu-cợt cái lối văn-minh trọng máy-móc đời nay, giễu-cợt những kẻ được hưởng-thụ mà thành ra mê-tín cái văn-minh ấy. Anh *Babbitt* là tiêu-biểu cho người Mĩ ngày nay, cho sự «chế-tạo cả thể» là cứu-cánh của sự tiến-bộ về vật-chất và về tinh-thần, cho cái cách sinh-hoạt kết-quả ở đó ra là cách sinh-hoạt tuyệt-đích ở đời nay. Song dân Mĩ là một dân hễ đã thấy cái nguy-hiểm đến nơi, thì cũng đủ sức mạnh để mà chống đối lại, nếu không biết điều ấy thì thật là không hiểu tâm-lý người Mĩ vậy. Ông ALDOUS HUXLEY bình-phẩm về văn-minh nước Mĩ, mà không xét đến cái sức phản-động của dân Mĩ đó. Sự phản-động ấy hiện nay đã rõ lắm, và cũng là một lẽ tất-nhiên vậy. Nhưng mà có điều đáng lấy làm lạ, là ông ALDOUS HUXLEY lo rằng cái khuynh-hướng của văn-minh đời nay là muốn hỗn-hợp tinh thần với kỹ-nghệ, cho các «nghề tri-thức», cũng giống như các công nghệ thường, mà ông lại chỉ lo sự đó có hại đến cái giá-trị mĩ-thuật của các đồ chế tạo ra mà thôi. Ông nói rằng ngày nay nghề gì cũng đặt thành công-ti lớn cả, thì rồi những sự-nghiệp nhỏ của người riêng sẽ bị tiêu-diệt đi hết cả, và phàm các công-ti lớn thời chế-tạo ra đồ vật gì, chỉ cầu

cho được rất đông người mua, người dùng, thành ra chỉ làm những món giá-trị tầm-thường là có lợi hơn cả. Ông kết-luận như thế, nhưng vị-tất đã như thế hẳn. Cái lợi của các công-ti lớn có thể là chế lấy những vật cục tốt mà bán lấy một giá rất rẻ cũng được. Nhưng còn có một cái hại nữa, nguy-hiểm hơn nhiều, mà ông không xét đến, là cái thế-lực lạ-lùng của những nhà tư-bản chủ-trương các công-ti lớn đó. Một người hay một bọn người chủ-trương mấy cái báo lớn, mấy công-ti làm « phim » (*film*) chớp bóng, hay là công-ti vô-tuyến-điện-báo, thời tùy ý muốn truyền-bá ra trong thế-giới những tư-tưởng, những tin-tức gì cũng được, bỗng dưng gây lên một cái « sóng cảm-tình » (*vague de sentiment*) khuynh-hướng tâm-hồn của công-chúng về phương-diện nào cũng được. Cơ-giới chủ-nghĩa mà đắc-thắng thì tức là đem dư-luận thế-giới mà phó-thác cả cho những cái sức mạnh u-ám vô-trách-nhiệm vậy. Kết-quả đến quyền chúa-tể trong thiên-hạ vào trong tay kẻ tư-bản hết cả.

* *

Cái thế-lực vô-hạn của kim-tiền, cái chủ-quyền tuyệt-đối của bọn giàu có, ông ALDOUS HUXLEY cho đó là cái đặc-tính thứ nhì của văn-minh đời nay, và nhất là văn-minh nước Mĩ. Nước Mĩ kia có cái đặc-sắc hơn các nước, là một quốc-dân tân-tạo, không bị cái gánh nặng của lịch-sử nó ngăn-trở sự sinh-hoạt của mình. Khi mới thành-lập, khác nào như trước mặt là tờ giấy trắng cả, muốn vẽ, muốn viết vào đấy cái gì cũng được. Nước Mĩ liền đem bao nhiêu những của báu về tinh-thần thay bằng sự lợi-lộc về vật-chất cả. Các nước thời hoặc lấy thần-quyền, hoặc lấy quân-chủ mà chủ trương cho xã-hội, hay là nêu lên một cái lý-tưởng tu-hành, một cái lý-tưởng học-vấn, để làm cõi tuyệt-đích cho người ta noi theo; nước Mĩ thì không thế, chỉ biết lấy sự thắng-lợi về công-nghệ, về thương-nghiệp, làm cái biểu-hiệu cho sự phú-cường. Thành ra cái giá-trị con người ta không phải là ở người ta nữa, mà tựa-hồ như phụ-thuộc ở ngoài, vậy. Cái địa-vị của kẻ giàu-có là một cái địa-vị thuần thuộc về vật-chất cả. Nếu mất cái địa-vị ấy đi, thì tự mình không là gì nữa. Bởi thế nên cứ phải bám vào cái phụ-thuộc ở ngoài, không thoát-ly được cõi vật-chất mà siêu-biệt lên cõi vô-tư-kỷ. Như thế thì tương-lai xã-hội đến thế nào, tương-lai sự tiến-bộ đến thế nào?

Cái đặc-tính thứ ba của văn minh nước Mĩ là chủ-nghĩa dân-chủ, có thể cho là đặc-tính của cả văn-minh đời nay. Ông ALDOUS HUXLEY nói rằng cái khuyết-điểm của chủ-nghĩa này ở nước Mĩ lại rõ hơn ở các nước khác, có lẽ là bởi ở Mĩ chủ-nghĩa này được toàn-thắng, tuyệt-đối. Theo ý-kiến ông thì ở Cựu-thế-giới hiện đã nhóm lên một cái phong-trào phản-kháng chủ-nghĩa dân-chủ, xem như đảng Pha-xi ở nước Ý, đảng Cộng-sản ở nước Nga, đảng Quốc-dân ở nước Tàu, tuy bề ngoài là phản-trái nhau và còn hỗn-độn, nhưng xét kỹ thực là cũng do ở cái phong-trào phản-động ấy mà ra cả. Ông cho rằng cái phong-trào này rồi mỗi ngày một lan rộng mãi ra, không phải là muốn quay về lối quân-chủ xưa đâu, nhưng muốn gây ra một lối chính-trị mà chính-quyền thu cả vào trong tay một hạng người thông-minh tài-tuấn. Hạng người ấy, hiện nay chưa có thế-lực gì về chính-trị, nhưng sau này cần phải để cho bọn đó ra cầm quyền, sự ấy là thuộc trong lẽ tất-nhiên vậy. Ở nước Mĩ thì chủ-nghĩa dân-chủ đã thâm-căn cố-đế lắm rồi, dường như không muốn thuận theo lẽ tất-nhiên đó. Nhưng trong hai cái sức xung-đột nhau

ấy có thể đoán trước được cái nào sẽ đắc-thắng. Ông HUXLEY nói rằng : « Chính-thể dân-chủ ở nước Mĩ đã tỏ ra không đủ tư-cách giải-quyết được các vấn-đề phiền-phức đời nay, nước Mĩ rồi sớm trưa cũng bị bắt buộc phải đổi chính-thể khác».

Hoặc-giả có người nạn rằng : dân-chủ dẫu hiện nay chưa đủ tư-cách, nhưng nhờ công giáo-dục mỗi ngày một phổ - cập, sau này tất được tư-cách xứng-đáng. — Theo ý-kiến ông HUXLEY, thời phép giáo - dục của thế-giới phương Tây ngày nay là căn-cứ ở một cái lý-tưởng sai lầm, là cái lý-tưởng cho người ta sinh ra ai cũng bình-đẳng cả, ai cũng có quyền tuyệt-đối cả. Như vậy nếu được giáo - dục phải đường, tất trở nên người hay tất cả. Lý-tưởng ấy viển-vông quá, không có thiết-thực gì, xem ngay như phép giáo-dục ở nước Mĩ, tuy nhờ được sự tiên-lợi vô-cùng của cái cơ-giới chủ-nghĩa, mà cũng không thể dạy cho người Mĩ biết dùng cái thời giờ nhàn-hạ của mình để cầu cho tới một cõi sinh-hoạt cao-thượng hơn, như trên kia đã nói, thì đủ biết vậy. Ông HUXLEY kết-luận rằng : giáo-dục không có cái tài biến-hóa người tầm-thường thành người cao-thượng được, kẻ tầm-thường trước kia không biết không dám nói, sự giáo-dục ngày nay chỉ truyền cho bọn đó cái tính xấu không biết cũng nói liều.

Cũng có lẽ ở nước Mĩ và đại-để ở khắp các nước đời nay, thiên-hạ tin ở cái sức mạnh của giáo-dục một cách quá-đáng. Nhưng tưởng phép giáo-dục nước Mĩ, không ai có thể trách được là thống-nhất quá, hay là không được thiết-thực. Người Mĩ tin rằng cái gì cũng có thể dạy được, lại được phép nước để cho rộng quyền tự do muốn lập trường dạy gì cũng được, nhà nước không giữ chuyên-quyền giáo-dục, như ở các nước Âu-châu, nên trong nước không thiếu gì là trường Đại-học, trường trung-học, trường Tiểu-học, đủ các kiểu-mẫu, đủ các khuynh-hướng, đủ sự cần-dùng. Các trường trung-học của Mĩ thì có nhiều điều khuyết-điểm thật, nhưng đã có các trường chuyên-môn hoàn-bị lắm ; lại thêm bốn năm học «cao-đẳng» là bậc trên trung-học và dưới Đại-học, thì đỗ bằng tú-tài, còn chính đại-học là để thi cử-nhân và tiến-sĩ. Vả cái tục ở Anh cũng như ở Mĩ, các con nhà phú-gia đệ-tử thường vào trường trung-học là không có cái mục-đích để thi-cử gì cả, vừa học vừa chơi, để tập lấy cái cách giao-tế với bè-bạn, khác nào như tập ra ăn-ở với đời, chứ không chủ gì một sự học. Ở một cái xã-hội thuần vụ-thực, hiếu hoạt-động như xã-hội nước Mĩ, thời đó chẳng phải là một cách học vô-tư-kỷ, một cách dưỡng-dục tinh-thần để ra giao-tiếp với xã-hội dư ? Cách học nhàn-hạ như thế là cách học kẻ phú-quí, vậy sự học ấy phải mất tiền mới là phải ; bởi thế nên ông ROCKEFELLER là một nhà phú-hào rất nhiệt-thành về việc giáo - dục, thường xuất tiền riêng để giúp các trường Đại-học nhiều lắm, kỳ tiệc nghỉ hè ở trường Đại-học *Brown*, ông có diễn-thuyết nói về vấn-đề : các trường trung-học có nên bắt học-trò phải trả tiền không ? Ông trả lời rằng cần phải bắt học-trò trả tiền thêm cho đủ tiền kinh-phí ở nhà trường ; ai có biết cái tính-cách riêng của trường trung-học ở nước Mĩ thì mới hiểu được cái ý ông nói. Các trường trung-học, Đại-học ở Mĩ ngày nay, mỗi năm thu được tiền học-phí của học-trò là bảy mươi triệu đồng, mà chi-tiêu mất gấp đôi. Ông ROCKEFELLER nói rằng không có lẽ thế được. Hồi đầu các trường học đặt ra là chủ cái mục-đích dạy lấy người hoặc để làm giáo-sư, hoặc để làm giáo-sĩ, hoặc để đương các chức việc công trong xã-hội, nghĩa là chủ

việc công-ích cho mọi người, hơn là việc tư-ích cho kẻ đi học. Như thế thì công-chúng giúp tiền vào cho các trường học là phải lắm. Ngày nay không thế nữa : phần nhiều học-trò ở trường trung-học là học để lấy thích-chí cho mình (*for a good time*), học là vì địa-vị trong xã-hội, hay là học để mưu lấy kế sinh-nhai. Kẻ đi học được ích-lợi cho mình như thế, thì cũng phải mất tiền để mua lấy sự ích-lợi ấy mới là phải.

Ông ALDOUS HUXLEY còn bày ra nhiều ý-kiến riêng về tương-lai sự giáo-dục ở nước Mĩ, về sự cải-cách xã-hội và chính-trị ở nước Mĩ sau này. Ông nói rằng ý-kiến ông là căn-cứ ở sự-thực thuộc về tâm-lý loài người. Nhưng xét ra toàn là những lời phiếm-luận về tương-lai, chửa có bằng-cứ gì là chắc-chắn, vậy không thuật lại đây làm gì. Nay tóm-tắt lại bài đại-luận của ông, thời có hai điều là phát-biểu ra rõ-ràng hơn cả. Điều thứ nhất là các cái đặc-tính của văn-minh đời nay xuất-hiện ra ở nước Mĩ một cách mãnh-liệt vô-cùng, muốn biết được sự phản-động tất-nhiên sau này ra làm sao, thì phải quan-sát kỹ những đặc-tính ấy. Điều thứ nhì là cái phong-trào phản-động chính-thể dân-chủ và chế-độ bình-đẳng đương nhóm lên ở trong thế-giới ngày nay, thời có lẽ ở nước Mĩ khó bành-trướng hơn ở các nước khác, vì cái trở-lực ở đấy mạnh hơn. — Ấy ý-kiến của nhà tư-tưởng Anh đối với văn-minh nước Mĩ như thế, ta cũng nên chú-ý, vì văn-minh nước Mĩ là tiêu-biểu cho cái đặc-tính của cả văn-minh đời nay, thực là một bài học đủ khiến cho ta nhân hiện-tại mà dự-đoán được cái tương-lai sắp tới nay mai này.

T.-C. *biên-dịch*

ĐẠO LÀM NGƯỜI (1)

VI

Nói về nhân-quyền

Quốc-hội Pháp năm 1789 có truyền ra một đạo tuyên-bố, gọi là «lời tuyên-ngôn về dân-quyền và nhân-quyền», định phép-tắc về quyền-lợi nghĩa-vụ của người ta đối với quốc-gia và đối với các người đồng-bang mình.

Lời «tuyên-ngôn» ấy tự đấy thành cơ-sở cho pháp-luật của cả các nước văn minh, thay cho những «ân-chiếu» (*chartes*) của nhà vua ngày xưa ban cho dân được ít nhiều quyền lợi tự-do gì. Song tuy nhà lập-pháp nước nào cũng căn-cứ ở lời tuyên-ngôn ấy mà biên-chế ra pháp-luật, nhưng người đời vẫn có tính tự-đại, theo thì theo mà không chịu theo được cho đúng, hoặc là sợ mất giá cho mình, hoặc là sợ có phiền mình chăng ; bởi thế nên trong các luật hiến-pháp, không có hề biên-chép lại lời tuyên-ngôn ấy bao giờ.

Thành ra các hội lập-pháp cứ tự-tiện đặt ra luật hay phá luật đi tùy ý, thường khi phạm đến phép lớn năm 1789, hoặc cố-ý phạm, hoặc vô-ý hay là không biết mà phạm ; khiến cho các

(1) Xem N.-P. số 118.

chính-phủ dân-chủ, tùy đảng nọ hay đảng kia lên cầm quyền, chính-kiến mỗi lúc một khác, có khi không được rộng-rãi và lại bất-nhất hơn là chính-kiến của lắm nhà vua.

Cách lập-pháp như thế có điều tệ, cho nên phàm hiến-pháp ngày nay đáng là phải yết ngay lên đầu lời tuyên-ngôn về nhân-quyền, châm-chước lại cho thích-hợp với thời-đại ngày nay, tăng-bổ thêm những điều pháp-luật cốt-yếu, và lại phải đặt ra một cái quyền cao hơn quyền lập-pháp để kiểm-điểm lại quyền lập-pháp khi nào phạm đến luật hiến-pháp sẽ ngăn cấm không cho, như thế mới có thể chắc-bằng được.

Nói về hiến-pháp một nước dân-chủ

Các nước dân-chủ không phải là nước nào cũng theo một hiến-pháp như nhau được, vì hiến-pháp đặt ra là phải cho thích-hợp với tính-tình, phong-tục, và sự yếu-cần của mỗi dân mỗi nước. Vậy thì không thể nào mà phác-họa ra một cái hiến-pháp chung cho cả các nước dân-chủ được; song cứ lấy sự kinh-nghiệm về hiến-chính-học cũng có thể bàn qua được những điều cốt-yếu mà các nhà chủ-trương các chính-phủ dân-quốc cần phải biết.

Việc này khó thật, nhưng ta cũng cứ thử bàn qua.

Khi mới lập ra một chính-thể dân-chủ mới, thì tất phải dùng phép phổ-thông đầu-phiếu, để bầu lấy một hội đại-biểu mới của dân, chuyên về việc biên-chế hiến-pháp, vì chính-thể đã mới thì nhân-vật cũng phải mới, và phải kén chọn riêng cho hợp với chức việc mới.

Hội đại-biểu ấy phải có cái tính-cách là một hội lập hiến-pháp mà thôi, hễ làm xong cái chức-trách riêng ấy thì phải giải-tán ngay. Nếu không thì sợ diên-man ra mãi. Lại những người đã có chân hội lập-hiến thì phải định trong một kỳ-hạn bao lâu không được bầu vào nghị-viện thường, vì nếu biết rằng mình có thể được tái-bầu ngay thì lúc biên-chế hiến-pháp không khỏi định trước cho mình một cái quyền-hạn vô-cùng và tuyệt-đối vậy.

Hiến-pháp đặt ra lúc mới đầu như thế, phần thì vì chính-phủ tạm-thời còn chưa có quyền-thế gì, phần thì vì đương lúc còn bối-rối, chưa chắc chính-thể mới đã bền mà khỏi thay đổi được, nên tất là còn khuyết-điểm nhiều, cần phải sửa đổi về sau.

Vả lại, phàm hiến-pháp, tuy những điều đại-cương cần phải định cho chắc-chắn, nhưng cũng phải để rộng đường-đất cho sửa-sang thay-đổi về sau. Hiến-pháp cũng phải theo sự tiến-hóa của tư-tưởng, phải thích-hợp với tình-thế và sự yếu-cần trong nước, phải biết lợi-dụng những bài học của sự kinh-nghiệm hằng ngày. Vậy thì trong hiến-pháp nên phải định trước cứ một hạn bao nhiêu lâu, thí-dụ 20 năm một, phải kiểm-duyệt lại một lần, không kể trung-gian nếu cần đến thì chính-phủ hay nghị-viện vẫn có quyền xin sửa đổi được.

Hiến-pháp phải định cách đặt các hội lập-hiến sau hội lập-hiến thứ nhất, và cho cái tính-cách làm một quốc-hội, đại-khái như sau này.

Quốc-hội tất phải gồm cả những người có chân Nghị-viện hiện tại-chức, nhưng ngoại-giả phải cho tham-dự vào một số đông những người ở ngoài Nghị-viện mà có địa-vị cao trong nước, hay là có danh-giá to trong một chức-nghiệp gì. Hạng sau đó thì phải có những người như quan Giám-quốc, các quan Quốc-vụ tổng-trưởng, các quan thẩm-phán cao chức, các bậc danh-sư bác-học về luật-học, sử-học, văn-học, khoa-học, các bậc tướng-súy về lục-quân hải-quân, các bậc tư-giáo cao chức ở trong giáo-hội, các quan thủ-hiến các tỉ-sảnh lớn trong nước, các

hàng đại-biểu của thương-giới công-giới, các tay chuyên-môn về các nghề.

Những kỳ quốc-hội để sửa lại hiến-pháp như thế thì phải cho ngắn hạn thôi, để cho những người thuộc về hạng thứ nhì vừa kể trên đó, là những người bận về chức-nghiệp riêng cả, không đến nỗi mất nhiều thì-giờ quí-báu.

Kỳ hội-nghị lập-hiến lần thứ nhất, không thể cho những bậc quan cao chức trọng đó tham-dự vào được, vì trong đó chắc có nhiều người còn có quan-hệ với chính-thể cũ. Nhưng cách ít lâu thì người tất thay đổi, chính-thể mới cũng đã quen, bấy giờ không còn lo gì nữa. Vả lại những người được cử vào chân quốc-hội mà không phải do công-dân dầu-phiếu cử ra, thì có thể bắt-buộc trước khi dự hội phải tuyên-thệ trung-thành với dân-quốc. Lại cũng nên hạn-chế quyền chính-phủ mà định rằng phàm những người thuộc về các đoàn-thể chức-nghiệp thì để cho các đoàn-thể ấy tự bầu lấy, chứ không để cho chính-phủ tự-tiện chọn, thế lại được một điều lợi nữa, là khiến cho dư-luận trong đoàn-thể có thể điều-hòa với dư-luận chung trong nước.

Làm theo cách trên đó, thì được nhiều điều tiện-lợi to.

Trước nhất là bổ được một cái khuyết-điểm lớn của các xã-hội dân-chủ đời nay, thường hay ham bình-đẳng quá, sợ một hạng người nào trong nước chiếm lấy quyền nước mà làm cách chuyên-chế chăng, cho nên cứ để cho cái số nhiều ắt cả phần tài-năng để cho chủ-quyền trong nước thực là ở trong tay bọn bình-dân trình-độ thấp nhất, vì trí-tuệ đã kém mà học-thức cũng chưa đủ vậy.

Một xã-hội muốn mong cho được tiến-bộ thì phải gây lấy một hạng thượng-lưu trí-thức, phải để cho đứng đầu hết cả, và phải biết đem ra cho tác-dụng về việc nước, nếu không thì không tiến-bộ được mà lại phải thoái-bộ vậy.

Vậy thì phàm khi nào đặt phép lớn cho quốc-gia, cần phải hỏi ý-kiến những bậc danh-giá trong nước.

Một hội-nghị gồm được bấy nhiêu hạng người thì chắc là có giá-trị vô-cùng, vì những người ấy toàn là những người vì tài-trí mà chiếm được địa-vị cao ở trong nước, hoặc là có cái công học-vấn yêm-bác, hoặc là có cái công chủ-trương sự-nghiệp, đều là có kiến-thức rộng, có lịch-duyệt nhiều cả. Tư-cách những người ấy còn cao hơn tư-cách những hạng nghị-viên thường, do dân công-cử, vì phần nhiều những tay nghị-viên ấy trước khi được bầu-cử vào nghị-viện, chưa từng có sự-nghiệp gì đủ chứng là người có tài có học hay là có kiến-thức gì cả.

Hiến-pháp lại phải có một điều riêng định rằng phàm quốc-hội muốn sửa đổi điều gì trong hiến-pháp cũ thì phải được đại-đa-số trong quốc-hội bỏ vé ưng thuận mới được, thí-dụ như chia ba hai phần hay là chia tư ba phần các hội-viên quyết-nghị mới được.

Đó chẳng qua cũng là bắt chước một điều luật thông-thường về các hội-xã và các công-ti, phàm thay đổi điều-lệ, phải có đại-đa-số người có chân hội hay người có cổ-phần ưng-thuận mới được, là có ý cẩn-thận, muốn giữ cho cái thể-thống trước sau được duy-nhất, phòng có người hiếu-sự muốn thay đổi đi quá, làm cho điên-đảo mất cả nền-nếp cũ chăng.

Hiến-pháp lại phải định rằng phàm hội-nghị quyết-nghị điều gì, phải ít ra được nửa phần người trong mỗi ban (nghĩa là ban nghị-viên và ban những người ngoài nghị-viên) ưng-thuận mới được, là để cho không có ban nào lấy số nhiều mà ắt được ban kia.

Cách phòng-bị để cho ban nọ không ắt được ban kia, là ứng-dụng một cái nguyên-tắc cốt-yếu về phép tổ-chức các quan-quyền, phàm nhà biên-chế

luật hiến-pháp phải nên biết. Vậy ta cũng nên bàn qua về cái qui-tắc ấy như sau này.

Phàm quốc-gia có thể-thống, quyền nước phải chia làm ba loại đặc-biệt nhau: quyền lập-pháp, quyền hành-chính và quyền tư-pháp.

Ba quyền ấy vẫn là đặc-biệt nhau, nhưng không phải là cách-tuyệt nhau hẳn, nếu thế thì quyền nào trong phạm-vi quyền ấy là tuyệt-đối mà thành ra chuyên-chế.

Nếu quyền nước là ở trong tay một người hay ở trong tay một đoàn-thể nào, thì không cần phải xét rằng người ấy hay đoàn-thể ấy chịu được quyền ấy ở công-dân hay không. Nếu thật là chính-thể tự-do thì không người nào, không hội nào được có quyền vô-hạn, và sự chuyên-chế chung của một đoàn-thể cũng tệ bằng sự chuyên-chế riêng của một cá-nhân, cũng không thể dung được.

Vậy thì cái nghĩa phân-quyền, khiến cho ba quyền đặc-biệt nhau, phải hiểu như thế này, là mỗi quyền được tự-do hành-động để làm trọn cái chức-trách của mình, không sợ hai quyền kia can-thiệp vào mà khiến cho làm sai nghĩa-vụ được.

Nhưng mà muốn cho ba quyền ấy được điều-hòa nhau, không cái nào ngăn-trở được cái nào, không cái nào cưỡng-bách được cái nào, thì phải định rằng không cái nào được tự-tiện tăng quyền-hạn của mình, và mỗi cái phải có một cái quyền kiểm-đốc ở ngoài, lâm-thời có thể ngăn cho khỏi làm sai chức-trách, có thể kháng-cáo mà đình-chỉ lại cũng được.

Trên kia bàn về cách đặt quốc-hội để lập hiến-pháp, tức là theo cái nguyên-tắc đó, và dưới này bàn về cách hiến-pháp phải tổ-chức các quan-quyền thế nào, cũng sẽ châm-chước theo một nguyên-tắc đó.

Nói về quyền lập-pháp

Quyền lập-pháp chia ra làm hai hội.

Hội thứ nhất là hội lập-hiến, như trên kia vừa nói, chỉ có cái chức-trách nhất-thời, không phải là thường họp luôn. Hội lập-hiến là nguồn gốc của pháp-luật, là tạo-thành ra các quan-quyền trong nước. Đến khi quan-quyền đã lập-thành rồi, thì hội lập-hiến giao-phó cả quyền nước cho mà tự giải-tán.

Hội thứ nhì tức là Nghị-viện, là hội lập-pháp thường. Hội lập-pháp thường cũng như hội lập-hiến trước, là do nhất-ban quốc-dân công-cử ra. Đã là đại-biểu của nhất-ban quốc-dân, thì là gồm cả dân-quyền trong nước, nhưng quyền ấy không phải là vô-hạn; vì Nghị-viện tuy có quyền đặt ra pháp-luật thường, và quyền hành-chính không được làm điều gì là trái với ý Nghị-viện, nhưng Nghị-viện cũng bị kiểm-đốc, cũng phải hạn-chế, chứ không phải không.

Chức-trách của Nghị-viện không phải là chỉ có một việc làm ra pháp-luật như hội lập-hiến đâu. Như dưới này sẽ nói rõ, Nghị-viện có khi có quyền can-thiệp vào việc hành-chính nữa.

Vậy thì chức-vụ của Nghị-viện có điều phiền-phức, cho nên gọi là «Nghị-viện» cho rộng nghĩa hơn là gọi là «hội lập-pháp».

Nói về cách bầu-cử Nghị-viện.

Trong hiến-pháp phải định rõ hạng người nào là có công-quyền và có tư-cách cử người đại-biểu để thay quyền cho mình.

Hiến-pháp lại phải định cách bầu thế nào, cùng những phép-tắc chính chủ-trương cho sự hành-động của Nghị-viện, để cho khỏi sai cái chủ-nghĩa không cho quyền nào được tự-tiện tăng-gia quyền-hạn của mình.

Đó là điều cốt-yếu. Nay ta xét xem Nghị-viện phải lập ra thế nào và phải hành-động thế nào.

Nói về quyền đi bầu và quyền được bầu

Lệ thường ở nước dân-chủ là lệ phổ-thông đầu-phiếu, nhưng không phải là hết thảy người dân trong nước đều được quyền đầu-phiếu đâu.

Như những người ngoại-quốc đến ngụ-cư mà chưa nhập-tịch, thì cố-nhiên là không được quyền bầu-cử rồi. Còn người dân trong nước cũng phải trừ ra những người không đủ tư-cách, nghĩa là người chưa đến tuổi thành-niên, người bị cấm-chỉ, người bị án tước mất công-quyền. Lại đàn bà cũng không nên để cho tham-dự vào quyền đầu-phiếu, vì lẽ gì, trong một mục trước đã nói tường.

Nhưng mà quyền đầu-phiếu bị hạn-chế đến thế thôi, chứ không thể hạn-chế hơn được nữa. Song ở những dân-tộc trình-độ văn-minh hãy còn kém, hay trình-độ học-thức hãy còn thấp, thì cũng có lẽ không thể nhất-đán đổi ngay chính-thể chuyên-chế ra chính-thể tự-do hoàn-toàn được, vì nhất-ban quốc-dân chưa đủ tư-cách mà hưởng được quyền tự-do ấy. Lại các dân thuộc-địa mà trình-độ tiến-hóa hãy còn kém, cũng không thể nhất-đán cho quyền đầu-phiếu được, vì sợ trở-ngại đến cái công giáo-dục hãy còn chưa được hoàn-thành.

Nhưng mà dù thế nào mặc lòng, cũng phải dần dần khuynh-hướng về cái mục-đích đó, và sớm trưa cũng phải đặt phép phổ-thông đầu-phiếu, nghĩa là hết thảy người dân trong nước đều được quyền tham-dự việc nước cả. Nếu không thế thì không phải là tự-do, không phải là dân-chủ nữa.

Có nhà xã-hội-học xướng lên cái thuyết rằng phàm người gia-trưởng, trong nhà có bao nhiêu con nhỏ, khi ra đầu-phiếu, được quyền bỏ thêm bấy nhiêu vé, ngoài cái vé riêng của mình, vì đối với pháp-luật người cha là người thay mặt cho cả các con nhỏ.

Cái thuyết ấy tưởng không chánh-đáng.

Như người bị cấm-chỉ và người mất công-quyền làng người đối với xã-hội như chết rồi, vậy thì đứa trẻ con vị-thành-niên đối với xã-hội tức là kẻ chưa ra đời vậy; kẻ chưa ra đời thì không ai có quyền « sống » thay cho kẻ ấy được. Vả đứa trẻ con ấy nếu nó đã có trí không biết suy xét, thì nó có thể có ý-kiến riêng được, và ý-kiến ấy có lẽ trái với ý-kiến cha nó. Người cha chỉ có cái nghĩa-vụ khuyên bảo cho con, nhưng không có cái quyền-lợi bắt con phải theo chính-kiến mình hay là mượn tên con để tỏ chính-kiến riêng của mình.

Sau nữa, ở đời quí nhất là cái trí khôn của người ta. Cổ-ngạn La-mã có câu rằng: « Mỗi đầu người mỗi ý-kiến » (*quot capita tot sensus*). Không ai có thể tự-phụ cho một ý-kiến mình gấp mấy ý-kiến kẻ khác được, vì mỗi người chỉ có một cái đầu, chỉ dùng được một cái óc mà thôi.

Người nào có con-cái nhiều, nhà nước muốn tỏ lòng kính-trọng, thì giảm thuế cho, miễn-trừ cho công nọ việc kia, để đỡ cho bớt cái gánh nặng trong gia-đình, thế là phải lắm. Nhưng lấy cái cớ rằng một người có chín đứa con nhỏ, người ấy có lẽ là người ngu-dần mộc-mạc, mà cho được cái quyền đầu-phiếu gấp mười lần một người khác tài-giỏi hơn, chỉ vì người sau ấy không may lấy phải vợ hiếm-hoi hay là vì một cớ gì không thể lập-thành gia-thất, thì thật là vô-lý quá.

Vả cái lối gia-tộc-đầu-phiếu đó lại còn nhiều điều hại nữa.

Phần nhiều những người có quyền đầu-phiếu còn đương tuổi trai-trẻ, hoặc chưa kịp lập-thành gia-thất, hoặc chưa kịp sinh đẻ con-cái nhiều, thì theo cách đó chỉ được có quyền bỏ một vé thôi. Vậy thì số vé của những người ấy chắc là bị kém số vé những người đứng tuổi có nhiều con

nhỏ và được thay con bỏ nhiều vé.

Như thế thì kết-quả sẽ thế nào ?

Người ta đã ngoại 30 tuổi, dẫu là người tài-giỏi hay người có tính độc-lập khác thường, thường cũng không thay đổi ý-kiến nữa. Đến tuổi ấy thường hay trung-thành với những ý-kiến hồi đầu của mình, với những chủ-nghĩa mình đã theo, với cái chính-phủ mình đã phụng-sự và đã chịu ân-huệ từ trước, với các bè-bạn đồng-chí với mình, lấy lòng trung-thành ấy làm danh-dự. Phàm sự tiến-bộ của khoa-học, những người ấy cũng biết cảm-phục, nhưng không hề nghiên-cứu nữa. Bấy giờ có cái khuynh-hướng thủ-cựu, mà không hay ưa nhưng tư-tưởng mới.

Vậy thì kết-quả thành ra cái lớp những người tự 30 đến 40 tuổi, có lịch-duyệt nhưng không ưa cải-cách, khi ra đầu-phiếu sẽ át cả lớp người nhỏ tuổi hơn. Thành ra các dân-tộc sánh với cái trình-độ chung của các sự-thực và các tư-tưởng trong thiên-hạ, đáng lẽ phải theo cho kịp mà tổ-chức sự sinh-hoạt của mình, mà lại hóa ra phải chậm mất 15 năm.

Nay nói đến tư-cách được bầu-cử. Lệ này thì giản-dị lắm. Trong một nước dân-chủ thì phàm người nào có quyền đi bầu-cử là có quyền được bầu-cử, không có phân-biệt giai-cấp tài-sản gì cả, miễn là đúng tuổi trong hiến-pháp đã định và không bị án mất công-quyền là được.

Nói về phép đầu-phiếu

Các khu bầu-cử nên đặt cho thật rộng, miễn là người có quyền đi bầu có cách biết được hoặc hỏi-han được những người ra ứng-cử, thế là đủ, không nên hạn-chế hẹp quá.

Mỗi người đi bầu phải bầu cho cả nghị-viên trong hạt mình, cách đó gọi là hợp-sách tuyển-cử.

Có cách trái lại, là cách chia ra từng khu nhỏ, mỗi khu bầu một người, cách này thì nhiều điều bất-tiện lắm.

Trong một khu nhỏ như thế, mỗi người ra ứng-cử có thể đi đến từng làng từng nhà mà thăm từng người đi bầu một. Kẻ nào ham công-danh mà không có phẩm-cách cao, thì thường đến đi xin từng cái vé một. Việc tuyển-cử bấy giờ thành ra một việc hối-lộ đê-tiện.

Lại nếu mỗi khu nhỏ được quyền bầu một chân nghị-viên riêng, thì thường có cái bụng thiên, hoặc vì tư-lợi nhỏ-nhen, hoặc vì lòng danh-dự hão-huyền, chỉ bầu cho người trong hạt mình mà thôi, cho dẫu trong hạt không có người nào xứng-đáng mặc lòng. Nhưng cái người được bầu ra như thế, đương là người chân trắng mà nhờ ơn kẻ đồng-hạt được lên chân ông nghị, thì tất phải hằng ngày nghĩ cách trả ơn thế nào, thật là đem thân làm nô-lệ cho người đồng-hạt. Cả thì-giờ chỉ phải dùng để đi chạy-chọt thỉnh-thác cho những người bầu-cử mình, hoặc là xin chỗ làm, xin mền-đay, xin thăng-thưởng, xin những cái ơn đặc-biệt, vượt cả lệ thường, hoặc vận-động cho những kẻ có lỗi khỏi phải trừng-trị ; đến khi ra Nghị-viện thì chỉ chăm che-chở bênh-vực quyền-lợi riêng cho người đồng-hạt mình mà thôi, dẫu quyền-lợi ấy có trái với quyền-lợi chung cả nước cũng không quản gì.

Nếu khu bầu-cử rộng, thì dân đông, người có tư-cách cũng nhiều, sự kén chọn vừa dễ hơn vừa được tốt hơn. Địa-hạt rộng thì những người ra ứng-cử không thể đi đến từng nhà mà xin vé được. Không có cái tình thân ý riêng gì với kẻ đi bầu, thì cái vấn-đề cá-nhân không quan-hệ gì, mà sự cạnh-tranh chỉ là thuộc về chủ-nghĩa và chính-kiến mà thôi. Sau nữa, người nào được bầu ra, không phải mãn-khóa làm nô-lệ cho một làng một tổng mình nữa.

Tuy-nhiên phép hợp-sách tuyển-cử không phải là không có điều khuyết-điểm, sự khó-khăn. Có phải chủ-trương

cách ấy, có phải lại phản-đối cách ấy, các nhà chính-trị thì thường vì cái đảng-kiến thiên-lệch mà phán-đoán không được đúng.

Nay ta cứ lấy bình-tĩnh mà xét cho biết hay dở thế nào.

Hạt bầu-cử rộng, thì thường phải bầu cho nhiều người một lúc; mỗi người đi bầu-cử là không phải bỏ vé cho một người, mà thực là bỏ vé cho một cái sổ hợp-sách mấy người. Nay những sổ ấy làm theo cách thế nào?

Trước nhất phải định rõ rằng phàm người ra ứng-cử chỉ được tuyên-bố ứng-cử riêng một mình mình. Người nào xét mình có tư-cách ra làm nghị-viên được, thì phải có quyền được tự-do ra ứng-cử, không cần phải cùng ra với người khác, hay là phải xin nhập vào một cái sổ nào. Nếu không thế thì là ngăn cái quyền tự-do của người ứng-cử, lại làm ngăn quyền tự-do của người bầu-cử nữa. Nhưng nếu cứ bắt người bầu-cử phải chọn trong những tên ứng-cử đứng riêng như thế, rồi tự mình lập lấy cái sổ bầu chung, thời khi thực-hành cũng có nhiều điều bất-tiện lắm. Những kẻ bất-thức-tự, kẻ lãnh-đạm, kẻ lười biếng, phải tự mình kê lấy các tên bầu cho thành sổ, có lẽ ngại phiền mà không bỏ vé nữa. Lại địa-hạt rộng, có nhiều người ra ứng-cử mà phần nhiều kẻ bầu-cử không được biết, hoặc không được biết rõ, không muốn đi hỏi-han lôi-thôi, có khi không đi bầu nữa, hoặc bầu hú-họa, lại càng tệ nữa.

Vậy cần phải kê sẵn một vài cái sổ, gọi là sổ giới-thiệu, để giúp cho người bầu-cử dễ kén chọn.

Nhưng mà sổ ấy ai làm?

Nếu để cho tự người ứng-cử làm lấy, thì chỉ có những người nào thuộc về đảng nọ phái kia là mưu-mô để ra ứng-cử hết cả, làm cho người ngoài dẫu tài giỏi đến đâu cũng không thể ra tranh-đành được. Nếu thế thì cũng hại.

Vậy phải tìm một cách nào vừa giữ cho cái quyền tự-do của người ứng-cử, lại vừa giúp cho người bầu-cử kén-chọn được dễ.

Tưởng có cách này là tiện: Người nào muốn ra ứng-cử, cứ người nào người ấy tự mình tuyên-bố ứng-cử. Rồi trong hạt có bao nhiêu tổng, bao nhiêu xã, thì hội-đồng cả bấy nhiêu tổng bấy nhiêu xã, sẽ cử đại-biểu họp nhau lại kén chọn trong những người ra ứng-cử, mà kê lấy một cái sổ giới-thiệu. Sổ giới-thiệu ấy sẽ gửi cho khắp mọi người có quyền đi bầu, lại gửi cả tên những người không liệt vào sổ, nhưng đã có giấy tuyên-bố ứng-cử. Như thế thì người bầu-cử sẽ có đủ tài-liệu mà phán-đoán lấy.

Cách ấy tiện lắm, vừa không ngăn-trở cái quyền ứng-cử của mọi người, lại vừa giúp được những người đi bầu-cử ít học hay quen biết ít, có thể tự mình kén chọn cho đích-đáng được. Sổ giới-thiệu lại không phải là chính người ứng-cử hay là tự các đảng-phái lập ra lấy; sổ giới-thiệu là do đại-biểu của các tổng các xã thay mặt người bầu-cử mà lập ra, như thế là công-bằng lắm. Vả lại ngoài sổ giới-thiệu riêng, lại còn sổ kê chung tất cả những người ra ứng-cử nữa, như thế thì kẻ bầu-cử vẫn được tự-do muốn thay ai bỏ ai cũng được.

Thuộc về phép bầu-cử, còn có một vài điều thiên-hạ còn thảo-luận phân-vân. Xin nói qua bốn điều như sau này:

1o Trong hiến-pháp có nên định rõ cho các phái thiểu-số (*les minorités*) cũng được quyền bầu đại-biểu không?

— Điều này thiết-tưởng không nên. Muốn cho nước có chính-phủ mạnh thì chính-phủ ấy phải có thể tựa vào một phái đa-số mạnh ở Nghị-viện, đủ tiêu-biểu cho cái dân-ý chung trong nước. Nếu để cho các đảng-phái vụn-vặt ra nhiều quá thì chính-phủ không đủ thế-lực mà cầm quyền cho vững-vàng được. Vậy thì trong hạt nào cũng chỉ nên kê một sổ giới-thiệu đủ tiêu-biểu

cho cái dư-luận chung trong hạt mà thôi.

2º Việc đầu-phiếu có nên cưỡng-bách không? — Tưởng nên lắm. Người nào có quyền bầu-cử, mà không có cớ gì đích-đáng, tự phóng-khí cái quyền ấy, thế là sai mất nghĩa-vụ làm dân, cũng nên có cách trừng-phạt.

3º Phí về việc bầu-cử ai phải chịu? —Thói thường người nào ra ứng-cử người ấy phải chịu. Như thế không công-bằng, vì chỉ có người có tiền mới ra ứng-cử được mà thôi, người nghèo thì dẫu có tư-cách cũng không thể ra được. Vậy nên định rằng các tiền phí về việc bầu-cử, như tiền quảng-cáo, tiền yết-thị v. v., phải hoặc là nhà nước chịu, hoặc là quận hạt chịu; song phải đặt cách nghiêm cho khỏi có kẻ lạm-dụng.

4º Kỳ-hạn nghị-viên nên dài ngắn thế nào? — Nếu chính-thể đã vững-vàng, thì nên đặt dài hạn hơn, vì bầu-cử luôn cũng là một sự phiền-nhiễu. Còn việc bầu-cử lại, thì không nên thay cả Nghị-viện một lúc, nên chia ra từng phần, cho bao giờ trong Nghị-viện cũng có người mới người cũ.

Quyền hạn của Nghị-viện

Như trên kia đã nói muốn cho ba quyền trong nước hành-động được điều-hòa, thì trong hiến-pháp cũng phải hạn-chế quyền-chức của Nghị-viện. Vậy ta nên xét qua cách tổ-chức và cách hành-động của Nghị-viện như thế nào.

Nói về việc biên-chế và quyết-nghị các luật-án

Nghị-viện cùng với cả chính-phủ và nhất-ban quốc-dân đều có quyền được đề-xướng ra các luật-án. Nhưng mà duy Nghị-viện mới có quyền quyết-nghị các luật-án ấy mà thôi. Tuy-nhiên trái với thói thường xưa nay, việc biên-chế các luật-án không nên để cho Nghị-viện mới là phải.

Phần nhiều các nghị-viên không sành về luật-pháp. Nhiều người không từng học luật bao giờ. Người nào có học luật nữa, thì tuy có bằng cử-nhân tiến-sĩ đấy, nhưng cũng chửa chắc là có tư-cách lập-pháp. Còn những tay chuyên-trị và sành-sỏi về pháp-luật, như các ông giáo-sư các trường luật, các quan tòa, các thầy kiện, các nhà chuyên những chức-nghiệp tự-do, các quan thủ-hiến trong quân-đội hay trong các sở công của nhà nước, những tay có thế-lực trong công-trường và thương-trường, ít người chịu bỏ công việc riêng của mình mà đi cầu lấy làm chức nghị-viên. Cho nên trong Nghị-viện ít người thật là sành-sỏi về pháp-luật.

Thế mà bất-cứ ông nghị nào, hễ được bầu vào Nghị-viện, là tưởng rằng đã có tư-cách lập-pháp được ngay rồi. Có khi không biết đầu đuôi một việc nào cả, không thuộc các điều-luật đã tuyên-bố về việc ấy từ trước, nhiều người cũng cứ tự-phụ nay thảo ra luật này, mai thảo ra luật khác, để lấy tiếng với kẻ bầu-cử mình, và mưu đường tái-cử sau này. Thành ra các ông dân-biểu kể có hàng trăm người, ngày nào cũng có luật mới thêm vào trong các bộ luật, khiến cho nhà chuyên-môn không biết đường nào mà dò, khó lòng mà thi-hành cho khắp được.

Có nhiều điều luật tuyên-bố ra rồi bỏ đó không ai nhìn đến nữa. Có nhiều luật cho tùy-ý thi-hành, thì không bao giờ thi-hành đến, vì không thích-hợp với sự cần-dùng trong dân-gian. Còn những luật cưỡng-bách phải thi-hành thì nhiều khi là sai-lầm thiệt-hại cho người ta. Thành ra thử được một độ rồi lại thay đổi hay bãi bỏ đi ngay.

Thường thường những luật mới đó là chữa sửa lại các luật cũ đã thi-hành rồi, chữa đi sửa lại mãi đến mười lần, hai mươi lần, thêm vào bớt ra, làm cho nguyên-văn luật cũ thành ra tối-tăm rắc-rối, khó mà dò được ra manh-mối thế nào.

Lại nên biết rằng Nghị-viện không mấy khi dám đảm-đương những cái công-trình lớn-lao, như sửa-đổi lại cả một bộ luật cho hợp-thời hơn. Thỉnh-thoảng cũng thay-đổi được một vài bộ-phận, nhưng tựa-hồ như khó-khăn nhọc-nhằn lắm, kéo dài ra đến ba bốn mươi năm, mà rồi kết-quả cũng vị-tất đã hay gì. Phàm việc biên-chế luật-pháp, phải là những tay luật-học chuyên-môn, đã thông-thạo lắm, lại phải nghiên-cứu lâu năm, bình-tâm tĩnh-lự mà thảo ra, mới mong cho hoàn-toàn được, chứ các ông nghị-viên châu-tuần ở chỗ cạnh-tranh, trì-trục trên trường nguôn-luận, tài nào mà nghĩ được ra hết các điều-mục cho châu-đáo được.

Muốn cho khỏi sự bất-tiện đó, thì trong hiến-pháp phải định rằng ngoài Nghị-viện phải đặt một hội-đồng các nhà luật-học chuyên-môn, cùng với những tay thực-hành về các môn, vì rằng muốn làm luật cho đích-đáng, thì nhà bác-học với nhà thực-hành phải hiệp-lực nhau mới được. Hội-đồng ấy sẽ tùy-thuộc với Nghị-viện. Những người có chân hội-đồng phải có lương-bổng đủ cao để cho chỉ chuyên về một việc. Phàm các luật-án sẽ đưa cho hội-đồng ấy xét. Hội-đồng làm tờ trình về các lẽ nên hay không nên thế nào, rồi mới biên thành luật-văn, đem ra thảo-luận ở đương-trường Nghị-viện, xong rồi mới chiếu theo ý Nghị-viện thảo hẳn ra thành luật cho hợp phép.

Cách làm như thế tiện-lợi nhiều đường.

Quyền lập-pháp vẫn hoàn-toàn thuộc Nghị-viện, vì duy có Nghị-viện mới có quyền phát-khởi, quyền chỉ-định và quyết-định các luật; nhưng còn việc dự-thảo và biên-chế thành luật-văn, thì đã có những tay chuyên-môn giúp cho.

Mấy nhà pháp-luật chuyên-môn chỉ chăm về một việc sắp-đặt sửa-sang lại các điều luật, thì việc làm trong mấy tháng bằng việc làm của 500 ông nghị-viên trong 20 năm.

Cách đó lại tiện-lợi được một điều nữa, là khiến cho các kỳ họp Nghị-viện không phải lâu dài lắm, để cho ngoài những tay chính-khách, là những người lấy chính-trị làm nghề-nghiệp, còn nhiều người có tư-cách có thể không phải bỏ chức-nghiệp mình mà ra ứng-cử Nghị-viện được, lại để cho các quan quốc-vụ được rộng thì-giờ mà làm việc chức-trách của mình.

Nếu sợ rằng Nghị-viện không thường họp không thường giám-đốc quyền hành-chính được, thì trong hiến-pháp có thể định rằng Nghị-viện sẽ cử lấy một hội ủy-viên để thay mặt trong khi không họp, thường-thường giám-đốc quyền hành-chính, thuộc về những việc không quan-hệ lắm có thể thay Nghị-viện mà tự-quyết, và khi nào có việc quan-hệ thì sẽ chiệu-tập Nghị-viện ngay.

Nói về sự giám-đốc quyền lập-pháp

Nghị-viện có quyền lập-pháp, nhưng quyền ấy nếu không có gì hạn-chế thì không khỏi lạm-dụng. Đại-khái lạm-dụng có hai cách như sau này: một là đặt ra những pháp-luật trái với hiến-pháp; hai là dẫu không trái với hiến-pháp, nhưng trái với sự ích-lợi chung trong xã-hội, hay cũng có khi làm cẩu-thả không cẩn-thận.

Muốn chữa lại sự bất-tiện đó thì trong hiến-pháp thường định đặt ra một Thượng-nghị-viện để xem-xét hay là sửa-đổi lại những điều luật của nghị-viện dưới đã quyết-nghị.

Cái ý thì hay, nhưng cách thực-hành còn chưa được ổn-thỏa.

Muốn cho Thượng-nghị-viện có đủ tư-cách mà giám-đốc được Hạ-nghị-viện, thì Thượng-nghị-viện phải toàn những người tài-giỏi cả, như những tay chuyên-môn, tay học-thức thuộc về

hạng như trên kia đã bàn nên cử thêm vào Quốc-hội.

Nhưng làm cách như sau đó thì có người sợ rằng trái với phép phổ-thông đầu-phiếu, và cũng không hợp với chủ-nghĩa dân-chủ. Cho nên Thượng-nghị-viện thường thường cũng do cách bầu-cử cả, nhưng là cách bầu-cử hữu-hạn, chứ không phải phổ-thông, và hạn tuổi cũng cao hơn ở Hạ-nghị-viện. Như thế thì thượng-hạ nghị-viện cũng là bằng-đẳng nhau, quyền chức như nhau, khó lòng mà viện trên giám-đốc được viện dưới.

Nay có cách làm như thế này tưởng tiện hơn: là bỏ hẳn Thượng-nghị-viện, và phàm các luật-pháp của Nghị-viện quyết-nghị nên giao cho quyền tư-pháp xem xét lại xem có đúng với hiến-pháp không. Quyền tư-pháp là để giữ pháp-luật. Vậy thì giao cho kiểm-duyệt lại các luật-pháp mới, cũng là hợp lẽ lắm. Vả lại chỉ được quyền kiểm-duyệt mà thôi, chứ không được chữa sửa điều gì, thế là không xâm-phạm đến quyền lập-pháp. Nói tóm lại thì nếu cứ theo như lời bàn trên kia, Nghị-viện khởi-xướng ra điều luật gì mới, giao cho hội-đồng cố-vấn các nhà chuyên-môn thảo cho hợp với lẽ-lối, rồi đem ra đương-trường Nghị-viện thảo-luận, xong lại giao cho tòa tư-pháp thượng-thẩm xét lại xem có hợp với hiến-pháp không, như thế mới thật là hoàn-toàn.

Nói về quyền hành-chính của Nghị-viện

Nghị-viện nhiều khi cũng phải can-thiệp đến quyền hành-chính, cũng phải có cách để hạn-chế quyền hành-chính.

Như chính Nghị-viện phải bầu chức Giám-quốc là đầu quyền hành-chính, có quyền cử các Quốc-vụ-trưởng, và bổ-nhiệm hết thảy các văn-võ quan-lại trong nước.

Cũng có nước thì là chính cả công-dân được bầu quan Giám-quốc, chứ không phải một Nghị-viện, nhưng cách đó không tiện. Quan Giám-quốc là chức cao nhất trong nước, không có lẽ phải đi cổ-động trong dân-gian để cho người ta bầu cho mình. Vậy nên để cho Nghị-viện kén chọn là phải lắm.

Nghị-viện lại có quyền giám-đốc các quan Quốc-vụ-trưởng. Mỗi năm định sổ dự-toán, có quyền thêm bớt các khoản kinh-phí của các bộ. Lại thường-thường có quyền chất-vấn các quan quốc-vụ về công việc trong bộ mình, hoặc về chính-sách chung của Chính-phủ.

Sự giám-đốc ấy là cần, nhưng có điều bất-tiện, là khiến cho Nội-các không được vững bền, tùy cái khuynh-hướng của các chính-đảng mà phải thay đổi luôn.

Muốn bổ lại sự bất-tiện ấy thì tưởng nên định rằng phàm nghị-viên nào được cử làm quốc-vụ-trưởng thì phải từ chức nghị-viên, sau này muốn vào Nghị-viện lại phải bầu nữa, như thế thì những nghị-viên có tính yêu hãnh muốn mưu-mô để vào Nội-các cũng nhụt được bớt cái hăng-hái đi một chút. Lại nên khoan bớt cái lệ liên-đái trách-nhiệm trong Nội-các, trừ ra những việc to có quan-hệ đến cả Nội-các, còn việc thường thì quan Nội-các nào bị chất-vấn mới phải từ chức mà thôi, chứ không cần đến cả Nội-các phải từ chức. — Nhưng phàm chế-độ đại-nghị mà muốn cho Nội-các được vững-vàng, thì phải làm thế nào tổ-chức lấy một đảng đa-số ở Nghị-viện cho chắc-chắn để giúp sức cho Chính-phủ mới được.

Nói về điều-lệ trong Nghị-viện

Điều-lệ trong Nghị-viện thì phải để cho Nghị-viện đặt lấy, nhưng có một điều quan-hệ, hiến-pháp phải định trước, là mỗi khi quyết-nghị một điều-luật gì thì phải có đại-đa-số nghị-viên có mặt mới được, và thuộc về lượng bổng của nghị-viên thì không nên định

lương năm hay lương tháng, nhưng nên đặt ra phiếu xuất-tịch, nghị-viên đến họp buổi nào thì được lĩnh tiền cấp về buổi ấy mà thôi, như thế thì các nghị-viên mới chăm đi họp không đến nỗi phóng-khí trách-nhiệm của mình.

(Còn nữa)

T.-C. *biên-dịch*

Aimer les lettres d'un amour absolu, être franchement un homme de lettres, c'est un des plus sûrs moyens de vivre heureux. N'en attendez pas la fortune, toutefois, surtout dans le sens américain qu'on donne aujourd'hui à ce mot. Un lopin de terre aux champs, peut-être, au bout de votre carrière, la possession de votre cabinet de travail à Paris, de quoi vivre bourgeoisement quand vous ne travaillerez plus : voilà le lot des plus fortunés ; le moindre intermédiaire aux denrées sera millionnaire avant vous, qui probablement ne le serez jamais. Mais à cette médiocrité, que de compensations ! Votre temps vous appartiendra, sauf ce que vous trouverez juste ou agréable d'en donner à la confraternité....

Chaque jour qui passe rogne un peu de votre vie : mais chaque jour passé est représenté dans votre œuvre par une page ou par une ligne écrites. Si le jour était à vivre, la ligne ou la page seraient à écrire... Quel réconfort ! Peu d'activités humaines le connaissent à ce degré. Quand le semeur recommence à l'automne son geste auguste, que reste-t-il des moissons de l'autre année ! Rien que pour cette compensation merveilleuse de la vie qui fait par l'œuvre qui s'accroît, s'il fallait recommencer la vie, je voudrais être, encore, un simple homme de lettres.

MARCEL PRÉVOST

Hết lòng yêu-mến văn-chương, thành-thực làm nhà văn-sĩ, thật cũng là một cách sung-sướng ở đời. Tuy-nhiên đừng có mong làm giàu bằng cái nghề ấy được, nhất là làm giàu theo lối người Mĩ ngày nay thì lại không được lắm nữa. Chỉ có thể mong được mảnh vườn ở nhà quê, cái nhà ở ngoài tỉnh, để làm chỗ làm việc, chỗ nghỉ-ngơi ; mong đến khi về già không làm việc được nữa, cũng để dành được một cái gia-tư thường thường bậc chung đủ mà dưỡng-lão, ấy may ra thì được thế mà thôi, chứ đừng mong sánh được với ông thầu-khoán kia, ông chủ buôn nọ, phất một cái là nên bậc phú-hào ngay, con nhà văn chắc không bao giờ được như thế.

Nhưng mà giầu sang thì kém người thật, mà thảnh-thơi còn thú bao nhiêu ! Thì giờ mình là của mình, chẳng ai bắt buộc, trừ muốn cầu vui hay vì nghĩa-vụ mà giao-tiếp với các bạn đồng-chí thì không kể....

Mỗi ngày qua đi là đời mình già đi ; nhưng mỗi ngày qua đi thời trong sự-nghiệp văn-chương của mình lại thêm được một trang hay một dòng sách nữa. Còn sống ngày nào, còn viết ngày ấy... Khoan-khoái biết bao nhiêu ! ở đời mấy nghề là được sướng như thế. Người làm ruộng kia mùa sau gieo hạt thì cái công mùa trước có còn gì nữa không ? Chứ nhà văn thời ngày tháng qua đi bao nhiêu là sự-nghiệp tăng lên bấy nhiêu, cứ một cái khoái-lạc đó tôi tưởng cũng đủ khiến cho tôi giá phải tái-sinh lần nữa cũng chỉ nguyện xin làm một kẻ văn-sĩ mà thôi.

CUNG HẠ

NAM-PHONG TẠP-CHÍ

南風

慈 忠 孝 悲

THẬP CHU NIÊN

Dìu-dặt mười năm thổi,
Hòa vui một cỗi nồng.
Vẻ-vang nòi giống Việt,
Tươi-tỉnh nước non Hồng.
Biển học tràn sông Nhị,
Nền văn vững núi Nùng.
Đàn ta, ta khảy lấy:
Một khúc Bắc-Nam-Trung.

林阮陳阮黎黎李李 黃林
進文添進光明純文 瑞進
璞兼泰發彬守仁繞 鵬德

Hà-tiên, Mùa đông Bính-dần.

1926

INHON

VŨ TRUNG TÙY BÚT
雨中隨筆

III

Bàn về lễ

Ông Chu-tử thích nghĩa chữ lễ bảo rằng : Lễ là tiết-văn của lẽ trời, phép-tắc của việc người. Phàm những điều nhân-luân nhật-dụng động làm ra đều có phép-tắc, đấng thánh-nhân mới theo thứ bậc mà bày ra qui-tắc, chẳng một lễ gì không phải là lẽ trời hợp nên thế, chứ ông thánh không phải cố ý bày ra phiền-văn để cho người ta khó hiểu đâu. Từ đời trung-cổ trở xuống, đời biến thói dời, nên phải tùy thời hành-chính, chuẩn theo lễ cổ để thi-hành ra đời nay, cốt sao cho không trái với đạo-lý, bởi thế tiết-mục càng ngày càng thêm nhiều ra, những kẻ giảng bàn về lễ thì không biết thuyết nào là phải, thậm-chí người ta bảo chốn nghị-lễ là một nơi họp kiện. Từ ông Chu-tử mới biên-tập những lễ cần dùng của các nhà sĩ-thứ là bốn lễ : Quan 冠, hôn 昏, tang 喪, tế 祭, hợp với một thiên thông-lễ nữa là năm thiên, giải-thuyết ra rõ-ràng giản-dị, hơn cả mọi nhà. Nhưng trong sách *Văn-công gia-lễ* thì không dám nói đến lễ triều-đình giao-miếu, bởi nghĩ rằng trong kinh-điển vẫn còn đủ chép những lễ ấy rồi, nên không dám tự khoe là dám nghị-lễ.

Nước Việt-Nam ta khi thuộc về Tàu thì vẫn noi theo dùng lễ nhà Hán, ít lâu rồi dần-dà làm thất-chân đi, lại thêm những lễ-giáo của Tây-dương và bên Lão, bên Thích, làm cho lạp-nhạp loạn-xạ cả đi, từ bấy giờ mới trái khác cả cựu-lễ đi. Kẻ cầm quyền nước nếu bỏ đi mà không giảng xét đến, thì thì ra chính-sự chẳng cũng lẫn lộn lắm ư.

Lễ đội mũ

Quan-lễ 冠禮 ít lâu đã bỏ đi không làm đến, nên những bậc trưởng ấu lão thiếu lại không phân-biệt cho rõ-ràng, trong lúc bình-cư giao-tiếp với nhau chỉ là lấy phận-vị mà cùng đối-đãi, thành ra tức giận tranh nhau, thù oán lẫn nhau, cũng là bởi thế cả. Có kẻ tuổi chửa đứng mực đã lạm kể bằng hàng cụ già, có kẻ tuổi còn măng sữa đã vội leo lên bậc trưởng-thành, trong hàng chấm-hốt quan-tư lại kể sớm muộn mà lăng cả bậc tôn-trưởng; những nhà quan sang quí-thích thường lấy con cháu mà nạt cả cha chú ; thậm-chí có kẻ thọ như cục gỗ, mà dám kiêu-ngạo với cả quốc-dân, phẩm-cách chỉ tầm-thường, mà dám tự-cao hơn cả đồng-bối, lầm lẫn theo thói quen không biết đâu là phải, muốn sửa đổi lại thì phải phản-bản mới được. Hoặc có kẻ nói rằng : « Cứ theo lễ quan 禮冠 thì phải đội mũ mà phải dùng lễ tam-gia 三加, nay quốc-tục ta quen thói búi tóc, chuy-cân 緇巾 (1) cũng là hư-thiết, bức-cân 幅巾 (2) cũng không thường dùng đến, mũ bốc-đầu 幞頭 (3) không phải bậc

(1) Khăn vải thâm.

(2) Bức-cân là đội bằng toàn cả khổ lụa để cuốn tóc.

(3) Mũ bốc-đầu từ đời Đường làm bằng sa, như hình cái núi, có bốn cái dải rủ xuống, sau làm như hình mũ cánh chuồn.

sĩ-hoạn thì không được đội. Con gái thì không có trang-sức cái lối búi tóc cài châm. Thế mà nay thầy muốn theo quan-lễ đời cổ thì chẳng buồn cười lắm ru? » Không phải thế đâu, cổ-giả con trai con gái nếu đã qua cái tuổi để trái đào rồi thì con trai cho đội mũ, con gái cho cài châm, mà dạy bảo lấy đạo thành-nhân, vậy nên mới đặt ra lễ tam-gia, nghĩa là lần thứ nhất thì cho đội mũ vải thâm, lần thứ hai thì cho đội mũ bì-biện 皮弁 (1), lần thứ ba thì cho đội mũ tước-miện 爵冕 (2). Đến đời Tống mới đồi ra một thứ chuy-bố-quan 緇布冠, một thứ bức-cân và một thứ bốc-đầu, đó cũng là bắt-chước cái lễ-ý, chứ không có nệ gì cái cổ-chế. Người nước ta không có đội thứ mũ chuy-bố-quan, nhưng cũng có cái khăn bao-đính để vén tóc; hoặc có người đội khăn bức-cân, mũ bốc-đầu, song không tiện cho những người chưa làm quan; còn như mũ chữ *đinh* 丁字帽 thì ai cũng thông-dụng cả. Có lẽ nào mũ biện mũ miện đời cổ có thể biến đổi làm khăn bức-cân mũ bốc-đầu đời Tống, mà không thể biến-đổi làm khăn bao-đính, mũ đinh-tự đời nay ư. Còn như con gái vẫn không có tục cài châm, nhưng mà thói quen vẫn đội khăn lượt đeo hoa tai để làm trang-sức. Nếu có chí muốn giữ lễ cổ thì bất-tất phải nệ lễ-văn, chỉ theo lễ-ý là đủ. Tuy rằng thế, đây chẳng qua là vì những bậc nhà sĩ-thứ hiếu-cổ mà bàn, chứ còn như các bậc anh-quân hiền-tướng đắc-thời mà chấn-chỉnh thi-hành, thì không có chừng hạn như thường-tình tục-sáo được.

Ít lâu nay không mấy người giảng-bàn đến lễ, chỉ người nào mới đỗ hương-cống, thì mới phải theo quan chủ-khảo vào diễn-tập qua những lễ-nghi bái-quị, còn ngoài ra không hiểu gì cả, Ta thường thấy những con nhà dòng-dõi tấn-thân, dung-mạo trông cũng đẹp đẽ, phục-sức ra bộ xa-hoa, thế mà đến khi phải đóng mũ áo lên vào trợ-tế hoặc tiếp-tân, thì cử-chỉ luống-cuống, có anh lại rụt-rè sợ-hãi như là cô dâu mới trông thấy mẹ chồng, không khỏi thế-tục họ cười cho. Có người muốn sửa chữa lại thì lại làm ra bộ kiểu-sức dối-trá, cớt nhả cười đùa, làm cho loạn mất sự-thực đi. Không biết rằng lễ-ý mà trang-kính hay lười biếng, lúc tháo-thứ muốn che sự lầm-lỗi đi cũng không được, vậy thì lễ-nghi phải nên học-tập mới được.

Đời cổ-giả thì búi tóc lên trên đỉnh đầu, lấy cái mũ bằng vải thâm mà đội lên cho chặt. Cho nên mũ biện 弁 thì nhọn đầu, mũ miện 冕 thì dài như cái ống, khăn đội thì làm trùng-đài nổi cao lên, đều là làm cái chỗ để chúa búm tóc. Người nước ta thì bỏ xõa tóc, không cần gì phải đội mũ cao, vậy muốn biến-tục di-phong thì phải đợi đấng vương-giả làm dần-dà đến hết đời mới xong được.

Đàn bà đời cổ vẫn có mũ để che tóc, đàn bà ta thì chỉ dùng khăn lượt để cuốn tóc mà thôi, lúc yết-kiến bậc tôn-trưởng thì lại xòa tóc xuống để làm kính lễ. Đời vua Lê Hiển-tôn mới cho những kẻ cung-nhân búi tóc lệch mà đội mũ, kiểu mũ ấy tròn mà trùng-đài cao, duy lúc hầu thường thì đội cái mũ ấy. Đến lúc ra tâu nhạc thì vẫn đội một thứ mũ tròn chữ *đinh*, không khác gì các cung-tần hầu ở trong vương-phủ. Còn các bà mệnh-phụ ở ngoại-đình thì cách đội mũ chưa có định-chế.

Vua Đinh Tiên-hoàng mới chế ra một thứ khăn tứ-phương bình-đính 四方平頂 kiểu nó vuông mà trên đỉnh phẳng, làm bằng da, đó là một thứ quân-

(1) Mũ làm bằng da, là lối mũ võ.
(2) Một thứ mũ văn, theo về lễ-phục.

trang, đời sau mới đổi làm thứ mũ lục-lăng mà thấp bớt phần tiên, chế bằng một thứ lụa bồi bằng sơn, đó là một thứ tế-phục, gọi là mũ bình-đính平頂帽. Lại có thứ mũ đổi kiểu vuông ra kiểu tròn, uốn bề thẳng làm bề cong, để dùng làm một thứ mũ thông-dụng khi vào triều-thị, gọi là mũ chữ *đinh*.

Khoảng năm Chính-hòa, Bảo-thái, ông Nguyễn Công-Hãng 阮公沆 có phân-biệt các hạng mũ, mũ bình-đính thì từ hàng công-tướng cho đến kẻ lại-sĩ đều cứ theo cái kiểu chế nó cao thấp để làm thứ bậc. Còn mũ vua ngự thì thêu thêm chỉ kim-tuyến để làm phân-biệt. Mũ chữ đinh thì chia làm ba hạng: hạng nhất thì hình tròn mà đỉnh đầu phẳng, dệt bằng thứ mã-vĩ; lại nạm vàng bạc ở mặt trước trán trên mũi để làm phân-biệt thứ bậc, hoàng-thượng và chúa-thượng khi nhàn-cư và các hoàng-tử, vương-tử khi vào hầu thì đội thứ mũ ấy. Còn thứ hai là mũ lục-lăng mà đỉnh đầu trũng xuống làm bằng thứ sa-nam, thì để cho các quan nội-giám khi vào hầu việc thường dùng. Thứ ba là một thứ mũ hình tròn mà may trun lại làm bằng thứ vải thanh-cát (mùi xanh sẫm), để cho kẻ sĩ-thứ và kẻ quan-lại thông-dụng, song khi gặp quốc-tang thì quan đại-thần ra coi việc quan, cũng thường đội thứ mũi vải thanh-cát ấy. Nhưng cái hình-thể nó có hơi khác.

Thứ mũ bốc-đầu 幞頭 là một thứ thường-phục trong khi yến-cư của cổ-nhân, thấy chép ở đồ *Hành-lạc* trong vườn *Độc-lạc* của Ôn-công. Vua Thái-tổ nhà Minh đã diệt nhà Nguyên rồi, mới phỏng theo lối cổ mà chế ra thứ mũ ấy để làm thứ mũ đại-triều cho các quan văn, hoặc gọi là tiến-hiền-quan 進賢冠, nhưng kỳ-thực không phải. Trong năm Khang-hi thứ hai mươi mốt, ông Nguyễn Công-Hãng có sang sứ Tàu, tìm xét cổ-điển nhà Minh, khi trở về có định ra phục-chế thì lấy thứ mũ bốc-đầu 幞頭 và thứ áo vân-cẩm cổ tròn định làm thứ áo mũ đại-triều thông-dụng của các quan văn vũ. Còn như lúc ra thị-sự và vào hầu thường thì quan văn đội khăn lương, quan vũ đội khăn yến-vĩ, đó đều là tự ông Nguyễn Công-Hãng chế ra.

Ta khi nhỏ thường trông thấy các bậc tiền-bối khi nhàn-cư thường đội một thứ mũ bao-đính 包頂 bằng mã-vĩ, kiểu nó tròn mà đỉnh đầu phẳng, cao độ một thước. Hoặc đội khăn bát-tiên 八仙, nhà sĩ-thứ thì thường đội khăn bức-cân và khăn bát-tiên, hai thứ ấy đều không phải là thứ công-phục. Khăn bát-tiên thì làm bằng thứ đoạn huyền hay là làm bằng sa the, trên đỉnh đầu phẳng mà có gài mấy chùm hoa cúc, tết vòng quanh trúng-chập lên như là thứ mũ trúc-quan 竹冠 đời cổ, buộc dải vòng quanh trán mà rủ về đằng sau, lại đôi bên mang tai có rủ diềm, đó là phỏng theo lối khăn bao-đính mà làm cho văn-vẻ thêm ra. Kiểu khăn bức-cân thì chếp tập lại làm một thứ khăn vuông, trong *Gia-lễ* đã nói tường.

Hôn-lễ

Lễ cưới đặt ra từ đời Phục-hi, rồi đến các đời noi theo, lễ-chế đã tường đủ cả, chép ở trong sách *Nghi-lễ* và *Lễ-ký*, đến ông Chu Văn-công 朱文公 mới rút mà tập-thành lại, lược bớt những chỗ nói về tiền của mà trọng về lễ sính-vấn, đặt ra lục-lễ, danh-mục tuy rằng phiền, nhưng từ bậc trung-nhân trở xuống có thể tùy lực mà làm theo được. Nước ta từ đấng vương-công, khanh-tướng cho đến các nhà sĩ-thứ thì chỉ làm có ba lễ là: vấn-danh 問名 (1), nạp-sính 納聘 (2) và thân-nghinh 親迎 (3), đại-khái chỉ lấy tiền

(1) Hai bên cùng hỏi họ tên.
(2) Đưa đồ cưới. (3) Đón dâu về.

của làm chủ mà thứ hai mới hỏi đến nghi-lễ, còn cái ý kén chọn lấy đức-hạnh thì ít người hỏi đến. Văn Trung-Tử 文中子 có nói rằng : « Dựng vợ gả chồng mà chỉ bàn tính tiền của là cái đạo mọi rợ, người quân-tử không muốn bước chân vào làng ấy. » Than ôi : cái thói ấy thực đáng thương thay ! Đời cổ-giả nhà trai đưa lễ đi hỏi vợ, nhà gái phục-thư lại trả lời, chu-toàn đi lại đôi bên chỉ có một mụ mối mà thôi. Thói tục đời nay thì không thế, từ lúc đi hỏi vợ cho đến lúc thành-hôn, nhà trai phải cả họ đi cưới, mà người con gái về nhà chồng thì cả họ nhà gái cũng đi tiễn đám cưới, bày ra hành-nghi phục-sức, ăn uống linh-đình, chỉ cốt khoe mẽ một lúc ở trước mắt, có kẻ vừa cưới xong mà ruộng nương đã bán sạch. Cứ xét trong lễ thì nhà có con gái gả chồng ba ngày không tắt đèn, là vì lúc mẹ con phải li-biệt nhớ nhau ; nhà cưới nàng dâu về ba ngày không dám cử-nhạc, là lo đường nối dõi tổ-tiên, có ý để vun gốc nhân-luân và đắp nền phong-hóa ; không phải là chỉ khoe-khoang làm cho vui tai đẹp mắt một lúc đâu. Cổ-giả có lễ khi cưới đưa một tấm da 儷皮, đến đời nhà Châu mới đổi làm một bức hôn-thư 婚書, đời sau lại mới có lễ đưa canh-thiếp 庚帖, cũng là theo cái lễ vấn-danh và phục-thư của đời cổ, mà làm cho văn-vẻ thêm ra, đó cũng là ý cổ-nhân đãi đời suy vậy. Nước ta lễ cưới thì chẳng có thư thiếp gì cả, mà lại có cái tục chăng dây, chẳng kể lễ số gì cả, chỉ vòi lấy tiền bạc mà thôi, cái thói ấy thực đáng khinh-bỉ. Lại còn lắm chỗ dân-tục sách-nhiễu nặng nhẹ nhiều ít mỗi nơi một khác, thậm-chí có nơi trẻ con cũng ra đón đường vòi tiền, đến nỗi phải dừng võng cáng lại để giảng-giải, có người không mang đủ tiền thì phải đưa gán cả đồ-đạc, cái thói ấy thực là đời thịnh không nên có vậy. Ta thường ngờ hai chữ *lan-giai* 蘭 雀 không có ý-nghĩa gì cả, tra xét mãi không hiểu. Đến khi ta xem tờ chiếu năm Minh-đức nhà Mạc, mới biết trước là chữ *lan-nhai* 欄 街, sau mới dùng lầm là *lan-giai* 蘭 雀, các công-văn của quan sức về cho dân, cũng dùng chữ *lan-giai* 蘭 雀. Thực là tức cười.

Cứ lễ thì anh em con cô con cậu không được lấy lẫn nhau, chỉ có đời Tấn Ôn Kiệu lại lấy con nhà cô, là tại đời ấy lễ-giáo suy-đồi mới có cái thói ấy, chứ không kể làm thường được. Vì anh em con cô con cậu tức là hàng biểu-thân, nên thói nước ta con cô con cậu với đôi con dì không được lấy lẫn nhau. Chỉ có con cậu với cháu cô cũng có khi lấy nhau, tục-ngạn đã có câu rằng : « Con cậu mà lấy cháu cô, thóc lúa dầy bồ giống má nhà ta. » Song những khi họ-hàng thân-thích đi lại, lắm khi xưng-hô cũng có điều ngang trái. Ôi ! Lễ cưới cốt là để chính nhân-luân, nay mà lấy nhau như thế thì làm loạn mất cả hàng chiêu-mục nhà họ ngoại, người đại-nhã quân-tử sao nỡ nghe nói đến chuyện ấy.

Gần đời nay lắm kẻ làm lễ cưới lại đình-hoãn việc tang lại mà đi đón dâu, gọi là cưới chạy tang, cái thói ấy thực là thương-luân bại-lý, các bậc tiền-hiền từng đã biện-bác đi rồi. Còn đến như cái thói tiền cưới không đủ phải viết văn-khế để xin cưới, thường sinh ra kiện-tụng lôi-thôi, những kẻ ấy lại là kẻ tội-nhân trong lũ mọi-rợ khi cưới xin chỉ kể tiền-tài.

Cổ-giả con gái không được thừa gia-nghiệp, vậy nên lúc cưới về nhà chồng thì cho là biệt-li, mà ba tháng mới được về thăm nhà, chứ không được đi lại luôn. Cứ theo như nghi-lễ thì kẻ đi ăn thừa-tự người khác, khi để trở về cha mẹ mình phải giáng-phục. Các đấng tiền-hiền nghĩ rằng

phàm con trai đi ăn thừa-tự, con gái đi lấy chồng, để trở về cha mẹ mình, cũng giống như kẻ ăn thừa-tự người cha, mà để trở về mẹ mình, cũng đều giáng-phục như nhau cả.

Thừa-tự

Nước ta có cái lệ người nào không có con trai thì dùng con gái ăn thừa-tự, không biết cái lệ ấy mới có từ đời nào. Ôi! nội ngoại đã chia ra hai họ, không lẽ nào lại hợp cả thân sơ mà đều cúng tế, nếu hợp tế nội ngoại như thế thì loạn mất luân-thường. Huống-chi thế-thứ càng ngày càng xa, thì ân-tình càng ngày càng bạc, có khi chửa đến tứ-đại mà các cụ tổ-tiên chỉ trông ngóng về hàng cháu tằng-huyền vô-phục nó cúng tế, thì sao cho lâu dài được. Hoặc có người qui về họ bản-tôn thì các cụ tổ ngoại lại phải phụ hưởng ở nhà thờ tổ họ khác, thế chẳng hóa ra theo về cái lễ-giáo hai gốc, mà bắt ép quỉ thần phải hâm-hưởng theo về dòng giống họ khác, kẻ nhân-nhân người quân-tử nghe thấy chuyện ấy ai chẳng đau lòng, bởi vậy cổ-nhân phải ân-cần về nghĩa kế-tuyệt, nếu chi đại-tôn mà vô-hậu, thì cho chi tiểu-tôn vào kế-tự, chứ không có lẽ lại để cho con gái kế-tự. Ta thường thấy đời gần đây có kẻ lấy là con rể hoặc cháu ngoại mà cũng được dự phân-sản chia ruộng, lại chực muốn tranh phần hơn người cận-thân, đến khi để trở thì lại cứ theo lễ thường, có phải phụng-dưỡng sớm khuya thì lại rông thứ cho cháu ngoại, thậm-chí đến nỗi gây ra oán-thù tranh-cạnh, chỉ đem của đưa vào túi tham của kẻ quan-lại. Tuy cũng có kẻ ăn ở nhân-hậu như bà Hứa Hoàn-phu-nhân về thăm Vệ-hầu, ông Tần Khang-công đưa tiễn Tấn Văn-Công, nhưng mà thói đời càng ngày càng tệ, cũng không thể kể xiết được.

Tệ-tục

Đời suy thói tệ, không sao kể xiết. Ta khi nhỏ thường thấy những kẻ vô-lại đi lấy người gái góa, trước lấy mẹ rồi sau lấy cả con, cái thói ấy là từ cuối năm Cảnh-hưng, về sau các kẻ tấn-thân cũng có người bắt chước. Ôi! Người con gái của vợ chẳng phải là về hàng con gái của chồng ư, cứ lẽ ra thì người kế-phụ đồng-cư, người con gái riêng của vợ còn phải để trở một năm, lẽ đặt ra như thế là lo liệu cho đời sau rất là chu-chí. Thế mà các quan đương-sự thấy những kẻ lấy nhau càn bậy như thế, lại điềm-nhiên không hỏi đến, thương-luân bại-hóa còn gì tệ hơn thế nữa. Ta bảo rằng những kẻ kế-phụ mà lấy cả con gái riêng của người vợ, thì nên lấy cái luật loạn-luân mà bắt tội cho nặng cũng đáng.

Lễ tế giao

Đàn tế giao nước ta mới lập ra từ đời nhà Lý, đến đời Lê đã hai ba lần trùng-tu, chính giữa có một cái đền gọi là Chiêu-sự-điện 昭事殿, nền điện ước cao độ một trượng, chung-quanh xây bệ đá, bao-lơn đá, chạm khắc rất khéo. Ở trong có xây một cái thạch-đài hợp tế thần Hiệu-thiên thượng-đế 昊天上帝, và Hậu-thổ địa-kỳ 后土地祇, thứ đến hai bên tả hữu là Thừa-tướng-đường 丞相堂. Hai bên hành-lang thì để tế thần đại-minh 大明 và dạ-minh 夜明 cùng là các vị tinh tú trên trời, tất cả các vị thần-kỳ các vị đế-vương lịch-đại đều được bày hàng để tùng-tự. Lần cửa thứ nhất về mé ngoài thì là nơi Hoàng-thượng thay áo ở về bên tả, ra đến lần cửa thứ hai rẽ về phía đông-nam là nơi đức vương-thượng ra ngự; đến lần cửa thứ ba, bên ngoài có làm một cái nhà bảy gian là một sở của phủ Tiết-chế đóng quân hầu ở đấy. Lễ

tế giao về đời Lý đời Trần thì không thể xét được. Đời Lê cứ đến trong ba ngày xuân-dân chọn ngày nào tốt thì làm lễ tế giao. Từ khi trung-hưng trở về sau, quyền-chính về cả Trịnh-phủ, nhà vua Lê thì chỉ ngồi giữ hư-vị, duy đến ngày xuân-thủ thì vua mới ra ngự tế giao, cùng ngày hội-thí thì vua ra ngự điện Giảng-võ, lúc bấy giờ mới dàn bày lỗ-bộ, uy-nghi rước-xách, nhân-dân truyền làm thịnh-sự. Cứ lệ cũ thì lễ tế giao phải chi ra một trăm bốn-mươi-lăm quan, năm tiền năm mươi tư đồng, bộ Hộ lĩnh món tiền ấy ở Hộ-phiên rồi giao cho các viên giám-thủa ở tư-lễ-cục biện lễ; cứ lệ thì trước vị thượng-đế địa-kỳ bày thức chai-phẩm tam-tài và hoa quả chuối tiêu, còn đôi bên tả hữu hành-lang thì cứ thứ-đệ giảm bớt dần, đồ lễ không có ngọc-liệu sát-sinh gì cả. Lúc tế thì đặt bái-vị của hoàng-thượng ở giữa ngự-đạo trong điện-đình, bái-vị của vương-thượng thì ở sích về bên tả ngự-đạo, rồi đến bái-vị của quan Tiết-chế, các quan từ nhị-phẩm trở lên thì bái ở ngoài lần cửa thứ nhất, từ tam-phẩm trở xuống thì bái ở ngoài lần cửa thứ hai, lúc tế thì chỉ có lễ thượng-hương rồi tuyên-tấu, trước sau tám lạy mà thôi, rất là giản-lược.

Từ khi Trịnh Thịnh-vương (Trịnh Xâm) vào cầm quyền-chính, thì lúc tế giao chúa Trịnh không dự làm bồi-tế nữa. Đến khi bà Đại-hành hoàng-thái-hậu mất, đức hoàng-thượng (vua Lê Hiển-tôn) đương phải cư-tang, mới khiến quan Thủ-tướng là Nguyễn Công-Hoàn 阮公㦸 vào thay làm mệnh-bái. Đến năm sau chúa Trịnh Thịnh-vương tự vào nhiếp-tế, rồi thì năm ấy thóc lúa mất mùa, giặc cướp tứ-tung, thiên-hạ ta-thán đổ cho lỗi tại chúa Trịnh vào nhiếp-tế, xem thế thì biết nhân-tâm vẫn còn tôn nhà Lê. Đến đời Tây-sơn chiếm nước mới lấy nơi Đông-kinh làm Bắc-thành-trấn, lấy điện Kính-thiên làm Phản-vọng-đài 返望臺, nền Nam-giao khi ấy thì làm cái nền cầu-đảo, cứ năm nào gặp hạn-hán thì một quan Trấn-phủ đại-viên họp các giáo-phường và đội bả-lịnh ra đấy để làm lễ đảo-vũ, hoặc rước tượng tứ-pháp 四法 để phơi ở ngoài cửa lần thứ ba để cầu đảo, lễ-nghi rất là lỗ-mỗ không thể sao nói được.

Mùa hạ năm Tân-dậu vua Thiếu-chủ đời Tây-sơn phải bỏ Phú-xuân chạy ra Bắc-thành, mới đổi Bắc-thành làm Kinh-bắc. Đắp gò viên-khâu 圜丘 ở ngoài cửa Liễu-thị, xây một cái đàn phương-trạch 方澤 ở trên Tây-hồ, chuẩn-định cứ đến ngày Đông-chí Hạ-chí thì tế thiên-địa ở hai nơi ấy. Còn như Chiêu-sự-điện ở nền Nam-giao thì cứ theo như lệ Quang-minh-điện ở Trung-triều để làm nơi kỳ-đảo cáo-yết, và khi nào có cải-nguyên thì đến đấy làm lễ cáo tạ, người ta thấy thay đổi ra như thế, biết là cái triều Tây-sơn sắp mất nước.

Tạp-ký

Lần cửa thứ ba ở nền Nam-giao, có một cái đền thờ bà Liễu-Hạnh công-chúa, xây bằng gạch vuông rộng chừng độ mấy trượng, ở ngang trên con đường ngự-đạo. Hỏi những người lính lệ ở đấy thì bảo rằng từ khi nhà Lê mất nước đi rồi thì những kẻ giám-thủ ở đền Nam-giao và những kẻ đồng-cốt ở tứ-bàng đấy, mới làm ra cái đền ấy, để làm nơi để-nữ khi lên triều-thiên thì tạm ở đấy chực đợi, lời nói ấy thực là vu-khoát không nên tin. Ở về phía hữu bên cạnh lần cửa thứ hai có một cây cổ-thụ, trong khoảng năm kỷ-dậu canh-tuất có mọc ra một cái nấm to bằng cái mâm, ngửa lên trông thì cái nấm ấy văn-lý chặt chẽ, mọc ra đã lâu mà không rụng, truyền là có cốc-thần phụ vào cái nấm ấy. Lại còn có một cái giếng ở bên cạnh đường

bỏ hoang dã lâu, vào khoảng mùa xuân năm bính - ngọ có thấy lửa xanh nổi trên mặt nước lập-lòe, cao đến vài thước, ba ngày mà không tắt.

Phong-tục

Sông bến có lúc suy-dí, vi như cuộc đời cũng có lúc biến-thiên đổi khác, mà phong - tục cũng thế. Ta khi nhỏ đương về thịnh - thời đời Cảnh-hưng, phong-tục hãy còn chuộng thói trung-hậu, lúc hằng ngày giao-tiếp với nhau vẫn có ý dễ-dàng giữ thói khiêm-nhượng; nếu ai có điều gì xằng thì chỉ sợ người ta biết mà chê cười. Còn đến như những kẻ hoạn-quan quí-thích và những kẻ con em vô - lại giong-chơi, cũng chửa dám công - nhiên làm càn, nếu có kẻ nào không theo lễ phép mà làm xằng, thì những bậc phụ-lão nhà lương-gia lại ngầm đem những truyện ấy để răn con em. Chốn hương-đảng họp-hành và lúc thân-thích yến-ẩm thì chỉ duy những người cao tuổi đầu đã hoa dâm trở lên mới được dự-hội, còn những kẻ trai trẻ trở xuống, giá có mời đến dự tiệc, thì đều dút-dát lùi lại cáo từ. Nếu có việc gì bàn luận thì chỉ do bậc tôn-trưởng cao tuổi quyết-định, còn những hàng dưới thì đều chắp tay nghe theo cả. Khi trong làng xóm có vào đám xuân thu kỳ-bái, hoặc là có gọi con hát để hát thờ thần, thì cỗ bàn và tiền thưởng hát đều không có xa-xỉ lắm. Nếu có người nào làm hơi quá lệ, thì ai ai cũng đều cười mà bảo rằng không phải là thành-lệ của tiền-nhân. Khi nào có bè-bạn thân-thích qua chơi, không phải là bậc thượng-tân hay không phải là khi đại-lễ thì không có giết gà vịt. Chè tàu giá rất rẻ mà người nghiện chè cũng ít, chỉ có nhà quyền-môn thế-tộc mới có uống chè tàu. Khi nào có khách thiết rượu thì chỉ dùng cái chén nhỏ bằng đầu ngón tay cái, mời uống và chén thì thôi ngay, nếu mời uống quá thì ai cũng chê là say dắm. Ta thường nghe các bậc tiền-bối bàn nói những chuyện từ đời Long-đức Vĩnh-hựu trở về trước, thì đều cho là đời ấy phong-tục còn hồn-hậu hơn nhiều, tiếc rằng ta không được kịp trông thấy. Từ đời chúa Trịnh Thịnh-vương (Trịnh Xuân) lên nối ngôi, mắc bệnh tầm - tật, chính-sự càng ngày càng nát, những nhà họ ngoại-thích và những kẻ con em du-đãng, đều đua nhau ngoa-ngoét đối-trá để ganh nhau, những đồ-đạc làm hợp khuôn-phép, thì lại biến đổi làm cho lệch-lạc đi, những sống-áo để dùng đã có phép tắc, thì lại biến-cải làm thêm bớt đi; phàm những cách giao-tiếp thù-tạc, ăn uống đi đứng, mà có quan-hệ đến lễ-văn độ-số, thì đều uốn sửa làm cho hỗn-loạn cả đi, mỗi ngày một khác, đua nhau chuộng lạ, nếu có người đứng vững không chịu thay đổi thì lại xô nhau chê cười, thậm-chí họ muốn làm cho hãm-hại nghiêng đổ đi, tập-tục càng ngày càng kiêu-bạc.

Nón đội

Khi ta lên tám chín tuổi, thấy các ông già đội nón ngoan-xác 鑑殼, tục gọi là nón « mền giải » hay là nón tam giang 三江, tục cũng gọi là nón « tam-giang »; con nhà quan và học trò nhà học-hiệu thì đội nón phương-đẩu-đại 方斗大, tục gọi là « nón lá »; họ-hàng nhà quan, và các ông già, đội nón cồ-châu 古洲, tục gọi là « nón dâu »; người lớn và trẻ con, đội nón liên-diệp 連葉, tục gọi là « nón lá sen »; con trai con gái, đàn ông đàn bà ở chỗ kinh-kỳ đều đội nón cồ-châu, trẻ con đội nón tiểu-liên-diệp 小蓮葉, tục gọi là « nón nhỡ khuôn »; đàn ông đàn bà nhà quê, đều đội nón xuân-lôi-tiểu-lạp 春雷小笠, tục gọi là nón « sọ nhỏ »; lính tráng đội nón trạo-lạp 棹笠, tục gọi là nón « chèo vành »; người bầu hạ và vợ con lính tráng, đều đội nón viên-đẩu 圓斗, tục gọi là

« nón khua »; sư cùng thầy tu đội nón cầu-diện 笱面, tục gọi là « nón mặt lờ »; người có trở đội nón xuân-lôi đại 春雷大, tục gọi là « nón cạp »; người có trở một năm trở xuống đội nón cồ-châu, quai bằng mây, chỉ có nhà quan và nhà quyền-thế có tang thì đội nón cầu-diện để phân-biệt. Người trong Thanh Nghệ đều đội nón viên-cơ 圓箕, tục gọi là « nón Nghệ », Mán Mường ở ngoại-trấn đội nón tiêm-quang-đầu-nhược 尖光斗箬, hình nó như nón khua, đầu nhọn, làm bằng vỏ măng nứa, khác với người tứ-trấn. Đến năm nhâm-dần quí-mão quân Tam-phủ biến loạn, cậy công làm càn, cũng nhiều người đội nón viên-cơ, để lẫn với quân lính. Đến năm bính-ngọ, trong nước có biến, lại bỏ nón viên-cơ, đội nón cầu-diện, người có tang trở một năm trở xuống, buộc qua sợi trắng để phân-biệt, ở chỗ nhà quê, theo dáng nón ngoan-xác mà làm thấp trên đi, gọi là nón toan-bì 酸皮, tục gọi là « nón vỏ bứa », thỉnh-thoảng còn có người đội nón xuân-lôi-tiểu; còn nón tam-giang nón ngoan-xác, nón phương-đầu, viên-đầu, cồ-châu, liên-diệp và trạo-lạp thời không thấy nữa.

Áo mặc

Ngày xưa học trò và người thường, có việc công mặc áo thanh-cát 青吉 (là mùi xanh lam), lúc thường mặc áo chuy-y 緇衣 (là mùi thâm), dân nhà quê mặc áo vải trắng to, bây giờ thì ai cũng mặc áo thanh-cát, mà mùi thâm mùi trắng ít dùng. Áo thanh-cát lấy mùi hỏa-minh 火明 (là mùi xanh sẫm) là nhất, thứ nhì là mùi vi-minh 微明, là mùi xanh nhạt. người làm ăn dùng mùi quí-sắc 葵色 tục gọi là mùi sửng, nếu gặp quốc-tang thì vương công, khanh, sĩ, đều mặc mùi quí-sắc, bây giờ thì không cứ người sang người hèn, đều thích mặc mùi quí-sắc cả, mùi hỏa-minh vi-minh cho là quê không dùng nữa. Lệ cũ người có tang, lúc thường mặc vải to, đi đâu đội nón rũ tóc che miệng, có việc quan vào công-nha, mặc áo quí-sắc, hay là áo thanh-cát, xong việc về nhà lại mặc áo vải to; bây giờ dù không có việc công cũng mặc áo quí-sắc, bỏ nón để búi tóc ra ngoài, đùa cười ngoài đường không còn tí gì là dáng xấu hổ. Lệ cũ người có tang, từ một năm trở xuống mặc áo trắng xồ tóc cho đến khi hết trở, không dám đi uống rượu chè nhà ai, bây giờ thời công-nhiên họp nhau ăn uống, không khác gì người thường, có người còn biết xấu hổ, ngồi riêng vào trong nhà trong để phân-biệt một tí.

Còn như những thói con nhà lương-gia bỏ cả nghề-nghiệp mà đi giong chơi; trẻ nhà quí-thích tự cậy thần-thế mà dám kiêu-ngạo; anh cai chú lính lắm kẻ lại nghiện cả chè tau; yến tiệc cỗ bàn có khi lại to hơn việc tang-tế; những khi họ-hàng khuyên mời chè chén, trẻ con cũng dám léo lên ngồi, mà các bậc kỳ-lão không dám trách mắng; có khi làng xóm cùng nhau hội-ẩm, trẻ con cũng dám làm om-xòm, mà các bậc tôn-trưởng cũng không dám bắt bẻ; lắm kẻ lại phải đấu dịu với kẻ con hát hèn hạ, chỉ sợ nó chê cười; có kẻ chỉ khoe-khoang trước mắt bày ra hát xướng linh-đình. Thậm-chí những kẻ đã cáo về ở nhà quê mà chỉ làm đơn xui kẻ kiện cáo, gây thành ra thói điêu-ngoan; có kẻ ra làm quan mà chỉ tối mắt về ăn của đút, gây ra cái thói gian-tham; lại còn những thói dâm-bôn vô-sỉ, hẹn hò nhau ở trên sông; cướp trộm tung-hoành, bắt cóc những người buôn-bán; phong-tục đến thế là cùng, tuy ví như sông bến đổi dời, cũng không tả hết được tình-trạng.

Nguyễn Nghiêu-Minh

Nguyễn Nghiêu-minh 阮堯明 tên là Tuấn là người bạn khi tuổi trẻ

của ta, hơn ta đến hơn mười tuổi, nguyên là người ở huyện Trường-tân (Gia-lộc) phủ Hạ-hồng, khi gặp đời cuối Lê mới lên ngụ-cư ở phường Cổ-vũ (hàng Hài) huyện Thọ-xương. Khi nhỏ đỗ hương-cống, sau bổ giáo-thụ. Mùa thu năm mậu-thân được đi quyền-nhiếp huyện Thủy-đường, chửa bao lâu cáo quan về, tính người trầm-tĩnh mà lại phóng-dãng phong-lưu, thường khi ra vào các nơi quyền-qui, nhưng mà lại thích chơi với những bạn nhà nho áo vải, sớm tối cùng nhau chén chè chén rượu vui cười. Từ năm nhâm-tí trở về sau mới cùng ta tương-thức, thường cùng nhau đi lại qua chơi nhà ông Hoàng Hi-đỗ 黃希杜. Nhà ông Hoàng Hi-đỗ thì đối cửa với nhà ông Nghiêu-minh, mà ta thì ở phường Thái-cực (hàng Bạc) cũng không xa mấy, hễ khi nào rỗi-rảnh thì lại cùng nhau họp chơi ở nhà ông Nghiêu minh, buông mành cùng ngồi nói chuyện, xòa đầu ruỗi chân như anh em trong một nhà. Tối đến thì lại bày ghế ra trước sân ngồi trông trăng, pha chè uống nước. Lúc bấy giờ ta lạc-phách ở nơi cố-kinh không có chí gì ra dụng-thế nữa. Mà ông Hi-đỗ thì lấy là con nhà thế-gia, gặp lúc biến-cố hết cả gia-sản, mới từ trấn Hoa-dương lên ở kinh. Gặp khi ấy cuộc đời đương dở-dang, không ai muốn lưu-ý đến nhà-cửa sản-nghiệp, vậy nên thường cùng với Nghiêu-minh đi lại chơi bời. Một ngày kia, cùng với vài người tương-tri đi đến thưởng-lan ở Nam-vinh, một lát, bóng trăng mới mọc, trông nhau cả cười, mới cùng đính làm bạn Lan-xã, thường khi đêm trăng sớm gió, đi lại chơi với nhau luôn. Khi ấy Nghiêu-minh góa vợ, có một đứa con gái tóc mới chấm vai, vẫn thường quanh-quẩn ở dưới gối. Ông ấy thường kiếm được những thứ cúc: Châu-sa 硃砂, Đạm-hồng 淡紅, Hạc-linh 鶴鴿, Anh-chảo 鶯爪, mầm nó mới đâm ra mà đã trông ra vẻ não-nùng thu-sắc, Nghiêu-minh sai đầy tớ trồng ra ở chung-quanh sân. Ta khi ấy cùng với Hy-đỗ đương ngồi chơi trông thấy đứa tiểu-nữ chạy le-te đi múc nước tưới cúc, ta mới đọc bỡn mấy câu tứ-tuyệt rằng: « *Tựa hiên bảo trẻ chia nôi cúc,* 倚檻課童分菊種, *Vốn cách sinh-nhai cụ huyện già,* 可知陶令舊生涯, *Khen lũ trẻ thơ hay biết ý,* 垂髫却解人深意。*Quanh thềm tưới nước học trồng hoa.* 繞砌攜壺學灌花。» Rồi một lát lại giải chiếu giữa sân, sai quạt lò pha nước uống, bỗng nghe tiếng nhạn kêu trên không, Hi-đỗ có bài thơ nghe nhạn. Thế mà chớp mắt mới tám chín năm trời, Nghiêu-minh thì lạc-phách sang ở đất Hà-bắc, Hi-đỗ thì chịu nghèo-ngặt ở nơi Kinh-đề, mà ta thì tung-tích phiêu-bồng, hồi-tưởng lại bán-sinh mới biết đời người ta tụ-họp nhau không được mấy.

Nhà Nghiêu-minh khi trước có trồng lan, lúc nở hoa, ta với Hi-đỗ đều có vịnh thơ, đưa cho người khách Quảng-đông là Quan-quân Thiên-trì bình-duyệt, thì thơ của Hi-đỗ hay hơn cả. Ta cũng có những câu thơ rằng: « Lưỡi gà điểm điểm hồng chưa nở, 鷄舌半含紅點點。Cánh sẻ rờn-rờn biếc mới tô, 雀翎初刷綠依依。» và câu rằng: « Đẹp như Yên-cật thừa hương ngát, 嬌如燕姞餘香在。giận thác Linh-quân vắng điệu thơ, 恨寄靈均雅調稀. » Những câu thơ ấy đều được Thiên-trì thưởng-giám cả.

Đường sĩ-hoạn

Lệ cũ cứ con nhà xướng-hát mạt-nghệ không được vào nhà học-hiệu thì đỗ ra làm quan, cái ý ấy vẫn là hay. Song tiếc rằng không có mở rộng ra một đường cho những kẻ tuấn-dị tiến-thân, để thu lấy những kẻ nhân-tài xuất-chúng. Từ khi Lộc-khê-hầu (Đào Duy-Từ) lấy là con nhà xướng-

hát không được ra thì, mới lên vào giúp Nguyễn-chúa ở trong Nam, bấy giờ những kẻ đương-sự mới hối rằng cái cách sưu-cầu nhân-tài như thế là không rộng. Nhưng cũng chửa công-nhiên tuyên-bá bãi bỏ cái lệ cũ đi. Từ khi bà Trương-quốc-mẫu người Như-kinh lấy là kẻ con hát vào cung-phụng hầu Tấn-quang-vương, sinh ra Trịnh Nhân-vương (Trịnh Cương), kẻ á-lữ Biện-trưởng-cung sau lại đắc-sủng với Nhân-vương, vì thế nên các họ về bọn giáo-phường mới được kể bằng hàng với các họ nhà lương-gia, về sau này các họ nhà đại-khoa hiển-hoạn cũng thường có bởi dòng họ con hát mà phát-đạt lên, nên những kẻ sĩ-phu cũng cùng giao chơi quen lửa đi, mà những nhà con hát rồi cũng quên hẳn thế-hệ nhà mình là tự đâu mà ra nữa, xem đó thì biết thế-vận phong-tục mỗi ngày một khác.

Đàn

Nước ta có thứ đàn *đáy* 琴琴 và đàn *tranh* 箏 đều là gẩy bằng tiếng tơ, đại-lược có bốn tiếng chính là: *tình, tình, tình, tình*, lại đặt thêm ra ba tiếng phụ là: *tung, tang, tàng*, bảy tiếng ấy thay đổi làm chủ khách mà thành ra xoang điệu. Đời gần đây mới chuộng đàn nguyệt 月琴, đó là một thứ *hồ-cầm* 胡琴 đời cổ, mà cũng gọi tên là đàn *Nguyễn-cầm* 阮琴 (bởi ông Nguyễn Hàm đời nhà Tấn, 373, đặt ra) gẩy ra thành những tiếng: *sừ, sang, hồ, sế, cống, lưu, ú, sáng*, những tiếng ấy phối-hợp với bảy thanh, mười hai luật, đã kể tường ở trong sách *Cửu-phong tân-nhạc-thư*. Song nam bắc phong-thổ, tiếng ta tiếng tàu mỗi đàng một khác, nên ít người biết gẩy cho hay. Khoảng năm Cảnh-hưng (1740), có quan nội-điện cung-phụng quản tiên-hữu-đội tên là Nguyễn Đình-Địch 阮廷滌, mới biến đổi ra theo tiếng nam, nghe cũng hay. Nhưng tiếng trong tiếng đục lẫn lộn nhau, chưa có xoang-điệu gì cả. Ông Vũ Chi-Đồng 武支桐 người làng An-thái cũng thích chơi đàn nguyệt, trước học điệu tàu biết đủ các tiếng các bậc rồi gẩy ra tiếng ta, và xen thêm các bài đàn *đáy* đàn *nguyệt* của ta, tiếng rắn tiếng mềm dịu-dàng hợp nhau, bụng nghĩ thế nào, tay gẩy được thế. Thế mới biết các thứ thanh-âm không thứ nào là không thông với nhau.

Nhân-ngư (cá voi)

Ông Nguyễn Tông-Trình 阮宗程 khi làm Đốc-thị trấn Nghệ-an, lúc mới đáo-nhậm, có một con cá voi chết ở bờ bể, dài hơn một trăm thước, bề ngang cũng chừng bấy nhiêu, quan địa-phương mới lên trình ông biết. Ông mới cùng với kẻ đồng-liêu đi đến nơi làm bài văn để tế. Và năm sau thấy có một đồng-tử dung-mạo đẹp-đẽ, chừng vào độ mười-bốn mười-lăm tuổi, mình mặc áo học-trò đi đến cửa nha-môn hỏi thăm ông Nguyễn Tông-Trình có ở trong nha không. Kẻ canh cửa mới đuổi đi mà mắng rằng: « Đứa trẻ con nào đó mà dám nói hỗn đến trưởng-quan, không đi ngay thì ta đập cho bây giờ! » Anh đồng-tử liền rũ tay áo cười mà rằng: « Ta nhớ bạn cố-nhân, nên mới chẳng quản xa-xôi đến hỏi thăm, nếu không gặp thì ta đi, chớ làm gì mà rức lác thế! » Kẻ canh cửa lấy làm lạ mới vào bẩm với quan. Ông mới chỉnh-tề áo mũ nghiêm-trang ra đón, thì đồng-tử đã đi xa rồi, ông mới sai kẻ nha-dịch đuổi theo mời trở lại, cố nèo mãi đồng-tử mới trở lại, vào ngồi yên đâu đấy, đồng-tử cười bảo ông rằng: « Bấy lâu cách-biệt vẫn nhớ huynh-ông, mà huynh-ông lại không nhớ đến cố-nhân ư! « Ông từ-tạ, rồi bày rượu ngồi nói chuyện. Đồng-tử bùi-ngùi nói rằng: « Tôi với anh đều là ở trên thiên-tào mà phải bị trích-giáng, anh thì sinh ra trên cõi đời, làm nên đến khoa-giáp, không đến nỗi

biến mất cả cái bản-lai diện-mục. Chớ như tôi bị khiển-trách sinh ra làm loài cầm-ngư ở trong đám bụi hồng bể khổ, chỉ làm thêm cho đời người buồn-bã mà thôi.» Ông mới hỏi lại kỹ-càng, đồng-tử kể lại rằng : « Tôi lúc mới bị trích xuống làm giống chim bách-thiệt 百舌 (chim khiếu). Tính khôn mà hót hay, gặp được anh chàng ăn chơi ở chốn đô-thành, lấy món tiền trọng-giá mua tôi đem về, sớm tối để làm cảnh chơi, ví như ngọc củng-bích, tôi phải chịu như thế đến hơn mười năm, lắm lúc muốn lột bỏ da lông đi mà thác đi cho rồi, song nghĩ chưa được mưu kế gì. Một ngày kia, sổ lồng bay ra, khi ấy chủ-nhân đang pha chè đãi khách, ấm chuyên chén mẫu trị-giá đến hàng trăm bạc, tôi nhảy lên chỗ chiếu khách ngồi, bay múa nhảy nhót, sa ngay vào bộ chén vỡ tan. Chủ-nhân nổi giận lấy xe điếu đập chết. Song Thượng-đế bảo tôi bị trích-giáng chưa mãn-hạn. Lại giáng-sinh xuống làm kiếp cá voi ở trong bể được ba năm, tôi nghĩ tức giận nhục-nhằn, mới nhân lúc thủy-triều đưa lên bờ, rồi phơi vây ra đấy mà chết. Khi ấy anh có cùng với bạn đồng-liêu đến thăm, làm văn tế tôi, song hiềm rằng đôi đường u-hiển khác nhau, không được cùng nhau bàn nói. Đến khi đọc bài văn tế của anh thì nghe ra linh-cơ diệu-tứ rất là hay. Nay nhờ Thượng-đế đã chuẩn cho mãn-hạn trích-giáng, cho vào ở nơi hang núi để tiềm-tu, rồi lại bổ về chức cũ. Nay tôi sắp được về chầu thượng-đế, vậy nên lại chơi cáo-biệt với cố-nhân, ngày khác ta lại gặp nhau ở nơi tử-phủ thanh-đô, cũng chẳng bao lâu nữa. » Ông nhân mời lại nghỉ chơi, mật hỏi những sự tiền-trình về sau này thế nào, thì những điều ấy không tiết-lộ cho ai biết. Sớm ngày hôm sau đồng-tử từ-biệt ra đi. Ông chỉnh khăn áo tiễn ra khỏi cửa thì không thấy đâu nữa. Chửa được bao lâu ông cũng mất tại chức.

Mấy năm được mùa

Năm Cảnh-hưng giáp-ngọ (1774) đấng tiên Đại-phu ta tự tuần-phủ Sơn-tây cáo về ở phường Hà-khẩu (hàng Buồm). Khi ấy thiên-hạ thái-bình, mấy năm được mùa luôn, các cửa hàng hóa, vật-giá rất rẻ, một đồng kẽm hai cái kẹo đường ; mà hai bát nước chè tươi, hai miếng giầu cau cũng chỉ có một đồng kẽm mà thôi. Có người không khát lắm thì lấy một đồng tiền kẽm mua một bát nước chè tươi, một miếng giầu và lại một chiếc bánh điểm - tâm nữa. Ai vào hàng cơm tùy thích ăn no hết sức, chỉ mất độ mười đồng kẽm mà thôi.

(*Còn nữa*)

ĐÔNG-CHÂU *dịch*

HƯƠNG-CHÍNH TINH-NGHĨA (1)

鄉政精義

VII

Thế thì ngoài hai sự báo đền với bắt buộc ra, chỉ có đạo-đức là cái đồ để duy-trì được xã-hội mà thôi. Ta hẳng cứ xem ngay về công-nghệ và về công-vụ thì biết ; cái quan-hệ về những việc ấy, tuy lấy báo đền và bắt buộc mà duy-trì thật, nhưng cốt phải nhờ có đạo-đức thì mới bền vững được. Vì sao, nếu không có đạo-đức thì dù có cách báo đền và bắt buộc cũng không lợi-dụng vào đâu được. Nếu chỉ có một sự báo đền mà thôi, thì cũng không đủ phấn-phát được cái sức cần - lao của người ta, mà những kẻ giàu có sẽ không ai chịu vất-vả giúp cho xã-hội nữa, bởi vì họ đã cậy có của cải đủ phong-lưu không thiết gì đến lương bổng, cho nên dù bắt phạt tiền của họ, họ cũng không nghĩ gì tiếng-tăm, đành nộp tiền phạt mà trốn cho khỏi phải gánh nghĩa-vụ của xã-hội, đến bấy giờ người giàu thì tham an-nhàn, người nghèo thì khốn vì đói khó, xã-hội còn nhờ vào ai.

Coi đó thì biết, muốn cho người giàu có phải cần-lao giúp cho xã-hội mà người nghèo khỏi phải cái nỗi túng-bấn, chỉ có cái sức của đạo-đức mà thôi.

Cái cách báo đền và bắt buộc, tuy thời-hồ cũng có thể xui-giục cho người ta phải cần-lao, song cũng chưa đủ chắc cho sự cần-lao đó đã tinh-xảo được, không cứ về công-nghệ hay về công-vụ, vì muốn sự cần-lao cho được tinh-xảo, không trông mong vào cái lòng nghĩa-vụ với cái lòng danh-dự về đạo-đức của kẻ cần-lao thì không xong.

Nhất là về việc công-nghệ, cái lòng danh-dự đối với sự cần-lao lại càng quí-trọng lắm, xem những đồ công-nghệ của Nhật-bản ngày xưa thì đủ biết. Nhật-bản ngày xưa đối với kẻ thợ-thuyền, tiền công báo đền có là bao lắm, mà những đồ vật chế-tạo ra đều rất là tinh - xảo tốt lành, cũng là chỉ nhờ ở cái lòng danh-dự của người thợ-thuyền đó thôi. Trong nhà công-nghệ cùng ngoài xã-hội đều biết lấy cái lòng danh-dự làm trọng, nên chi người ta ai cũng cho rằng chế-tạo ra những cái đồ-vật thô xấu là một sự sỉ-nhục vô-cùng. Ấy cái cổ - phong của Nhật-bản thực như thế đó, xong xem Nhật-bản gần đây, cái lòng danh - dự của bọn công-nhân để chế-tạo ra những đồ vật tinh-xảo tốt lành thì đã dần dần tuyệt-tích hết rồi, những đồ vật chế-tạo chở đi ngoại-quốc, lắm thứ thô-bỉ, lại còn nhiều những thứ giả-dối nữa, mất cả danh tiếng, thực đáng tiếc thay!

Còn như sự cần-lao về công-vụ thì cũng chẳng khác gì cái lệ của công-nghiệp đã nói như trên kia, những kẻ chức-dịch ra làm việc công, bất-quá chỉ vì đồng tiền lương, chứ tuyệt không có tí bụng phấn - phát cần-lao gì cả. Hoặc cũng có kẻ vì sự bắt buộc mà nhận chức-vụ, chỉ sợ pháp-luật sẽ bị cách quan, hay trừng - phạt mà phải cần - lao đó thôi, cho nên mong cho

(1) Xem N.-P. từ số 117.

công-nghiệp thành-tựu ở bọn đó, là cứ hỏng mãi, bọn đó chẳng khác chi thằng tù bị lính coi, sợ đấm đánh mà phải làm việc, người lính còn đứng bên thì còn làm, người lính đi khuất rồi thì bỏ việc ngay.

Cho nên muốn cho những kẻ lại-viên hết lòng với công-vụ, không nhờ cái sức đạo-đức, tức là cái lòng danh-dự, cái lòng nghĩa-vụ, để cổ-lệ cho họ cũng không được. Cái sức đạo-đức ấy đối với những viên-chức về danh-dự lại càng cốt-yếu lắm, bởi vì đem cái cách bắt buộc mà xử với những chức-viên về danh-dự thì không có hiệu-lực gì. Họ đã không có cái bụng lấy danh-dự làm trọng mà từ chối những chức danh-dự, thì dù đình-chỉ cả công-dân-quyền của họ đi, họ cũng không lấy làm sỉ, đánh tăng thuế lên cho họ, họ cũng không cần. Nghĩa là cái kẻ giàu có mà không có lòng danh-dự, thì dữ-kỳ đeo-đẳng công-vụ cho thêm bấn, thà rằng nộp ít tiền phạt cho rảnh thân, cho đến những cái báo đền về tư-tưởng của các làng (tức như ngôi-thứ, danh-vọng, v.v), đem đối với kẻ không có lòng danh-dự cũng không được việc gì. Vả, cái người mà đã coi khinh danh-dự thì dù có ép họ phải nhận chức, cũng không chắc gì cho họ tận-tâm với công-vụ được, cái cách báo đền với bắt buộc đã yếu sức đến thế thì còn cổ-lệ gì được ai.

Nay thí-dụ một việc nộp thuế thì đủ biết cái cách báo đền với bắt buộc không đủ giúp cho làng thịnh-vượng được. Cứ trong pháp-luật thì phàm kẻ trụ-dân của làng là phải gánh những khoản kinh-phí cho làng, vậy khai thực cái số tài-sản của mình ra là cái nghĩa-vụ của người ở làng, song khiến cho kẻ có tài-sản mà chịu khai ra cho thực không ẩn-lậu tí gì thì tất phải nhờ ở cái lòng đức-nghĩa của họ, chứ báo đền với bắt buộc có làm gì được đâu. Vì kẻ nộp thuế cho làng họ không có lòng đức-nghĩa, thì cái bụng lợi-kỷ nó ngăn đi, nhất là chịu phạt, chỉ mong ẩn-lậu bớt số tài-sản đi cho nhẹ thuế mà thôi.

Nói tóm lại, làng cũng như các xã-hội khác, không phải rằng chỉ ứng-dụng một cái bụng lợi-kỷ của mọi người mà đạt tới cái mục-đích được đâu, phải lấy đức-nghĩa làm cái vật cốt-yếu của người làng mới được, đức-nghĩa ấy hiện-lộ ra ngoài tức là cái lòng danh-dự với cái lòng nghĩa-vụ đó, sở-dĩ khiến cho kẻ chức-dịch tận-lực với công-vụ, kẻ trụ-dân tận-tâm với toàn-thể của làng là ở đó, song gây nên cho có được cái lòng đức-nghĩa ấy thì nhờ vào đâu, há không phải nhờ vào cái tình thân-ái mà ra dư? Bởi vì cái tình thân-ái nó khởi tự trong chỗ cha con chồng vợ mà ra đến một gia-đình, một họ, xóm làng, bạn-bầu, rồi đến một thôn một phố đều được nhờ ơn. Vậy cho nên cái lòng danh-dự với nghĩa-vụ mà sung-túc cả ở kẻ chức-dịch với kẻ trụ-dân, thì làng tất thịnh-vượng, chứ như đạo-đức đã suy-đồi thì dù thi-hành một cái hương-chính rất là hoàn-thiện nào nhất trong thế-giới cũng không khỏi được tiêu-điều, ấy tôi sở-dĩ mong ở dân ta và trách ở dân ta là vì thế.

Các chức-viên hành-chính

Trên kia vừa nói về cái lòng danh-dự và nghĩa-vụ của kẻ chức-viên, nay thuật tường về các chức-viên như sau này:

Bộ Ủy-viên — Kể các viên-chức của làng thì bộ Ủy-viên là chức trọng-qui nhất trong chế-độ tự-trị của các địa-phương, vì bộ Ủy-viên có cái quan-hệ lớn về sự phát-đạt cho chế-độ tự-trị, xem những cớ như sau:

1) Đặt bộ Ủy-viên thì cử thêm được nhiều nhân-dân cho tham-dự vào việc làng.

2) Cử được số nhiều nhân-dân tham-dự vào việc làng, không những cho dự bàn vào hương-hội mà lại cho độc-lập giúp các việc hành-chính nữa.

3) Nhờ đó mà nhân-dân được thêm kinh-nghiệm về thực-tế, được hiểu biết tình-thế của làng.

4) Nhân đó mà nhân-dân dễ cảm biết cái lợi-hại của làng, xui nên hết sức về việc làng.

5) Đặt bộ Ủy-viên là để liên-lạc lấy ba phái bên hành-chính, bên đại-nghị và bên nhân dân lại với nhau, cho điều-hòa với nhau mà bỏ cái hấn-khích đi.

Công việc của làng của nước, đến nay ngày càng phiền-kịch, tất phải đặt thêm các bộ cơ-quan ra, mà thêm bộ cơ-quan ra thì lại thành ra khích-bác, cho nên trong cái chế-độ tự-trị của địa-phương là phải điều-hòa cái khích-bác ấy, một là để kết-hợp làng với chính-phủ, một là để cho trong chỗ địa-hạt tự-trị được liên-lạc ba phái hành-chính, đại-nghị và nhân-dân mà hòa-hiệp với nhau thì không gì hay hơn đặt ra bộ Ủy-viên để giúp việc.

6) Về công việc phân-nhiệm thì đặt ra bộ Ủy-viên cũng là khẩn-yếu lắm, xem một thành-phố lớn, nếu không có chức Ủy-viên thì việc hành-chính sẽ đến trì-trệ, vậy khi tổ-chức ra bộ Ủy-viên, tất phải xét về chuyên-nghiệp mà cắt cho các chức phân-nhiệm.

Về điều-lệ tổ-chức ra bộ Ủy-viên thế nào thì pháp-luật không định, chỉ tùy làng tự-định lấy, vậy làng cứ tùy sự nhu-yếu của địa-hạt mình mà tổ-chức ra, nói rút lại là cứ theo cái nghĩa hợp số người của ba phái hành-chính, đại-nghị và nhân-dân cử ra, tổ-chức lại làm bộ Ủy-viên cho tiện việc phân-nhiệm, số viên-chức trong bộ Ủy-viên thì lấy số người của nhân-dân nhiều hơn, rồi đến số người bên đại-nghị, rồi đến số người bên hành-chính, ví như một bộ Ủy-viên có 14 người thì tám người do dân cử, bốn người bên đại-nghị và hai người bên hành-chính.

Bộ Ủy-viên phải theo về bộ hành-chính của làng mà làm việc, cho nên ở thành-phố thì thuộc về Hội-đồng tham-sự, ở xã-thôn thì thuộc về viên xã-trưởng, làng thì viên xã-trưởng hay viên nào dưới viên xã-trưởng, thành-phố thì một viên của Hội-đồng tham-sự làm Ủy-viên-trưởng.

Ủy-viên có hai thứ, là lâm-thời với thường-trí. Ủy-viên lâm-thời thì như là đặt ra để coi việc nghi-thức hội tiệc, hoặc coi những việc tạm-thời. Ủy-viên thường-trí thì như là đặt ra để coi việc thu thuế, việc nhà trường, việc cứu-tế, việc vệ-sinh, việc trừ uế ngoài đường, việc cống rãnh nước chảy, nhà đồ-tể v.v., cùng những việc quản-lý các vật công-dụng.

Các Ủy-viên đều là chức danh-dự không có lương.

Chức Khu-trưởng. — Khu-trưởng cũng là chức danh-dự không có lương, ngày nay trừ những thành-phố ra, các địa-phương khác không đặt chức khu-trưởng nữa, nên người ta tưởng khu-trưởng chỉ là chức-dịch của thành-phố nên đặt mà thôi, thế là lầm, cứ trong pháp-luật thì phàm làng nào bờ cõi rộng, người ở đông, đều được tùy thế phân ra làm từng khu mà đặt người khu-trưởng, phân khu và đặt khu-trưởng, pháp-luật cho làng được tự-quyền, cho nên ở xã-thôn thì hương-hội quyết-nghị lấy, ở thành-phố thì hội-đồng tham-sự quyết-nghị lấy.

Chức việc của Khu-trưởng là giúp đỡ cho viên-chức hành-chính của làng mà xử-trí công việc trong khu mình, ví như giúp viên-chức hành-chính mà định ngạch thuế, thu thuế trong hàng khu, lưu-tâm đến những việc cầu-cống đường-sá, dựng sổ danh-sách tuyển-cử, dự-bị việc tuyển-cử.

Cứ nghĩa pháp-luật, khu không có tư-cách về pháp-nhân, cho nên khu không được độc-lập về tài-sản, độc-lập về sổ dự-toán và độc-lập về bộ cơ-quan của mình, viên khu-trưởng là cơ-quan của làng, chứ không phải cơ-quan của hàng khu, khu chẳng qua vì thu xếp cho tiện việc hành-chính, nên được tùy ý thay đổi đi luôn luôn.

Làng đã là một toàn-thể, cho nên trong làng không nên có tự-trị-thể nào độc-lập nữa, vì rằng trong làng mà lại có tự-trị-thể độc-lập thì không những giảm yếu cái thực-lực của làng đi, mà đến những sự lợi-ích cũng sinh tranh-hành nhau mãi, đó là việc đã kinh-nghiệm nhiều rồi. Tuy-nhiên, những quyền-lợi riêng, những sự quan-hệ về lịch sử của một bộ-phận nhân-dân trong làng vẫn có, cũng không nên bỏ, như là những tài-sản, những vật doanh-tạo công-dụng của một bộ-phận nhân-dân nào — tức là của một vài phố, một vài thôn trong làng —, khi liên-hợp lại làm một hương-hội, thì nên giao cho bộ hành-chính quản-lý riêng, hoặc đặt khu-trưởng quản-lý lấy, những quyền-lợi ấy vẫn là hương-hội đứng đại-biểu, song mối lợi đã khác nhau, e sẽ bị bọn đa-số áp-chế, vậy cũng nên tùy tiện đặt thêm một hội-đồng hàng khu để thay hương-hội mà quyết-nghị những khoản thuộc về các quyền-lợi như trên ấy.

Coi đó thì biết cái phép đặt ra chức khu-trưởng với bộ Ủy-viên là để cất đặt cho nhân-dân vào những chức danh-dự, cho được tận-lực với việc làng, thật là phép rất tiện lợi. ở thành *Berlin* người ta ra nhận chức danh-dự mà tận-lực với công việc tự-trị của làng hơn một vạn người, thì thịnh-vượng biết bao!

Pháp-luật cũng không cấm làng có cấp lương cho chức khu-trưởng.

Nối chương trên

Các chức-dịch có lương — Ngoài bộ Ủy-viên, chức Khu-trưởng ra thì những chức-dịch có lương là: tạp-vụ thư-ký, chức-dịch về kỹ-thuật, thợ và phu, những chức-dịch ấy thì pháp-luật không nhất-định, tùy làng đặt thế nào cho đủ người làm việc thì thôi. Làng vì sự lợi-ích của mình thì những truế-viên làm phiền-nhũng cho làng làng cứ tự bỏ hết đi, pháp-luật không ngăn-trở, hay là lấy cái phép địa-phương tự-trị và địa-phương phân-quyền thì phải thực-hành giảm bớt những phí-khoản về hành-chính, song không nên khinh-suất mà giảm bớt thuế làng, bởi vì cái phép địa-phương tự-trị và địa-phương phân-quyền là phải lấy thuế-khoản mà cung vào sự-nghiệp công-ích, miễn là không hư-phí thì thôi, sự-nghiệp của làng, hay dở tự làng làm ra, vậy sẽ h ều công việc của làng càng nhiều thì thuế làng không nên giảm quá, còn như sợ tốn lương mà giảm cả chức-dịch cần dùng đi để công việc sơ-khoáng thì quan giám-đốc phải kiểu-chính lại, ví như không bầu trương-tuần cho đỡ mất lương, song sẽ không lấy ai coi việc tuần-cảnh thì quan sức cho làng phải bầu.

Thu-nhập-dịch.—Thu-nhập-dịch tức ta gọi là chức thủ-quĩ, là một chức trọng-yếu trong các chức việc có lương, vậy nên giảng kỹ như sau này.

Cái chốn trọng-yếu về tài-chính của làng của nước có ba sự là: 1° xác-định các khoản dự-toán; 2° chi thu và ghi sổ; 3° làm báo-cáo thực-chi thực-thu và kiểm-soát. — Về việc xác-dịch các khoản dự-toán đã kể tường ở chương trên kia, đây chỉ bàn về sự thu hai thư ba và chức-vụ của Thu-nhập-dịch mà thôi, vả cái việc chỉnh-đốn tài-chính rất là quí-trọng, có quan-hệ cho cuộc thịnh suy còn mất của làng thế nào thì ai cũng đã rõ cả, bất-tất phải giải nghĩa nữa.

1° — Công việc thu chi có hai phép: một là phép của nước Pháp thì giao cho quan-lại của chính-phủ giữ việc thu chi của làng, đó cũng vì xưa

nay nước Pháp không trọng cái quyền tự-do của làng, nên cho kẻ lại-dịch thu thuế của chính-phủ kiêm cả việc thu chi của làng, chỉ có thành-tỉnh hoặc xã-thôn nào lớn, mỗi năm thu chỉ đến hơn 30.000 *francs* thì mới được đặt Thu-nhập-dịch mà giữ việc thu chi; một là phép của các nước Anh, Đức thì cho làng đặt Thu-nhập-dịch mà giữ việc thu chi.

Công việc thu chi chia ra làm hai: một là việc phát-lệnh, tức là cái việc truyền mệnh-lệnh cho thu tiền chi tiền, hai là cái việc thực-hành mệnh-lệnh ấy; hai việc ấy có nơi thì một người kiêm cả, có nơi thì phân ra người thì giữ quyền phát-hành mệnh-lệnh, người thì giữ quyền thực-hành mệnh-lệnh, phân ra thế là phép của nước Pháp mà Nhật-bản cũng theo phép ấy, ở tỉnh-xã thì xã-trưởng giữ quyền phát-lệnh thu chi, ở thành-phố thì hội-đồng tham-sự giữ quyền ấy, nhưng khi phát-lệnh tất phải theo cái số định-hạn trong sổ dự-toán, hoặc theo nghị-định «tăng khoản», hoặc nghị-định «thay đổi dự-khoản» của hương-hội. Khi nào sổ dự-toán, bởi quan trên cưỡng-bách lập ra, thì quan trên giữ quyền phát-lệnh.

Còn việc thực-hành mệnh-lệnh là chức-vụ của Thu-nhập-dịch, chức này phải có bổng cấp cho sứng-đáng, chứ không nên dùng làm danh-dự chức, bởi vì người Thu-nhập-dịch giữ tiền bạc thu chi, nếu không có lương bổng rõ-ràng thì khó cho chọn vẹn được, song làng nào bé quá, không đủ chi lương cho người Thu-nhập-dịch thì quan Giám-đốc cũng có thể ưng cho viên khu-trưởng kiêm cả việc thu-chi, song cũng không bằng hợp mấy thôn nhỏ gần nhau mà đặt chung một người Thu-nhập-dịch thì hơn.

Thu-nhập-dịch giữ việc thu chi lại còn phải giữ cả việc trước-bạ và kế-toán, mẫu sổ kế-toán ấy, về nước nào mà quan-lại của chính-phủ coi việc chi thu của các làng thì mẫu sổ theo như mẫu sổ thu chi của công-khố nhà nước, nước nào mà ủy việc thu chi của làng cho hương-hội thì để làng tự-định lấy, cho nên mẫu sổ kế-toán các địa-phương mỗi nơi một khác, cứ tùy theo cuộc kinh-tế của từng làng lớn nhỏ thế nào mà định lấy, không có mẫu sẵn, chỉ có làng nào lớn lắm mới nên bắt-chước mẫu sổ của chính-phủ, vì làng lớn thì thu chi nhiều khoản, việc ghi sổ phức-tạp mà tìm người rành việc biên chép cũng dễ, còn những làng nhỏ thôn-quê thì dùng mẫu sổ kế-toán cho thật giản-dị là phải.

Việc kiểm-soát tài-chính cũng có hai phần: một là kiểm-soát việc thu chi, một là kiểm-soát sổ kết-toán.

a) Kiểm-soát việc thu chi có hai kỳ; là định-hạn với lâm-thời, pháp-luật cho tòa nghị-hội cứ đúng kỳ-hạn đã nhất-định mà kiểm-soát việc thu chi, song xem cái cách kiểm-soát của nghị-hội xưa nay, cũng chỉ cho đủ lệ mà thôi, không có xác-thực gì, muốn cho việc kiểm-soát có hiệu-lực thì không gì bằng giao cho người nào kiểm-soát mà không tinh thì phải chịu trách-nhiệm.

b) Kiểm-soát sổ kết-toán có hai mục-đích: một là kiểm-soát xem trong sổ kế-toán có chỗ nào sai lầm không, việc thực-thu thực-chi có đúng với giấy phát-lệnh thu chi không, có làm sai mẫu sổ không, sự kiểm-soát ấy là đối với người Thu-nhập-dịch hay là người kiêm chức Thu-nhập-dịch mà kiểm-soát, quyền kiểm-soát ấy thì thuộc về bộ hành-chính của làng, khi nào viên xã-trưởng kiêm chức Thu-nhập-dịch thì thuộc về Hương-hội. Hai là kiểm-soát xem việc các mệnh-lệnh thu chi có đúng với sổ dự-toán, với nghị-định tăng khoản cùng các mệnh-lệnh của pháp-luật không, sự kiểm-soát ấy là đối với

người phát-lệnh thu chi tức là hội-đồng tham-sự thành-phố, hoặc viên xã-trưởng của tỉnh xã mà kiểm-soát, quyền kiểm-soát ấy thuộc về bộ cơ-quan đã xác-định số dự-toán tức là các hương-hội của làng, ở Nhật-bản thì theo về phép kiểm-soát này.

Phép báo-cáo sổ kết-toán thì cứ mỗi năm viên Thu-nhập-dịch đính các giấy-má chứng-cứ theo sổ kết-toán mà trình với Hội-đồng tham-sự hay là viên xã-trưởng, bấy giờ hội-đồng tham-sự hay viên xã-trưởng xét đi một lượt, gọi là đệ-nhất-thứ kiểm-soát, xét xong ghi ý-kiến vào rồi đưa trình cho Hương-hội thành-phố tỉnh-phố hay xã-thôn xét lần thứ hai, gọi là đệ-nhị-thứ kiểm-soát, khi Nghị-hội đang xét lần thứ hai cũng được xét cả đệ-nhất-thứ kiểm-soát, còn làng nào không đặt Thu-nhập-dịch thì sổ báo-cáo kết-toán trực-tiếp trình ngay ra Hương-hội chứ không có đệ-nhất-thứ kiểm-soát, nhưng như thế thì cái hiệu-lực kiểm-soát không có giá-trị gì mấy.

Hương-hội kiểm-soát sổ báo-cáo kết-toán rồi, cho là chính-đáng thì phê chữ duyệt-nhận, nếu cho là không đúng thì không phê chữ nhận và lại đi thưa kiện cho kẻ chịu trách-nhiệm ấy, ở Nhật-bản thì cho Hương-hội của thành-tỉnh xã-thôn đem việc kết-toán không đúng lên thưa ở Hội-đồng tham-sự bậc trên mình, rồi lên thưa ở Tòa-án cai-trị, sở-dĩ không bắt phải thưa ở các tòa-án thông-thường, không những muốn cho đỡ tốn đỡ chậm-chễ, mà lại muốn để cho chỗ đã hiểu sự-tình của làng mới biết đường mà xử-đoán cho làng được.

Tuy-nhiên sự kiểm-soát sổ kết-toán là ở khi tiền-nong đã thu chi xong, thế thì có nhiều cái đã lỡ mất thời-cơ đi rồi, có xét ra được cũng khó đúng cái số đã tổn-hại, muốn giản-tiện không gì bằng kiểm-soát ngay lúc đang thu chi là hơn, vậy phải phân-biệt ra cái quyền phát mệnh-lệnh với cái quyền thực-hành mệnh-lệnh khác hẳn nhau, để cho kẻ thực-hành mệnh-lệnh được kiểm-soát những mệnh-lệnh phát ra có đúng phép hay không, nói cho rõ là cho Thu-nhập-dịch được kiểm-soát các cái vé phát-lệnh thu chi xem có đúng với sổ dự-toán không, có đúng với nghị-định tăng khoản hay nghị-định gì khác không, có trái với pháp-luật về sự phát-lệnh không. Nếu Thu-nhập-dịch xét ra có cái vé phát-lệnh thu chi nào trái phép thì nghĩa-vụ của Thu-nhập-dịch phải chống-cự lại mà không nhận đem thực-hành, muốn cho Thu-nhập-dịch phải làm hết nghĩa-vụ ấy, thì: một là theo đúng luật mà trừng-trị, một là bắt phải đem hết gia-sản của mình ra làm vật án-quĩ. Vì quả làm được như thế thì chắc rằng công-việc chi thu của các làng, có thể cứ bằng ở số dự-toán mà thi-hành, không lo gì thất-thố nữa.

Chức-vụ của làng

Nay chúng ta thử hỏi nhau rằng: «Cái mục-đích về công việc của loài người là ở đâu?» thì tất có người trả lời rằng: «Chỉ cầu cho cái sức người ta được làm tới cái chốn rất hoàn-toàn mà thôi». Lại hỏi: «Vậy thì mục-đích của làng của nước là ở đâu?» Tất nói: «Cũng chỉ mong cho đạt tới cái chốn rất hoàn-toàn vậy.» Nghĩ như thế là lấy rằng làng với nước là cái chỗ đoàn-thể của loài người tập họp lại, cho nên đối với công việc của loài người thì một nhà thi-nhân Lã-mã ngày xưa có nói rằng: «Ta là người, vì việc gì có ích-lợi cho người, ta không tránh.» Câu nói đó thật nên đem khuếch-trương ra cho trong làng, phương-chi đồng-tâng đồng-cư, thủy-chung nặng nghĩa, công-an công-ích, quan-hệ cùng nhau, sự thân-thiết trong làng như thế, vậy cái gì có ích-lợi cho người thì ta cứ làm, hà-tất phải đồ đưa cho ông Chu-công với ông Khổng-tử như hai câu thơ tội-ác xưa kia.

Làng là một đoàn-thể của nhân-loại hợp-tập với nhau, thì cái gì là hạnh-phúc của làng, làng phải tự làm lấy cả, chứ không tránh được. So g cái phạm-vi về việc làng thì rộng mà địa-hạt kinh-tế, văn-minh và tri-thức của mỗi nơi một cao hạ khác nhau, vậy sự-nghiệp về những việc cần-dùng cũng không đâu giống đâu cả được. Nay muốn đem pháp-luật mà ấn-định cho những việc cần-dùng của các làng theo một loạt như nhau thì thực không phải.

Tuy-nhiên, làng không có chủ-quyền được như quốc-gia Quốc-gia tự có chủ-quyền, tự định lấy phạm-vi về công việc của mình, không chịu cho ai hạn-chế được, đến như làng thì chỉ có là một bộ-phận của quốc-gia, là cái nền giàu-thịnh của quốc-gia, cung mọi việc cho quốc-gia dùng, cho nên quốc-gia tuy nhận cho làng độc-lập cho mở-mang mọi việc cần-dùng để làm lợi-ích cho mình, mà quốc-gia cũng có can-thiệp đến một chút, sự can-thiệp ấy có hai cách là tích-cực với tiêu-cực :

1° Tích-cực can-thiệp là quốc-gia cho làng cứ lấy những điều - kiện đã nhất-định làm nghĩa-vụ mà thực-hành.

2° Tiêu-cực can-thiệp là quốc-gia hạn cho làng không được mở-mang công việc đến quá chừng.

Ngày nay dân-trí mở-mang, quốc-vận tiến-bộ — nói về các nước — những việc quốc-gia phải làm là việc chung của dân, càng ngày càng tăng ra, nên quốc-gia phải thi-hành phép địa-phương phân quyền mà sinh ra cách tiêu-cực can-thiệp.

Địa - phương phân - quyền là ủy-nhiệm những sự hành-chính nhỏ-nhặt và giao chức-trách cho cái cơ-quan của một địa-phương Cơ-quan ấy quản-hạt nhỏ hẹp, dễ hiểu tình-thế trong xứ-sở mình, đối với cái lợi-hại trong xứ-sở có cái quan-hệ thiết-tha, cho nên xử sự vừa chóng vừa tươc-thà, vừa đỡ tốn hơn là Trung-ương chính-phủ.

Quốc-gia ủy một phần chính-vụ cho địa-phương, cho kẻ trụ-dân trong địa-phương được can-dự vào mà mưu sự lợi-ích cho xứ-sở và cung cho quốc-gia, ấy là cái nghĩa địa-phương phân-quyền và địa-phương tự-trị đó, những chính-vụ ủy cho địa-phương, chia ra hai phần là tất-yếu và tùy-ý,

Tất-yếu là việc ép phải làm như phép cưỡng-lập sổ dự-toán trên kia, sự ủy-nhiệm đã phân ra tất-yếu với tùy-ý thì việc giám-đốc cũng nhân đó mà có đáng nghiêm đáng khoan, cho nên những việc tất-yếu, chính-phủ định lấy pháp-luật rất tường-tế, chứ không cho làng được tự-thảo ra điều-lệ. Mà những phép-luật ấy thì để riêng về bộ hành-chính chứ không chép vào hương-chính của các làng, các chính-vụ tất-yếu của quốc-gia ủy-nhiệm cho làng đại-lược là :

1° — *Việc cảnh-sát* — Cảnh-sát là việc quan-hệ về lợi-hại của Nhà-nước vẫn nhiều mà quan-hệ về lợi-hại của làng cũng không ít, nên có hai hạng cảnh-sát là phổ-thông cảnh-sát với hương-quan cảnh-sát.

Thuộc về hương-quan cảnh-sát là những việc tuần-phòng để bảo-hộ cho tính-mệnh, tài-sản, giữ-gìn cho đường-sá, chợ bến và các nơi công-sở, như cảnh-sát về kiến-trúc, cảnh-sát về hỏa-tai, cảnh-sát về thức ăn, cảnh-sát về sự giao-thông, cảnh-sát về đong-bóc (thuê người ở) và cảnh-sát về đồng-điền, v.v.

Thuộc về phổ - thông cảnh-sát là những việc cảnh-sát có quan-hệ đến toàn-thể cả nước hay một xứ, chứ không phải chỉ về một địa-phương nhỏ đâu, tức gọi là cảnh-sát về chính-trị đó, như cảnh-sát về xuất-bản, về tập-hội, về kết-xã, cảnh-sát về tư-pháp, v. v.

Tuy-nhiên, cách phân ra làm hai này cũng không phải là biệt ra giới-hạn nhất-định, chỉ tùy tình-thế của quốc-gia mà có khác nhau, nghĩa là ủy cho làng phải làm thì gọi là hương-quan

cảnh-sát, quan-lại của chính-phủ tự làm lấy thì gọi là phổ-thông cảnh-sát.

Chính-phủ ủy-nhiệm việc cảnh-sát cho làng có hai phép: một là ủy-nhiệm việc cảnh-sát cho toàn-thể cả làng, để cho hội-nghị của làng quyết-nghị; một là ủy-nhiệm việc cảnh-sát cho quan Thị-trưởng hay viên xã-trưởng để thay chính-phủ mà thi-hành công việc.

Sở-dĩ ủy-nhiệm quyền cảnh-sát cho làng là lấy cái lý-do rằng: mục-đích của làng là ở cái việc làm tăng-tiến lợi-ích và hạnh-phúc cho công-cộng, vậy đương khi có việc gì nó chống cự lại với sự-nghiệp ấy hay là làm hại đến sự-nghiệp ấy, nếu làng không có cái quyền-lực để cưỡng-chế đi, áp-phục đi thì không thể nào đạt tới mục-đích ấy được, quyền-lực ấy tức là quyền cảnh-sát đó. Quan Thị-trưởng hay là viên xã-trưởng chỉ có cái quyền hạ-lệnh, chứ không giữ cho cái lệnh ấy thực-hành được, tất phải có người để đem chấp-hành cái lệnh ấy, ví như viên xã-trưởng có lệnh sức cho những kẻ trụ-dân rằng: « Cái rãnh này có hại cho sự vệ-sinh, phải đậy nắp đi ». Song ví có kẻ trụ-dân nào không tuân lệnh ấy, nếu bấy giờ không có người chấp-hành mệnh-lệnh bắt kẻ ấy phải tuân theo không được, quan Thị-trưởng hay viên xã-trưởng mà muốn được có người chấp-hành mệnh-lệnh cho thì có hai cách: một là làng tự dùng lấy lính cảnh-sát mà cấp lương cho, một là giao việc chấp-hành mệnh-lệnh cho quan cảnh-sát của Nhà-nước.

2° — *Việc cứu giúp kẻ khó.* — Ở đời ai cũng phải có cái quyền tự sinh-tồn lấy cho mình, mà trong loài người cũng có kẻ không tự sinh-tồn được, thì nghĩa-vụ của xã-hội phải cứu-giúp cho, nghĩa-vụ ấy về ngày xưa thì chỉ nhờ vào có cái lòng đức-nghĩa của loài người biết thương nhau mà thôi.

Về ngày xưa, lúc văn-hóa còn chưa mở-mang, công việc của xã-hội còn giản-dị, quyền sở-hữu chưa có giới-hạn, tài-sản của mọi người không xa cách nhau cho lắm, nhân-dân ở đâu cứ yên mãi một chỗ, ít có những sự giao-thông thiên-tỉ, cái tình quan-hệ của gia-tộc nọ với gia-tộc kia, cái nghĩa lân-bần của thôn xóm, đều rất là thân-mật khẩn-thiết, về lúc ấy thì cái việc giúp-đỡ cho kẻ khó, người ta cứ lấy cái cảm-tình về ơn-huệ mà xử, chứ không phải đợi chính-phủ đặt ra pháp-luật gì cả, cho nên công việc giúp-đỡ cứ làm theo một cách tự-nhiên mà không nghe có điều bất-chu bao giờ.

Từ khi vận nước ngày một phát-đạt, việc giao-thông ngày một phiền-tạp, mà cái ơn-huệ cứu giúp kia thành ra không chu được nữa, chính-phủ bất-đắc-dĩ phải tiến lên mà đặt ra phép-tắc, cái việc cứu giúp cho kẻ khó, từ bấy giờ bèn thoát ra ngoài vòng ơn-huệ mà thành ra nghĩa-vụ về pháp-luật.

Ấy sở-dĩ lấy cái việc giúp kẻ khó làm cái nghĩa-vụ về pháp-luật, không những là muốn cứu giúp cho được chu mà cũng là để giữ-gìn sự an-ninh cho xã-hội đó, bởi vì giao-thông càng tiện, thiên-tỉ càng được tự-do, thì những bọn ăn-mày du-đãng cũng càng sẵn, cũng là cái thế tự-nhiên khiến nên, bọn ăn-mày du-đãng đi rông-rài ở các hạt là cái đại-hại cho sự yên-ổn trong nước, cho nên chính-phủ phải ngăn-cấm đi, một là để cho bọn ăn-mày du-đãng khỏi lang-thang ra phường-phố, một là để tiệt cái căn-bản của bọn đó đi, việc cứu-giúp kẻ khó tức là định làm cho tiệt cái căn-bản bọn đó, bởi vì cái nguyên-nhân của bọn ăn-mày du-đãng, đại-để là vì nghèo khó mà ra.

Tuy-nhiên, việc cứu giúp kẻ khó, chính-phủ chỉ trợ-cấp phí-tổn và giám-đốc công việc, chứ không tự đứng làm, trực-tiếp chịu lấy cái việc cứu giúp ấy,

là tự-trị-thể của địa-phương vậy, làng mà gánh lấy cái việc cứu giúp kẻ khó là cái việc rất nên, mà lệ thường các nước ngày nay, không đâu không gán cho làng phải gánh lấy cái việc ấy, xem ở nước Anh, một bậc địa-phương tự-trị-thể thấp nhất gọi là « Ba-li-si », tức là những đoàn-thể cứu-giúp kẻ khó mà kết-hợp lại, ở nước Đức thì các làng cũng phải gánh lấy việc cứu giúp kẻ khó mà lại chịu lấy phí-tổn, mãi gần đây, khoản cứu giúp kẻ khó của các làng to quá, nên mới bắt các địa-phương tự-trị-thể lớn gánh đỡ bớt đi cho.

Về công việc cứu-giúp kẻ khó còn nhiều lắm, nhưng không quan-hệ với sách này nên không kể nữa.

Chính-vụ ủy-nhiệm cho làng, ngoài hai việc cảnh-sát và cứu-giúp cho kẻ khó ra thì còn những việc khác là : việc mở trường để dạy học, việc sửa đường-sá để giao-thông, việc tu-tạo chùa, nhà giáo-đường để trọng tôn-giáo và việc cất lính, v. v., những việc ấy đều có luật định rõ-ràng cả.

Nay nói về việc tùy-ý của làng. — Những việc tùy-ý của làng là những việc nhu-yếu riêng của các địa-phương, thường để các làng tự định-liệu lấy, chính-phủ không có đặt ra luật-lệ. Trong các sự vụ tự-trị của làng thành-tỉnh với của làng xã-thôn cũng lại khác nhau xa. Việc của làng xã-thôn sở-chủ là nông-nghiệp, quan-hệ về nông-nghiệp cần phải cải-lương cho được tiến-bộ thì phải lưu-ý đến những việc đê-bối, việc khai ngòi đặt máy nước để lấy nước tháo nước, việc chọn giống, việc cải-lương chất đất, v. v., những việc đó hương-hội đứng chủ-trương mà tài-chính thì mưu ở các điền-mẫu góp dần, hoặc để cho các điền-chủ hợp sức nhau mà làm, nếu khởi-biện được việc gì thì sẽ xin với tự-trị-thể thuộc-hạt bậc cao hay là xin chính-phủ giúp làng xã-thôn ; lại còn việc lâm-phận với việc săn bắn cũng là những việc cần, cõi đất của xã-thôn trước kia còn chưa mở hết, ai cũng có thể được đến vỡ ra mà cầy cấy, sau bèn hóa ra làm ruộng đất tư tất cả, bây giờ thì dù có còn một hai thửa, hoặc để bỏ cỏ nuôi trâu bò, cả làng công-dụng, hoặc cho lĩnh-trưng, duy còn có lâm-phận là để cho nhân-dân được tự-do vào kiếm lợi mà thôi, song ngày nọ thường có chỗ không biết giữ-gìn gỗ-lạt trong rừng, để cho tàn lụi mà cả nước cùng phải tai hại vô-cùng.

Rừng cây mà tàn lụi, không những thiệt-hại cho một thôn một xã, mà ảnh-hưởng lây đến khí-hậu của một địa-phương, quan-hệ đến cuộc kinh-tế của một nước. Bởi vậy chính-phủ các nước ngày nay, đâu cũng đặt ra pháp-luật nghiêm nhặt để bảo-hộ cho rừng-rú, hết sức nghiên-cứu những cách giồng cây đốn gỗ, đối với những lâm-phận riêng của tư-nhân, chính-phủ cũng nghiêm-cấm không cho chặt bậy. Còn những lâm-phận của các làng thì giữ-gìn hạn-chế lại rất nghiêm-mật, như ở nước Pháp cùng những nước theo chế-độ của nước Pháp vậy, ở nước Pháp, bao nhiêu rừng núi của làng, quan-lại nhà-nước quản-lý cả, làng không được hỏi đến, nhưng cái lợi lâm-sản thì vẫn để cho làng được hưởng.

Ở nước Đức thì Nhà-nước không trực-tiếp quản-lý rừng núi của các làng, song cách chế-hạn nghiêm-nhặt cũng không kém gì nước Pháp, làng tuy cai-quản lấy lâm-phận của mình, nhưng phải theo mệnh-lệnh của nhà-nước chỉ bảo, phải sinh-dụng quan Kiểm-lâm có bằng của nhà nước cấp, pháp-luật lại ấn-định cái án kinh-tế về sơn-lâm, làng phải tuân theo án ấy mà thi-hành việc kinh-tế. Nhà nước lại cho các quan hành-chính được quyền-lực mà nghiêm-đốc các lâm-phận của làng, đó là phép của nước Đức.

Đến như việc săn bắn chim muông cũng phải có luật-lệ chỉ-định, cứ những

lời của miệng ở Âu-châu thì cho sự đi săn là một cái quyền gọi là «liệp-quyền» kẻ có thổ-địa tức có quyền ấy, có thổ-địa không những được tự săn bắn chim muông trong bờ cõi của mình, lại có quyền ngăn-cấm không cho kẻ khác đến đấy săn bắn, song thuyết ấy mà thực-hành cũng là một cái hại, một là nhiều thêm số người đi săn, không quen bắn súng, nhỡ ra nguy hại cho côn-chúng, một là nhiều thêm mãi số người đi săn ra thì chim muông sẽ đến mất giống, vì vậy chính-phủ muốn trừ cái hại đó, chỉ cho người nào có thổ-địa rộng lắm được một mình có quyền săn bắn trong đó mà thôi. Còn những chỗ thổ-địa nhỏ hẹp thì hợp mấy khu lại, rồi vạch hẳn ra làm một «liệp-khu» để cho làng quản-hạt. Làng sẽ cho người ta thuê cái liệp-khu ấy, hay là làng thuê người tài săn về săn bắn chim muông cho làng.

Đó là đại-lược những sự-vụ của xã-thôn, còn sự-vụ của thành-phố thì cái phạm-vi lại càng to lớn lắm, bởi vì ở thành-phố thì người đông, sự nhu-yếu nhiều mà cái sức đóng góp của nhân-dân thành-phố cũng cả thể được, cho nên sự-nghiệp của thành-phố, không những là việc cần-dùng không đừng được, mà đến việc trang-sức thành-phố cho đẹp-đẽ để vui sướng cũng phải sửa-sang, ví như việc cứu-hỏa, việc dẫn nước ăn, việc trừ phần uế (các kinh-thành lớn ở Âu-châu về việc trừ phần uế chịu tốn hàng cự-khoản mà xếp đặt cũng chưa lấy làm hoàn-toàn), việc quét dọn đường-sá và việc thiết-lập công-viên, v. v.. Thành-phố mà sửa-sang bề ngoài cho sang-trọng đẹp-đẽ được, cũng là có lợi cho thành-phố không phải ít, vì rằng thành-phố mà càng sang trọng đẹp-đẽ thì người ngoại-quốc, kẻ lữ-khách càng đến ở đông.

Đến như thành-phố về thủ-đô lại là chốn giữ-gìn cái bụng ái-quốc cho nhân-dân, không lưu-tâm đến không được. Ví như thiết-lập những đồ kỷ-niệm về lịch-sử, đúc tượng xây đền thờ các đấng vĩ-nhân trong nước, các đấng anh-hùng cứu-quốc, bảo-tồn những chỗ kiến-trúc cổ-phong của nước mình, hoặc bảo-tồn lấy những khí-vật về mĩ-thuật để phát-khởi cái lòng quan-cảm về mĩ-thuật cho quốc-dân, v. v., phàm những sự-nghiệp như thế, Nhà-nước trích quốc-khố ra trợ-cấp cho thành-phố mới là phải.

Những chính-vụ của làng đã kể như trên ấy, đại-khái để tùy cho cái sức của làng làm được đến đâu thì làm, song cũng có cái cách thay cho pháp-luật mà chế-hạn đi, như :

a) Chế-hạn bởi cuộc kinh-tế của quốc-dân. — Cách chế-hạn này là bởi cuộc kinh-tế chung của làng với sự kinh-tế riêng của cá-nhân mà khiến nên ví như những sự về máy nước, máy đèn điện, đường sắt, sở xe ngựa, v.v., thì nên để công-sở đứng làm lấy hay là cho kẻ tư-gia lĩnh-trưng, cái đó phải xét đến nguyên-tắc về kinh-tế của quốc-dân, nghĩa là cho kẻ tư-nhân lĩnh-trưng mà không trái với mục-đích công-ích thì cho, không thì để làng tự kinh-doanh lấy.

a) Chế-hạn về tài-vụ. — Làng muốn dựng nên sự-nghiệp gì, phải có tiền dùng cho xứng-đáng mới được, tiền dùng ấy phải theo vào cái trình-độ tư-lực của nhân-dân, tức là cái cách chế-hạn tự-nhiên đó, chứ nếu không nghĩ đến sự đóng góp nặng-nề cho dân làng mà cứ lạm-bổ cho đủ dụng thì pháp-luật không cho, bởi vậy trong luật hương-chính định rằng : làng muốn gọi công-thải, giảm tài-sản đi, bán bất-động-sản đi, đánh thuế bất-thường-thu, đánh thuế mới hay là đánh tăng cái suất-thuế hiện thu lên, đều phải xin phép chính-phủ có cho mới được, thế là cách theo tài-vụ của làng mà chế-hạn chính-vụ của làng đó.

(*Còn nữa*) N. T.-T.

BẢO-TỒN NAM-NGỮ (1)

II

Nói việc học Nam-ngữ, nói thì dễ, mà không phải trong nháy mắt đã được trông thấy kết-quả hoàn-toàn. Hoặc có người hay thối-chí và hay nói rằng : cố giữ cho cốt-cách được toàn-vẹn, không phải là mau, không phải là dễ, không phải trong chín mươi năm, sáu bảy mươi năm mà thành công được.

Cố giữ cho cốt-cách được vẹn-toàn là một việc khó-khăn nặng-nề lắm, không sao kham nổi. Sao bằng « ăn thuở ở thì », nước sâu thì dầm, cạn thì vén, cho thuận tình đời mà thôi, và đang thời buổi ngày nay, đồng-hóa theo dân nào cũng chẳng hề chi. Chủ-nghĩa xã-hội một ngày một tiến mau chóng lắm, thế-giới này cũng sắp đến ngày biến-đổi ra thế-giới đại-đồng rồi. Đến khi ấy, đâu cũng như đâu ; cũng một thứ-dân, cùng một văn-hóa như nhau, chỉ có khác màu da mà tinh-thần cũng như nhau.

Nói thế là thuyết-lý bông-lông, không bằng-cứ vào đâu và không ai tin được. Phải chi các giống người biết thương-mến lẫn nhau, nhường-nhịn lẫn nhau, thì họa may sẽ có thế-giới đại-đồng. Nhưng tính con người dễ đâu được thế ; sự cạnh-tranh đời nào cũng có, và sau này cũng sẽ còn mãi, vạn-nhất mà có thế-giới đại-đồng thì ai là người có đủ thế-lực để chủ-trương thế-giới ấy ?

Không, các dân-tộc chưa mong có ngày tạo-thành ra một cái thế-giới đại-đồng được.

Nước nào cố lo giữ cho vận-mạng nước ấy là hơn. Dân-tộc nào cũng cố lo giữ quốc-văn quốc-túy của mình là hơn.

Riêng về xứ Việt-Nam đây chưa dám khinh-rẻ Việt-văn, chưa dám coi khoa Việt-văn làm thường. Dân-tộc nào cũng cố giữ cốt-cách để vĩnh-viễn sinh-tồn, thì dân-tộc Việt-Nam cũng phải cố giữ lấy, và tự lâu nay nhất-ban quốc-dân đã ra sức thi-hành.

Từ trước năm 1920, xem báo « Việt-Nam thinh-hưởng » (*l'Echo annamite*) và báo *Trung-Bắc tân-văn* thường thấy nhiều bài cổ-động việc dạy khoa văn-chương Việt-Nam, và dùng khoa Việt-văn để diễn các khoa-học ở sơ-đẳng học-đường. Thấy cũng lắm, mà khi ấy nhỡn-quang cũng còn mơ-màng lắm, chưa có biết sao là xã-hội, sao là nước nhà, sao là thờ-phụng sự học. Thế cho nên xem báo thì có xem, cũng tiềm-tiệm hiểu biết các việc ấy là việc hữu-ích, nhưng bài báo xem rồi đều bỏ mất hết cả.

Người ở trong nước đã cổ-động cho quốc-ngữ, người đi du-học bên Pháp cũng đã cổ-động như thế, tai ta vừa nghe mà lấy làm vui-vẻ vô-cùng.

Đi du-học bên Pháp là cốt để tập-luyện lấy Pháp-văn và các khoa-học, mà còn để tâm để ý vào chữ quốc-ngữ, để bụng thương-mến quốc-ngữ, thế là một điều đáng ghi-nhớ vui-mừng biết bao.

Ông Dương Tự-Nguyên soạn sách tiểu-thuyết *Cảnh thu di-hận*, bài tựa ông nói rằng :

(1) Xem N.-P. số 122

«... Cái trình-độ quốc-văn của mình bây giờ hãy còn ở cái thời-kỳ ấu-trĩ, sự đó thì phàm quốc-dân ai ai cũng đều biết. Ta đã biết vậy mà ta không chịu ra công bồi-bổ cho cái hậu-vận quốc-văn của mình thì sự biết đó cũng như không... Tận nghĩa-vụ với quốc-văn ấy cũng là một phần việc của người thương nước. Tấm lòng thương nước cũng vi như đi thuyền ngược nước, hễ không lên thì tất phải lui đó thôi.

« Ấy là cái cảm-tưởng của kẻ hèn-mọn này trong lúc viết quyển truyện *Cảnh hu di-hận* hồi đương còn phải cắp sách đi học ở ngoài nghìn dặm kia...»

« Xem thế thì biết vấn-đề học quốc-ngữ trước kia nhóm giữa khoảng núi Nùng sông Nhị, ảnh-hưởng ngày một lan rộng, nay đã thành một luồng không-khí rất đầm-ấm êm-hòa mà bao-bọc khắp trời Nam. Cái không-khí ấy là cái hồn của non sông nòi-giống Việt-Nam, nên nó dễ cảm được người Việt-Nam, mà người Việt-Nam phải cần hô-hấp lấy cái không-khí ấy mới sống được thảnh-thơi yên-ổn. Dẫu cho có phải xa-cách non sông đất nước nhà, chớ cái hồn ấy vẫn quanh-quẩn bên mình.» (1)

Ở Nam-kỳ, hiện nay *Rạng đông tạp-chí* do ông Trần Huy-Liệu sáng-lập, cũng theo đuổi về việc luyện-tập quốc-văn.

Bảy tám năm về trước, *Đại-Việt tạp-chí*, do ông Lê Quang-Liêm và ông Nguyễn Văn-Cư sáng-lập, cũng theo đuổi về mục-đích đó. Ông Hồ Văn-Trung là một người phụ-bút trọng-yếu của tạp-chí ấy, lại là một nhà soạn tiểu-thuyết trứ-danh trong Nam, đã từng công-bố rằng :

«... Truyện quốc-âm ta như bộ truyện *Kim-Vân-Kiều*, tả tình tả cảnh như vẽ như thêu ; văn quốc-âm ta như mấy bài văn tế xưa càng đọc càng ngậm-ngùi, thi quốc-âm ta như những bài thi cổ, ngôn-từ lỗi-lạc, tình-tứ thâm-trầm, dẫu ngàn năm cũng bất-hủ ; chúng ta có sẵn một nền văn-chương như vậy nghĩ cũng là vinh-hạnh lắm thay, lẽ nào chúng ta bỏ đi cho đành...» (2)

Các ông vừa kể tên trên này là những người danh-giá, ai cũng biết tiếng. Nhưng ngoài ra cũng có nhiều ông nho-học từ ngày xưa đã từng có lòng lo nghĩ tin-tưởng về chữ quốc-ngữ, đã từng cho đó là tương-lai vận-mạng nước nhà. Thường nghe thuật chuyện ông Nguyễn Yên-Hà là một người tiên-biểu cho hạng nho-học ấy. Ông là người học rộng và có tư-tưởng lắm, đã từng linh-đình cô-khổ ở nơi góc bể bên trời. Ông chẳng may đã sớm tạ-thế vào năm 1913, để thương để hận cho lũ con em về sau. Trong tập *Yên-Hà di-ngôn* có câu rằng : « Chữ mất thì nước cũng không ra gì. »

Ngày nay, phong-trào quốc-văn lan rộng ở Việt-Nam, lan rộng đến các học-hội ở *Paris*, thì trung-hồn cụ Nguyễn dễ nào không được ngậm cười dưới chốn Cửu-tuyền.

Các ông văn-sĩ nước nhà, các người có tình với giang-san tổ-quốc hiện nay cũng đều tin rằng về sau này khoa văn-chương Việt-Nam sẽ được lắm quả-hoa tươi-tốt để điểm-trang cho gốc Lạc chồi Hồng.

Ở tựa sách *Tam quốc chí diễn-nghĩa*, ông Phan Kế-Bính có câu :

« Nước Nam ta mai sau này hay dở cũng ở như chữ quốc-ngữ. »

---

(1) N.-P. số 118, tựa bài *Bông hoa đầu mùa*.

(2) Đ.P.T.B.—Diễn-thuyết ở Nam-kỳ Khuyến-học hội, Sài-gòn, ngày 17 tháng 5 tây năm 1923

Tựa sách của ông Nguyễn Ứng, nhan đề *Quốc-văn khảo-biện*, ông « Ái-quốc-văn » có câu :

« Người nước ta phải dùng tiếng nước ta, phải luyện cho tiếng nước ta. Có luyện cho tiếng nước ta, tiếng nước ta mới được phong-phú phong-thú. Khi tiếng nước ta đã được phong-phú phong-thú rồi, thời ta truyền-bá tư-tưởng học-thuật cho nhau rất dễ, rất chóng. »

Ngót mười năm nay, ông Nguyễn Bá-Trác đang gia công soạn bộ *Hán-Việt tự-điển*, ban Văn-học hội Khai-trí tiến-đức đang soạn bộ *Việt-âm tự-điển*, là muốn cho khoa Việt-văn sau này được có cơ-sở vững-vàng.

Ông Ngô Tam-Thông ở Vĩnh-long, hội Nam-kỳ Khuyến-học, hội Khai-trí Tiến-đức thỉnh - thoảng cũng đã thấy treo giải để thưởng sách Việt-văn.

Hai hội ấy đã thưởng hai quyển sách rất có giá-trị, là sách *Cách-vật trí-tri* (1) của ông Nguyễn Háo-Vĩnh, người tỉnh Cần-thơ Nam-kỳ, và sách *Quả dưa đỏ* của ông Đồ - Nam - tử Nguyễn Trọng-Thuật.

Cách-vật trí-tri là quyển sách học, soạn rất kỹ-càng, và để dùng ở các nhà trường. *Quả dưa đỏ* là một bộ phiêu-lưu tiểu-thuyết. (2)

Ông Nguyễn Trọng-Thuật là người bác-học, kiêm cả Đông Tây. Sách của ông tuy gọi là tiểu-thuyết, nhưng cũng nên là một quyển sách học, càng xem càng « vỡ trí khôn ». Tiểu-thuyết ấy lại là một phương thuốc bổ, phương thuốc để tăng tiến sức cương nghị cho kẻ đa-cảm đa-sầu.

Ở chương kết-luận có câu rằng :

« Sự biết tin là cái cốt làm việc đời, có biết tin thì lấp bể cũng không lâu, không biết tin thì qua cầu cũng không lọn. . . »

Thật đáng cho chúng tôi tâm-niệm sớm khuya, và người dạy cho câu ấy đáng cho chúng tôi kính-mến như một ông thầy.

Có nhà phê-bình nói rằng (3) :

« Mai An - Tiêm phiêu - lưu tiểu-thuyết xuất-thế ;

« Quả dưa đỏ xuất-thế ;

« Cương-nghị xuất-thế »,

cũng không phải là quá đáng.

Ông Nguyễn Trọng-Thuật là người quê-quán ở phủ Nam sách tỉnh Hải-dương. Tỉnh này là quê quán của cụ Phạm Quí-Thích, cụ Phạm Hội (4), của nhiều tay văn-học tài từ xưa đến nay. Tỉnh Hải-dương lụt-lội thường năm như các tỉnh ven bể, biết bao khốn-khổ, nhưng là nơi từ ngày xưa đã nung-đúc biết bao hào-kiệt nhân-tài đã ghi tên trong Nam sử.

Sách tiểu-thuyết cần phải có, sách quốc-ngữ phổ-thông giáo-dục lại cần phải có.

Chúng tôi đang trông đợi bộ sách *Hán-Việt văn-tự*, phiên-dịch các bài của ông Phạm Quỳnh giảng-giải ở trường Cao-học Hà-thành ; bộ sách ấy là một ngọn đuốc để riêng cho chúng tôi dùng mà xem xét cuộc đời ngày xưa.

Chúng tôi đang khao khát đợi trông một pho sử-ký, trông nhất là một pho *Nam sử cận-đại*, soạn bằng Việt-văn(5).

---

(1) Sách *Cách vật trí-tri*, trang trên có đề lời cám ơn ông giáo-học Lê TrungThu là người đã giúp công ít nhiều cho ông Nguyễn Háo-Vĩnh.

(2) Hai quyển sách chỉ có 1 năm, có lẽ là nhẩn quá. Và tưởng có khi nhà làm sách không được chắc ý trong 4, 5 năm, 5, 6 năm nữa sẽ còn treo giải không.

(3). — N.-P. số 118. (1 câu ở phần Hán-văn, ông Huỳnh Thoại-Bằng và ông Lý Ngọc-Thành dịch âm).

(4). — N. P. số 46.

(5) Nam sử bằng quốc-ngữ hiện đã có bộ *Việt-sử yếu-lược* của ông Trần Trọng-Kim, 2 quyển dày, có giá-trị lắm. (*Lời chú của tòa soạn*)

Việc treo giải thưởng đây là việc hệ-trọng, ước gì các lệ này giữ cho được bền. Nhân nói về giải thưởng mà phải thêm mấy câu giông-dài, chẳng qua là vì trong lòng quá cảm-xúc không sao đừng được.

Việc đặt giải thưởng, tưởng khi phải đặt riêng một giải để thưởng văn-chương, và một giải để thưởng sử-ký. Sách sử-ký phải tốn công-phu nhiều lắm, thì phải cho hạn nạp sách được dài hơn kỳ vừa qua rồi.

Sách là một tập giấy trắng để ghi tư-tưởng của con người. Người hay thì làm ra sách hay. Người hay mà làm sách tiểu-thuyết, thì tiểu-thuyết ấy cũng không sao phải hèn phải dở.

Thường thấy sách tiểu-thuyết mới có ảnh-hưởng sâu-xa tươi-tốt trong xã-hội. Đó là ngọn xuân-phong thoang-thoảng thổi hoài, quét tạnh mù sa, quét mây hắc-ám. Mấy quyển sách có danh ở thế-giới như sách của ông JEAN-JACQUES ROUSSEAU, VOLTAIRE, hay MAURICE BARRÈS, ANATOLE FRANCE, hay là bà BEECHER - STOWE, hay SWIFT, GŒTHE, phần nhiều là tiểu-thuyết cả, và đến nay còn lưu-truyền tụng-đọc thịnh-hành lắm.

Ở Việt-Nam, sách *Kim-Vân-Kiều* của cụ Tiên-điền Nguyễn tiên-sinh đã đứng vào hàng tiểu-thuyết, và lại là ái-tình tiểu-thuyết, nhưng không vì đó mà phải giảm bớt giá-trị. Cái biệt - tài của cụ, cái biệt-tài của nhà đại-thi-hào, của ông Thần thơ Việt-Nam đã làm cho rạng vẻ văn-chương Việt-Nam bên Á-châu, bên Viễn-Đông.

Và biết đâu sau này, lại chẳng lưu-danh dân-tộc Việt-Nam ở khắp cả năm châu thế-giới.

Sách *Kim-Vân-Kiều* tức là truyện Thúy-Kiều đã có nhiều bản dịch ra tiếng Pháp. Người Pháp cứ đó mà xem, người năm châu cứ đó mà xem, rồi sẽ bình-tâm mà tự-nhận rằng xứ Việt-Nam này là chốn «phi-vô nhân-vật»(1).

Ông giáo-sư Cao-đẳng ABEL DES MICHELS cảm-xúc truyện Thúy - Kiều và đã dịch ra tản-văn.

Nhà thi - nhân Mặt - Giang RENÉ CRAYSSAC cảm-xúc truyện Thúy - Kiều và đã dịch ra vận-văn.

Việc làm sách là một việc rất khó. Người tài cao đã có người ra gánh vác rồi. Còn ngoài ra, thì được nghe rằng ở các nơi cũng đã cố công trì-chí đào-tạo ra một lớp học-trò mới.

Mục-đích thứ nhất là cầu cho các trò ấy mến khoa Việt-văn, và về sau sẽ có kết-quả tốt-đẹp ngon-lành ; người nào thông-minh tuấn-tú sẽ theo đòi soạn các sách-vở như đàn anh, còn các người trí-thức tầm-thường cũng sẽ còn là người hữu-dụng. Chính họ là người mua sách, chính họ là người duy-trì lấy cái hoàn-cảnh khang-trang ấm-áp, xây dựng lấy cái ôn-thất rộng-rãi ấm-áp để giúp cho cành hoa Việt-văn được thêm hùng-dũng tỉnh-tươi.

Các người ấy đã định tâm quyết chí rằng mình không phụ-bạc quốc-văn, thì đã gây ra cái trợ-lực vô-hình mà mạnh-mẽ, êm-thấm mà lâu-bền, đã gây ra cái dư-luận tốt-tươi chính-đáng, nhiên-hậu các đại-thi-hào, đại-văn-hào nước ta mới phát-sinh nung-đúc nên được.

Dư-luận còn trọng người hát hay, mới có người hát hay; dư-luận còn trọng người anh-hùng thì mới có người anh-hùng; dư-luận còn muốn cho có người mua bộ xương con ngựa hay, thì trong nước sẽ có vô-số ngựa hay, theo như luật cung-cầu của tạo-hóa.

Vì văn-chương Việt-Nam như cành cây non, lại vì dư-luận như nhà ôn-

(1) N.-P.— Chữ dùng trong một bài của ông Tùng-vân Nguyễn Đỗn-Phục.

thất. Vận-mệnh cành cây có quan-hệ với nhà ôn-thất này lắm. Ôn-thất này hư-hỏng, thì cành cây sẽ hiểm-nguy, ôn-thất này còn, thì cành cây kia sẽ một ngày một tốt-tươi cao lớn.

Tàn cao bóng lớn sẽ chở-che khắp cả ba kỳ; che-chở cho chị em anh em được vui-vầy đầm-ấm, an cư lạc-nghiệp, và cùng nhau đàn hát mà hứng gió Nam-phong, bẻ bông Thái-bình.

Đến bấy giờ « tươi tỉnh nước-non, vẻ-vang nòi-giống ». Bấy giờ đã là thời-kỳ

Đàn ta ta gảy lấy,
Một khúc Bắc Trung Nam. (1)

Dư-luận đáng ghê-sợ hơn súng dài gươm nhọn; dư-luận cũng đủ che-chở cho văn-chương Việt-Nam, nên dư-luận ấy cần có, và lại cần phải duy-trì cho được lâu-bền. Những người đã lâu nay lo-lắng duy-trì dư-luận ấy cũng kể là người có công với xã-hội.

Ở các nơi, chưa được rõ lắm, chỉ biết rõ câu chuyện đất Hà, nên sẽ nói về câu chuyện Hà-tiên.

Câu chuyện giông-dài vụn-vặt sau này để tả cái tâm-lý một bọn học-trò vừa kể ở trên. Câu chuyện ấy chỉ phải vui riêng, cảm riêng cho người ở hương-thôn, ở tỉnh-lỵ nào đó mà thôi, chớ chưa phải để cảm hết cả thảy công-chúng. Chúng tôi đã dư biết như thế rồi, và sở-dĩ nhắc ra đây, một là muốn tỏ ý cảm-phục bọn học-trò ấy, hai là muốn tả lời tưởng-lệ chút công khó-nhọc của những người đào-tạo ra bọn học-trò ấy.

Bấy lâu đeo đuổi theo việc sinh-nhai, khỏi phải tìm chốn ma thiêng nước độc, và đã hân-hạnh được ngoài mười năm nương-náu đất Hà.

Từ bốn năm năm trở lại đây, cảnh-vật đất Hà có phần kém-sút đi nhiều, nhưng cũng vẫn là nơi xinh-sắn tốt-đẹp, gồm cả biển rộng non cao, lại gồm cả màu trời sắc nước và thanh-phong minh-nguyệt. Đất Hà cổ-danh là Phương-thành, tức nơi căn-cứ của ông Mạc Cửu và ông Mạc Thiên-Tích vậy.

Ở giữa cảnh tốt-tươi, tất có cuộc tiêu-khiển thú-vị, nhằm khi trăng trong đêm vắng thường hay bày hương-hoa trà quả để cầu-thỉnh thần-tiên. Bày cuộc cầu-thỉnh thần-tiên hoặc muốn tri-cơ, hoặc là giải-muộn; giải-muộn như các nhà nho đất Bắc ngày xưa (2) hay là tri-cơ như quan Phan Thanh-Giảng ngày sắp thất-thủ Long-hồ (3).

Tuy là cầu-thỉnh tiên-ông, nhưng lệ cầu-thỉnh này đã có tự mấy trăm năm nay rồi, chớ không phải mới có năm nay là năm 1927, hay mới là có năm ngoái là năm 1926.

Đất Hà dầu chưa dám cho là có vẻ chi hùng-tráng cao-thượng hơn các nơi, nhưng đã có lắm vẻ kỳ-tú tốt-đẹp hơn các nơi. Ngày nay cạnh-tranh về việc sinh-nhai rất là kịch-liệt, nhưng là chốn ít đàn ít hát, ít phấn ít son, ít ô-tô song-mã; không-khí bao giờ cũng vẫn là êm-đềm phong-thú, không-khí ấy tựa-hồ không-khí cổ-thời, và các ông tân-học sang tòng-sự ở đây cũng đã thường cảm-hóa sâu xa.

Kể đã mấy mười năm nay, mỗi khi tân-gia tân-hôn, mỗi khi quan-lại lưu-khứ, thì các thân-hào tề-tựu đông đủ, và hay hèn thế nào mỗi người cũng phải có một bài thi, bài phú hay là bài văn quốc-ngữ, văn-chương bóng-bẩy lưu-loát, tình-tứ cao-thượng thành-thật, rõ-

(1) Lời thơ ông T. C. tết Nguyên-đán năm đinh-mão, tháng 2, năm 1927.
(2) Cuộc vui hằng ngày của hạng thượng-lưu trí-thức (N.-P. Tùng-vân Nguyễn Đôn-Phục).
(3) Nghe ông Trương Thoại-Hiệp, làng Triêm-đức tỉnh Tâu-an thuật lại.

ràng là khí-vị phong-nhã hào-hoa, khi đến mấy đoạn văn hay thì tha-hồ vỗ tay vui cười. Ở trên tiệc người nào người ấy mát-mẻ khoan-khoái lạ thường.

Mắt có được trông thấy như thế, mới giật mình tỉnh mộng mà tự nghĩ rằng món thích-ý hơn hết cho người Việt-Nam, dịu-dàng giản-tiện hơn hết cho người Việt-Nam chỉ có văn quốc-ngữ thôi. Dùng tiếng Việt-Nam từ khi học nói cho đến khi trối-trăng một lời khuyên-dạy tha-thiết sau cùng. Có thấy thế mới biết đó là một cách cổ-động cho văn quốc-ngữ rất là hiệu-nghiệm thâm-trầm, và tưởng không còn ai cổ-động cho văn quốc-ngữ ở các địa-phương được hiệu-quả hơn.

Không-khí Phương-thành là thế. Ở đấy mà gây-dựng một nhà học-xá để dạy quốc-ngữ, thì còn gì bổ-ích cho bằng. Lâu nay học-xá cũng đã trông thấy rồi, học-xá do nơi ông Lâm Tăn-Đức và các bạn đồng-chí gây-dựng. Nhà học tuy không được rộng, học trò cũng chưa được nhiều, nhưng người dạy là vì công-ích công-lợi mà dạy. Chúng tôi có biểu-dương cái thanh-danh của học-xá ấy, nghĩ cũng không phải là quá; người vì nghĩa mà làm, tôi vì nghĩa mà nói; vì thấy việc nghĩa mà phải biểu-dương, chớ chưa phải khuất-phục oai-võ hay là chịu theo thế-lực kim-tiền, huống-chi tôi lại là người sinh-trưởng ở nơi khác. Sau này lần-lượt chép ít đoạn văn, hoặc của thầy giáo, hoặc của nam-nữ học-sinh để giới-thiệu vài tư-tưởng nẩy-nở ở học-xá này, nhất-danh là «Trí-đức học-xá.»

Câu đối.

I — Trí rắp khai-thông, mở lối đưa đàng hậu-giác;
Đức mong tiến-hóa, sửa mình theo bậc tiên-tri (1).

II. — Bảo-tồn Nho-học nền xưa, non Thạch dựng cao nêu đạo-đức;
Giáo-dục Quốc-văn lối mới, hồ Đông khơi rộng mạch từ-chương.

(Câu đối khắc vào bảng đồng và đưa tặng ông Huỳnh Thoại-Bàng).

III. — Đất Hà ân giáo hóa dồi-dào, mưa móc tưới ra đã khắp;
Đàn Hạnh cội ngày thơ vun-quén, quả hoa càng được thêm tươi.

(Câu đối khắc vào bảng đồng và đưa tặng ông Phan Văn-Tình).

Tản-văn.

I. — *Văn đọc vào ngày tựu-trường.*

«... Có người hỏi rằng: Chữ, thì chữ nào cũng là chữ, thì ta học thứ chữ nào cũng là học, hà-tất phải học chữ quốc-ngữ?

«Đã nói rằng phàm một dân-tộc nào đều có riêng một thứ tiếng, có riêng một thứ chữ, thì mỗi thứ chữ đều có một cái tinh-thần riêng, không bao giờ lẫn-lộn nhau được; đã không bao giờ lẫn-lộn nhau được, thì không bao giờ người một nước mà học được hết, hiểu được rõ chữ của một nước khác. Cái tinh-thần ấy là cái tinh-thần của giang-san nòi giống từ mấy muôn đời chung-đúc mà thành, thì chữ và người bao giờ cũng có một mối vô-hình ràng-buộc lẫn nhau, không thể rời bỏ nhau được. Nếu người một nước bỏ chữ nước mình mà lấy chữ một nước khác làm quốc-ngữ là một lẽ nghịch với đạo tự-nhiên của trời đất, không bao giờ có. Nếu dân nào làm trái với lẽ đó là dân ấy đã đến ngày tự buộc mình vào vòng «vô trí-thức» để tiêu-diệt lấy mình, vì «tiếng là nước, tiếng còn thì nước còn, tiếng mất thì nước mất, mà mất đó mới thật là mất hẳn, không sao vãn-hồi được nữa»,

(1) Đôi câu đối treo ở tầng-thư-viện của học-xá, gần bức tranh sơn-thủy vẽ thủy-mạc, có chữ lạc-khoản rằng: Hà-tiên danh-thắng, cảnh sáng sớm trên Đông-hồ. Mé tường bên kia, treo bức ảnh ông Bác-sĩ là người Hà-thành.

« Bởi thế nên không giống dân nào dám coi việc ấy làm thường, đều thuận theo đạo tự-nhiên, gìn-giữ học-tập quốc-ngữ cả thảy. Người Tàu học chữ Tàu, người Ấn-độ học chữ Ấn-độ, người Nhật học chữ Nhật, người Đức học chữ Đức, vân-vân, nước nào cũng vậy, dầu không bắt học cũng học, dầu không khuyên học cũng học, không còn giống dân nào mà không hiểu biết lẽ ấy nữa. Nói như thế, thì dân Việt-Nam nào có phải là một giống người vô-trí-thức, mà không hiểu biết lẽ ấy, còn phải có người ép buộc khuyên-răn, thiết-tha bàn nói như thế này. Anh em nên biết rằng ấy là cái khổ-tâm nhất của nhà trí-thức ta vẫn băn-khoan lo nghĩ đến. . . . »

II. *Lời cám ơn của học trò*

« Tôi lại mạn phép thay mặt anh em chị em trân-trọng tỏ lời cám ơn thầy đã thương đến chúng tôi, chẳng ngại công-lao dạy bảo cho, kỳ-vọng cho, và mong gây-dựng cho chúng tôi sau này được có đủ tư-cách làm người, để làm vẻ-vang cho nhà họ xóm làng. Ân ấy chúng tôi minh-tâm khắc-cốt. Muốn tỏ lòng cám ơn ấy cho đích-đáng, chúng tôi xin hết lòng gắng sức vâng và làm theo lời thầy dạy bảo, là chúng tôi cố học-tập cho trí-thức chúng tôi được mở-mang và trau-dồi cho đạo-đức chúng tôi được tấn-tới, như lời thầy đã kỳ-vọng cho chúng tôi và chúng tôi đã biết rằng chữ quốc-ngữ là chữ gốc cỗi của chúng tôi, chúng tôi xin cố sức tập-luyện học-hành thứ chữ thần-thánh ấy . . . »

III. *Mừng ông Huỳnh Thoại-Bảng.*

« Biện-dâng một lễ, kính đem tấc thành, anh em chị em học-sinh chúng tôi hôm nay kết tràng hoa, khắc bảng đồng đến kính tặng thầy, vì thầy là người trước nhất có công gây-dựng học-nghiệp chúng tôi trong buổi sơ-đầu mà ngoài hai mươi năm công khó chỉ đền bồi có được đến ngần ấy. (1)

« . . . . Đến hôm nay anh em chị em chúng tôi mới biết tưởng nghĩ đến công ơn của thầy, là chúng tôi đã nhiều lần, mình ngẫm-nghĩ mình mà hồi-tưởng đến tình-cảnh ngày xưa.

« Tục-ngữ nói : tối như đêm, dày như đất, chính là tình-cảnh chúng tôi ở về thời kỳ ấu-trĩ. Chúng tôi khi ấy rõ là một cái phòng tối như đêm, là một cái vườn chẳng phải là dày như đất mà thiệt là đầy những gai...

« . . . . Thầy tức là người tay cầm đuốc tay mở hé cánh cửa mà soi-dọi cái ánh sáng thứ nhất vào cái phòng tối-tăm kia, là người đã biết bao công khó-nhọc nước mắt mồ-hôi mà dọn gai nhổ cỏ, vun phân tưới nước cho cái vườn cây sầm-tịch kia.. »

IV. Văn đọc vào ngày bãi trường (2)

Tinh-thần cốt-cách nét tươi-tỉnh,
Thu-cúc xuân-lan vẻ mẫn-mà ;
Này khóm hoa hồng cành trúc biếc,
Dịu-dàng xinh-sắn biết bao là.
. . . . . .
Cảnh vườn xuân kia, cảnh trường học,
Hoa cỏ này là bọn trẻ thơ ;
Tưới nước vun phân người giáo hóa,
Đầm thấm dồi-dào ơn móc mưa...

---

(1) Huỳnh Thoại-Bảng tiên-sinh là nhà túc-nho đạo-đức. Ngoài hai mươi lăm năm đằng-đẵng, tiên-sinh lại là ông thầy dạy vỡ lòng và dạy khoa luân-lý, khoa Việt-Nam văn-chương ở trường công.

(2) Nghe rằng nhà học có định phương-pháp riêng. Lắm khi bảo học-trò lên ngồi bàn của thầy và thay ông thầy mà giảng bài cho bạn đồng-học. Ngày bãi trường, ngày tết nguyên-đán, mỗi người học-sinh soạn lấy và tự đọc lấy một bài, thành thử người nào cũng tập được ánh dạng nói giữa trước công-chúng.

(Lời thơ một nhà thi-nhân Phương-thành).

« Hôm nay đã đến buổi học cuối cùng trong năm rồi đây! Hôm nay lại là cái cảnh-tượng cuối cùng mà thầy trò được xum-họp như thế này. Chúng tôi từ khi biết ôm sách đi học đến nay cũng đã từng trải qua bảy tám năm học mà cũng đã từng trải qua bảy tám buổi bãi trường rồi, nhưng không có năm nào làm cho chúng tôi ghi nhớ bằng năm vừa qua đây và không có buổi bãi trường nào cảm-động bằng buổi bãi trường hôm nay đây. Thế mà hôm nay rồi thì cái cảnh-tượng xum-họp vui-vẻ này chắc không bao giờ lại có nữa. Năm tới dẫu có sẽ còn trở lại đây học chăng nữa thì cũng vẫn trường này lớp ấy nhưng đã kẻ ở người đi mà cái cảnh-tượng cũng sẽ thay đổi khác nay rồi!

« Sở-dĩ năm học vừa qua đây đáng ghi nhớ, mà buổi học cuối cùng này mới làm cho chúng tôi cảm-động vô-cùng; và cũng vì đã cảm-động nhiều nên tôi xin có ít lời chắp nối để ghi lấy cái kỷ-niệm rất thâm-trầm vui-thú kia.

« Muốn giữ cái kỷ-niệm ấy, không gì bằng chúng tôi hãy lấy buổi học này làm buổi học ôn; ngồi ngẫm-nghĩ mà ôn lại những bài học thầy đã dạy cho trong năm vừa rồi đây. Kể các bài học thầy đã truyền dạy cho thì cũng có nhiều bài hay, nhưng chỉ có một bài chúng tôi lấy làm quí-hóa nhất, vẫn trân-trọng giữ-gìn để làm khuôn vàng thước ngọc cho cuộc đời, tưởng đến bao giờ chúng tôi cũng không quên được.

« Bài học ấy chúng tôi được nghe thầy giảng dạy cho không hạn được ngày giờ và cũng không biết là bao nhiêu, vì đó không phải như các môn học hằng ngày trong chương-trình của nhà trường có.

« Bài ấy kể cũng là phiền-phức và rộng-rãi thật, nhưng toát-yếu lại thì cũng chỉ có hai chương mà trong hai chương ấy, chương trên là nguyên-nhân mà chương dưới là kết-quả.

« Chương đầu là vấn-đề học Nam-ngữ. Chương sau là tu-thân để làm người Việt-Nam.

« Là thầy dạy chúng tôi dẫu có đi học thứ chữ nào nữa, nhưng cũng đừng khá quên cái hồn Đại-Việt, giọng Hàn Thuyên, mà bao giờ cũng phải cố công trau-dồi học-tập chữ Quốc-ngữ, tiếng Quốc-âm, nhà để giữ lấy cái tinh-thần căn-bản của non-sông nòi giống, mà bồi-đắp lấy cái nền sĩ-phong của ông cha cho chắc-chắn vững-vàng để đối-phó với những cái nghĩa cả ở đời mà chống-trả với những cái phong-trào phiền-tạp ngày nay nó thường làm cho tê-mê đầu óc, lựng-vựng tâm-hồn, khiến cho người ta phải quay-cuồng xuẩn-động.

« Là thầy dạy chúng tôi dẫu có đi giong chơi phong-cảnh rực-rỡ của nước người ở đâu đâu, nhưng cũng đừng khá quên « ta về ta tắm ao ta » mà bao giờ cũng phải quay đầu về trông lại chỗ bờ tre ruộng lúa là chỗ quê cha đất tổ, và phải ngày đêm ước-ao, hương-hoa cầu-nguyện cho cái cảnh-sắc non-sông Hồng-Lạc này chóng được đến ngày tươi-tỉnh vẻ-vang...

« Ấy bài học quí-hóa kia chúng tôi lĩnh-hội là thế mà chúng tôi dám đâu chắc rằng sẽ làm được như lời. Nhưng « mai sau dẫu có bao giờ », chúng tôi cũng xin rầu lòng giốc chí mà đinh-ninh giữ-gìn ghi-gắn lấy lời, để khỏi phụ lòng thầy đã mong-mỏi mà phú-thác cho bấy lâu nay.

« Thôi, từ đây xuân qua thu lại, cảnh-tình thay đổi còn nhiều, nhưng hoặc cũng có khi dở bài học cũ mà nhớ người ngày xưa, thì những lời giáo-

huấn hãy còn phảng-phất bên mình như một thứ thanh-hương dầm-ấm.

« Mấy lời trân-trọng, một tấm can-tràng, trước xin kính tặng Thầy, sau xin kính tặng anh em chị em đồng-học vui lòng nhận lấy làm món kỷ-vật để cùng nhau chia tay tù-giã cái buổi vui thú mà cảm-động cuối cùng trong cảnh « trời tây bảng-lảng » giữa ngày rằm tháng sáu (13-7-1927) năm đinh-mão này. »

∴

Trở lên, ngót mấy trang kể về câu chuyện ở nhà học-xá Trí-đức. Nói bấy nhiêu cũng chưa vừa ý muốn, nhưng trong ấy cũng đã rõ cái phương-châm của nhà trường. Nay nói tiếp qua vấn-đề văn-chương Việt-Nam.

Tương-lai của văn-chương Việt-Nam sẽ một ngày một thêm tốt đẹp, sẽ làm cơ-quan việc giáo-dục cho quốc-dân, sẽ được trọng-dụng ở các trường, từ Sơ-đẳng cho chí Cao-đẳng. Hiện nay, các sách dùng ở Sơ-đẳng toàn là sách chữ quốc-ngữ. Ngoài ra, ở hai bậc trên chưa thấy sách khoa-học, hay số-học soạn bằng quốc-ngữ.

Mươi năm, hai mươi năm, năm mươi năm về trước, ta chưa thấy sách quốc-ngữ ở Sơ-đẳng, mà ngày nay đã có.

Còn hiện ngày nay, ta chưa thấy sách quốc-ngữ ở trung-đẳng, ở cao-đẳng, thì có lẽ mươi năm, hai mươi năm, năm mươi năm về sau, thế nào mà lại chẳng có.

Quốc-dân giữ chí cho bền, đồng-tâm hiệp-lực mà cùng nhau vận-động thường ngày, thì món nào mà chẳng có.

Hiện nay, ta chưa thấy, hiện năm nay ta chưa thấy, có lẽ năm sau hay là hai ba năm sau cũng chưa thấy ; nhưng biết đâu thêm vài mươi năm nữa mà lại chẳng thấy.

Nếu sau này, không thể phiên-dịch các sách ở Cao-đẳng cũng không nên vì đó mà bỏ cả các sách quốc-ngữ ở trường khác. Không phải hai mươi triệu người đều phải vào Cao-đẳng hết, nên chỉ vạn-nhất mà không dùng sách quốc-ngữ ở trường Cao-đẳng được, thì tưởng cũng chưa thiệt-hại cho là mấy.

Có người ức-đoán rằng không thể dịch được sách Cao đẳng, nhưng lời ức-đoán ấy chúng tôi vẫn cho là không khỏi có chỗ sai lầm, và riêng những đinh-ninh quả-quyết rằng sách Cao-đẳng sẽ có người dịch ra Việt-văn được, mà việc phiên-dịch ấy chẳng qua là một việc mai chiều sớm muộn mà thôi. Chúng tôi trước sau vẫn tin quyết như thế, và sau này cũng vẫn tin-quyết như thế mãi.

Xem qua một đoạn lịch-sử văn-học nước Pháp : trước ngày ông Ronsard xuất-thế, thì thơ-văn nước Pháp chỉ dùng tiếng La-tinh mà thôi, và ngay khi ấy không ai quyết rằng Quốc-ngữ nước Pháp cũng có thể đem đánh đổ chữ La-tinh kia, và cũng có thể đem vào làm thơ-văn được, mà lại dịu-dàng êm-ái biết bao. Trước ngày ông Descartes xuất-thế, thì triết-học nước Pháp chỉ dùng tiếng La-tinh mà thôi, và ngay khi ấy cũng chưa có ai quyết-đoán rằng Quốc-ngữ nước Pháp cũng có thể đem đánh đổ chữ La-tinh kia, và cũng có thể đem vào diễn khoa triết-học được, ban đầu thì không lưu-loát thật, nhưng sau này lại lưu-loát rõ-ràng biết bao.

Nói đến đây lại vội nhớ câu của ông Nguyễn Trọng-Thuật nói rằng :

« Sự biết tin là cái cốt làm việc đời, có biết tin thì lấp bể cũng không lâu, không biết tin thì qua cầu cũng không lọn. . . . »

Ông Ronsard, ông Descartes là hai người kiến-thức. Đức tin của hai ông

thật vững-vàng biết bao, nay còn thấy lưu-liên man-mác trong vũ-trụ. Đức tín ấy, không sao lại không kính-trọng. Đức tin ấy, không sao là không kính-trọng và không sao là không mến yêu. Đức tin ấy, chẳng những là phải kính-trọng mến-yêu, mà lại phải chú-ý vào đó, và bắt-chước theo đó.

Đức tin vững-vàng quả-quyết của hai ông đã cảm-hóa tiêm-nhiễm được mấy mươi đời người. Đức tin vững-vàng quả-quyết của hai ông đã cảm-hóa tiêm-nhiễm mấy mươi muôn mấy mươi triệu môn-sinh đệ-tử.

Mấy mươi muôn triệu người này tin quyết theo lời thầy ngày xưa, vội sanh ra lòng thương-mến quốc-văn nước Pháp, quốc-ngữ nước Pháp và gia công bồi-bổ luyện-tập ngót mấy mươi đời, xưa kia quốc-ngữ nước Pháp vẫn là một thứ quốc-ngữ yếu-ớt kém-hèn mà thốt-nhiên đời nay đã biến-thành ra một cái cơ-quan, cái lợi-khí mãnh-liệt lắm. Hiện nay, làm thi-ca cũng vẫn dùng quốc-ngữ nước Pháp, giảng triết-học cũng vẫn dùng quốc-ngữ nước Pháp. Mỗi khi hội-hè, mỗi khi ăn lễ ăn tết, cùng nhau hát bài quốc-ca, thì bài quốc-ca ấy cũng vẫn dùng quốc-ngữ nước Pháp.

Dùng quốc-ngữ nước Pháp mà lại phân-minh đứng-đắn biết bao, mà lại trôi-chảy lưu-loát biết bao, mà lại tươi-tỉnh hùng-tráng cương-cường biết bao.

Thấy cái kết-quả ngày nay, mà không khỏi muốn « làm tài khôn » thay lời người Pháp mà bằng-điếu hai ông, mà thương nhớ công dày ân nặng của ông Ronsard, ông Descartes, và ra đảm-đương nhận lấy những lời nặng tiếng nhẹ, những lời gièm-pha mai-mỉa hai ông đang lúc sinh-thời. Ngày nay, ở các thành-thị lớn đều có dựng hình để nhắc công ân hai ông, thì mối khổ-tâm di-hận của hai ông đã có giải được chăng.

Quốc-ngữ nước Pháp vẫn là phân-minh đứng-đắn ; quốc-ngữ nước Pháp để làm thi-ca, để giảng triết-học vẫn là phân-minh đứng-đắn lắm, và nghe đâu lại có phần đứng-đắn hơn nhiều nước láng giềng ở Âu-châu.

Mấy nhà hoài-nghi ở các nước họ hay khuyên ta bỏ Nam-ngữ. Họ khuyên ta bỏ bao nhiêu lần, thì phải tu-luyện bồi-bổ cái đức tin của chúng ta được vững-vàng hơn thêm bấy nhiêu lần. Các nhà cứ im hơi lặng tiếng, để mắt xem-xét cuộc đời, rồi biết đâu Nam-ngữ sẽ chẳng ra mặt với hoàn-cầu, lại chẳng theo chân nối gót được với Pháp-ngữ hay sao.

Các nhà hoài-nghi bàn về sách quốc-ngữ ở Cao-đẳng thì nói ra một thể như trên, còn bàn về sách quốc-ngữ ở Sơ-đẳng thì lại nói ra một thể khác nữa.

Nói rằng : Trường tú-tài nước Pháp đại-khái chia làm hai ban, văn-học và khoa-học. Trường tiểu-học Pháp-Việt ở chốn hương-thôn không phải là trường tú-tài, nhưng lại cũng gồm cả hai ban làm một. Tuy chưa học bài chi cho cao-kỳ, nhưng đã sẵn gồm hai ban rồi đó. Người Việt-Nam ở vào Đông-Phương. Văn-học Tây-phương đối với người Đông-phương là một món lạ, nhưng không lạ cho lắm, vì mấy ngàn năm nay vừa bên Tây vừa bên Đông cũng chỉ theo đuổi về mặt văn-chương mà thôi. Khoa-học Tây-phương đối với người Đông-phương cũng là một món lạ, nhưng lại lạ hơn món văn-học gấp mấy mươi lần.

Đem quốc-ngữ để dạy văn-chương cho con trẻ nước Nam, có lẽ còn khả-thủ, có lẽ còn kết-quả được đôi chút.

Đem quốc-ngữ để dạy các khoa-học cho con trẻ nước Nam, chắc là thế nào cũng hư-hỏng mất, dã-tràng xe cát biển Đông, chớ không ăn thua gì.

Ban văn-chương triết-lý thì dùng chữ Viễn-Đông, dùng chữ Việt, chữ Hòa, chữ Tàu ; ban khoa-học toán-pháp thì dùng chữ Âu-châu, hoặc dùng chữ Pháp, chữ Anh, hay chữ Đức như nước Nhật-bản vậy.

Nói thế nghe cũng có lý. Nhưng hiện nay thì có lý mà vào khoảng một trăm năm hay vài trăm năm nữa chắc là không còn gì là có lý nữa.

Ngày xưa mới bắt đầu học chữ Pháp cũng chỉ là học được một món văn-học mà thôi. Hiện nay, là năm 1927 đây, hay là trước năm 1927 đây, chẳng những dùng chữ Pháp mà học món văn-học mà thôi, lại còn học được nhiều món khác nữa.

Người Việt-Nam muốn dùng chữ quốc-ngữ để dạy học, thì mới bắt đầu cũng chỉ học một món văn-học, rồi sau này sẽ tuần-tự tấn-tới, chớ lẽ nào lại không tấn-tới.

Người Pháp mới sang Việt-Nam thì chỉ dạy cho người Nam những tiếng nhật-dụng thường-đàm mà thôi.

Lần lừa gió mát trăng thâu, tháng qua năm lại, mà người Pháp sang đây đã được bảy mươi năm, và trải qua bảy mươi năm ấy, thì cảnh nhà trường đã thấy thay đổi đi nhiều.

Hiện nay ở trường Đại-học Hà-thành đầy tháng quanh năm, giờ nào không bàn triết-học, ngày nào không giảng toán-pháp, mà lại dùng ròng-rã tiếng Pháp mà thôi.

Học bằng tiếng Pháp, khó-khăn lắm, nhưng không phải là không hiểu thấu. Người Việt-Nam hiểu-thấu lắm, và chẳng những là học ở Hà-thành mà thôi, mà lại sang học tận bên *Paris* nữa. Đã sang học *Paris*, mà lại không kém người ở *Paris*, như ông Nguyễn Văn-Xiêm (1), kỹ-sư điện-học, ông Lưu Văn-Lang, ông Nguyễn Văn-Thinh, ông Nguyễn Văn-Xuân hiện sung chức đại-úy lục-quân, hay là như ông giáo-sư Đại-học Lê Văn-Kim, đỗ văn-khoa tiến-sĩ và đỗ hai bằng-cấp khác nữa là kỹ-sư cầu-cống, và luật-khoa tiến-sĩ, đã thấy nói trong báo *Nam-Phong* độ nọ (2).

Bảy mươi năm về trước với bảy mươi năm về sau, hai thời-kỳ khác nhau là thế.

Xưa và nay, cũng thầy này, cũng sách ấy ; nhưng nay thì người Việt-Nam đã học được Pháp-ngữ, còn xưa thì không sao học được.

Hoặc có người nói rằng : nếu người Việt-Nam sang học *Paris* được giỏi như thế, thì ta cứ đó mà theo cho đến cùng.

Nói như thế cũng phải. Nhưng có lợi hiện nay mà không phải là không có hại về sau. Vả cái lợi hiện-tại cũng không là mấy. Nói không lợi là mấy là nói rằng đã bảy mươi năm mà chỉ có non mươi người, hay là vài ba mươi người hiển-đạt, thời thật là ít lắm. Đem số mấy mươi người hiển-đạt mà so-sánh với số 20 vạn người chưa hiển-đạt, hay là so-sánh với số mấy nghìn con người học khó-nhọc mà không thành thân, thì thật là ít lắm nữa.

Ngày xưa trong khoảng bảy mươi năm đã được bao nhiêu ông văn-chương tiến-sĩ, ngày xưa trong bảy mươi năm thì tỉnh nào làng nào chẳng có một ông hay là hai ba ông văn-chương tiến-sĩ, mà

---

(1). — Ông Nguyễn Văn-Xiêm xuất-thân làm thơ-ký tòa Khâm-sứ Huế, trước năm 1900. Ông là người làng Thiềng-đức, Vĩnh-long. Đỗ kỹ-sư điện-học vào khoảng 1910-1912. Ông đã qua đời, có để quyển thơ văn Pháp : *Mes heures perdues*. Nghe đâu, ông đã theo đạo Cơ-đốc, vào khi lâm-thần tha-hương.

(2). — N.-P. 118.

ngày nay trong khoảng bảy mươi năm chỉ có một ông văn-chương tiến-sĩ thôi.

Đã bảy mươi năm nay, nước Pháp đem dùng tiếng Pháp mà dạy, thế là người Pháp đã thí-nghiệm đó.

Nay mãn hạn bảy mươi năm, người Việt-Nam muốn dùng tiếng Việt - Nam để dạy, thế là dân Việt-Nam muốn thi-nghiệm đó.

Vậy hẳng đợi bảy mươi năm nữa, để xem cuộc thí-nghiệm thứ nhì này kết-quả ra sao.

Vậy từ năm 1927 đây, hẳng đợi bảy mươi năm nữa ; dân Việt-Nam sẽ đem hai cuộc thí-nghiệm ấy mà so-sánh và sẽ quyết-định theo về phương-châm nào. Ta không thấy được việc quyết-định ấy, nhưng ngày trời âu hãy còn dài, vận-mạng dân Việt-Nam âu hãy còn dài, và sẽ đem so-sánh cho thật cẩn-thận chu-đáo, có thế ấy mới đành lòng cho kẻ kiến-thức buổi xưa.

Nay là đương vào thời - kỳ dùng Nam-ngữ để thí-nghiệm, vậy đâu đó cũng an-tâm mà thí-nghiệm cho đến cùng.

∴

Nói tóm lại vấn-đề bảo-tồn nam-ngữ, chấn-loát quốc-văn là một vấn-đề rất quan-hệ cho người Nam ta ngày nay.

Ban tu-thư đã soạn sách cho con trẻ học-tập, là bộ Việt-Nam tiểu-học tùng-thư. (1)

Trót khoảng thì-giờ dằng-dặc hơn mười năm đằng-đẵng trở lại đây, các nhà có cảm với thời-thế, các hội học có tình với non sông nòi giống, đã tốn biết bao công khó cỗi-rễ vun-trồng, đã biết bao công khó vận-động việc học Nam-ngữ ở các nhà trường Việt-Nam.

Ân ấy sẽ còn ghi nhớ lâu dài về sau, và hiện nay xin để lời trân-trọng, kính tặng các nhà và các hội bài ký-sự, bài luận-văn non-nớt mà thành-thật này, viết ở Đông-hồ và ở Tân-an vào cuối mùa hè, sau ngày thi Sơ-học yếu lược.

NGUYỄN VĂN-KIỆM

(1) Ban tu-thư gồm cả giáo-sư người Nam và người Pháp, và soạn bộ Việt-Nam tiểu - học tùng-thư từ năm 1924. Chúng tôi ước-ao được biết tính-danh và lại ước-ao các nhà soạn sử sau này sẽ liệt tên quí-ông vào chương Học-giới-sử nước nhà.

HÁN-VIỆT NGỤ-NGÔN DIỄN-CA

I. Con Ve, con Bọ-ngựa, con Chim-chích, ông Thái-tử và cái Hố sâu (Ngô-Việt Xuân-thu)

Vua Phù-Sai nước Ngô ngày trước,
Hay đem binh đi cướp nước người ;
Vậy nên Thái-tử can ngài,
Diễn ra một kịch mượn lời can khuyên.
Tay cầm nỏ áo xiêm lấm ướt,
Từ ngoài vườn dảo bước vào đền.
Vua cha bèn hỏi sự-duyên,
Thái-tử đem việc tâu lên bệ rồng :
« Con vừa mới ở trong vườn nọ,
Cảm một điều cũng có nghĩa hay :
Con Ve đậu ở cành cây,
Ngâm-nga tự-đắc chốn này đã yên.
Con Bọ-ngựa giơ liềm rón-rén,
Nấp cành bên chực chém chết Ve.
Bọ-ngựa ra ý xun-xoe,
Hay đâu chim chích nhắm-nhe sau lưng.
Chim-chích đứng không từng động [cựa,
Định mồ con Bọ-ngựa nuốt phăng ;
Ngờ đâu lại có hạ-thần,
Nấp xa giương nỏ đang nhằm bắn chim.
Hạ-thần mải không nhìn sau trước,
Cái hố sâu nhỡ tượt chân vào.
Ướt xiêm lấm cả áo bào,
Vội-vàng vác nỏ chạy nhào về đây. »
Vua cha phán : « Ấy mày thật dại,
Tham lời không nghĩ hại về sau. »
Phán thôi Thái-tử liền tâu :
« Ở đời cái dại biết đâu là chừng.
Kia nước Lỗ lễ-văn nho-giáo,
Nước Tề toan cường-bạo diệt đi ;
Ngờ đâu Ngô đến tức-thì,
Đánh Tề những muốn thu về nước Ngô.
Nay nước Việt là thù bên cạnh,
Không đánh Ngô mộ binh đi đâu ;
Đó là lợi trước hại sau,
Ở đời cái dại biết đâu là chừng ».
Vua cha quở : « Xì ! thằng ương dở,
Đừng lắm lời để lỡ việc ta. »
Tạ từ Thái-tử lui ra,
Không lâu câu chuyện ấy mà nghiệm [ngay.

II. Thần Sông với thần Bể

(Sách Trang-tử)

Thần sông nọ ngắm trông sông nước,
Không đâu đâu nước được như mình ;
Cỡi bờ mặc sức tung-hoành,
Bao-la khắp chốn thị-thành thôn-quê.
Trên nguồn suối một bề qui-thuận,
Dưới kênh ngòi đều phận con em ;
Hồ đầm xá kể bọn hèn,
Hoạ chăng có Bể dọ xem thế nào.
Ra bờ bể trông vào làn nước,
Thấy phất-phơ thần Nhược thần [Dương
Trùng-trùng sóng nước mênh-mang,
Thuộc quyền thần Nhược chủ-trương [gần bờ.
Ngoài ra nữa mờ mờ sóng bạc,
Cỡi thần Dương man-mác liền trời.
Tuyệt vời tít tắp mù khơi,
Không còn nhìn nhận đâu nơi bến bờ.
Thần Sông lúc bấy giờ kinh-dị,
Vái hai thần tự nghĩ than thân :
« Ở nhà mình cứ tự-căng,
Ra ngoài nào có thấm bằng ai đâu ! »

III. Con Bọ-ngựa với cái Bánh xe

(Hàn-thi ngoại-truyện, diễn sách Trang-tử)

Vua Tề-Trang đi xe ra cửa,
Thấy một con Bọ ngựa đứng bên ;
Bánh xe sắp tới đè lên,
Nó chạy không kịp giơ liềm ra oai.
Tên đánh xe thưa : « Ngài coi đó,
Con Bọ kia có rõ dại không ;
Dại đâu dại lạ dại lùng.
Thà rằng chịu chết còn hòng chém xe. »
Vua Tề-Trang không nghe lời nịnh,
Ngài vội-vàng truyền : « tránh xe đi.

Con Bọ này giỏi đó, mi,
Nó dù van lạy xe ni tha nào. »
Vua Tề-Trang thật hào-hiệp lắm,
Con Bọ-ngựa cũng chẳng hèn gì ;
Bên đắc-thế, bên lâm-nguy
Bên thì có lượng, bên thì có gan.

IV. Lão người nước Tống với ruộng lúa.

(Sách Mạnh-tử)

Lão người nước Tống một hôm,
Đi ra đồng ấy thăm nom lúa nhà ;
Thấy lúa kém lúa người ta,
Vội-vàng cầm cỗ lúa mà kéo lên.
Hết ruộng dưới đến ruộng trên,
Một mình hùy-huych liên miên tối ngày.
Chạy về bảo vợ con hay :
« Này tao phải bữa hôm nay mệt nhoài;
Thương lúa chẳng nỡ bỏ hoài,
Giúp cho chóng lớn ở ngoài đồng ta ».
Sáng mai con cái chạy ra,
Thì lúa đã nỏ như là rơm khô ;
Lẽ thường nhỏ mới có to,
Vội-vàng muốn chóng muốn cho nhọc [mình.

V. Thằng ăn cắp gà

(Sách Mạnh-tử)

Ở đời biết lỗi khó thay,
Biết lỗi mà dám bỏ ngay mới là.
Có một thằng ăn cắp gà,
Ngày một con tháng đủ ba mươi ngày.
Người ta bảo nó rằng : « Mày,
Làm điều bất-nghĩa nghề này không
Thằng ăn cắp trả lời liền : [nên ! »
« Từ nay mỗi tháng ta xin một gà.
Chẳng bao tháng lại ngày qua,
Hễ sang năm mới là ta xin chừa. »
Ấy thằng nói mới hợm chưa,
Biết xấu sao chẳng bấy giờ chừa ngay.
Ông Mạnh-tử nói chuyện này,
Vì chuyện giảm thuế qua ngày lần-khân.

VI. Anh chàng người nước Tề với hai người vợ.

(Sách Mạnh-tử)

Sĩ-phu đời Chiến-quốc kia,
Đêm đi van lạy ngày thì kiêu-căng.
Ông Mạnh ghét những thằng vô-sỉ,
Bặt truyện này ngụ ý cười chê :
Anh chàng hai vợ người Tề,
Sáng thì đi mất tối về no say.
Ngày nào cũng như ngày hôm đó,
Khoe rằng chơi đặt chỗ sang giàu.
Nay quan lớn giữ đánh chầu,
Mai cụ lớn ép ngồi hầu tiệc xuân.
Người vợ cả phân-vân trong trí,
Hỏi vợ hai : « Dì nghĩ làm sao,
Chồng khoe những bạn quan cao,
Mà ta chẳng thấy quan nào đến đây ? »
Người vợ cả sáng mai theo hút,
Liệu chiều đi lần-lút đàng sau ;
Đức ông chồng cứ bước mau,
Khắp vùng chẳng thấy quen đâu chuyện trò.
Sau đến một cái gò bên trại,
Có người vừa « tạ-bái » một mâm,
Đức ông chồng đứng xin ăn,
Những đồ « thừa huệ » xem chừng chửa no.
Ông chồng lại lò-dò đi nữa,
Vợ cả bên sấp ngửa chạy về.
Hai vợ ngồi khóc đầu hè :
« Thằng chồng ta nó để bia miệng cười.
Đời phú-quí ra đời khất-cái,
Chị em ta phận gái biết sao ! »
Nhưng chồng có biết đâu nào,
Xâm-xăm ngoài ngõ đi vào vênh-vang.

VII. Người Dịch-giả mua xương ngựa thiên-lý

Người Dịch-giả vua sai mua ngựa,
Đem vàng đi chọn lựa ngựa hay.
Thăm dò kể đã nhiều ngày,
Giữa đường bỗng thấy đám vây đông người.
Người thời khóc người thời thương
Giữa có con ngựa chết nằm co. [tiếc,
Mọi người đều kể sự-do :
« Ngựa thiên-lý-mã không cho ở đời ».
Kẻ Dịch-giả theo lời mạc-cả,
Mua bộ xương trị-giá năm trăm,
Đem về vua giận hăm-hăm :
« Mua xương ngựa chết thôi hăng phí vàng. »

Kẻ Dịch-giả rằng: « Xương còn trọng,
Nữa ngựa hay còn sống đáng bao ».
Quả-nhiên đồn-đại xôn-xao,
Ngựa thiên-lý-mã đem vào dâng luôn.
Nguyên ngày trước Yên-vương cầu sĩ,
Người Quách Ngỗi bên ví chuyện này.
Rằng : « Vua muốn chuốc người hay.
Tôi là xương ngựa xin ngài mua đi. »
Trong thiên-hạ thiếu gì hiền-giả,
Thấy giá cao ai chả tìm về.

VIII. Con chai với con cò.

(Chiến-quốc sách)

Bên sông Dịch-thủy ngày xưa,
Chai cò hai chú đều vừa đi ăn,
Chai há miệng định nhằm kiếm miếng,
Cò tới nơi mồ nghiến ngay vào ;
Chai đau quặp vỏ lại mau,
Kẹp mỏ cò dẫu thế nào không tha.
Cò đau mỏ rút ra không tuột,
Lại ấn thêm vào ruột chú chai ;
Chai đau cứ kẹp chặt hoài,
Chẳng ai là chịu nhường ai lúc này.
Chai rằng : « Giữ hai ngày không thả,
Thì thằng cò chết là không sai. »
Cò rằng : « Chỉ nay với mai,
Trời không mưa xuống thằng chai khô
Đang đối đáp om-xòm bên bãi, [ròn.»
Lão thuyền chài hắt-hải đi qua.
Cười thầm : « Trời để dành ta, »
Bắt chai cò bỏ rổ mà lếch ngay.
Tô Đại đặt truyện này ngày trước,
Vì Triệu, Yên hai nước giao-công ;
Chai cò thế bất tương-dong,
Nước Tần bên cạnh là ông thuyền chài.

IX. Người Biện-Trang với hai con hổ.

(Chiến-quốc sách)

Biện-Trang nhân lúc đi đâu,
Gặp hai con hổ cắn nhau giữa đường.
Đương vật lộn và đương cào cắn,
Tên người nhà toan sắn vào đâm ;
Biện-Trang giữ lại can ngăn :
« Để yên ta hãng dừng chân đứng chờ.
Nếu mà vội bây giờ thì dại,
Tất hai con quay lại cắn ta ;
Chi bằng ta tạm lùi ra,
Rồi đâm có một thế mà được hai.
Quả-nhiên đợi độ vài phút nữa,
Thì một con ngã ngửa nằm trơ ;
Một con đau mệt lờ-đờ,
Biện-Trang lập-tức liền giơ gươm vào.
Đâm con mệt tê nhào xuống cỏ,
Được đôi hùm có khó gì đâu.
Đó là một chước rất sâu,
Của người Trần Trần xưa tâu vua Tần.
Vì Hàn, Ngụy hai quân giao-chiến,
Thì Tần dừng vội tiến quân sang.
Chờ cho chiến-cục hồ tàn,
Đâm hùm dùng kế Biện-Trang trên này.

X. Ông Lão trên cửa ải với con ngựa.

Một ông Lão ở trên cửa ải,
Đương cái khi thời-đại nhà Tần.
Nhà ông cũng đủ bát ăn,
Nuôi được con ngựa đáng trăm nén vàng.
Bỗng đâu ngựa lạc đàn đi mất,
Người trong làng tấp-nập hỏi thăm ;
Ông rằng: «Cũng chẳng biết chừng,
Mất ngựa mà đã hẳn rằng họa đâu. »
Ngờ đâu đến hôm sau thấy ngựa,
Nó rủ về con nữa cục hay.
Người làng ai cũng mừng thay,
Ông rằng : « Đã chắc việc này phúc chưa ? »
Cậu con ông rất ưa ngựa mới,
Ngày hôm nào cũng cưỡi nhung-nhăng.
Thế nào ngã ngựa què chân,
Người làng kéo đến ân cần xót-xa.
Ông rằng : « Có chi mà nhăn-nhó,
Cháu gẫy chân may có phúc lành. »
Quả-nhiên vua đắp Trường-thành,
Dài hơn muôn dặm giều quanh biên-
Trai tráng bắt phải đi phu hết, [thùy.
Gẫy chân tay ốm chết biết bao.
Con ông què được « miễn-dao »,
Nhà ông con một phúc nào còn hơn.
Ấy họa phúc vô-môn là thế.
Chắc chi mà vội kể dở hay ;
Dở hay chắc tại lòng này.

XI. Con gà, con lợn, và con chó (1)

Con gà cục-tác : « Lá chanh »,
Con lợn ủn-ỉn : « Mua hành cho tôi »,
Con chó khóc đứng khóc ngồi :
« Bà ơi đi chợ mua tôi đồng riềng. »
Ấy bài ca cổ còn truyền,
Mượn ba con vật răn khuyên thế-tình.
Thấy chết ai cũng sợ kinh,
Mà « thang tống-tử » thì tranh nhau đòi.
Đòi phần biếu đòi chiếu ngồi,
Đòi phiện đòi rượu tiệc vui thiếu gì.
Người mà cũng dại thế thì !...

XII. Con Mèo với con Chuột.

Kẻ mạnh kia vốn vô-tình,
Kẻ hèn dù lạy chi-thành nào tha.
Chuyện mèo với chuột còn ca,
Lời tuy giản-dị thế mà ý sâu :
« Con Mèo mà chèo cây cau,
Hỏi thăm: «chú chuột đi đâu vắng nhà?»
« — Chú chuột đi chợ đường xa,
Mua mắm mua muối giỗ cha chú Mèo. »
Chuột thờ Mèo đã đủ điều,
Mà ra Mèo vẫn đi theo dòm hành.
Chuột về có biết sự tình,
Chớ tin tốt lễ mà mình dễ van.

XIII. Hội-nghị Súc-vật (2)

Trong súc-vật trâu công-nghiệp nhất,
Đứng đầu ra cất đặt chức quyền.
Đạt tờ mời các Hội-viên,
Gà, mèo, chó, lợn họp phiên hội-đồng.
Trâu rằng : « Cứ phép trong xã-hội,
Công không quên mà tội không tha.
Biết thời-tiết có bác gà,
Tư-thiên giữ chức liệu mà báo tri.
Bắt chuột chú mèo kia thiện-nghệ,
Giữ thóc kho chớ để hư-hao.
Đêm hôm thức nhắc ra vào,
Tuần-phòng cậu chó ai nào dám so.
Còn tên lợn ăn no lại ngủ,
Chờ béo rồi đem mổ thịt ăn. »
Lợn còn kháng-nghị cãi rằng :
« Tôi làm gì tội thì phân cho tường. »
Rằng : « Thức-thời mi nhường gà nọ,
Phòng-gian-phi thua chó đêm tăm.
Coi kho kém mãn tài-năng,
Ngu lười ở bẩn lại ăn hại đời.
Sống vô-ích cho thời cho thế,
Không giết đi thì để làm chi. . .?»

XIV. Con Ve với con Nhặng (3).

Áo the lướt-thướt phong-phanh,
Ấy Ve thi-sĩ trên cành ngâm vang.
Áo lam biếc đát vàng mũ đỏ,
Nhặng đại-gia nhăng-nhố chạy vào.
Ai ô-trọc ai thanh-cao,
Cùng nhau tranh-luận biết bao nhiêu lời.
Nhặng hỏi trước: «Sao ngươi rên-rỉ?»
Ve đáp : « Ta chỉ vị thương đời. »
Nhặng rằng : « Sao chẳng thức-
Nghêu-ngao đồ xác nay đời ai ưa. [thời,
Càng dãi nắng dầu mưa càng dại,
Đời đang vui sao lại ngâm-sầu ? »
Ve rằng : « Qui-khách ở đâu ? »
Nhặng rằng : « Từ chốn nhà lầu ra chơi.
Từng dự khắp mọi nơi yến tiệc,
Miếng đỉnh-chung trải hết trân-cam.»
Ve khen : « Bác nhẫn-tâm làm,
Thế thì bác hưởng giàu sang đáng rồi.
Kia những chỗ tanh-hôi dơ-bẩn,
Ai mà không phải lần cho xa.
Bác thì luồn lọt vào ra,
Những nơi như thế mới là no say.
Chỗ thành-quách chẳng may thất-thủ,
Ai không thương « bộc-lộ » gớm ghê;
Bác thì càng được no-nê,
Qui-hồ thích-khẩu chẳng hề động-tâm.
Bác lấy thế làm hâm làm mộ,
Ta ngậm hơi cam-lộ làm ngon.
Tuyết-sương chi xá hao-mòn,
Tiêu-tao mấy tiếng hú hồn non sông.
Ai nghe mặc ai không cũng mặc,
Thú cỏ hoa tự-đắc một mình »
Nhặng nghe ve nói bất-bình,
Thẳng bay về chỗ mành-mành trước hiên.

ĐỖ-NAM-TỬ

---

(1) Trở xuống là điển và giải văn cổ của Việt-Nam, đều khuyết-danh.
(2) Bài này ở đời Hậu-Lê, đầu bài gọi là « *Đại ngưu ngôn* 代牛言 ».
(3) Bài này tên cũ gọi là « *Vũ trùng giốc thắng* » 羽虫角勝

ĐÀN BÀ ĐÔNG-PHƯƠNG (1)

XIII

Kỳ-nữ Tứ-cô-nương *(tiếp theo)*

Dực-vương thao-duyệt binh-mã xong, đóng quân ở ngoài thành Thạch-trụ, trong thành thì vẫn cho họ Tần (Thạch-trụ thổ-quan) được giữ thành như cũ. Dực-quân vẫn đứng về phương-diện khách-quan, Tần-quân vẫn đứng về phương-diện chủ-quan. Khi ấy, Dực-vương cùng Tứ-cô-nương đi quan-sát hình-thế, được một chỗ bình-cốc ở ngoài mé tây-nam thành Thạch-trụ, dài rộng hơn một trăm dặm, bốn mặt núi cao, đường vào chỉ có ba lối, ở trong thì điền-thổ phì-mĩ, khí-hậu ôn-hòa, thực là chỗ thiên-nhiên hình-thế, thắng-lợi mọi đường. Dực-vương thương-nghị với Tứ-cô-nương, bảo cho họ Tần, xin đem bạc hai vạn lạng mua cái đất ấy. Họ Tần không chịu nhận bạc, xin để đất ấy cho Dực-vương mượn, và chiêu-mộ thêm thổ-binh để trợ Dực-vương. Dực-vương mới dời đại-bản-doanh sang chỗ Nam-sơn bình-cốc, đốc-suất quân-sĩ, sửa-sang doanh-lũy, kiến-thiết ba ải-khẩu, kỳ ba ngày phải làm xong, làm cả ngày cả đêm, mưa cũng không nghỉ, quân-sĩ đều phấn-tấn. Dực-vương chia Dực-quân cựu-bộ làm ba đạo, trấn ba ải-khẩu. Còn quân tân-bộ (Thạch-trụ thổ-binh) thì cho đóng ở một nơi, để tiện-nghi điều-khiển.

Chợt nghe có Mãn-binh đại-đội kéo đến. Dò xét ra thì là bộ-hạ quân Lạc ở Tứ-xuyên, binh-thế rất mạnh. Lúc ấy, ba ải-khẩu phải giới-nghiêm. Mãn-binh thúc-thủ vô-sách, chỉ bồ-đồn ở ngoài xa-xa. Mãn-tướng sai người âm-thông với họ Tần, có thư rằng: « Nhà ngươi lũy-thế phụng chính-sóc Đại-Thanh, nay sao dám trợ quân phát-nghịch. Nếu biết hối lại lỗi trước, lập-tức khu-trục quân nghịch ấy ra khỏi bờ-cõi, thì nhà ngươi không những không có tội, bản-quân lại thuận-nguyện đem vàng bạc vạn lạng khao-thưởng cho bộ-hạ nhà ngươi. Không thế, thì tức-nhật tiến-binh công-thành, phàm kẻ trợ-nghịch, đều giết không tha, cho nhà ngươi nghĩ. » Họ Tần được thư, liền âm-mưu đổi hành-vi ngay, cứ thúc-dục Dực-vương kéo binh ra đánh quân Mãn, để mình ở đàng sau làm kẻ tập-hậu. Dực-vương khi ấy vẫn không biết họ Tần có âm-mưu, chửa nỡ để lòng ngờ họ Tần. Chỉ trả lời rằng: « Hãng giữ thế thủ, để đợi quân Mãn thế suy, rồi sẽ giở ra thế công, xin qui-chủ-nhân cứ đồng-tâm hiệp-lực, bản-quân xin nhận cái trách-nhiệm bảo-toàn cho qui-hạt, đừng mang lòng hoài-nghi. » Dực-vương nhân tưởng đến lời Tứ-cô-nương, sực nghĩ ra rằng thói thổ-quan bất-túc-thị, ta phải âm-hành thiết-bị, để phòng sự bất-trắc. Ngay chiều tối hôm ấy, chia ba đạo phục-binh, phục ở ngoài ba ải-khẩu. Lại dời quân tinh-nhuệ cựu-bộ vào hết cả mé nam-ngung, mà đem quân Thạch-trụ tân-mộ-binh ra trấn ba ải-khẩu. Về khoảng trống canh ba, chợt thấy ba ải-khẩu đồng-thời đều có quân ngoài tiến vào, thế rất hung-mạnh, đường lối thóc-mách, dường như có người trong làm nội-ứng mà dẫn vào. Dực-vương kíp lên

(1) Xem N.-P. số 121.

chỗ vọng-viễn-đài, chiếu đèn lên soi. Nhận ra thì đều là hiệu cờ Thạch-trụ-binh với Mãn-binh hợp-binh tiến vào hằng-hà sa-số. Dực-vương vỗ ngực than rằng quả bất-xuất sở-liệu, nay hẳng cứ để cho nó vào trong hũ ta. Khoảnh-khắc, quân giặc vào hết trong ải-khẩu. Dực-vương mới phát-hiệu, khiến quân tinh-nhuệ ở Nam-ngung đột-khởi, vây đánh rất hăng. Quân giặc biết là trúng kế, kíp quay ra ải-khẩu tìm lối trốn chạy. Ải-khẩu thì hẹp, phục-binh ở ngoài ba ải-khẩu lại thốt-khởi đánh vào. Đêm hôm hôn-hắc, bất-biện nhiều ít, quân giặc càng sợ hãi, nhảy cả xuống khe đá hang đá mà chết, không biết số nào mà kể. Quân-sĩ giết giặc mãi đến sáng. Kịp đến sáng, thì quân giặc kể có ngót mười vạn người chết sạch, không sót một người nào. Từ đấy quân Mãn sợ quân Dực như hổ, không dám lại bạ-men miền Thạch-trụ nữa. Sáng sớm, thổ-quan Tần Đại-Huấn sai em là Tần Công-Lượng, đến chỗ quân-doanh, nộp một cái đầu, lạy-lục tạ tội, nói rằng bị giặc Mãn nó bức-bách, và kẻ gian-nhân làm lầm. Xem ra thì là cái đầu một đứa tiểu-lại, không phải là đầu Tần Đại-Huấn. Chư-tướng đều nói rằng họ Tần lạo-thảo tắc-trách, xin đem anh em Tần Đại-Huấn tru-di tam-tộc. Dực-vương cùng Tứ-cô-nương thương-nghị, nhân nghĩ rằng còn muốn liên-hợp các thổ-quan, không muốn kết-oán. Chỉ bắt họ Tần phải giao thành Thạch-trụ để Dực-quân vào giữ, mà đuổi họ Tần ra ngoài thành, chỉ cho giữ việc trị-dân mà thôi, quân-sự không được hỏi đến. Họ Tần vâng dạ ký ước. Dực-vương mới sai viên kiện-sĩ Dương làm chức Thạch-trụ phòng-quân thống-lĩnh, coi giữ thành-trì.

Dực-quân khi ấy, thực cũng đã đủ thành-trì, đủ binh-lực, đối-phó với Mãn-Thanh. Nếu giữ lấy đất ấy, mà hiệu-triệu các thổ-quan, làm vua miền Thạch-trụ, cũng đủ làm một vị Tần Lương-Ngọc (nữ-tướng hồi Minh-mạt) thứ hai. Duy Dực-vương bản-chí vẫn muốn bắt-chước Khổng-Minh, hành-quân lại muốn bắt-chước Đặng Ngải. Song Dực-vương có tài-trí Khổng-Minh, mà không có thời-thế Khổng-Minh, sẽ biết thời-thế tạo anh-hùng, anh-hùng ít tạo được thời-thế. Đặng Ngải đi đường hẻm vào Thục có trời giúp, Dực-vương đi đường hẻm vào Thục không có trời giúp, sẽ biết muôn sự tại trời. Duy Tứ-cô-nương ở trong Dực-quân, trước sau sự tiến-thủ, sự thất-bại, sự nguy-hiểm, đều biết trước, cũng nên tạm gọi là một vị nữ Ngọa-Long (Khổng-Minh)

Dực-vương tiến quân Lư-huyện, lai-vãng miền Xích-thủy, liên-hợp các Xuyên-nam thổ-quan, binh-thế đã tiếp-tục hoạt-động. Khi ấy viện tham-quân họ Trương có tiến một kẻ tiểu-phu, triệu vào hỏi, thì kẻ tiểu-phu nói rằng: «Ngoài thành Ninh-viễn ba mươi dặm thì vào núi, đi lên phía bắc năm mươi dặm, thì tung-tích người đi đã tuyệt. Chỉ có một lối treo-leo như đường chim, khuất-khúc như ruột dê, người đi phải luồn-lỏi khúm-núm, như thể rắn đi, nắm cái đây vin hòn đá mà đi. Ước lại bảy mươi dặm nữa, ra khỏi hang núi. Chỉ hơn hai mươi dặm, tức-khắc đến ngoài cửa nam-môn phủ Thành-đô (tỉnh-thành Tứ-xuyên). Lối ấy tự xưa đến nay vẫn hoang-vu, chưa ai đi đến bao giờ. Hoặc có đồng-mán xuất-nhập gần nơi đó, nhưng tộc-loại nó ít ỏi ngu-xuẩn, không làm hại gì được người.» Dực-vương nghe nói, hân-hỉ động lòng, liền sai hai người kiện-nhi tên Phi tên Tiệp, theo kẻ tiểu-phu bọc lương đi thám-lộ trước, rồi về báo. Lúc ấy đã thuộc về cảnh-tượng thu-mạt đông-sơ, gió lạnh sương nghiêm, rừng cây trơ-trụi. Dực-vương cùng Tứ-cô-nương vây lò đốt lửa, bàn tính sự đi

đường hiểm vào đánh úp Ba-thục, như Tam-quốc Đặng Ngải vào bắt Hậu-chúa ngày xưa, khí rất hăng-hái.

Dực-vương đến Xích-thủy, tiếp được bức thủ-thư của Cổ-lan thổ-quan, xin tán-trợ binh-lương. Đọc lên thì quật-khúc ngao-nha, không đọc đi được, lấy ý đoán mà thôi. Xem ra thì rậm-rịt cổ-quái, ra hình điểu-tích, còn là lối chữ nhà Chu nhà Tần, mà nghĩ lại kỳ-dị thâm-thúy. Dực-vương rất lấy làm thú-vị. Tứ-cô-nương cũng ái-ngoạn nghiên-cứu, không muốn rời tay. Lại có viên Trương-tham-quân từng am-hiểu các man-hoại, sự giao-thiệp rất tiện-lợi.

Được ít lâu, kẻ tiều-phu cầm bức thư của hai người kiện-nhi đi thám-lộ về, nói rằng hiệu đã đến phủ Thành-đô, xin kết với chí sĩ ở đấy làm người nội-ứng, sai tiều-phu đo lối cũ đi về, làm kẻ hướng-đạo cho chư-quân. Dực-vương cả mừng, điều-tập toàn-quân, chia hai đạo. Một đạo giao tướng Triệu thống-lĩnh, do nẻo Kiến-vi đến Bành-sơn, làm đạo viện-binh. Một đạo thì Dực-vương tự đốc-suất đại-đội vào cõi Ninh-viễn, do kẻ tiều-phu dẫn đường. Dực-vương lại chia quân làm ba đội. Đội tiên-phong thì chém rừng xẻ núi mở đường. Đội trung-kiên thì hộ-vệ ở giữa. Đội tri-trọng thì vận-tải đi sau. Tự y-phục cho đến lương-thực, đều làm cách dan-kị khinh-trang, để chỉnh-bị về sự đi đường núi hiểm-trở.

Ngày mồng sáu tháng mười, Dực-vương cùng chư-tướng làm lễ tế cờ ở Xích-thủy. Chợt có trận gió lớn khởi lên, thổi gẫy cán cờ. Tứ-cô-nương với Đào ký-thất cùng cho là sự bất-tường, thỉnh Dực-vương đổi đường tiến quân đi nẻo khác, mà bằng tiến thong-thả chứ. Viên Trương-tham-quân nói rằng cán cờ bằng trúc, chữ trúc chiết ra, thành hai chữ cá ; thiên-ý bảo rằng cá-cá khả-thành, cứ đi không hại gì. Dực-vương chí cũng đã quyết, mới truyền-lệnh chỉnh-đội tiến-hành.

Trưa ăn cơm ở Thiên-phật-nham, đêm ngủ ở ngoài thành Vinh-huyện. Ngày hôm sau đến Uy-viễn, tiến quân vào cửa núi. Kỳ-thủy còn có đường-lối nho-nhỏ, đi như thường được. Dần dần khuất-khúc vào chỗ tầng đá cao, quân đều phải đi thong-thả, người trước người sau cùng nắm một cái dây dài, như thể xâu cá mà đi. Người nào người ấy đều cầm binh-khí chống xuống hòn đá hoặc khe đá, để giữ mình cho khỏi lăn xuống. Dực-vương truyền lấy thừng kết lại làm một cái võng treo, sai hai người binh-sĩ khiêng đôi đầu, để Tứ-cô-nương đi, hai người binh-sĩ đi được một bước thì lại thở một cái, rất là khó-nhọc. Đến chỗ hơi bình-thản một chút, thì nhặt củi thổi cơm cùng ăn, rồi lại gắng sức đi lên.

Chợt thấy dàng trước mặt, núi cao liền mây ngọn núi tuấn-tiễu, không có đường khả-thông. Kẻ tiều-phu nói rằng : « Đấy là Phi-điểu-sơn, phải bíu lấy những cái dây mọc ra ở trên núi, co chân mà trèo lên. Người trước hô, người sau ứng, để phòng lạc nhau. Ở lưng chừng núi phải đi qua một cái động, trong động tối tăm mù-mịt, không ai trông thấy mặt ai, mà dài ước có đến mấy dặm. Đến đấy phải đi bò xát xuống đất như con rắn bò. Thắp đuốc mà vào, nếu gió thổi đuốc tắt, thì cũng đừng sợ. Chỉ dùng tay sờ xuống đất như người nhắm mắt mà đi lên, lâu rồi tự-khắc thấy ràng-rạng bóng sáng trời, ra khỏi động, thì có chỗ hơi bình-thản, rồi lại đi quanh-co trèo lên đợt núi khác ». Dực-vương cứ theo như lời tiều-phu, khi tiến-quân quả-nhiên như vậy. Kịp ra khỏi động, mới cho quân-sĩ ngồi ở dưới chân núi, để đợi quân tri-trọng còn đi sau. Lúc ấy trời đã chiều, khí núi chưng-uất, người nào người ấy thấy

lạnh lắm, mới đốt lửa để vệ-thân. Đợi mãi đến đêm khuya, đội tri-trọng vẫn không thấy đến, người nào người ấy kêu đói, chỉ có một ít lương-thực tạm lấy ra ăn. Đêm ấy beo gầm cọp kêu, kinh-tâm đông-cốt, người mật to đến đâu, cũng phải xờn chân lông, dựng tóc gáy vậy.

Sáng sớm, cất quân sắp-sửa đi. Chợt thấy kẻ dã-nhân bốn năm người, mình trần, hình lạ, chỉ một vuông vải che phần dưới nửa người, tay cầm cái dìu chế-tạo bằng đá làm khí-giới, sừng-sực tiến lại đánh người. Dực-vương sai giương súng bắn liền, bọn dã-nhân ấy chết cả. Một chốc lại thấy mấy kẻ dã-nhân nữa tiến đến, lại giương súng bắn chết. Từ đấy càng bắn chết thì nó lại càng tiến đến nhiều, quân tiền-đội phải mấy người vì nó mà bị chết bị thương. Dực-vương cho rằng bọn dã-nhân ấy chỉ ngu cực-xuẩn, không thể lấy lý-luận được nữa. Mới vất cho nó một ít đồ ăn và mấy thức quần áo. Quả-nhiên nó tranh-cướp nhau nhặt lấy, rồi đi, không làm nhiễu người nữa. Tứ-cô-nương nói rằng: « Vua cha lấy đồ y-thực cho kẻ dã-nhân. Song đội tri-trọng còn ở sau chưa đến, quân ta lương chỉ còn có ba ngày, mà lam-sơn chướng-khí hàn-lãnh bách người, con sợ rằng khó phần ra khỏi được nơi hiểm-trở. » Dực-vương tỏ ra ý rằng kẻ dã-nhân tuy ngu-xuẩn, cũng đủ làm nhiễu người, mà giương súng bắn hoài, thì cũng bất-nhẫn. Nhưng cũng hối lại. Mới truyền quân gắng sức đi mau, cho quân hái các thức sơn-quả làm đồ ăn thêm.

Quân đi gặp mưa, phải vừa đi vừa lội ở trong chỗ cái suối sâu, đồ vật quần áo đều thấm ướt. Quân vào rừng hái củi, củi cũng ướt, không thổi được cơm. Vòng lên núi, quanh-co đi mãi lại xuống núi, dường như có thôn-lạc dân-cư, chúng đều cho là đã ra khỏi hiểm-trở. Kẻ tiều-phu nói rằng: «Lên núi và xuống núi, còn phải ba lần nữa, đi nhanh thì ước độ năm ngày, đi chậm thì thường phải bảy ngày, mới ra khỏi hiểm-trở. Khi ấy quân-sĩ đều mỏi mệt, có nhiều kẻ xúc-phạm lam-chướng mà ốm đau. Nước suối rất độc, quân sĩ uống vào liền thổ-tả bất-cứu. Phần ốm đã có phần gối tựa vào nhau mà nằm, phần chết đã có phần chồng chất vào nhau mà chết. Dực-vương cả sợ hãi, mới chọn lấy một chỗ cao-khoáng, và hơi bình-thản cho quân đóng. Chỗ ấy là Môn-tinh-lĩnh, cũng thuộc về giải Phi-điểu-sơn, hưu-dưỡng quân-sĩ ba ngày. Dực vương đem thuốc-thang ra yên-ủi từng người, khóc-lóc bảo quân-sĩ, và nhận lấy lỗi mình. Quân-sĩ đều cảm-khấp. Song điểm kiểm quân-số, thì mười phần đã tổn-thiệt mất sáu phần rồi, mà đội tri-trọng thì mất hút không thấy đến, sai hai người kiện-nhi trở lại tìm, thì cũng lại mất hút không thấy về, chừng là lạc lối, không biết đâu mà tìm nhau nữa. Trong quân lương không đủ ăn, vạn-phần nguy-khốn. Dực-vương kíp sai kiện-nhi tên Miêu tên Phượng ra chỗ giới-khẩu, hội với tướng Triệu ở Bành-sơn, khiến tướng Triệu tìm phương-pháp cứu-viện.

Dực-vương ở Môn-tinh-lĩnh, hàng ngày ngóng đợi Triệu-quân lại cứu-viện. Nhân thừa-hứng dắt Tứ-cô-nương lên chơi núi, vì núi ấy cũng có chiều u-thắng, lên chơi để giải buồn, đến bữa ngọ-thiện mới về. Tướng Triệu tự miền Nga-mi vừa lại, đem ba nghìn dũng-sĩ và thường-ngân hơn hai vạn lạng, để viện-trợ Dực-quân. Tướng Triệu vào yết Dực-vương, bàn hỏi sự vào lấy Thục. Dực-vương nói rằng: « Trời nếu giúp ta được Thục, thì sớm đã thành-công, nay tỏa-chiết thế này, thực mệnh trời vậy. Ta tất vào đất Tây-tàng, bắt-chước như Cù-nhiêm-công gây-dựng một vương-quốc nho-nhỏ ở

đất Phù-dư, thế cũng là đủ; nay tướng-quân cùng Dương-tướng-quân kíp vì ta mưu-tính sự ấy, điều khác thì ta không dám hi-vọng nữa. » Tướng Triệu dạ dạ. Dực-vương nhân than rằng: « Triệu, Hoàng, Lục, Dương, hai họ Thích, sáu hồ-tướng, chết mất hai (Hoàng, Lục), Đào-kỳ-thất, Trương-tham-quan, hai tham-mưu, chết mất một (Đào) Hai ba-mươi người kiện-nhi, bắt hổ như bắt dê, nay chỉ còn sáu bảy người. Mấy vạn hùng-binh, nay mười đã bỏ đi mất bảy tám. Một sự gì không thành, hai mái tóc như sương. Trời làm ách ta, cũng đã quá vậy, trời làm ách y-quan Hán-tộc ta, cũng đã cùng-cực vậy. » Tướng Triệu đi rồi, Dực-vương mới cùng Tứ-cô-nương hạ cuộc đánh cờ để tiêu-khiển.

Dực-vương đêm thường cùng với Tứ-cô-nương bàn lẽ giải thoát trần-lụy, nói rằng ta sau khi vào Tây-tàng, tất cầu phép thượng-thừa. Quân-sĩ có kẻ nói rằng đại-vương tuổi chưa năm-mươi, sao chí đã vội suy. Dực-vương đáp rằng: « Ta mười năm nhung-mã, chuyển-chiến vùng Giang Hán lịch-duyệt đã nhiều. Để vương tướng-tướng, cũng chẳng làm gì, chỉ tạo ra sát-kiếp đấy thôi. Không bằng kịp ngày nay thu-thập tinh-thần, hàm-dưỡng tâm-chí. » Dực-vương sai Tứ-cô-nương chỉnh-bị hành-trang, rồi tự mình thu-thập quân-đội, tự Môn-tinh-lĩnh tiến sang phía tây, định qua Mã-biên, Nga-biên, sang Đại-độ-hà vào Phật-quốc (Tây-tàng).

Khi ấy, viên Mãn-tướng là Lạc Bình-Chương hiện tổng-đốc quân-vụ ở Tứ-xuyên. Lạc vốn là người Hán-tộc, mà làm quan với nhà Mãn. Bộ hạ Lạc thường bị Dực-quân đánh thua, Bình-cốc, Bồi-lăng, Xích-thủy, Ninh-viễn các trận, đều thiệt-hại, thường căm-tức. Lạc rất là kẻ đa-mưu, bấy lâu vẫn thiên-phương bách-kế, săn đánh Dực-quân. Sau biết Dực-quân thế suy, Dực-vương sắp-sửa chạy sang Tây-tàng. Mới âm-kết với thổ-quan miền Nga-biên Mã-biên, và thân-đốc đại-quân đi đuổi bắt.

Dực-vương đi đến Lương-sơn, tướng Triệu với tướng Dương đối quân đi đoạn-hậu, xuất tử-lực vừa đi vừa đánh nhau với quân Mãn thắng-phụ tương-đương. Dực-vương nhân đem trọng-binh giao cả cho tướng Triệu, tự mình cùng Tứ-cô nương và Mã-sinh suất-lĩnh ba trăm quân khinh-kị, và lương-thực ít nhiều, ruổi mau sang phía tây, định vượt qua Đại-độ-hà vào Tây-tàng, thì Mãn-binh tất không đuổi kịp. Ngờ đâu, các thổ-quan thấy Mãn-binh thế mạnh, cùng bỏ Dực theo Mãn. Thổ-quan thì săn đánh Dực-vương, Mãn-binh thì ngăn-tiệt tướng Dương tướng Triệu, đó là cái mưu của họ Lạc.

Dực-vương đi đến một địa-phương gọi là Tử-đả. Người thổ-quan họ Trương vào yết, rất cung-kính có lễ-phép, vạch một khu đất để Dực-quân đóng, cung-cấp lương-thực lại phong-hậu. Dực vương bởi Đại-độ-hà gần xa, thì Trương nói rằng một ngày nữa khá tới, xin đại-vương cứ an-tâm ở đó, đừng vội-vàng. Đó là cái độc-kế của Tử-đả thổ-quan, mà Dực-vương bị trúng vậy.

Đêm ấy, Dực-vương ngủ ở trong một cái lầu, gọi là cái Điêu-lâu của Tử-đả thổ-quan. Tang-tảng sáng, chợt báo có đại-đội binh đến. Dực-vương cho thám, thì là các thổ-quan hợp-binh. Thổ-quan lại thanh-ngôn rằng thỉnh Dực-vương thân-hành đến trong quân mình, tỏ ra ý kiêu-mạn. Dực-vương biết rằng tất có biến, cả kinh-hãi. Chợt lại tin báo ở đằng sau quân thổ-quan có hiệu cờ tướng mỗ quân Mãn. Dực-vương vùng đứng dậy nhảy lên nói rằng sự bại rồi, quân Triệu không thấy đến, mà

thổ - quan đều phản-bội, ta tất nguy ở đây. Lập-tức truyền quân kiên giữ thế thủ, tương-trì bất-động, để đợi Triệu-quân. Được ba ngày ba đêm, Triệu-quân vẫn không thấy đến. Quân Dực khi ấy, có ba trăm quân khinh-kị, và các tàn-quân tập-hợp, chỉ độ nghìn người, mà quân ngoài thì quân thổ-quan lẫn quân Mãn, có đến ngoại hai vạn người, vây kín bốn mặt, quân Dực ở trong, đường kiếm củi đường lấy nước đều bất-thông. Quân giặc đánh vào hăng lắm. Dực-vương chỉ sai tử-sĩ ra phấn-đấu, chứ toàn-quân nhất-định bất-động. Quân-sĩ cảm Dực - vương ân-nghĩa bấy lâu, đều thề đem cái chết chống-cự với giặc, quân vẫn cứng mạnh không vỡ. Song số tử-thương cũng đã mười phần mất ba. Khi ấy Tứ-cô-nương tự mình trần tay xắn áo, thổi cơm đem quân-sĩ ăn. Dực-vương gối đầu vào ngọn giáo, thâu đêm tụng kinh Kim-cương.

Đến ngày thứ ba, quân ngoài đánh vào càng hăng, sắc cờ Mãn-binh, chói-dọi tai mắt. Các thổ-quan ra sức thóa-mạ Dực-vương. Dực-vương than rằng thật là cái thái-trạng chó thằng Chích cắn vua Nghiêu. Chợt nghe ở ngoài vòng vây có tiếng súng lớn nổ rất mau, hiệu cờ của các thổ-quan thấy có chỗ lả-lướt tán-loạn. Chợt tin báo ở ngoài vòng vây có binh đột-ngột đến đánh. Dực-vương trong bụng biết rằng Triệu-quân lại đó, mới giơ tay múa gươm cả thét lên rằng : phá vây phá vây ! Liền đĩnh-thân đi trước quân-sĩ, xông-pha vào chỗ tên mưa đạn tuyết, chạy lên phía bắc, phút chốc gặp nhau với quân ngoài, thì là quân Dương Thiệu-Đông. Dực-vương cùng Thiệu - Đông nắm tay tương-kiến, vừa mừng rỡ vừa cảm-thương, hỏi Triệu Như-Long ở đâu, thì nói rằng không biết Triệu ở đâu, chừng bị quân Mãn nó ngăn tiệt.

Các vai hồ-tướng trong bộ-hạ Dực-vương, như Triệu Như-Long, Hoàng Cái - Trung, Lục Khởi - Trập, Thích Triều - Đống, duy Dương Thiệu - Đông là trẻ tuổi nhất. Thiệu - Đông là con Đông vương Dương Tú-Thanh, mười bốn tuổi bị gia-nạn (đảng Đông-vương bị giết) lưu-lạc. Mười bảy tuổi về với Dực vương, Dực-vương đặt tên cho là Thiệu-Đông (kế-thiệu Đông-vương), bắt trong quân đều phải gọi là Dương-thế-tử. Mười tám tuổi làm tướng, bách - chiến bách-thắng, sánh vai với Triệu Như-Long. Dực-vương thường phàn-nàn rằng : « Tứ-cô-nương vội lấy chồng, lấy anh hủ-nho. Không thế thì ta với Đông-vương là huynh-đệ, Tứ-cô-nương với Thiệu-Đông thực cũng xứng - đáng thuyền-quyên anh-hùng. » Tứ-cô-nương chỉ lắc đầu cười mà không nói. Sau Thiệu-Đông phụng-mệnh Dực-vương tây-hành đến miền Đại-văn, người con gái Đại-văn thổ-quan thấy Thiệu-Đông tướng tài trẻ tuổi, ưng-ý xin làm vợ Thiệu-Đông. Người con gái thổ-quan cũng nghề dao nghề nỏ nghề ngựa, không kém gì bậc hảo-nam-nhi. Trong Dực-quân lại có được một đôi uyên-ương tham-dự cuộc chinh-chiến. Phen này Thiệu-Đông lại phá tan mấy vòng vây, dẫn được Dực-vương với Tứ-cô-nương ra khỏi mặt trận Tử-đả. Song cái công-nghiệp tống Thiên-nữ về tiên-đô, tiễn Duy-ma lên giác-lộ, thì còn phải đợi người hủ-nho.

Dực - quân với Dương - quân hợp quân lui vào chỗ Lão-nha toan để thủ-hiểm. Đêm ấy đuốc lửa sáng rực một góc trời, tiếng trống mõ cầm canh, không lúc nào dứt. Quân-sĩ rất mỏi-mệt, nhưng vẫn gắng sức chi-trì. Quân Mãn với quân Thổ vẫn tiến theo vây kín các mặt. Nửa đêm Dương Thiệu-Đông đem quân ra đột ngột đánh vào đồn Mãn, quân Mãn thua vỡ, phá được một mặt vây, Dực-quân mới tiến sang phía tây được. Khi ấy Thiệu-Đông phấn-dũng tiến-quân, một người có thể

đương được trăm người, vừa tiến vừa đánh, đánh giết Mãn-binh ba nghìn người. Dực-vương than rằng ta hiện nay đã mộ-khí, thực không bằng Dương-tướng-quân có sinh-khí vậy. Duy quân Mãn thì nhiều, quân Dực thì ít, quân Dực tuy chiến-thắng, nhưng khó phần kết-thúc Dực-vương hỏi một tên tù - binh thổ-nhân, biết rằng Đại-độ-hà chỉ còn cách có mười dặm. Dực-vương mới suất-lĩnh đội tàn-binh hướng nẻo Đại-độ-hà, Dương Thiệu-Đông suất-lĩnh hậu-đội đi đoạn-hậu. Chợt thấy quân bại-binh lẻ-tẻ chạy về phía tây, hỏi ra thì tức là quân thổ-binh theo quân Triệu. Biết rằng quân Triệu cũng đại-bại. Lúc ấy quân Triệu lạc đường sai hẹn, bị Mãn-binh ngăn-tiệt, một phen kiệt-quệ, không phấn-chấn lên được nữa. Duy Triệu còn hay chết thì chửa rõ. Dực-vương nghe nói, lấy làm thương thay!

Ngày hôm sau Dực-quân ruổi nhanh, đến một chỗ, thì con sông lớn ngăn ở đàng trước, thế nước đầy-rẫy, bên bờ sông thì núi cao xát trời, đường đi lên thế là đã tuyệt. Dực-vương đi quanh bờ sông, toan để tìm lối sang, thì không có lối nào nữa. Mà đàng sau thì quân Mãn tiến đuổi đã bức-bách tới nơi. Dực-vương phải đốc quân-sĩ phấn-lực chống-cự, Dương Thiệu-Đông cũng xuất-lực huyết-chiến. Quân Mãn tử-thương vô-số, phải lùi ra xa, không dám bách lại gần nữa. Dực - vương mới định đẵn trúc gỗ kết bè để sang sông. Song chỗ ấy là chỗ thượng - lưu, mùa hạ lại là mùa nước to, nước chảy sói và xiết lắm. Bè mảng thả xuống, thì trôi băng đi. Trừ phi mấy trăm cái bè kết lại làm một cái bè thật to, mới có thể nên việc được, đành phải dừng chân đứng lại. Đêm ấy đóng đồn ở bên bờ sông, chỉ nghe tiếng gió cùng tiếng nước, làm kinh-hãi thần-hồn người. Dực-vương suốt đêm không ngủ.

Ngày hôm sau, chính là ngày tết Đoan-ngọ (mồng năm tháng năm). Ôi! ngày cưới Tứ-cô-nương ở Kinh-châu, là ngày Đoan-ngọ. Ngày Tứ-cô-nương sinh con gái ở Thi-nam, cũng là ngày Đoan-ngọ. Ngày Tứ-cô-nương hi-sinh chồng, hi-sinh con, hi-sinh thân, để cứu nghĩa-phụ, lại là ngày Đoan-ngọ. Ngày Đoan-ngọ là ngày cát dường nào, lại là ngày hung dường nào. Nhưng xem kỹ lịch-sử Tứ-cô-nương, thì ngày Đoan-ngọ không phải là ngày hung, thuần là ngày cát cả vậy.

Ngày ấy, trong Dực-quân, kẻ thì ôm dấu thương, kẻ thì khóc người chết, thảm-trạng mắt không nỡ trông. Số tàn-binh kể cũng còn có hơn một nghìn người, nhưng dùng để chinh-chiến được, thì chỉ còn có năm trăm người. Mà Mãn-binh với Thổ-binh hợp lại, kể có đến hơn ba vạn người. Dực-vương liệu biết rằng không thể tái-chấn được nữa, mới bảo Tứ-cô-nương và Mã-sinh, Dương Thiệu-Đông cùng các quân-sĩ rằng: « Ta khởi-nghĩa đất Việt-tây, thề diệt giặc Mãn, huyết-chiến hai mươi năm, công-nghiệp mới được nửa vời. Chẳng may bị kẻ gian hãm-hại, quốc-sự điên-đảo nguy-vong. Ta mới chạy sang mé tây-thùy, để cầu một mảnh đất tự lập. Lũ các ngươi toàn là con người ưu-thắng tuấn-tú, trung-thành với ta, theo ta đến chỗ tuyệt-vực này, chẳng được phát-siển một mảy sở-trảng, thực là cái lỗi tại một mình ta. Sự-thế ngày nay, Hán-vận đã cùng, ta nên tự tài-định lấy sự chết. Ta chết sau này, lũ các ngươi theo Dương-tướng-quân về phương đông, tìm lấy một chỗ đất cam-tĩnh, làm kẻ lương-dân, mắt ta nhắm vậy! » Nói xong, tức-khắc cầm gươm tính bài tự-sát. Tứ-cô-nương với các người kêu khóc giữ lấy tay, nói rằng: « Trời mà còn giúp, biết đâu không chuyển bại vi thắng, xin đừng vội bỏ chí xưa. » Dực-vương bất-đắc-dĩ lại ném gươm xuống đất mà thở dài.

Lúc ấy Mãn-binh vây các mặt, dòi Dực-vương ra hàng kịp lắm, bảo rằng Dực-vương nếu tự trói mình ra hàng, thì mấy trăm người bộ-hạ, đều tha cho tội chết, không thế thì tức-khắc tiến quân vào đánh, ngọc với đá cũng tan. Các người đứng trông nhau không nói gì cả. Tứ-cô-nương nói rằng : « Xưa ngươi Kỷ-Tín thế-mệnh vua Hán Cao ra hàng Sở, rồi Sở bại mà Hán hưng. Nay cái tư-cách thế mệnh cho Dực-vương, chỉ có một Mã-sinh (Mã-sinh giống trạng-mạo Dực-vương .» Liền đối với Mã-sinh nói rằng: « Đại-vương bình-nhật hậu-đãi vợ chồng ta, định để làm gì, hà đến ngày nay, lại còn tự tiếc thân-mệnh đó vay! » Mã-sinh dương trù-trừ, dường như còn tiếc vợ tiếc con. Tứ-cô-nương mắng rằng: « Đại-trượng-phu nên coi sự chết như sự về. Quái-quái kẻ ngu-hèn kia, còn quyến-luyến vợ con đấy hay sao! » Khi ấy Tứ-cô-nương đương ẵm đứa con gái ở trên tay, lập-tức gieo đứa con gái ấy xuống đất, đứa con gái ấy khóc oa lên một tiếng, thì đầu đã vỡ tan, Mã-sinh cả kinh-hãi hoảng-hốt, đứng trông Tứ-cô-nương, dường như không thể dứt đi được. Tứ-cô-nương liền lấy dao đâm cổ họng mình cho chết đi, khiến Mã-sinh đừng quyến-luyến. Khi sắp chết mà chưa chết, còn nghe có tiếng nói rằng : « Mã-lang mau-mau lấy áo mũ cùng đại-vương thay đổi. » Nói dứt, liền chết. Than ôi! thân-thế Tứ-cô-nương, can-tình từ đấy, mà Tứ-cô-nương đối với ân-nghĩa Dực-vương, dụng-tâm thâm-vi thế nào, sẽ hiển-minh từ đấy. Trời đã cho Tứ-cô-nương tạo được nhân, há lại không cho Tứ-cô-nương kết được quả hay sao. Tứ-cô-nương thật là người trời!

Mã-sinh khi ấy, không còn quyến-luyến gì nữa, mới tỉnh lại thần-hồn, theo Dực-vương đi vào sau chỗ quân-tướng, Mã-sinh vận mũ áo Dực-vương. Dực-vương vận khăn áo người thường. Từ đấy trong Dực-quân mới xuất-hiện được một vị Kỷ-tướng-quân, mà vị Kỷ-tướng-quân ấy, thực do tay Tứ-cô-nương chế-tạo ra vậy. Được một chốc, trong quân truyền-hô rằng Dực-vương đem toàn-chúng ra hàng Đại-Thanh. Quân Mãn cả mừng, dẫn quân lại tiếp-nhận. Tức-khắc đem Mã-sinh (giả Dực-vương) bỏ vào cũi sắt, liền cuốn trại giải vây, áp giải Mã-sinh về Thành-đô, Viên Tứ-xuyên tổng-đốc họ Lạc xử-đãi một cách cực dã-man, đem súng đại-bác bắn tan xác thịt Mã-sinh ở Thành-đô. Rồi tấu báo lên Mãn-triều, họ Lạc tức-khắc được thượng-thưởng, phong tước công. Mấy người kiện-tướng trong Dực-quân, cũng đều bị chết ở cả ở tay họ Lạc. Ôi! Mã-sinh vốn là người hủ-nho, nhưng thủa ấy ở đất Thành-đô, thực cũng nghiễm-nhiên làm một vị đại-anh-hùng, đại-quân-tử, đại-vĩ-nhân. Mã-sinh cũng may lắm vậy; họ Lạc vốn là người danh-tướng danh-nho, nhưng muôn kiếp ở đất Thành-đô, thực vẫn hiển-nhiên là một kẻ đại-tàn-ác, đại-tiểu-nhân, đại-nô-lệ, họ Lạc cũng chẳng may lắm vậy.

Dực-vương (chân Dực-vương) vì Mãn-binh đã giải vây, mới cùng với mấy người tâm-phúc đổi dạng ăn mặc người thường, trốn đi. Khi trốn đã thoát, mới chạy vào trong núi Ngang-nhã, toan mưu sự tái-cử. Nhưng lại than rằng cuộc thiên-hạ ví như cuộc cờ, chỉ ở cái thế mà thôi, thế đã tan rồi, không sao thu-thập được nữa. Nhân muốn thực-hiện cái lý-tưởng xuất-gia tu-hành, mới trèo-leo lên núi Nga-mi. Trên núi có vị sơn-tăng, tuổi đã ngoại chín-mươi. Khi Dực-vương đến, thì người sơn-tăng đã ra đợi sẵn ở ngoài cửa để nghênh-tiếp. Dực-vương quái-ngạc là kẻ tiền-tri. Dực-vương với sơn-tăng cùng nhau bàn kinh nói kệ, rất

là khế-hợp. Đồng-thời bấy giờ, có năm người bộ-hạ cùng theo Dực-vương thi-phát tu ở núi Nga-mi. Người sơn-tăng có ngỏ ra lời bí-kệ rằng : « Dực-vương là kiếp hậu-thân ông phật Duy-Ma, Tứ-cô-nương là vị Tán-hoa-thiên-nữ hiện-thế vậy. » Ôi ! Dực-vương là giống cầm dao hành thiện, không phải là giống cầm dao hành ác, cũng không hồ là Duy-Ma hậu-thân Tứ-cô nương lấy chồng hủ-nho, không lấy chồng quốc-sĩ, khác với tâm-lý người thường, cũng phảng-phất là Tán-hoa-thiên-nữ.

Lại còn một người rể trong tâm-ý Dực-vương, và người chồng ngoài duyên-phận Tứ-cô-nương, là Dương Thiệu-Đông. Thủa ấy không biết hạ-lạc về đâu. Một là về đất Thành-đô, thì muôn kiếp Tây-kinh, còn hồn tráng-sĩ. Hai là lên núi Nga-mi, thì nghìn năm Phật-quốc, còn tượng kim-đồng. Xem truyện Tứ-cô-nương về hồi sau cùng lại khiến người sùng-bái và thắc-mắc một vị niên-thiếu tướng-quân, lịch-sử Tứ-cô nương cũng ba-lan lắm vậy.

Phê-bình

Lịch-sử Tứ cô-nương với lịch-sử Tây-Thi, đều là cái lịch-sử to lớn ở phương Đông. Vì lịch-sử Tây-Thi là lịch-sử hai quốc-gia cạnh-tranh, lịch-sử Tứ-cô-nương là lịch-sử hai dân-tộc cạnh-tranh. Tây-Thi với Tứ-cô-nương ở trong hai cuộc đó, đều có vẻ tuyệt-diệm tuyệt-kỳ.

Tây-Thi đẹp về vẻ quốc-sắc, Tứ-cô nương đẹp về bề thiên-hương, cũng là đẹp vậy. Tây-Thi khéo cười khéo nhăn khéo hát khéo múa ; Tứ-cô nương khéo phụng-thờ cha nuôi khéo kén chồng, khéo thao-lược, khéo văn-thơ, cũng là nghề tài khéo vậy. Tây-Thi vì quốc-sự hi-sinh cái danh, Tứ cô nương vì nghĩa-phụ hi-sinh cái thân, cũng là sự hi-sinh vậy. Tây-Thi là kẻ Việt-nữ, hiến thân với kẻ Ngô-cừu ; Tứ-cô-nương là con thái-phượng, kết-duyên với con tiểu-nha, cũng là sự tạo nhân vậy. Tây-Thi làm cho nước Việt đương thủa nguy-khốn, báo được thù Ngô ; Tứ-cô-nương làm cho phật Duy-Ma đương thủa phong trần, lên được cõi bồ tát, cũng là sự kết-quả vậy. Tây-Thi chiều chuộng một vị quốc-vương ở trên chốn cung-đài, thân sướng mà tâm khổ. Tứ cô nương lứa đôi với một chàng hủ nho ở trong trường nhung-mã, thân khổ mà tâm vui. Lịch-sử Tây-Thi là lịch-sử thành công, lịch-sử Tứ-cô-nương là lịch sử thất-bại. Song kẻ thức-giả không khi nào dám đem sự thành bại luận kẻ anh hùng.

Dực-vương vi như cái cây to, Tứ-cô-nương vi như cái dây leo. Nay muốn kể lịch-sử cái dây leo, bất-đắc-bất kể lịch-sử cái cây to. Dực-vương nhân-vật thế nào và Tứ-cô-nương nhân-vật thế nào ? Kẻ xem một bộ lịch sử rất thú-vị, rất cảm-động, rất dài này tự-khắc rõ, không phải đợi bản lảm cho rậm lời. Nay chỉ xin thảo ra hai bài thất-ngôn luật-thi, một bài chuyên vịnh về Thạch-thiên tướng (Dực vương), một bài chuyên vịnh về Hàn-hiệp-nữ (Tứ-cô-nương) bằng chữ nho, nhân lại dịch ra quốc-âm để cầu chư-quân-tử nhã-chính. Thơ như sau.

詠石天將
Vịnh Thạch-thiên-tướng.

廣西博士是英雄。
Làng nho đất Quảng hiện anh-hùng.

白地王朝等一功，
Tay trắng vương-đồ kể xiết công ;

身去金陵潮涕淚。
Trào lăng sóng Ngô hòa rọt lệ,

途迷石柱蛇蛟龍。
Giun co hang Thục ngán thân rồng ;

風雲尺劍餘三楚。
Lưỡi gươm mài gió miền Tam-sở,

山月筆詩在萬松。
Ngòi bút thêu trăng trát Vạn-tùng

說到興亡一場夢。
Kể đến hưng-vong là giấc mộng,
峨嵋嶺上合談空。
Nga-mi chùa nọ rộng đường không.

詠韓俠女
Vịnh Hàn-hiệp-nữ

兒父血塵遂逅緣。
Cha Sở con Ngô ấy cũng duyên,
無端戎幕倚嬋娟。
Màn nhung che-dủ khách thuyền-quyên.
逋臣少慰孤吟苦。
Câu thơ đặt gối ông khuây muộn,
夫壻猶貪小楷賢。
Ngọn bút cài tai rể kén hiền.

鳥道山谿無米聚,
Điểu-đạo non cao khôn đắp gạo,
花洲星月有懸燈。
Hoa châu cảnh đẹp thử giương đèn;
軍中紀信呼來得。
Này chàng Kỷ-Tín trong quân đó,
鴉鳳奇情莫浪然。
Nha-phượng tình xưa phải ngẫu-nhiên.

TÙNG-VÂN

TUỒNG HÁT

NGUYỄN-CHÚA PHÙ LÊ-HOÀNG (1)

VIII

TẤN DƯỚI

Đoạn thứ nhì (8 hồi)

HỒI THỨ VI

Đồ thành tướng Mạc hãy còn mê gái đẹp.
Về trào nàng Ngô lại đặng sánh chồng quan.

Chương-trình

Khi Mạc Lập-Bảo say Ngô mĩ-nhân, không khác gì tấn Là Bố hí Điêu-thuyền, rồi sai người báo Quốc-công lập đàn ăn thề và cùng Ngô mĩ nhân đi siêu-hương, chỉ đi mỗi con thuyền đến miếu bên sông. Vừa ghé thuyền lên tới cửa miếu, thì Quốc-công phục quân giết chết, rồi về mở tiệc mừng. Ngô mĩ-nhân về trào, Quốc-công gọi gả cho quan Võ-bá là Võ Doãn-Trung. Đó là ngài định xong xứ Huế.

BÀI-TRÍ

Cảnh đàn hương và tiệc mừng

CÁC VAI TRÒ

Cậu linh Mạc — Quốc-công — Mạc Lập-Bảo — Ngô mĩ-nhân — Linh thủy — Ông Thự Trung — Võ Doãn-Trung — Quân-lính.

. . .

(Buông phông ngoài)

Cậu linh Mạc ra bạch (sang báo Quốc-công lập đàn): — *Hướng*: Xiêu thiềng vì sắc đẹp, đồ nước vị tình mê, rứa như mình phận lính ai nghe, thương những kẻ lớn đầu mà dại. — *Tán*: Ờ như tôi, nghĩ mình là một kẻ

(1) Xem Nam-Phong số 116—122.

lính-tráng, rõ biết quan thầy mình là đại, mà dao sắc khôn gọt được chuôi, có mần răng đặng rứa. — *Hường* : Này tướng Mạc chết mê vì gái, hẹn Quốc-công kết ngãi lập đàn. — *tán* : cái đó rõ thiệt cay quá. — *Ngâm nam-thương* :

Chứ mà hồng đánh đổ giang-sơn,
Luống thương phận lính vì quan đau lòng.
Cũng liều vó ngựa thẳng giong,
Mà xem mấy cuộc non sông xoay vần.

Vào nói : Dạ dám bẩm, tôi người quan Đô-đốc, sang bẩm-bạch Quốc-công, lập đàn định ước cho xong, bái phật siêu hương rứa đặng (1).

Hạ

(Bày cảnh miếu và sông)

Quốc-công ra bạch (đi sửa đàn ở miếu bên sông) : — *Cười nói* : Ha-ha, — *hường* : chim chết mệt vì mồi, cá bị lôi vì lưới, — *tán* : chừ tướng Mạc dẫu là mạnh giỏi, nhưng luống còn bối-rối hường-nhan. — *Gọi* : Quân, tới bên sông thiết-lập đàn-tràng, đặng ta sẽ siêu-hương cho Mạc, a. — *Ngâm bắc-tầu-mã* :

Ngàn hoa man-mác,
Ngấn in trời sắc nước long-lanh.
Cửa biển mờ xanh,
Sóng dỡn gió mặt ghềnh đua đuổi.

Gọi : Quân, đây tới miếu bên sông rồi đó, troàn chư-tướng kén đao phủ-thủ, cứ y lời tìm chỗ phục-quân (2).

(Quân dạ. *Hạ.*

Mạc Lập-Bảo cùng Ngô mĩ-nhân ra ngồi. Mạc Lập-Bảo nói : — A mĩ-nhân ơi, rứa nay đã tới buổi đi siêu-hương rồi đó, Quốc-công cho thơ mời, rứa mĩ-nhân phải đi với ta chứ.

Ngô mĩ-nhân nói : — Dạ dám bẩm quan Đô-đốc; quan Đô-đốc đi, thì thế nào mà thiếp không theo hầu.

Lập-Bảo nói : — Ư, rứa mới là mĩ-nhân đồng - tâm với ta chứ. — *Ngâm nam-xuân* :

Chớ mặt trông tay chẳng nỡ rời,
Tử sinh cũng giữ lấy lời tử sinh (3).

Gọi : Quân, sắp xe ngựa đặng cho ta với mĩ - nhân đi siêu - hướng chớ. — *cùng đứng dậy ra, ngâm nam-xuân* :

Chớ xe hương nâng cũng thuận đàng,
Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da.
Tỏ mầu trong ngọc trắng ngà,
Đào-nguyên lạc lối đâu mà đến đây (4).

(Ngâm đến những câu này phải làm cách bộ như Lã Bố hi Điêu-thuyền mới đúng).

Ngô mĩ-nhân đứng nói : — E nay trời sương lạnh, đi xe đàng bộ thì xa, mà thiếp thì sức mảnh, rứa đi mần-răng a? — *Ngâm tiếp nam-xuân* :

Chớ mịt-mù dặm cát đồi cây,
Cỗ kiêu hơn thước liễu gây và phân.

Lập-Bảo nói : — A mĩ-nhân, đi xe đàng vã e mệt, rứa để ta bắt thuyền cho mĩ-nhân đi với ta chứ, — *gọi* quân, tới giang-tân bắt thuyền. — *Ngâm nam-bình.*

Chớ quanh-co một đải giang-tân,
Bóng hoa rậy đất vẻ ngân in trời (5).

---

(1) Đây tả tên lính sang đến dinh Quốc-công vào lầm rồi tên lính ra về.

(2) Đây tả Quốc-công nghe được tin báo, ngài cho tên lính Mạc về báo Mạc rồi, bấy giờ ngài truyền quân đi lập đàn ở miếu bên sông gần cửa biển, khi đi đàng thì thấy những hoa đẹp nước trong, sóng cuồn gió dỡn như vậy, rồi đến miếu thì ngài truyền chư-tướng làm chỗ phục-quân.

(3) Đây tả tướng Mạc nghe Ngô mĩ-nhân nói cùng với mình đi siêu-hương thề ước, nên nói mình không nỡ rời mĩ-nhân một chút nào bao giờ cũng giữ lấy chữ đồng-tâm đồng-tử, nhưng bấy giờ hạ một chữ « tử » cũng đã là điềm chết là vì ngay giọng mà nói, mà không biết triệu chết đã báo hiện ngay ra đầu lưỡi.

(4) Đây tả Ngô mĩ-nhân khi lên xe thì sắc đẹp lại càng rạng-rỡ lắm, đều từ trong mắt tướng Mạc mà vẽ ra một người con gái đẹp ngồi trên xe.

(5) Đây tả Ngô mĩ-nhân đi xe đến bên sông, cảnh càng thanh mà sắc lại càng đẹp, trông lại càng choáng lộn lắm, lại từ trong mắt tướng Mạc vẽ ra.

Gọi : Quân, đón mĩ - nhân xuống thuyền, troàn thủy - thủ thẳng miền băng vượt. (*Quân dạ cùng xuống thuyền*).

Người hát đò đưa giọng Huế : — Rứa cô mình ơi, y y, iêng quyết với cô mình, chớ công iêng tình như dan-díu y y rứa nó chả có thành thì thôi; cái con sông tê bên lở y y bên thì bồi, lỗ tê bên thì dục y y rứa bên bồi thì trong; cái con sông tê nước chảy y y đôi thì dòng, chớ biết rằng bên dục y y bên trong bên thì nào; em có muốn tắm mát y y lên ngọn con sông Đào (1). — *Nói* : Dạ, dám bẩm, đây đã tới giang-tân, quan Đô-đốc dồ thuyền lên bộ (2). (*cùng lên bộ*).

Mạc Lập-Bảo đứng nói : — *Thét* : Nhác trông lên ngàn cây xanh đỏ, miếu-vũ nguy-nga, a mĩ-nhân ơi, rứa mà Quốc-công vì ta với mĩ-nhân sửa một chốn đàn-tràng coi đẹp quá, a mĩ-nhân đi mau lên. *Ngâm nam-xuân*:

Chớ một giòng cỏ mọc xanh rì,
Hoa-quan chấp-chới hà-y rỡ-ràng (3).

Ngô mĩ-nhân ngâm tiếp nam-xuân :

Chớ tấm thân rầy đã nhẹ nhàng,

Hàn : rứa chừ thiếp cùng quan Đô-đốc siêu hương, là trọn lời thề ước trăm năm với nhau đó. — *Ngâm* :

Tóc mây một nam dao vàng chia hai.
(*cùng sánh nhau đi vào sân miếu*)

Quốc-công ra đứng thét : — Oa, Tướng Mạc ơi tướng Mạc, chớ hề chi mà sa bước hang hầm. — *Gọi* : Quân, troàn chư tướng gọi đao-phủ-thủ. — *Ngâm nam-lầu-mã* :

Chớ ngổn-ngang gò đống kéo lên,
Ba bề phát súng bốn bên ta kéo cờ (4)

Quan Bộ-tướng của Quốc-công là Thự-Trung ra đứng thét : — A tướng Mạc tướng Mạc, chắc mạng mày là thác, kíp mau mau mũi mác trao đầu. — *Ngâm nam-bình* :

Chớ kiêu bò miệng chén bao lâu,
Ngàn năm ai có khen đâu Hoàng-Sào.

Mạc Lập-Bảo chạy trở lại ôm lấy Ngô mĩ-nhân than-khóc, rồi chạy ra bờ sông toan nhảy xuống thuyền, nhưng bị ông Thự-Trung đâm chết.

---

(1) Đây tả người hát đò-đưa, tuy là theo giọng đò-đưa nói sự huê-tình mà trong câu hát bình như biết rõ rằng tướng Mạc cùng với Ngô mĩ-nhân đi chuyến này không tốt, chắc không thành việc gì, rồi chỉ tới trên ngọn con sông mà chết, nhưng chẳng qua chỉ là câu hát đò đưa nói tẳng, tuyệt không chạm gì đến Mạc, mà ý khuyên răn ngụ ở đó, thế cũng là lời thiên-phúng, mà Mạc không có lẽ bắt tội được, và mảng mê sắc đẹp cũng không nghe hiểu, mà quân lính đều biết cả, sợ quyền-thế bà nữ-nhung, không ai dám nói, nên chỉ thuận lệnh đưa ngài đến đó để xem ngài tắm mát mà thôi, thế cho nên người trên không thông-tình với kẻ dưới, có sự nghi nguy, cũng không ai dám nói hở, nên đâm đầu vào cạm mà không biết là vì thế, chớ có phải cả đoàn tướng-sĩ Mạc ngu cả đâu.

(2) Đây tả người đò đưa đã đến nơi, nên bẩm quan Đô-đốc Mạc một lời đó là đoạn-tổng ngài lên cạm.

(3) Đây tả Ngô mĩ-nhân sắc đẹp bớn-hở, áo siêm rỡ-ràng, và từ bờ sông lên, vợ chồng dắt-díu hoan-hỉ, bước bước nhân-nhã lại càng đẹp lắm, và tướng Mạc từ thuyền lên trông thấy cỏ hoa miếu-vũ đẹp đẽ, vẫn còn tin là Quốc-công xử với mình là một ông bố vợ tốt lòng với con-rể-nuôi lắm, nên giục Ngô mĩ-nhân đi mau cho đến đàn.

(4) Xét sách Sử nói bấy giờ Quốc-công áo xiêm ra đón tướng Mạc, dắt tay vào miếu, rồi mới gọi quân, như thế thì không phải, nên đây tả Quốc-công đứng trước miếu đón, rồi chợt trông rõ tướng Mạc cùng đi với Ngô mĩ-nhân, thì ngài gọi quân ngay, bấy giờ tướng Mạc chợt nghe thấy như sét đánh ngang đầu, hai tay không kịp bưng tai, mà bàng-hoàng hồn siêu phách lạc, chớ nếu nói Quốc-công ra cửa nghênh-tiếp cầm tay về miếu, thì sợ mắc mẹo hắn như ông Quan Vân-Trường đan-đao phó hội, còn làm gì được bắn nữa.

— Ơi mĩ-nhân ơi, thôi thôi là ta mắc mưu rồi. — *Ngâm nam-thương* :

Chớ vẫy-vùng trong bấy nhiêu niên,

Hàn : mà chừ mắc lừa làm vậy — *Ngâm*:

Dạn dầy cho biết gan hiền tướng-quân.

Tán : Thôi ta đành là thác, rứa mà ta chỉ thương mĩ-nhân. — *Ngâm* :

Rộng thương còn mảnh bồng-quần,

Tán : rứa giọt lệ tình sao dứt đặng. — *Ngâm* :

Giọt sương dìu nặng ngành xuân la-đà (1).

Dồ chạy ra bờ sông, bị ông Thư-Trung đâm, lại chạy lại nói : — Thôi mĩ-nhân ở lại dương-trần, đặng ta về minh-phủ đây mơ. — (*ngã*).

(*Quốc-công và Thư-Trung hạ*)

Ngô mĩ-nhân ôm Mạc Lập-Bảo khóc : — Ơi phu-quân ơi, thiếp cũng không ngờ đến nỗi này. — *Ngâm nam-thương* :

Chớ chắc rằng mai trúc xum-vầy,

Chẳng trăm năm cũng một ngày duyên ta.

Hàn : Ơi bồng đâu — *Ngâm* :

Đòi cơn gió táp mưa sa,

Hàn : Luống để cho thân thiếp — *Ngâm*:

Thềm hoa một bước lệ hoa mấy hàng,

Hàn : Ơi phu-quân ơi — *Ngâm* :

Ấy ai đặn ngọc thề vàng,

Hàn : mà chừ xẩy ra bước làm vậy — *Ngâm* :

Đem thân mà bỏ chiến-trường như không (2).

(*cùng hạ*).

Quốc-công ra bạch thắng trận, về mở tiệc mừng, và troàn sửa miếu bà Qua-qua linh-thu. — *Hường* : sô trăm vầng núi chạy, rạch nửa dẫy rừng ngang, ngoài non Hoành núi Ải, trong biển Thuận sông Hương. — *Tán* : Thuận Quảng xưa — *thét* : vốn là nơi nhung-mã xung-tràng mà chừ vững thiềng vàng vách đá — *cười nói*: ha ha — *hường* : rứa như ta vừa mới dụng thần-mưu mà tướng Mạc đã mắc vòng kỳ-họa, thôi từ đây biển lặng sống trong, không quản trận sóng cồn gió cả — *giồn* : riêng một cõi trời nam then khóa — *Vía nam-bình* :

Riêng cõi trời nam then khóa,

Vòng kinh-luân thu cả non sông.

Giang-hồ riêng thú vẫy-vùng,

Dặm xanh ngất gió ngàn bồng tàu sương.

Gọi: Quân, troàn chư tướng hội-đồng hạ tiệc, đặng sửa miếu bà Qua-quá linh-thu, cho biển-tích khuông phù quốc-vận đó a (3).

---

(1) Đây tả tướng Mạc Lập-Bảo khi sắp chết, hãy còn thương tiếc Ngô mĩ-nhân còn thấy như hoa đường dìu sương, ngành lê điểm tuyết, thế mới biết mĩ-nhân là đẹp lắm, khi tướng Mạc đã sắp chết, hãy còn say mê như thế, đó mới đúng chữ *anh-hùng vạn nhân địch, tiết tiết bi hồng-trang* 英雄萬人敵屑屑悲紅粧.

(2) Đây tả Ngô mĩ-nhân từ xưa vâng mệnh Quốc-công sang đồn Mạc, trong lòng chỉ biết có dựng vợ gả chồng, để giảng hòa lập ước, còn như ý phục quân đánh lừa, dử cho tướng Mạc vào chỗ chết, thì không biết một chút gì cả, vậy đây khóc tướng Mạc rất là thảm-thiết, và sau Quốc-công nói gả chồng cho thứ nữa, thì lại muốn làm người tiết-phụ với tướng Mạc, cũng là lòng đàn bà thiết chồng, tính trời sinh ra như vậy, vậy nên xưa Quốc-công mới sai mĩ-nhân sang Mạc, mà đã nói rõ ngay là gả vợ để dử giết chồng thì chắc là nàng Ngô không nghe, và mưu cũng tiết-lộ ra mất, và nếu Ngô-thị có nghe nữa, thì không những là Quốc-công mưu lẽ không phải đạo, và Ngô-thị là người đàn-bà thế nào, nên sách sử nói sự đó là lầm, mà không thuận lẽ, nên vở tuồng này nhân đó mà sửa lại như vậy cho đúng lẽ.

(3) Đây tả Quốc-công sau lúc được trận rồi ra nói non sông xứ Thuận-hóa và tứ Quảng sô vầng núi chạy rạch dẫy rừng ngang, ngoài có non Hoành núi Ải, trong có bể Thuận sông Hương, khá làm một chốn anh-hùng cát-cứ được, và đó trước còn về tướng Mạc, là một tướng nhung-mã xung-đột, nhưng nay đã bình được Mạc rồi, thì đó lại là nơi thành vàng vách đá, vậy ngài cười mà nói ta vừa dùng thần-mưu mà Mạc mắc kỳ-họa, thôi từ đó đã dẹp yên được, thì không còn quản, ngại gì Mạc quấy rối nữa, chỉ riêng giữ một cõi then khóa ở trời Nam, mà kinh-luân ở tay ngài cả, vậy cuối tả riêng thú vẫy-vùng nước non trong sạch, để rỏ ý thanh-bình, rồi đến khai hạ-tịch là kết.

(Vào ngồi ban tiệc yến),

Ngô mĩ-nhân ra bạch về trào.—Hường: Ôi xiết nỗi, cầu ô long dịp, thân đện vương tơ, *tán* : — tôi Ngô-thị — *hường*: vô Nguyễn-cung từ khi sen ngó đào tơ, tới Mạc-dinh vì lúc sương sa liễu rủ.— *Ngâm hường*: Hết lòng phù chúa, mang tiếng phụ chồng — *Thét hường*: dấn mình ra gỡ mác gỡ chông, liếc mắt đã nghiêng thành nghiêng nước: — *giồn*: Ới thương ơi ! rứa như tôi, duyên mỏng nghĩa dầy, ơn nồng tình bạc.

— *Vỉa nam-thương* :

Xiết nỗi mỏng dầy nồng bạc,
Phận má hồng giếng nước mưa rơi.
Ngẩn-ngơ đứng gốc cây mai,
Bóng tôi tôi ngỡ bóng ai tôi lầu.

Vào nói : Hỏi có cậu nào trong ấy, xin bẩm với Quốc-công tôi thị-nữ về hầu(1),

Cậu linh ra nói ba-lơn : — Ới chao ôi, có dã đi dẹp giặc về đó a? Tôi đã bảo tướng đàn-bà là mạnh lắm, hễ đàn-bà sẽ nắm rút cái dải dây lưng, là giặc nó cũng đủ mê cuồng ra, chỉ run thở mà chết có sai đâu, gớm lúc hắn ta rẫy chết ghê nhỉ! — *nói dịp một giọng Huế*: Ua khiếp đàn-bà, vì nhà đánh giặc, nó đà chết ắc, mình hãy còn trơ, bỏ cậu thử sờ, hay là sứt sẹo, sẹo sẹo.

Ngô mĩ-nhân mắng rủa: Phải gió nhà cậu.

Cậu linh vào bẩm.—Ngô mĩ-nhân vào.

Quốc-công hỏi : — A thị-nữ ơi thị-nữ, chứ ta giết đặng tướng Mạc, kể công thị-nữ nhiều hơn cả (2), rứa chứ ta muốn gả thị-nữ cho một bậc công-thần, và ta cũng thường giúp đỡ cho, để đền cái công đó cho thị-nữ nên chăng ? (3).

Ngô mĩ-nhân đứng nói : — Dạ dám bẩm Quốc-công, con từ trước đội ơn Quốc-công, vì Quốc-công gặp khi chông mác. — *Ngâm*:

Rứa khéo khuyên kể lấy làm công.

Thét: cũng mang kiếp nghiêng thiềng nghiêng nước; — *nói tán*: Rứa chứ con chỉ muốn ở nơi cung-cấm, giữ việc tiểu-tì, cho trọn tiết, và đền ơn Quốc-công, chớ còn dám nói chi sự xe tơ kết tóc, nối dịp gieo cầu với ai nữa.—

Ngâm nam-thương :

Chớ sớm khuya khăn mặt lược đầu,
Phận con hầu giữ con hầu dám sai (4).

---

(1) Đây tả Ngô mĩ-nhân khi đó về chầu, chủ mừng mà chồng chết, trong lòng cay đắng, một bước một dừng, nên trước nói cầu Ô long dịp, thân đện vương tơ, để tả mình muốn vì tình chết, nhưng mắc ơn còn, thứ nói lai-lịch vào Nguyễn-cung từ lúc còn thơ, tới Mạc-dinh bởi khi mắc loạn, hết lòng vì chúa, mà dấn mình ra gỡ mác gỡ chông, mang tiếng phụ chồng, vì chớp mắt đã nghiêng thành nghiêng nước, sau nói đến duyên tình ân-nghĩa, phận hồng-nhan như mưa rơi, thì lại càng ngơ-ngẩn bàng-hoàng đứng nép hoa mà nhắm bóng, không biết mình hay là ai, là ý thê-thảm ngẩn-ngơ lắm, mà vẫn còn như ả Mạc-sầu đứng dưới bóng hoa mà cau mày, để cho các người vị tình ngay lại càng đứt ruột, như thế mới là đẹp lắm, đó tả Ngô mĩ-nhân sắc đẹp lại ở lúc buồn rầu mà hiện ra như thế.

(2) Đây tả Quốc-công đến bấy giờ đối nàng Ngô mới nói rõ là cho sang dử Mạc để giết, mà nàng Ngô đến bấy giờ mới rõ mưu ngài, chứ trước chỉ tưởng sang lấy Mạc để giảng hòa mà thôi, thế mới là thần-mưu.

(3) Đây tả Quốc-công nói đền ơn cho nàng Ngô, tức là đền cho một người chồng sang-trọng hơn tướng Mạc và ngài lại thường giúp đỡ công của cho như một người con quá-phòng nghĩa-tử, để đền cái công nàng Ngô đi dẹp giặc, thế là hết ngãi đó, thì có bằng lòng hay chưa phải nói để ngài biết.

(4) Đây tả Ngô mĩ-nhân nghe Quốc-công nói, nhân lịch-tự mình hết lòng vì chúa, mang tiếng phụ chồng, vậy nay không muốn lấy ai nữa, chỉ xin làm thị tì trong cung, để trả ơn Quốc-công, mà trọn tiết một đời thôi, xem như nay Ngô nói thế, là có ý chỉ xin làm nàng hầu Quốc-công, nhưng không dám nói rõ, như thế biết nàng Ngô lời nói kín-đáo và cũng bợm lắm.

Quốc-công ngồi nói : — A thị-nữ ơi, rứa là thị-nữ nghĩ lầm, ta không muốn cho thị-nữ ở nơi cung-cấm, là muốn cho — *thét hường* : lên bậc đài-các, rạng vẻ trâm-thoa, từ đây hưởng phúc vinh-hoa, khỏi phải chen vòng tì-thị ; — *tán* : rứa chừ ta có kẻ công-thần, là tước bá họ Vũ, thật là bậc iêng-tài tuổi trẻ, rứa ta gả thị-nữ về đó mà làm phu-nhân, chớ khi trước thị-nữ sang Mạc, là vì việc nước, cứu nhân-mạng cho dân, chớ hề chi mà trọn tiết với Mạc.

— *Ngâm nam-xuân* :

Chớ nó thấp cơ thì thua trí đàn bà,
Chữ trinh thì cũng có ba bảy đường.

Dừng tán : Rứa thì thị-nữ phải nghe lời ta đó. — *gọi* : Quân, troàn Võ-bá vô hầu (1).

(*Quân đạ, đi gọi*).

Quan Võ-bá là ông Võ Doãn-trung ra bạch rồi vô hầu. — *hường* : Non vàng lá rụng, biển bạc gương trong. — *tán* : rứa tôi nay biểu-tự Doãn-Trung, dòng họ Vũ đặng quân-công phong bá-tước. — *cười nói* : Ờ, ha ha, rứa tôi nay, — *hường* : trải mấy lần can-qua loạn-lạc, may gặp khi non nước thanh-bình ; — *tán* : bỗng sực nghe tin triệu vô dinh. — *gọi* : quân, đặng cho mỗ trước thành ruồi ngựa a. — *Ngâm bắc-tầu-mã.*

Ngàn hoa hớn-hở,
Trải mấy tầng núi Ngự tan sương,
Dòng nước mênh-mang,
Quanh một dải sông Hương như lọc.

Vào nói : Dạ dám bẩm tôi Võ-hầu (2).

Quốc-công ngồi nói : Oa Võ-bá. — *cười nói* : Ờ ha-ha ! Nghe Võ-bá có tin mừng đó (3).

Võ-bá nghe ngơ-ngác chưa biết sự chi.

Quốc-công nói tán : Ta chừ có một nàng Ngô-thị, vốn là người tì-thị trong cung, bởi khi xưa tướng Mạc tranh-hùng, nên phải dụng Mĩ-nhân dẹp Mạc, chừ phá đặng tan vòng chông mác, như nàng Ngô nên khuê-các ghi công ; vả ta xem Võ-bá là một người công-liệt trẻ-trung, rứa ta thưởng cho mĩ-nhân đó nghe chưa (4).

Võ-bá đứng mừng nói vâng lời, rồi cùng Ngô mĩ-nhân ra ta. — Dạ dám bẩm Quốc-công, chừ Quốc-công dạy con là một bậc công-thần mà thưởng cho mĩ-nhân, thì dẫu gấm trăm cuốn bạc ngàn cân cũng không ví bằng.

Cậu linh ở ngoài múa hát ba-lon dịp một giọng Huế : Ông tướng, ông

---

(1) Đây tả Quốc-công nghe Ngô mĩ-nhân nói muốn ở làm thị-tì trong cung để trọn tiết đó là lòng đàn bà nghĩ nông nổi không suốt lẽ mà lầm, nên chỉ hay giữ tiểu-tiết, ngại tiếng giết chồng không lẽ lại lấy chồng, nên ngài hiểu nghĩa ra mà bảo rằng, ngài không muốn cho nàng Ngô ở trong cung mà làm bậc thị-tì, là muốn cho nên bậc khuê-các phu-nhân, còn như việc trước ngài sai sang Mạc là vì việc nước, cũng như mệnh một người tướng đàn bà đi dẹp giặc sang liệu tùy-cơ ứng-biến thế nào, mà làm cho nó thấp cơ thua trí mình là nên công, chớ có phải nó là chồng mình đâu mà trọn tiết với nó, cho hoài mất xuân xanh, vậy chữ trinh cũng có nhiều lẽ, mà phải nghe lời ngài, nên ngài lập-tức cho gọi ông Văn-hùng-bá họ Vũ mà gả ngay. Ngô-thị cũng không dám cưỡng.

(2) Đây tả Võ-bá nghe tin triệu, ra xưng danh, rồi tự lai-lịch quê quán, gọi quân sắp sửa để vào dinh, khi đi đàng những núi Ngự sông Hương hoa quanh nước cuốn, non sông trong lọc như vậy.

(3) Đây tả Quốc-công chợt thấy ông Võ-bá, ngài chưa nói rõ ngài đòi việc gì, chỉ cười mà bảo có tin mừng, là bởi ngài cũng đã biết chắc rằng nói cho Ngô mĩ-nhân, thì Võ-bá hẳn cũng mừng lòng lắm mà chẳng còn suy-tị gì, đó mới là câu nói vui mà trước đã dẫy-dức lòng người, biết Quốc-công tiếp với hạ-thần là vui-vẻ lắm, nên ai cũng kính-phục.

(4) Đây tả Quốc-công nói đem nữ-tướng thưởng cho công-thần rất là xứng-đáng đẹp-đẽ, ông Võ-bá bấy giờ nên biểu-tạ thế nào mới phải.

tướng! ông sướng mần-răng; vợ đẹp sao băng, lính bằng ma mút; họ trắng như bột, mình đen như tro; tối tôi nằm bò, mặc ông nhẩy ngựa; đặng thưởng như rứa, sướng hơn làm quan, thằng tôi dã-man, nói càn mách láo, láo láo.

Võ-bá thét mắng: chỉ nói xằng.

Võ-bá lại nói: Dạ dám bẩm, rứa con xin cùng với mĩ-nhân, *hướng*: trước hãy ra thềm biếc tạ ân, về làm lễ tơ-hồng giao kết. — *Gọi*: Ới mĩ-nhân ơi, — *Ngâm nam-xuân*:

Chớ bây chừ rõ mặt đôi ta,
Song song vào trước sân hoa lạy qui (1).

Ngô mĩ-nhân ra gọi: Ới phu-quân ơi, — *Ngâm tiếp nam-xuân*:

Chớ sẵn tay mở quạt hoa qui,
Đã lòng dạy đến dạy thì phải vâng.

Cậu lính nói ba-lơn ngoài: Mảnh chồng quan hơn đàn chồng lính, mỗi một mình cô đã nuốt trửng một ông tướng Mạc, chứ lại khoảng một ông tướng Võ, ngài dạy rứa thảo nào chẳng vâng, nhưng tướng cô ta sát chồng lắm, có quan, chứ như lính chúng tôi thì ngài cho cũng chẳng dám, lỡ chết mất giống đi bầu sao.

Võ-bá thét mắng.

Quốc-công ngồi nói khen Võ-bá với Ngô mĩ-nhân, rồi trở dậy về dinh: *Cười nói*: Ờ ha-ha ta khen cho Võ-bá cùng Ngô mĩ-nhân rứa cũng như Phạm Lãi mưu-thần vua nước Việt Câu-Tiễn, gả Tây-Thi cho vua Ngô Phù-Sai, khi phá đặng Ngô rồi, thì Phạm Lãi đem Tây-Thi ra chơi Ngũ-hồ, rứa mới gọi trượng-phu hoạt-bát. *Gọi*: Quân, đặng cho mỗ về dinh nghỉ mát đã nao (2).

Quốc-công cậu lính hạ.

Võ-bá ra vỉa, rồi cùng Ngô mĩ-nhân về. — *Thét*: Ới mĩ-nhân ơi, rứa chừ ta cùng đặng mĩ-nhân trở gót. — *Vỉa nam-xuân*:

Cùng đặng mĩ-nhân trở gót,
Nét mày ngài chải chuốt gương trong.
Hoa hương càng tỏ thức hồng,
Càng sôi vẻ ngọc càng nồng mầu sen (3).

Ngô mĩ-nhân vỉa tiếp cùng về. — *Thét*: Ới phu-quân ơi, rứa chừ thiếp cùng đặng phu-quân kết tóc, — *Vỉa tiếp nam-xuân*:

Cùng đặng phu-quân kết tóc,
Sánh tuổi vàng vẻ ngọc hòa hai.
Chớ ngày xuân em bẫy còn dài,
Nhị đào thà bẻ cho người tình-chung (4).

Về đến nhà Võ-bá cùng Ngô mĩ-nhân ngồi uống rượu nói ba-lơn: — A mĩ-nhân ơi, chừ ta xin rót cho mĩ-nhân một chén rượu mà hỏi mĩ-nhân rằng: chứ khi mĩ-nhân đi phá Mạc, thì mĩ-nhân dùng cách chi, dùng mắt dao cau, hay miệng giáo nứa, mà sao mĩ-nhân cứ mỏng mày hay hạt, mà đẹp mãi như rứa, thì iêng-hùng nào mà không xiêu? — *Ngâm nam-xuân*:

Chớ sóng tình dưởng đã phiêu-phiêu,
Tấc lòng nhi-nữ cũng xiêu iêng-hùng (5).

Ngô mĩ-nhân cũng rót rượu nói đáp — Ới phu-quân ơi, rứa thiếp cũng xin

---

(1) Đây tả Võ-bá xin vâng lời Quốc-công rồi cùng Ngô mĩ-nhân ra trước lạy tạ để xin về kết duyên như vậy.

(2) Đây tả Quốc-công đã đem Ngô mĩ-nhân cho Võ-bá rồi, ngài lại dẫn truyện Phạm-Lãi với Tây-Thi để tán-thán cho Võ-bá là người trượng-phu hoạt-bát không câu-nệ tiểu-tiết mà úy-lạo cho yên-ổn lòng Võ-bá với Ngô mĩ-nhân, thế mới biết Quốc-công ngài thề tất cho nữ-tướng với huân-thần lắm, nên ai cũng kính phục như cha mẹ, mà triều nhà vua ta thu-phục được nhân-tâm cũng vì ngài cả.

(3) Đây tả Ngô mĩ-nhân sắc đẹp lại từ trong mắt quan Võ-bá tả ra, cho rõ là một người đẹp ai trông cũng đẹp thế mới là tuyệt-sắc.

(4) Đây tả Ngô mĩ-nhân là một người chung tình lại chuyển-hướng về với ông Võ-bá.

(5) Đây tả Vũ-bá ngồi nói cợt Ngô mĩ-nhân để rõ là chung-tình với mĩ-nhân lắm.

chuốc cho phu-quân một chén rượu mà hỏi phu-quân rằng, chớ khi phu-quân đi đánh Mạc thì phu-quân dùng cách chi, dùng bút nét mác hay là dùng bụng dao găm, mà sao phu-quân cứ xanh vỏ đỏ lòng, mà hỏi thiếp những câu như rứa ? — *Ngâm nam-xuân* :

Chớ nếu không nghiêng nước nghiêng thành,
Tay người chưa dễ ngọc lành về ta (1).

Võ-bá cười nói : — Cái đó là ta hỏi bông-lơn với mĩ-nhân mần rứa, chớ ta đặng mĩ-nhân, nâng như nâng trứng, hứng như hứng hoa, thiệt là thiên-duyên kỳ-ngộ, hữu công tắc thưởng, thôi mời mĩ-nhân đi nghỉ, có hề chi rứa.

Dất tây cùng hạ.

HẾT

Tú-tài NGUYỄN THÚC-KHIÊM

TIỂU-THUYẾT

CHỒNG TÔI

Phong-lưu diễm-sử

(Tiểu-thuyết Tàu *Dư chi phu* 余之夫 của TỪ TRẦM-Á)

V

CHƯƠNG THỨ CHÍN

Giang Tiểu-Sơn dời ngụ Âu-mộng-hiên. Nhan Tiểu-Ngọc sang ở Kiền-hương-viên.

Mi-quân thong-dong bảo Tiểu-Sơn rằng : « Chỗ biệt-thự của bác Trúc-sĩ, cũng đã sắp-sửa tới ngày lạc-thành, ý-tứ bác Trúc-sĩ thì hoan-nghênh về sự bác thiên-di sang ở lắm, chẳng hay sau này bác dự-bị thế nào ? » — Tiểu-Sơn than rằng : « Tôi chiếc thân phiêu-đãng, đi đến đâu là nhà đến đấy, tôi ở địa-phương này lâu ngày như vậy, thật là sự tôi không ngờ đến thế. Tôi nếu dời địa-phương này đi ra nơi khác, thì tưởng không những bác không muốn cho tôi đi, mà tôi cũng có ý quyến-luyến địa-phương này lắm. Song bác Trúc-sĩ đã có hảo-ý như vậy, thì tôi hoặc ở địa-phương này, hoặc dời sang nơi biệt-thự bác Trúc-sĩ, dù ở đâu tôi cũng bằng lòng, lâm-thời thế nào, tôi sẽ xin nói lại với bác. » — Mi-quân nói rằng : « Bác thân-thế bình-bồng, đi đến đâu có thể lưu-liên được đến đấy. Bác Trúc-sĩ với chúng ta nguyên là kẻ chí-đồng đạo-hợp, bác ấy vẫn sợ rằng không biết có như nguyện được không. Địa-phương này sơn-thủy thanh-kỳ, chửa tất đã không

---

(1) Đây tả Ngô mĩ-nhân nói cợt trả Vũ-bá, và nói nếu mình không là người nghiêng nước nghiêng thành, thì chưa dễ ông Vũ-bá đã lấy được, đó cũng là cậy sắc đẹp mà nói cợt để rõ Ngô mĩ-nhân là một người cũng hoạt-bát lắm, vậy ứng-đối không kém cạnh gì, thế mới đáng chồng quan vợ bợm.

xứng-đáng về chỗ bác ở. Tuy một phen có kẻ hỗn-hào, chửa tất đã phương-hại gì được sự bác. Nhưng cái ý-kiến chấp-nệ của thói thường, chúng ta lại hà-tất phải bắt-chước họ. Chỗ bản-từ này tuy-nhiên thanh-tĩnh, nhưng rút lại tịch-mịch quá lắm. Tôi thiết-nghĩ rằng bác Trúc-sĩ đã có ý tốt ấy, thì bác nên dời sang cùng ở với bác ấy, thế là hay hơn cả.» Tiếu-Sơn nín lặng ngẫm-nghĩ không nói gì. Cách hai ngày, Trúc-sĩ quả nhiên thân-hành lại chỗ Tề-công-tử, thỉnh Tiếu-Sơn dời sang chỗ biệt-thử của mình. Khi ấy chỗ biệt-thử công-trình sửa-sang đã hoàn-toàn cáo-thành.

Nguyên-lai chỗ biệt-thử ở về mé ngoài chỗ nhà cũ của Trúc-sĩ, rộng ước hơn hai mươi mẫu, chu-vi bốn bề xây tường quét vôi trắng, cách-tuyệt với bề ngoài. Ở trong mọi kiểu kết-cấu, đều là Trúc-sĩ với Mộng-Tương phu-nhân hai người để lòng sắp-đặt, vẽ ra thành kiểu, giao cho các thợ y thức mà làm thành. Lại mua các giống hoa qui cây đẹp, chia trồng các nơi. Trong có vài mẫu ruộng trồng dâu, khi mua đất mua gồm cả là một thể. Ý Trúc-sĩ vẫn muốn đem những cây dâu bừa bỏ cả đi, để trồng thứ cây khác. Mộng-Tương không nghe, nói rằng: « Chỗ biệt-thử nhà ta, vốn khác với chỗ viên-đình nhà khác, chính nên có cảnh tang-ma ấy để điểm-suyết, sẽ có cái cảnh-thú thiên-nhiên. Huống chi mấy cây dâu ấy, không đến nỗi không chút lợi gì. Nếu mình không nuôi tằm, thì cũng có thể hái lấy lá dâu ấy đem bán cho người, quyết không phải là hạng phế-vật.» Mới khởi ra một cái viện ở ven chỗ ruộng dâu, gọi tên là Kiền-hương-viện, để dự-bị làm chốn tương-lai thí-nghiệm về việc nuôi tằm. Ngoài chỗ ấy ra lại có hơn hai mẫu ao để thả sen, hơn hai mẫu cừ để thả ấu, đều là chỗ thắng-cảnh hiện đã tạo-thành ở trong biệt-thử. Trong biệt-thử có gác, gọi là Thê-phượng-các. Có lầu, gọi là Bái-nguyệt-lâu. Có hiên, gọi là Hồng-vũ-hiên. Có quán, gọi là Thính-âm-quán. Lại có hiên gọi là Âu-mộng-hiên. Có viện, gọi là Hồng-tiêu-viện. Có oa, gọi là Noãn-hương-oa. Có đài, gọi là Túc-vân-đài. Có đình, gọi là Tập-nhiên-đình. Có tạ, gọi là Lăng-ba-tạ. Chốn nào chốn ấy đều trồng cây trồng hoa la-liệt, đường đá đi lại quanh-co. Lại thỉnh-thoảng có cái cầu bắc nổi trên mặt nước, để điểm-suyết cho mọi nơi, thực là khúc-chiết có quang-cảnh. Trúc-sĩ dẫn Tiếu-Sơn đi xem khắp các nơi. Tiếu-Sơn nức-nở than khen. Rồi thấy Mi-quán cũng liên-tiếp lại đó. Trúc-sĩ nói rằng: « Chỗ biệt-thử này của tôi, tuy chẳng dám kể là phồn-hoa phú-lệ gì, nhưng thực cũng tốn-phí ít nhiều tâm-chí thảm-đạm kinh-doanh, mới nên được chỗ thể-thế quang-cảnh này, nhân nương cái bóng vân-thủy, chút có cái thú lâm-tuyền. Các chốn đình-quán ấy, tôi với Mộng-Tương nhà tôi xét cảnh đặt tên, chỉ hiềm khí thực-thà quá, còn phải đợi các bác giúp tôi thay đổi cho mấy cái tên đình tên các ấy, sẽ được hoàn-hảo.» — Tiếu-Sơn nói rằng: « Những tên đặt các đình-quán ấy, kể cũng đã được rất hay cả rồi, vừa niêm-thiết, vừa tuấn-nhã. Nếu đặt cho cầu-kỳ quá lắm, thì lại hóa ra kiểu-cách tác-vi; cứ như thế là hay, hà-tất lại phải thay đổi. Tóm lại thì cái tên gọi tổng-quát chỗ biệt-thử này là biệt-thử gì, đã từng có đặt đó hay chưa?» — Trúc-sĩ nói rằng: « Tôi đã từng nghĩ-ngợi mấy chữ, nhưng vẫn chưa thấy hay, hay là các bác vì tôi nghĩ cho vài chữ, để đặt cái tên tổng-quát, thì hay lắm.» Các người cùng thương-lượng một chốc. Rồi Tiếu-Sơn nói rằng: « Tôi thiết-tưởng chỗ biệt-thử này, vốn là Lương-quân với Mạnh-thị đôi tay hiền phu-phụ để ý kinh-doanh, sau này bách-niên giai-

lão ở đây, thật là có vẻ thần-tiên phúc-phận. Chỗ biệt-thữ này nên đặt tên là Song-thê biệt-thữ. Như vậy, có hay không, hay là chửa hay?» — Mi-quân vỗ tay khen rằng hay lắm, hai chữ ấy thật là danh với thực cùng xứng-đáng! — Trúc-sĩ mới dùng hai chữ Song-thê làm tên biệt-thữ, và nói rằng chữ ấy đành là hay, duy tôi đối với chữ ấy còn lấy làm xấu-hổ. — Tiếu-Sơn nói rằng: «Chữ ấy đã dùng được, bác chớ hiềm tôi chữ viết quệch-quạc, tôi xin thay tay bác viết mấy chữ ấy, giao cho thợ đục-khắc treo lên, để tôi làm chút kỷ-niệm trong biệt-thữ này.» Trúc-sĩ gọi tên Tảo-Hoa đem giấy bút ra. Tiếu-Sơn liền viết bốn chữ *Song-thê biệt-thữ*, viết thể đại-tự, giao cho thợ phải dụng-tâm đục-khắc kỹ-càng. Trúc-sĩ lại thỉnh Tiếu-Sơn với Mi-quân nghĩ cho mấy câu đối-liên treo cột, đều do một ngọn bút của Tiếu-Sơn viết ra xinh-đẹp cả, định để đem treo các nơi. — Trúc-sĩ lại nói với Tiếu-Sơn rằng: « Bác nên thiên-di sang ở đây ngay ngày hôm nay, tôi xin sai người nhà giúp bác sang Tề-công-từ đem mọi đồ hành-lý của bác lại đây. Trong biệt-thữ tôi bác thích chỗ nào, thì tùy-ý bác kén-chọn lấy một chỗ để bác ở. Duy ý tôi thì định về chỗ Thê-phượng-các, chỗ ấy rộng-rãi cao sáng, ngoài các có trồng hai dẫy ngô-đồng, tương-lai thích-nghi về sự lắng tai nghe trận thu-thanh, chỗ ấy là tuyệt-diệu hơn cả.» — Tiếu-Sơn nói rằng: « Cảm hậu-ý bác. Tôi chỉ là tùy-cảnh tùy-duyên, ở đây với bác chừng độ ít ngày, tôi ở chỗ nào cũng được, chỉ là làm phiền-nhiễu cho bác, trong bụng tôi vẫn không yên. Chỗ Thê-phượng-các tuy-nhiên là cao-sảng, nhưng tôi lại hiềm rằng rộng-rãi quá, một mình tôi ở một tòa nhà cao-rộng ấy, trong ý tôi lại không lấy làm thích. Vả lại chỗ ấy gần-gũi chỗ nhà trong, gia-quyến bác thường hay đi lại, tôi ở đấy không tiện, ý tôi thì muốn ở về chỗ Âu-mộng-hiên.» — Mi-quân nói rằng: « Chỗ Âu-mộng-hiên ấy, quả-nhiên là xinh-tốt, quanh hiên có một giải thanh-khê, và mấy hàng tu-trúc, có cái thú riêng về cảnh u-nhàn. So với chỗ Thê-phượng-các thuần là khí-tượng kẻ quí người sang, thực khác nhau vậy. Bác Tiếu-Sơn vốn là kẻ thanh-nhàn tiêu-sái, ở về chỗ ấy, thật là người với đất cùng xứng-đáng thích-nghi.» — Trúc-sĩ cười nói rằng: « Bác Tiếu-Sơn đã chẳng nguyện cộng-thê với con thái-phượng, lại cam đồng-mộng với con nhàn-âu, thôi thì tùy-ý bác ra ở chỗ ấy.» Ngay chiều hôm ấy, Trúc-sĩ tức-khắc sai người đến Tề-công-từ, cùng với kiếm-nô đem đồ hành-lý của Tiếu-Sơn lại. Từ đây, Tiếu-Sơn mới dời sang ở Âu-mộng-hiên.

Mộng-Tương phu-nhân nghe Trúc-sĩ đã mời được Tiếu-Sơn về Âu-mộng-hiên ở, trong bụng rất lấy làm hoan-hỉ, liền cùng với Trúc-sĩ thương-nghị, quyết đem Nhan-Tam-Cô đồng-thời sang chỗ biệt-thữ chơi. Nguyên-lai Mộng-Tương vẫn có một cái ý-tứ nghĩ-tính về cuộc thân-thế cho Tam-Cô đã lâu. Mộng-Tương với Tam-Cô thân-thiết nhau từ thủa còn bé-nhỏ cho đến lúc trưởng-thành, tình-tình chí-thú Tam-Cô thế nào, Mộng-Tương biết được tường-tận tinh-tế. Lại đoái đến cảnh-ngộ Tam-Cô, bỏ quá xuân-xanh, mười năm vò-võ, ăn ở một mình. Tuy là tội tại vợ chồng người anh ruột là Ấu-Cầm chẳng để lòng nghĩ đến trung-thân đại-sự cho em, nhưng cũng là vì Tam-Cô chí cao ý lạ, trong lòng chẳng để tục-tình, trông bóng thương minh, dưới mắt đường không giai-sĩ.

Rồng vàng tắm nước ao tù,
Người khôn ở với người ngu ngại-
[ngùng;
Lấy chồng cho đáng tấm chồng,
Bỏ công trang-điểm má hồng môi son.

Da-chi-dĩ.

Cái thân là kiếp sống thừa,
Dường như khóm cỏ trơ-vơ giữa đường.
Trong lòng xiết mối bi-thương,
Cành hoa đã héo trên trường lửa thiêu.
Thôi-thôi lui đợt xuân-trào,
Đèn xanh niệm Phật ít nhiều phúc-duyên.
Đồng-tâm chi lại thề-nguyền,
Khăn hồng mua não mua phiền với ai ;

Người mẹ nuôi Tam-Cô là Lý-phu-nhân, khi ấy thấy Tam-Cô xuân-xanh đã quá kỳ hoa-tin, vậy thời thường vì Tam-Cô để ý, tìm lấy một người xứng-đáng, để tính về đường thất-gia, yêu giấu lo-lắng cho Tam-Cô, chẳng khác gì con đẻ ra vậy. Nguyên họ Dịch vốn là họ nhà quan, Tam-Cô lại trứ-danh là người đẹp. Nhân thế những người phong-lưu công-tử, phú-quí vương-tôn trong họ Dịch, hàng ngày nối gót lại cầu-hôn. Lý-phu-nhân đã mấy thứ định chủ-trương về sự loát-hợp. Hay đâu Tam-Cô chỉ khăng-khăng nhất-khái không nghe lời, nói rằng lão-phu-nhân đã yêu con, việc ấy không nên cưỡng-ép con, nếu nhất-định muốn cưỡng-ép con, thì con chỉ xin một cái chết, để xuống tìm cha mẹ con ở dưới chín suối. Lý-phu-nhân nhân nghe nói không hiểu ý-tứ Tam-Cô cứu-cánh ra làm sao, chỉ phải bãi-nghị đi mà thôi.

Chỉ có Mộng-Tương đã hiểu được Tam-Cô cầm cái chủ-nghĩa không lấy chồng. Lại tưởng đến Tam-Cô thân-thế thật là đáng thương, toan bỏ cả mọi đường hạnh-phúc của kiếp người, vậy thời-thường cũng muốn khuyên-can Tam-Cô. Duy cấp-thiết chưa tìm ra được một kẻ nhân-tài xứng-đáng, đủ làm đôi lứa với Tam-Cô. Ấy chính là :

Tài-lang kính ngọc-đài còn vắng,
Xử-nữ kèn ngân-khức tự thương.

Ngày nọ Tam-Cô trông thấy mọi bức thư-họa của Tiếu-Sơn đưa lại, có ý mến của mến người. Mộng-Tương vốn là kẻ hữu-tâm, dòm thấy được thần-ý Tam-Cô, trong lòng có nghĩ riêng rằng Tam-Cô bình-nhật tính-tình lãnh-đạm, đối với các hạng nhân-vật, chưa từng có để ý ngắm xét khen-chê, chuyến ấy đối với một người chưa từng biết mặt bao giờ là Giang Tiếu-Sơn, lại hốt-nhiên đổi thói thường, dường như có ý dốc lòng kính-mộ. Mộng-Tương lại xét đến Tiếu-Sơn là kẻ hữu-tài mà bất-ngộ, lưu-lạc chốn giang-hồ, nhất-sinh lỗi-lạc, ngạo-nghễ một đời, chỉ-thú người ấy, cảnh-ngộ người ấy, cùng với Tam-Cô khác nào một bản in in ra. Than ôi ! trai tài luân-lạc, gái đẹp muộn-màng, góc bể bên trời, tình-cờ tương-ngộ, biết đâu lại không có quả-kiếp nhân-duyên ngụ trong ấy, vì cõi tình-duyên trong cuộc kim-cổ thêm được một lịch-sử hay-ho đó vậy. Nhân thế Mộng-Tương mới để lòng loát-hợp cho hai người, liền đem ý-tứ mình nói với Trúc-sĩ. Trúc-sĩ mừng nói rằng : « Ngày nọ tôi với phu-nhân và Tam-Cô cùng xem thư-họa, tôi lại vô tâm, chưa khám-phá ra được Tam-Cô riêng có chốn dụng-ý. Nay phu-nhân đã có ý tốt chủ-trương về sự loát-hợp cho hai người, tôi đây cũng xin tán trợ một hai phần. Đôi chúng ta đã được trời kia yêu giúp, thành-tựu mĩ-mãn lương-duyên, cũng nên đem cái ý-nguyện rộng rãi, khiến cho thiên-hạ kẻ hữu-tình đều thành quyến-thuộc. Nhưng tôi xem phẩm-cách hai người, tuy-nhiên là một bộ tốt đôi, chỉ sợ rằng lạc-hoa có ý theo lưu-thủy, lưu-thủy không lòng quyến lạc-hoa. Tôi biết Tiếu-Sơn người ấy chính là người đã trải kiếp trong tình-tràng, thấm-thoát niên-hoa, hiện nay gần thuộc về phái lão-đại, mà cầm cái chủ-nghĩa không lấy vợ đó. Tóm lại hai người ấy có duyên hay không có duyên, còn thuộc về cái số khó dự biết được.» Mộng-Tương nói rằng : « Sự đó nhờ

về duyên trời, chúng ta tùng-nhiên có tâm vì hai người loát-hợp, vậy chỉ là hết được cái nghĩa-vụ giới-thiệu mà thôi, ký-thực cưỡng-bách thế nào được duyên trời. » Mộng-Tương nói xong, liền sai người đến chỗ nhà họ Dịch thỉnh Tam-Cô lại chơi. Tam-Cô được tin, liền bẩm-mệnh với Lý-phu-nhân, xin đến nhà Mộng-Tương ở chơi ít ngày. Lý-phu-nhân liền ưng-thuận cho đi, và bảo rằng dợi ngày khác rồi ta cũng sẽ lại chơi thăm mày, nhân-tiện xem phong-cảnh nơi biệt-thữ của họ Chung thế nào một thể. Tam-Cô liền vội-vàng thu-xếp mọi việc, từ-biệt Lý-phu-nhân, dắt một ả tiểu-hoàn là Minh-Thiềm đi sang chơi với Mộng-Tương ở nơi biệt-thữ. Lúc ấy Mộng-Tương tiếp-kiến Tam-Cô, chắc có một phen tình-hoại thân-thiết, bất-tất phải kể ra nhiều.

Trúc-sĩ khi ấy đã cùng với Mộng-Tương dời sang ở chỗ Bái-nguyệt-lâu trong vườn, liền thỉnh Tam-Cô lại chỗ Kiền-hương-viện thong-dong ở đó. Thích-ngộ Trúc-sĩ khi biệt-thữ lạc-thành, làm sự kỷ-niệm, đặt tiệc mời khách, rộn-rịp hai ba ngày. Những khách mời lại dự tiệc, có khá h đàn-ông, lại có khách đàn-bà. Lý-phu-nhân khi ấy cũng lại, nhân lưu lại ở chơi trong biệt-thữ hai ngày. Lý-phu-nhân xem Mộng-Tương xử-đãi với Tam-Cô, mười phần thân-thiết, chẳng khác gì chị em ruột, rất lấy làm an-tâm. Lý-phu-nhân khi sắp về, bảo riêng Tam-Cô rằng: « Mày ở đây với chị, cũng như ở bên kia với ta. Nhưng mày đừng quên ta, nên thỉnh-thoảng chạy về thăm ta, để ta khỏi nhớ. » Tam-Cô ngậm nước mắt, đáp xin vâng lời. Lý-phu-nhân tỏ ra nét mặt vui-vẻ đi về.

Trúc-sĩ vốn là người hiếu-khách, nay lại cùng với Tiếu-Sơn chiều sớm cùng vui, chẳng ngày nào là không viên-lâm du-thưởng, thi-tửu lưu-liên. Mi-quân với Tử-Dã thời-thường vãng-lai, có khi say rượu không muốn về khuya, thì lại lưu lại ngủ chơi trong biệt-thữ. Chính là:

Bụi hồng xa cách mái ngoài,
Viên-lâm riêng một cõi trời cảnh ta.
Vàng trông lá gấm trông hoa,
Tuy không giáp-tí cũng là xuân-thu.
Gió đông mở mặt họa-đồ,
Xênh-xang gậy trúc ưu du tháng ngày.
Có bầu có bạn vui thay,
Có vầng minh-nguyệt đêm rầy đêm mai,
Thanh-đàm mở cuộc mà chơi,
Theo lề Giang-tả nối người phong-lưu.
Rượu ngon sớm sớm nghiêng hồ,
Oanh kêu hoa nở bốn mùa thường xuân.
Chiều chiều họp bạn văn-nhân,
Năm canh mưa gió nối vần làm thơ.

Tiếu-Sơn khi ấy, bấy lâu mọi mối cùng-sầu cảm-khái, trong khi bất-tri bất-giác, đã tiêu-tán đi quá nửa phần. Câu rằng: « Chỉ thấy chủ-nhân mời rượu khách, chẳng hay chốn ấy chốn tha-hương. » Giang Tiếu-Sơn thật thế.

Nhân-Tam-Cô ở Kiền-hương-viện ít lâu cùng với Mộng-Tương phu-nhân thân-thiết bội thường. Khi huề-thủ ở trước hoa, khi đàm-tâm ở dưới bóng, ít khi rời cách nhau. Hoặc cầm kim thêu mụn, gợi đến tơ tình. Hoặc nối sáp ngâm thơ, viết thành chữ hận. Hoặc cuộc cờ dưới nguyệt, tường đàn-bà chỉ ngón đàm-binh. Hoặc. tấm kính trong hoa, hàng chị em sánh vai dấu - diễm. Hoặc nói chuyện mà chung chăn, ai bảo chim loan độc-túc. Hoặc tầm-xuân mà sánh gót, dường như đôi yến song-phi. C ính là nói không hết cái vận-sự thâm-khê, tả không xiết cái phong-quang xuân-phố vậy.

Cho hay phàm kẻ hữu duyên,
Trời kia tác-hợp cảnh liền thở cây.
Vô-duyên những kẻ xưa nay,
Ma đem quỉ dẫn chim bay lạc đàn.

Trai tài-tử bác Tiếu-San,
Tam-Cô cũng gái hồng nhan một đời.
Phải chăng chăng phải duyên trời,
Cùng nơi cảnh-thắng cùng người khách du.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI

Ngắm cảnh lạc-hoa, thê-lương cùng lãnh-nguyệt,
Nghe vần ngọc-địch, tình-cờ gặp cố tri.

Lúc ấy đã thuộc về trung-tuần tháng ba. Chính là

Ngày xuân con én đưa thoi,
Thiều-quang chín chục đã ngoài sáu mươi.

Trông ra vườn xuân, thì cảnh xuân sự xuân, đã dần-dà vào thời-kỳ thay đổi. Tiếu-Sơn ở Âu-mộng-hiên, là một người ăn gửi ở nhờ trong đất khách. Tuy được Trúc-sĩ khoản-đãi ân-cần, đã tạm quên được mọi mối sầu-khổ. Song đến thời-tiết ấy, đối với một chòm hoa rụng, vài tiếng chim kêu, Không khỏi xúc-động đến tình-tự thương xuân, trong hoài-bão khởi ra mọi mối ác-liệt. Lại chính là :

Tiếc hoa những ngậm-ngùi xuân,
Lấy câu ngâm-vịnh khuây dần cảm-thương.

Ngày hôm ấy, bữa ngọ-phạn xong, Tiếu-Sơn ngồi buồn, làm mấy bài thơ cảm-tình, đương toan lấy bút thảo ra, chợt thấy Trúc-sĩ mở rèm tiến vào, lại thích-ngộ Mi-quân đến thăm, ba người ở trong hiên, nhàn-đàm một hồi lâu. Trông ra sắc trời đã xế chiều, Trúc-sĩ nhân lưu Mi-quân lại và thỉnh Tiếu-Sơn ở trong Thích-âm-quán tiểu-ẩm. Ba người uống rượu được chút lâu, chợt thấy khởi lên một trận gió cuồng, thổi vào các cánh hoa tàn ở hàng cây trước sân, làm cho cánh nào cánh ấy bay ra như cánh bươm-bướm theo gió mà tan-tác đi. Khi ấy một vầng trăng tỏ, đã dần-dần ở trên chỗ đầu mây lộ bóng sáng ra, chiếu dọi xuống những cánh hoa rụng ở đầy sân, làm ra cái sắc thảm-bạch khả-tích khả-lân. Khi ấy lại gia-tăng mấy độ hàn-lãnh về buổi chiều hôm, khiến cho một loạt hoàng-tụ thanh-xam, người nào người ấy đều không thấy ấm. May ba người đều đã có tửu-khí hăng-hái, còn có thể chi-trì ngồi được. Khi ấy đối với sắc nguyệt ở trước sân, hồn hoa trên mặt đất, bất-giác khởi lên một đoạn nhàn-sầu, đều đứng lên tựa vào chỗ câu-lơn phát rùng mình. Trúc-sĩ than rằng : «Hảo-cảnh lương-thần, bất-thường biến-đổi, ngày tháng là bao, cảnh xuân đã hết. Kiếp nhân-sinh như ngựa câu qua cửa sổ, đều là một lối bay nhanh. Cổ-nhân nói rằng cập-thời hành-lạc, lại nói rằng đánh đuốc chơi đêm. Tôi thì bảo rằng cái sự hành-lạc, không biết thế nào mà theo đuổi được cho đến kỳ-cùng, mà ngày tháng nó chẳng chờ đợi ta. Tùng-nhiên chơi đêm chăng nữa, cũng có ích gì. Vì cuộc tiêu-khiển khi trước mắt, không thắng lại được sự nghĩ-ngợi lúc xong rồi. Chữ lạc chính là nguồn-gốc sinh ra chữ khổ. Nhân-sinh vô-luận là người bậc nào, hễ thuộc về giống hữu-tình, thì có con tâm cảm-thời, và con mắt xúc-cảnh, hai chữ sầu-hận, rút lại không sao thoát khỏi được. » — Mi-quân nói rằng : « Bác Trúc-sĩ là một người cảnh-ngộ sướng như tiên, còn nói như vậy, nữa là chúng tôi gặp bao nhiêu cảnh-ngộ lắng-đắng, thì lại lấy gì để tự-giải. » Trúc-sĩ nói rằng : « Thiên-hạ tóm lại không có sự gì là thập-toàn mĩ-mãn. Ngay như đêm nay, sắc nguyệt thanh-minh hiệu-khiết là dường nào. Nếu gặp thời-kỳ trăm hoa đua nở, thì mở tiệc xem hoa, nghiêng hồ hỏi nguyệt, há chẳng phải là cảnh tốt đêm xinh. Nay lại chiếu xuống cái bóng hoa tàn, lại thấy thê-lương vô-hạn. Chính như tôi đây, người ngoài xem vào, dường như đã hưởng-thụ

được hết mọi đường hạnh-phúc cõi nhân-sinh, không hàm-hận chút gì cả. Nhưng biết đâu trong bụng tôi lại há không chốn sầu, há không chốn hận, gặp cái thời-thiết thương-tâm đó, lại có bụng nào khoái-lạc, tôi đây há phải là một khối gỗ đá đó thay! » Tiếu-Sơn nói rằng: « Bác Mi-quân quá nỗi bi-quan, mà bác Trúc-sĩ nói vậy cũng là khách-khí. Tự tôi xem ra, có cái cảnh-giới mĩ-hảo, thì có cái cảnh-giới thê-lương, có cái thời-tiết đắc-ý, thì có cái thời-tiết thương-tâm. Đó là cái máy sẵn của âm-dương vần-chuyển, cái lẽ thường của tạo-hóa thừa-trừ, có lạ gì mà lạ. Những chốn các bác sở-kiến đều là chốn câu-nệ cả, khư-khư mình buộc lấy mình, chẳng bõ cho kẻ tác-giả họ cười».

Ba người đương nói chuyện, hốt-nhiên nghe ở mé xa-xa có tiếng sáo, vèo-von theo ngọn gió đưa lại.

Tiếng đâu Hà, Hán thu cao,
Trời long đất lở ào-ào khắp-kinh.
Tiếng đâu phong-định ba-bình,
Tiêu, Tương nước rộng lênh-đênh mái chèo.
Khúc đâu Chiết-liễu hơi đào,
Đem tình cố-quốc rót vào bên tai.
Khúc đâu ngón bắt Lạc-mai,
Giang-thành thủa ấy ghẹo người biệt-ly.

Không biết kẻ thương-tâm nào phổ ra điệu đoạn-tràng ấy, khiến người tai chợt xúc-động mà phải lắng, miệng đương bàn nói mà phải dừng. Ba người khi ấy ngồi im lẳng-lặng, không động một tiếng gì. Nghe tiếng sáo thì văng-vẳng đâu ở mé ngoài tường, chợt lên bổng, chợt xuống chìm, chợt bắt nhanh, chợt bắt chậm. Điệu thanh réo-rắt, gió đưa lại mà lạnh-lùng. Giọng oán chiền-miên, trăng trông ra mà thảm-nhạt. Phút-chốc nghe khúc-điệu đã xong, mà dư-âm còn chửa hết. Đứng dậy trông ra chỗ lan hoa rụng ở trước sân, thì trong khoảng khoảnh-khắc đã chứa đầy lên đến một tấc. Ba người đối cảnh ấy, đều lặng-lẽ không nói gì, dừng chén không uống rượu nữa. Trong bọn ấy có một Tiếu-Sơn hốt-nhiên nhớ đến tám năm về trước, khi ở đất Duy-dương, cùng với một người danh-kỹ là Tạ Oanh-nương tri-thức nhau, sự trước tình xưa, ngảnh đầu đâu-bể. Oanh-nương vốn hát hay, lại thích cầm cái sáo ngọc-địch tự mình thổi lên, thường những khi sau lúc rượu xong người tỉnh, ngồi đón luồng gió thổi lên vài khúc Hiểu-phong Tàn-nguyệt, phảng-phất có ý-cảnh thiên-tiên. Nay Tiếu-Sơn nghe tiếng sáo này, còn hoảng-hốt cái sự-tình năm nọ, mà chim yến lạc đàn, mười năm phút chốc, lại chẳng biết chỗ xóm nguyệt lầu hoa nơi cố-lý, lâu nay cảnh-trạng thế nào, Oanh-nương cũng chẳng biết lưu-lạc về nơi nao. Mĩ-nhân góc bể, du-tử phương trời, mọi mối cảm-thương, đều vì mấy tiếng sáo ấy xúc-động khởi lên. Tiếu-Sơn khi ấy muôn điểm mày sầu, hiện ra trước mắt, hai hàng lệ ngọc, thấm xuống dưới khăn, thở dài một tiếng, rồi lìa chỗ ghế ngồi mà đứng dậy. Trúc-sĩ Mi-quân thấy tình-cảnh ấy, cũng đều ngao-ngán ngậm-ngùi. Phút-chốc Mi-quân nói rằng: « Rõ thật tiếng sáo kia nó làm phiền-nhiễu cho người, nhưng mà bác Tiếu-sơn sao lại cảm-động được thâm quá thế vậy? » — Trúc-sĩ nói rằng: « Bác Tiếu-Sơn vừa mới chê tôi câu-nệ, mà tự mình lại hốt-nhiên câu-nệ bằng hai. Sẽ biết những kẻ thâm về chữ tình đó, gượng làm ra bộ đạt-quan, đều là những lời nói dối người, kỳ-thực tự mình có làm ra phương-pháp chủ-trương lấy mình được đâu. » — Tiếu-Sơn nghe nói, đáp rằng: « Tôi nhất-sinh vốn là người hay cảm-xúc, mấy năm nay tôi lịch-duyệt đã hơi thâm, coi phàm sự ở thế-gian, nhất-thiết đã như phù-vân lưu-thủy, trong não-hải tôi tưởng không còn lưu dư-ảnh chút gì nữa. Hay đâu phen này chợt tiếp-thụ cái mối cảm-

xúc kịch-liệt, hốt-nhiên nết cũ lại sinh ra, không thể sao tự-chủ được. Mối hay cái mối sầu-căn, khó mà đoạn-tuyệt đi lắm. Xin các bác đừng cười tôi, tôi từ rầy không dám nói ra những lời đạt-quan nữa. » Tiếu-Sơn nói xong, nghe tiếng sáo lại du-dương khởi lên. Trúc-sĩ nói rằng : « Tiếng sáo ấy chắc có người nào đó thổi lên. Chứ phụ-cận chốn này, đều là kẻ dã-lão thôn-dân, không có người sĩ nào phong-nhã. Hay là chúng ta thừa lúc nguyệt-sắc này, đi ra dò tiếng hỏi người, may gặp được người nào kỳ-dị chăng. » Mi-quân Tiếu-Sơn đều nói rằng phải. Rồi ba người thủng-thỉnh bước ra ngoài chỗ viên-môn. Khi ấy nghe tiếng sáo lại càng véo-von. Ba người cứ theo phương-hướng chỗ tiếng sáo, noi một giải bờ hồ đi lên. Trông xa thấy mé tây chỗ Điếu-kiều, ở dưới một cây dương-liễu, có một chiếc thuyền xinh nhỏ đậu đó, tiếng sáo thì phảng-phất ở trong chiếc thuyền ấy thổi lên. Ba người đi lên trên kiều, đứng tựa vào chỗ câu-lơn kiều trông ra. Thấy có một vị nữ-lang mặc áo lục ngồi ở đầu thuyền, lưng tựa vào mui thuyền, tay cầm cái sáo thổi lên. Ở dưới bóng trăng phảng-phất xem ra, dường như có vẻ tuyệt-diễm. Chợt nghe Trúc-sĩ vội-vàng lên tiếng gọi lên rằng : — Nếu đó là ả Oán-Quyên đấy phải không ?

Nguyên-lai Oán-Quyên vốn là người danh-kỹ xứ Tô-đài, năm năm về trước, Trúc-sĩ khi qua chơi đất Ngô-môn, từng cùng với Oán-Quyên quen biết, anh-anh ả-ả, và có ý chiền-miến. Oán-Quyên cũng có tuệ-nhãn biết người, thường muốn hiến-thân về với Trúc-sĩ làm phận thiếp. Trúc-sĩ cũng cảm-khích thương-yêu. Vì người mụ dầu của Oán-Quyên đòi giá tiền chuộc nhiều lắm, Trúc-sĩ không sao biện nổi, sự ra tay tế-độ vớt kẻ trầm-luân, nửa chừng lại thôi. Đến sau Trúc-sĩ trở về Ngu-sơn, từ đấy hai người cùng nhau vắng tai tin-tức. Trúc-sĩ chắc rõ rằng mầu phong-nguyệt chốn ca-tràng, về tang-xương thường dung-dị. Nay muốn bắt chước như chàng Thôi-Hộ làm sự trùng-lai, thì không biết chỗ môn-trung, đào-hoa với nhân diện, có còn y-nhiên ở đó hay không. Một gánh tương-tư, thấm ngày lần-lữa. Trúc-sĩ cũng là kẻ đa-tình, đối với Oán-Quyên, trong lòng vẫn chửa thể khiết-nhiên đi được. Không ngờ ý ngoại gặp-gỡ, người thổi sáo đêm nay, chính là bạn chung-tình năm nọ. Khi ấy Oán-Quyên nghe có tiếng gọi đến tên mình, liền dừng tiếng sáo lại, ngảnh đầu trông lên thấy Trúc-sĩ, kịp lên tiếng đáp rằng : « Tuồng là ai, chẳng là Chung-tiên-sinh đấy ư ! có phải là tiên-sinh, thì xin mời tiên-sinh kịp xuống chơi thuyền tôi. » Trúc-sĩ cả mừng, ngảnh đầu lại đối với Tiếu-Sơn, Mi-quân nói rằng : « Người ấy là người tương-thức cũ của tôi, nhất-biệt đã năm năm, không ngờ ở chốn này lại tương-ngộ ». Nói xong, ba người cùng từ trên kiều đi xuống, đến ven thuyền. Oán-Quyên bảo lái đò ghé thuyền vào bờ, ba người cùng bước lên thuyền, Oán-Quyên đều mời-mọc tiến vào trong khoang thuyền ngồi. Trúc-sĩ bắt đầu giới-thiệu tên họ Mi-quân, Tiếu-Sơn cho Oán-Quyên biết, liền có một đứa thị-nhi bưng khay trà lại. Trúc-sĩ chưa nói gì, Oán-Quyên đã thở dài đối với Trúc-sĩ nói rằng : « Tiên-sinh khéo là kẻ phụ-tâm, cớ sao tường-biệt đã mấy năm, mà tiên-sinh không gửi cho tôi lấy một chữ ? » — Trúc-sĩ nói rằng : « Cái tiếng bạc-hạnh-lang, tôi nay trăm lưỡi không thể từ-chối được. Nhưng trong mấy năm, tôi sao nỡ có một ngày quên nàng, vợ tôi Mộng-Tương không phải là vợ sư-tử, tôi cũng không phải là người bó tay. Chỉ vì mụ-già của nàng tham hơi đồng quá lắm, tôi không thể xứng được mầu tham ấy, khiến cho

hảo-sự trước đã ngăn-trở, sau này chửa tất có thể đoàn-viên, vì thế tôi không dám sinh ra cái lòng mộng-tưởng về sự xa-xỉ ấy nữa. Phen này nàng cớ sao lại đến được chốn này, người mụ già của nàng cớ sao lại phóng cho nàng đi đến chốn này? » Oán-Quyên nói rằng: « Sau khi tương-biệt, mọi nỗi lưu-lạc, nói ra không hết. Tự khi tiên-sinh trở về sau này, mụ-già tôi dắt tôi đi Thiên-tân, đi Hán-khẩu, đi Dương-châu, sau lại về Cô-tô chốn cũ, phong-trần vất-vả chốc có bốn năm, mùa hạ năm ngoái mụ-già tôi hiện đã tạ-thế, khi ấy tôi mới được hoàn lại cái thân tự-do. Tôi đối với nghiệp phong-trần, vốn chán mỏi đã lâu, mấy năm nay tôi cũng chút có súc-tích, còn có thể lần-hồi được tháng ngày, nay tôi đóng cửa tạ khách, mua một khu nhà nho-nhỏ ở Đào-hoa-ổ, dắt một đứa thị-nhi là Dung-tiên, ngày tháng yên-nhàn ở đó. » — Trúc-sĩ hỏi rằng: « Sao trong mấy năm nay lại không gặp được một người nào tri-tâm hợp-ý thế a?» — Oán-Quyên ngậm-ngùi đáp rằng: « Chung tiên-sinh, sao tiên-sinh nói lạnh-lẽo vô-tình làm vậy! Cái người ở trong tim gan tôi, trừ tiên-sinh ra, còn có ai nữa. Tiên-sinh khéo nỡ lòng vứt bỏ tôi đi, như thể con hoàng-hạc một phút bay đi, không trở lại nữa, chốc là bấy nhiêu năm trời, một chữ hỏi thăm cũng không có. Khá thương tôi vì tiên-sinh thủ-tiết, thật là ngậm hết nghìn vạn vẻ đắng cay. Hiện tôi nay đóng cửa ở dưới lầu hoa, vì ai mà đóng cửa, thực là vì tiên-sinh mà đóng cửa. Tiên-sinh nói thế, chẳng cô-phụ mất một tấm khổ-tâm của tôi lâu nay đấy dư! » — Trúc-sĩ nghe nói, tỏ ra nét mặt cảm-động, mà tạ lại rằng: « Sự đó thật là tại tôi làm lầm-lỡ nàng, phen này nàng lại đây, chừng là vì muốn tìm tôi mà lại đấy phải không?» — Oán-Quyên nói rằng: « Không phải vì thế. Tôi lại đây là vì xem cuộc bơi-chải thuyền rồng ngày mười chín tháng ba này, hôm nay trời đã tối tôi cũng định sáng mai đi vào thành, tiện nẻo lại thăm hỏi tiên-sinh. Tiên-sinh cớ sao lại giữa lúc đêm khuya cùng với bè-bạn ở chốn lạnh-lẽo tĩnh-tịch này?» — Trúc-sĩ nhân bảo cho biết rằng: « Vì mình chán chỗ thành-thị ồn-ào bụi-bặm, cho nên đem gia-quyến ra ẩn-cư chỗ biệt-thự ở ngoài thành, chứ không ở trong thành nữa. Chỗ biệt-thự này cũng ở ngay đàng trước mặt. Vì chợt nghe tiếng sáo, ngẫu-nhiên cùng hai ông bạn ra nhàn-bộ đây, định tìm tiếng hỏi ai thổi tá, nay lại tình-cờ gặp nàng, thật là một sự thiên-tư vạn-tưởng không nghịnh-liệu đến. Hay là ngay đêm hôm nay, nàng thu-xếp đồ hành-trang, cùng tôi cùng về nơi biệt-thự. » — Oán-Quyên nói rằng: « Tiên-sinh nói mới hay chứ, như thế sao tiện, phu-nhân với gia-quyến tiên sinh trông thấy thế, còn để ý-tứ gì kính-trọng tôi phần nào nữa. Vả lại tôi thuê thuyền chuyến này đã chuẩn-định xem xong hội bơi-chải rồi về, hằng cứ để cho tôi tái-hồi Tô-châu đã, thế là tiện hơn. » Trúc-sĩ nín lặng không nói gì, Tiếu-Sơn với Mi-quân thấy tình-cảnh ấy, biết rằng hai người tất còn có nhiều câu chuyện tình-tự riêng, ở chơi đây không tiện, mới nhất-tề đứng dậy cáo-từ đi về trước. Trúc-sĩ thì đêm hôm ấy chửa về nơi biệt-thự, còn ở lại trong thuyền, cùng Oán-Quyên chiền-miên thuyết-hoại sự cũ, đến sáng ngày mai mới về.

Sáng hôm ấy, Mộng-Tương phu-nhân lại chỗ Kiền-hương-viện thăm Tam-Cô, vì Tam-Cô hơi có tật cảm-mạo khi lạnh. Mộng-Tương có bảo Tam-Cô rằng: « Hôm nay là hai-mươi-sáu tháng ba, cách hai ngày nữa, là ngày ở ngoài chỗ Tây-môn có hội bơi-chải thuyền rồng vui lắm. Chị định thuê một chiếc thuyền, đi đón cô Sấu-

Hồng-nữ-sử bên nhà họ Tề sang đây, cùng với chị em ta cùng đi chơi vui một hôm. Nay em lại hốt-nhiên có sự yếu-đau, chẳng một-hứng mất cả bọn chị em chúng ta lắm sao ! » Tam-Cô nói rằng : « Em thực có yếu - đau gì đâu, chỉ vì đêm hôm qua thức khuya quá, ở dưới bóng đèn, cầm bút mải-miết làm thơ mãi, có cảm-mạo một chút phong-hàn, sáng ngày hơi thấy mỏi-mệt, ngày mai tất là mạnh-mẽ như thường. Chị đã có cuộc nhã-hứng ấy, em nhất-định xin đi phụng-bồi.» Đương nói chuyện, chợt có đứa tiểu-tì Xuân-Vân chạy đến, nói rằng : « Ông nhà ta mới về, đương tìm hỏi bà, định nói câu chuyện gì đấy ạ. » Mộng-Tương liền đứng dậy cáo-từ, dặn lại Tam-Cô rằng khéo tĩnh-dưỡng cho khỏe.

(Còn nữa)

TÙNG-VÂN *dịch*

VĂN-UYỂN

THƠ VĂN CỔ

XUYẾN-NGỌC-HẦU THI VĂN TẬP [1]

VI

XII. — Văn tế cha

(Nghĩ hộ nhà làm thuốc ở Phương-tri)

Than rằng : Sống thác ấy chuyện thường trời đất, mở chiêu khép tịch biết bao chừng ; cha con là đạo cả xưa nay, nối ruột liền lông sao xiết kể.

Nghĩ thôi buồn-bã kiếp phù-sinh ; tưởng lại chập-chờn cơ mộng-sự.

Nhớ nghiêm-phụ xưa : Dấu cũ cơ-cừu ; chí trai hồ-thỉ.

Chưng thuở gập-ghềnh gió bụi, ghét tiểu-nhân vi-phú bất-nhân ; quản chi dầu-dãi nắng mưa, theo quân-tử cố-cùng lập-chí.

Lòng trời mở vận hồi-xuân ; đất khách dùng phương thọ-thế.

Một tỉnh ra tay điều-hộ, túi xâm cầm mở rộng đám quan quân ; ba thu trở gót qui-nhân, vườn quất hạnh mọc đầy nơi cố-lý.

Một cù năm cát, cửa đượm khí hòa sáu liễu bốn đồng, sân chen vẻ thụy.

Răn bảo dâu con khi đã mệt, có tễ hữu-qui bát-vị, sớm khuya cho giáng-hỏa tư-âm ; chuyện trò khách-khứa lúc vừa xong, có pho kim-quĩ cẩm-nang, ngày tháng để điều-vinh dưỡng-vệ.

Cuộc lợi-danh không so ngắn chọi dài ; nền phúc-lý những giồng nhân đắp nghĩa.

Giọng thù-thế dẫu quan trên càng mến, thơ đề châu ngọc vách thơm-tho ; lượng tế-nhân dầu đất khách cũng tin, nghĩa trả quỳnh dao người lễ-mễ.

Những chắc ba vạn sáu nghìn ngày canh-kỷ, lên núi Họa với Mao-quân hỏi thuốc, để xin phương cải-lão-hoàn-đồng ; nào ngờ sáu mươi thêm chín lẻ xuân thu, cuối tiết hạ mà thanh-sứ vời

---

(1) Xem Nam-Phong từ số 117.

thư, chưa kịp luyện trường-sinh-bất-lão.

Xầy cơ khế-khoát thêm buồn ; kể chuyện gia-tình xót nhỉ.

Nhớ kẻ tao-khang thuở trước, sao chẳng đợi cùng nhà cùng huyệt, rũ trần-ai vội ruổi áng bạch-vân ; thương đàn chăn gối năm sau, đã chút mừng có nụ có hoa, bỏ thơ-ấu tót theo miền Xích-tử.

Còn kế-thất dẫu đành nền-nếp sẵn, nhưng lòng hiếu Mạnh Vương ít có, cảnh sương-khuê đã chưng ấy lạnh-lùng; thẹn trưởng-nam may nối vẻ-vang xưa, song nhà y khanh tướng dễ du, lời nghiêm - huấn lại tự đây vẳng - vẻ.

Người đèn sách theo đòi bể thánh, ngâm câu nga-uất thêm buồn ; kẻ tơ duyên xa cách quê người, cảm nỗi thần-hôn lại bẽ.

Ngành thứ hai trời liễu yếu, ngậm-ngùi thay mẹ lại thương cha ; mái đông ba nhánh đào thơ, mếu-máo khóc cha thêm nhớ mẹ.

Nghé tan đàn trăm nỗi ủ-ê chiều ; vò nuôi nhện mảnh tình ngao-ngán kẻ.

Đoàn nữ-tế đầy sân thuở ấy, từ rầy đi dự ngọc biết trông ai ; lũ nhi-tôn quanh gối ngày xưa, bao giờ lại phân cam mà giắt trẻ.

Ôi ! Hoa trôi mặt nước, hồn bướm bâng-khuâng ; ác lặn sườn non, bóng chim lẻ-thẻ.

Khi gió thổi bên mành thấp-thoáng, kìa sách kìa hòm kìa dao bản-tạc, mắt người thang thuốc thảm đầy vơi ; lúc trăng xuyên trong cửa lờ-mờ, nọ màn nọ gối nọ chiếc án-thư, tưởng dấu ngồi nằm sầu nặng nhẹ.

Nay : Ngày tứ nên tang ; tuần tam đặt tế.

Lời dạy trước chớ xa đừng kiệm, vả lại gặp mùa gian-thực, lệ hương-thôn chưa lo kịp phen này ; câu nói xưa được tăng làm vinh, vậy nên dạng thói quyền-nghi, lòng hoàng-giản gọi là dâng lễ ấy.

Than ôi ! thương thay ! Kính bui ngỡ hưởng.

XIII. — Văn tế mẹ

(nghĩ hộ cho nhà con hát ở Thượng-mỗ)

Than rằng : Lễ năm phục buộc vào lòng ruột, cỗ kim kim cổ luống mơ-màng ; việc trăm năm ngẫm lại gót đầu, không có có không chi kể-lể.

Cảnh phù-du trông thấy khéo buồn thay ; hồn hồ-điệp chập-chờn thêm ngán nhỉ.

Nhớ thuở lá đào phất gió, phan hồng nở thắm đức dường non ; chờ khi cây ngọc rủ cành, xẻ phấn xun hương ân những bể.

Trước chầu thần phật nhún lễ rờn văn; trong đám nhi-tôn chải vành chuốt vẻ.

Giấc trăm tuổi thảnh-thơi con hạc múa, dứt bầu đàn vui thú nhân-gian ; bỗng năm canh rầu-rĩ tiếng quyên giồn, đem tinh-phách dạo miền xích-thủy.

Tình biệt-li lúc ấy càng đau ; tình cơ-sự ngày xưa lại bẽ.

Cầm nửa khúc thoắt đâu chênh bóng nguyệt, trách duyên hỏi mà cao giấc hùng-bi ; liễu một cành chưa chút nẩy chồi xuân, than phận bạc bỗng hụt dây kháng-lệ.

Gánh giang-sơn nói lại thương cha ; dội phu-phát nói càng tủi rẻ.

Hàng trúc hai chồi bé nhỏ, tưởng hơi ôm-ấp cháu thương bà ; phận bỗ đôi kẻ long-đong, nối giọng thấp cao con khóc mẹ.

Ôi ! Gang tay bóng sổ, ngán kiếp phù sinh ; bãi bể nương dâu, buồn cơ mộng-thế.

Rắp lộn xuống thềm đào bà Vương-mẫu, hỏi làm sao cắc-cớ trăm chiều ; toan với lên cung nguyệt chị Hằng nga, hỏi sao khéo chát-chua lắm vẻ.

Nay nhân : Đường tổ rước về ; tuần ngu đặt tế.

Nực-nội quạt nắng hè thảo trước, chưa chút lưng tần đĩa tảo, ngửa lên trông non nhạc nghìn thu, lạnh-lùng sinh gió bắc ngày nay, gọi là mảnh giấy thoi vàng, cúi xuống đốt nén hương một lễ.

DỊCH CỔ-VĂN

Tô Tần đem kế liên-hoành bảo vua Tần (1)

Tô Tần mới đem kế liên-hoành bảo vua Tần Huệ-vương rằng: « Nước của đại-vương phía tây có lợi đất Ba-thục, đất Hán-trung, phía bắc có đất Hồ sản da con lạc, đất Đại sản giống ngựa tốt, phía nam có quận Vu-sơn quận Kiềm-châu để làm giới-hạn, phía đông có núi Hào và cửa quan Hàm-cốc vững-bền, ruộng đất tốt, nhân-dân giàu; xe chiến-xa đến hàng van thặng, quân phấn-kích đến hàng bách-vạn, đồng tốt nghìn dặm, súc-tích giàu nhiều, hình-thế tiện-lợi, thực là một kho thiên-phủ một nước hùng-quốc trong thiên-hạ. Lấy đấng đại-vương là bậc vua hiền, sĩ dân nhiều, xe ngựa lắm, lại luyện-tập binh-pháp, có thể gồm được cả chư-hầu, nuốt được cả thiên-hạ, xưng đế mà thống-trị cả được, xin đại-vương lưu ý, tôi xin hiệu-lực giúp công.» Tần-vương nói rằng: « Quả-nhân từng nghe rằng: lông cánh không được nhiều tốt, thì không thể bay cao được, việc văn chưa xong thì không nên dùng việc võ mà đánh giết vội, ơn-đức chưa nhuần-thấm thì không nên sai khiến dân vội, chính-giáo chưa thi-hành thì không nên phiền nhọc các quan tướng-thần vội. Nay tiên-sinh không quản nghìn dặm xa-xôi mà lại đây, nghiễm-nhiên ở trước công-đình mà bảo ta lấy việc dụng-binh, thì hãy xin để ngày khác.»

Tô-Tần nói rằng: « Tôi vẫn biết rằng đại-vương chưa hay dùng được. Xưa kia vua Thần-Nông đánh nước Bồ-toại, vua Hoàng-đế đánh bắt ngươi Suy-Vưu ở đất Trác-lộc, vua Nghiêu đánh ngươi Hoan-Đâu, vua Thuấn đánh rợ Tam-miêu, vua Vũ đánh ngươi Cung-Công, vua Thang đánh nhà Hạ, vua Văn đánh nước Sùng, vua Võ đánh chúa Trụ, vua Hoàng-Công nước Tề cũng chỉ dùng đánh mà làm bá thiên-hạ. Xem thế là đời nào là chẳng dùng đến việc chinh-chiến. Nếu chỉ ở không làm gì mà đến được lợi, ngồi yên mà rộng được đất, thì dẫu đời Ngũ-đế, Tam-vương, Ngũ-bá khi xưa, các đấng minh-chủ hiền-quân cũng cứ ngồi yên, chứ còn phải làm gì nữa. Song cái thế nó không thể

(1) Tô Tần là người đất Lạc-dương đời Đông-Châu tên tự là Qui-tử. Khi bấy giờ Quan-đông mộ dọc đất dài là *tùng* 從, sáu nước: Sở, Yên, Triệu, Nguỵ, Hàn, Tề, cùng ở một dọc đất dài, liên-hợp với nhau để chống-cự nước Tần, gọi là kế *hợp-tùng* 合從. Quan-tây thì đất rộng ngang là *hoành* 橫, một mình vua Tần chiếm giữ, nên Tô Tần bảo vua Tần dùng kế liên-hoành để làm lìa giao-ước của sáu nước bắt phải qui-phục về Tần. Song vua Tần không dùng, Tần mới đi du-lịch sáu nước mà lập kế hợp-tung, rồi lại đảo về nước Triệu. Triệu Tú-hầu mới phong Tô Tần làm Võ-an-quân, rồi đưa cái trước-thư hợp-tung cho Tần biết, binh nước Tần đến mười lăm năm không dám dòm ra đến ngoài cửa quan Hàn-cốc nữa. Sau Tô Tần thông-dâm với Yên-hậu, sợ lộ truyện, xin sang sứ nước Tề, vua Yên cho đi, Tần sang ở làm quan nước Tề, lại tranh-sủng với quan đại-phu nước Tề. Đại-phu sai người hành-thích Tô Tần. Tần còn hấp-hối, vua Tề hỏi tình-trạng, thì Tần bảo cứ đem thây Tần bày rãi ra ở chốn triều-đường, tự khắc là biết đứa mưu giết. Vua Tề theo như lời, quả-nhiên bắt được đứa mưu giết.

ngồi yên được, cho nên phải dùng đến chiến-tranh, khi hoãn thì hai quân đối-địch nhau, khi cấp thì gươm-giáo xung-đột nhau, mới hay dựng được công lớn. Thế cho nên thắng trận ở ngoài thì nghĩa mạnh ở trong, uy lập ở trên thì dân phục ở dưới. Nay muốn gồm cả thiên-hạ, lăng cả vạn-thặng, khuất-phục nước địch-quốc, thống-chế cả trong cõi, muôn dân đều làm con, các nước đều làm tôi thì phi-dụng binh không được. Nay vua nối ngôi làm vua, mà quên những chỉ-đạo, hôn-mê lời dạy, loạn cả chính-trị, quên cả lời nói, hoặc về lời gièm, tin về lời biện, đắm về văn-từ, cứ xem như thế thì nhà vua không thể làm được.» Tô Tần đến mười lần dâng thư lên bảo vua Tần, mà vẫn bất-đắc-dụng. Ở nước Tần lâu lắm đến nỗi áo điêu-cừu rách nát cả, một trăm cân vàng tiêu hết cả, tiền tư-dùng thiếu-thốn, phải bỏ nước Tần mà đi về, chân quấn sà-cạp đi dép cỏ, lưng đội sách, vai mang dẫy, hình-dáng khẳng-khiu, mặt mũi đen nhẻm, ra dáng có ý thẹn-thò. Khi trở về đến nhà, thì vợ cứ ngồi dệt cửi không thèm ra đón, chị dâu không thèm thổi cơm cho ăn, cha mẹ không thèm nói chuyện với. Tô-tử bùi-ngùi than rằng: « Nay vợ nó không coi ta làm chồng, chị dâu không coi ta làm em, cha mẹ không coi ta làm con, thì đều là bởi tội ta học còn dốt vậy. » Tô Tần mới mở vài mươi hòm sách ra học cả đêm, tìm được cái mưu dụng-binh trong sách âm-phù của Thái-công, nghiền-ngẫm tụng đọc, luyện-tập cho tinh để cầu suy-xét cho đúng, đọc sách lúc nào buồn ngủ thì lấy dùi đâm vào đùi máu chảy đến tận chân, nói rằng: học thế này mà đi du-thuyết, ông vua nào mà lại chẳng bỏ vàng ngọc gấm vóc ra, lại chẳng tôn làm khanh-tướng hay sao! Học được đầy năm, suy-tính đã xong, nói rằng: Bây giờ có thể đi du-thuyết bảo vua các nước được rồi. Tô Tần mới đi qua đất Ô-tập-khuyết nước Yên sang yết-kiến vua nước Triệu ở dưới nhà Hoa-ốc, đập bàn tay mà bàn mưu-kế, vua Triệu cả bằng lòng, phong cho làm Võ-an-quân, trao cho tướng-ấn, lại cho một trăm cỗ xe, một nghìn cuốn gấm vóc, một trăm đôi ngọc bạch-bích, một vạn dật (1) hoàng-kim, để tiễn đưa đi các nước lập-ước tung phá kế hoành, để chống-cự với nước Cường-Tần. Vậy nên từ khi Tô Tần làm tướng nước Triệu thì binh Tần không dám ra khỏi cửa quan. Đương lúc bấy giờ khắp cả trong thiên-hạ muôn dân, cho đến uy của các vương-hầu, quyền của các mưu-thần, đều phải nghe theo kế-sách của Tô Tần cả, không phải tốn đến một đấu lương, phiền đến một tên lính, không phải sai đến một quan tướng, không phải bắn mất một tên, đánh đứt một dây, mà các nước chư-hầu đều thân nhau hơn anh em ruột. Người hiền ở ngôi mà thiên-hạ phục, một ông vua biết dùng người hiền mà thiên hạ theo. Vậy nên cổ ngữ có nói rằng: « Mưu-kế của người hiền dùng về việc chính-trị, chứ không dùng về việc dũng-mãnh, dùng ở trong miếu-đường, chứ không dùng ra ngoài bốn cõi. » Ôi, đương lúc đời Tần cường-thịnh, thế mà chỉ dùng một vạn dật hoàng-kim, công nhiên giong xe ruổi ngựa, rực-rỡ đi ở đường cái, các nước ở vùng Sơn-đông đều theo gió mà tùng-phục cả, khiến cho nước Triệu lại được nổi tiếng trọng-vọng. Tô Tần khi trước chỉ là một anh học trò ở chốn ngõ hẻm hang cùng, nhà gianh vách sậy, thế mà nay ngồi tựa ván xe, kìm hàm thiếc ngựa, đi du-thuyết các vua chư-hầu, những kẻ tả-hữu hầu vua đều câm miệng cả,

(1) Mỗi dật 24 lạng

không ai dám ví bằng. Cha mẹ ở nhà nghe tiếng, liền dọn nhà quét đường, bày âm-nhạc, đặt tiệc rượu, đi ra ngoài cõi ba mươi dặm để đón rước. Vợ thì lét mắt mà trông, nghiêng tai mà nghe; chị dâu thì khúm-núm đi vòng, quì xuống bốn lạy mà tạ lỗi. Tô Tần nói: « Chị ơi! sao trước kia khinh nhờn mà nay nhún-nhường thế! » Chị dâu nói: « Vì nay Quí-tử ngôi cao mà tiền nhiều. » Tô Tần nói: « Than ôi! lúc bần-cùng thì cha mẹ không kể làm con, lúc phú-quí thì thân-thích sợ hãi, thế ra người ta ở trên đời, thế-vị giàu sang có thể nào bỏ ngơ đi được ư! »

Lời bàn của Quá-Thượng Hầu. — Bài văn này tả lúc Tô Tần thất-ý, thì buồn-bã biết chừng nào! Tả lúc Tô Tần đắc-ý, thì náo-nhiệt biết chừng nào! Phân-minh là một bức tranh thế-lợi. Song những chỗ tả Tô Tần cố học, thì thực là làm gương cho những kẻ hữu-chí cánh-thành. Còn cái đoạn văn khuyên vua Tần dụng binh, thì nhiều câu trùng-phức lắm.

Đ.-C. *dịch*

THI-CA MỚI

Mĩ-nhân thập-vịnh

1. — Chải đầu 理髮

Tóc buông thấp-thoáng vẻ băng-cơ (1)
Phất-phới mây thu, nguyệt tỏ mờ:
Tay ngọc khoan-khoan đưa chiếc lược,
Vén mây trông tỏ bóng Hằng-nga.

2. — Soi gương 對鏡

Đài gương lững-thững sẽ lần qua,
Đôi bóng song-song vẻ ngọc ngà;
Sẵn đẹp, phấn son khôn lọ chuốc,
Gương trong lóng-lánh nét thu-ba.

3. — Sửa áo 整衣

Buồng trang gió ngỏ bức màn hoa,
Tay khoác vừa xong chiếc áo là;
Tấm áo phất-phơ phơn-phớt thắm,
Trời chiều nhàn-nhạt bóng dương tà.

4. — Thêu thùa 刺繡

Lụa đào phản-chiếu vẻ hồng-nhan,
Dìu-dặt tay tiên ngón nhặt khoan;
Mối chỉ đường kim thoăn-thoắt nhẹ,
Lạc Hồng tô-điểm bức giang-san.

5. — Biếng tựa 懶倚

Câu-lan buồn tựa bóng nghiêng-nghiêng,
Bông liễu bay sang trước láng giềng;
Làn gió phất-phơ đôi mái tóc,
Nỗi riêng riêng chạnh mối tình riêng.

6. — Dưới hoa 花下

Chiều xuân tha-thướt bóng hoa mai,
Dưới bóng hoa tươi nép bóng người;
Sẽ vít cành xuân kề nét ngọc,
Nụ hoa như vẻ nụ cười ai.

7. — Xem sách 觀書

Trước ngọn đèn xanh giở quyển vàng,
Nghĩ mình nghĩ bạn những bàng-hoàng;
Tu là cỗi phúc tình oan-trái,
Nhắn chị em xem khúc « đoạn-trường » (2).

8. — Buồn ngâm 愁吟

Quyển vàng bỏ ngỏ khách buồn xem,
Bóng nguyệt chênh-chênh dãi trước rèm.

---

(1) Băng-cơ 冰肌, nước da mặt người giai-nhân như băng. Thơ vịnh giai-nhân ông Trần Đoàn có câu: « *Băng vi cơ-phách, ngọc vi tai* » (冰爲肌魄玉爲腮).

(2) Khúc *Đoạn-trường tân-thanh*, 斷腸新聲 của cụ Tiên-Điền.

Thánh-thót đêm thanh ngâm mấy đoạn,
Hồn thơ như gợi mối sầu thêm.

9. — Làn lệ 找 淚

Nghĩ gần thôi lại nghĩ xa-xôi,
Giọt lệ tang-thương bỗng vắn dài ;
Rủ bức khăn hồng se-sẽ gạt,
Hoa lê lấm-tấm hạt sương mai.

10. — Thiu ngủ 微 睡

Màn điều nửa vắt nửa buông ngang,
Tựa gối thiu-thiu giấc hải-đường:
Nét mặt rầu-rầu hoa ướm nở,
Ngây thơ đâu biết mộng đài Dương.

Đông-Hồ (*Hà-tiên*)

---

1. Chữ « Nhân »

(Hát nói)

Đem hãn-mặc mài viên khối-lỗi,
Tìm yên-hoa gỡ mối giang-san,
Dù ái ưu cũng có khi nhàn,
Thì tiêu-khiển trong cuộc rượu cung đàn chơi cũng nhã.
Hãy gác cả vinh-nhục thị-phi, cùng cổ-kim nhân ngã,
Đem « hạo-nhiên » mà hề-hả với cầm-tôn ;
Trộm cái « Nhân » trong túi càn-khôn,
Rằm bảy vốc con con thôi cũng đủ.
Thử tung ra cho nó : chảy cồn-cồn như nước, tuôn cuộn-cuộn như mây, bay lững-thững như trăng, thổi thênh-thênh như gió,
Rải-rắc cả ngoài bát-hoang trong lục-vũ vẫn còn thừa.
Cái nhân đã lạ-lùng chưa ?

2. Chữ « Lao »

(Hát nói)

Phàm vật hữu hình giai hữu hoại,
Vỏ càn-khôn trút lại mấy từng tro.
Tội gì mà lo tính quanh co,
Thừa hơi sức để bày trò thêm nhọc ?
Song đã là người, dù lớn nhỏ cũng linh-kỳ chung-dục,
Chẳng có lẽ si si ngốc ngốc, chịu hồ-đồ thanh-trọc với cử-lư,
Kìa thử xem kiến cõng mồi, chim nhặt rác, ong ủ mật, nhện xe tơ,
Vật còn thế, nỡ người ngu hơn vật ?
Nợ vũ-trụ chồng-chồng chất-chất,
Trốn làm sao, toan lần-quất cho rồi.
Đã xuất thân ngang dọc với đời,
Quản chi nước mắt mồ hôi, bỡ cái tiếng nâng trời là hả.
Nên chăng, thì cưỡi gió đề mây, nắm nhật nguyệt vào trong chưởng-bả,
Chẳng nên, thì vỡ bờ sạt bến, cát dã-tràng lơi-tả tiếc gì công.
Dẫu sao cũng nhất thế hùng !

Du-thiên Bùi Kỷ

DỊCH THƠ TÂY

1. — Je vous envoie un bouquet.

Je vous envoie un bouquet que ma main
Vient de trier de ces fleurs épanouies ;
Qui ne les eût à ce vêpre cueillies,
Chutes à terre elles fussent demain.

Tặng ai một bó hoa này (1)

Trên cành hoa nở vẻ tươi cười,
Hái kết làm tràng gửi tặng ai ;
Chiều xế hãy còn hương sắc đẹp,
Sáng mai thôi đã nhạt phai rồi.

---

(1) Dịch theo thể thi-ca liệu-hành.

. . .

Cela vous soit un exemple certain
Que vos beautés, bien qu'elles soient fleuries,
En peu de temps seront toutes flétries,
Et, comme fleurs, périront tout soudain.

. . .

Le temps s'en va, le temps s'en va, madame,
Non pas le temps, mais nous nous en allons,
Et tôt serons étendus sous la lame.

. . .

Et des amours desquelles nous parlons,
Quand seront morts, n'en sera plus nouvelle.
Pource aimez-moi cependant qu'êtes belle.

Thấy hoa mà ngẫm đến người,
Đời thanh-xuân cũng là đời hồng-nhan.
Ngày xuân hoa nở hoa tàn,
Hoa tàn người cũng mà hường phôi-pha.

Hỡi hỡi ngày xuân thấm-thoắt qua,
Tuổi xuân há dễ đợi chờ ta!
Đời người có được bao nhiêu độ,
Mấy chốc mà xuân phút đã già!

Xuân già cũng hết đời hoa,
Thì câu tình-ái bây giờ hỏi ai?
Yêu hoa yêu thuở còn tươi!

2. — La mort d'une jeune fille.

Comme on voit sur la branche, au mois de [mai, la rose,
En sa prime jeunesse, en sa première fleur,
Rendre le ciel jaloux de sa vive couleur,
Quand l'aube de ses pleurs, au point du jour l'arrose.

La grâce dans sa feuille et l'amour se repose,
Embaument les jardins et les arbres d'odeur,
Mais battue ou de pluie ou d'excessive ardeur,
Languissante, elle meurt, feuille à feuille déclose.

Ainsi en ta première et jeune nouveauté,
Quand le ciel et la terre honoraient ta beauté
La Parque t'a tuée et cendre tu reposes.

Pour obsèques reçois mes larmes et mes pleurs,
Ce vase plein de lait, ce panier plein de fleurs,
Afin que, vif et mort, ton corps ne soit que rose.

RONSARD

Viếng người thiếu-nữ từ-trần (1)

Kìa một đóa hoa hồng mơn-mởn,
Buổi thanh-xuân xinh-sắn tươi cười.
Trên cành điểm hạt sương mai,
Nét hồng thêm thắm khiến trời đất ghen.

Vẻ kiều-diễm ẩn chen từng lá,
Mối thanh-hương bay tỏa khắp vườn.
Than ôi! số phận lạ dường!
Mưa sa gió táp sắc hương tơi-bời.

Mảnh hồng-nhan đương hồi đằm-thắm,
Khi đất trời say đắm vì tình,
Gió mưa sao khéo bất-bình,
Nửa chừng xuân thoắt gẫy cành thiên-hương.

Lệ bằng-điểu suối vàng xin chứng,
Nỗi bi-ai nói chẳng hết lời.
Kiếp hoa âu cũng kiếp người,
Dẫu rằng sinh-tử cũng đời hồng-nhan.

TRÚC-SĨ dịch

(1) Dịch theo thể song-thất-lục-bát.

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Nói về hội-nghị Hội Vạn-quốc. — *Kỳ Hội-nghị Hội Vạn-quốc mới rồi tuy chưa quyết-nghị được việc gì quan-trọng, nhưng cũng bàn-bạc được nhiều điều hay lắm. Cứ bình-tĩnh mà xét thì xem ra cái khuynh-hướng chung của chính-trị trong thế-giới là cái khuynh-hướng hòa-bình, và nước nào ngày nay cũng có cái chí-nguyện muốn đặt cách cho ngăn-ngừa được sự chiến-tranh sau này. Kẻ hoài-nghi thì vẫn cho đó là lời nói mà thôi, chứ chưa phải sự thực. Nhưng mà lời nói mà nói đi nói lại mãi, đại biểu các nước hễ gặp nhau là nói đến luôn, thì lời nói ấy tưởng cũng không phải là lời không-ngôn, mà thực là tiêu-biểu cho một cái chí-nguyện vững-vàng. Cứ xem một việc như sau này thì biết : năm 1924, đại-biểu các nước ở Hội Vạn-quốc đã định đặt một cái ước chung để bảo-thủ cuộc hòa-bình, nhưng vì nước Anh không ưng thuận cả các điều, nên ước ấy không thành được ; năm nay ngoại-tướng Anh* Chamberlain *ở Hội Vạn-quốc cũng vẫn không ưng như thế, mà đại-biểu các nước lại đề-khởi đến cái ước năm 1924, nói đi nói lại một cách thiết-tha, dường như vấn-đề đó chưa giải-quyết được thì các việc khác cũng khó lòng bàn-bạc xong. Đó chẳng phải là cái chứng-cớ rằng các nước khao-khát sự hòa-bình ư? Đối với cái chứng-cớ hiển-nhiên đó, thì lời diễn-thuyết của Giám-quốc Đức (như kỳ trước đã thuật), hay là sự vận-động của Sô-viết Nga, cũng không đủ cho thế-giới phải quan-tâm vậy. Thế-giới ngày nay là chỉ khao-khát được hòa-bình mà thôi.*

Cái đặc-sắc của kỳ hội-đồng Hội Vạn-quốc mới rồi, là các nước nhỏ lại có ý hoạt-động hơn cả. Được bầu làm nghị-trưởng kỳ này là đại-biểu nước Uruguay, *là một nước nhỏ thuộc về Nam-Mĩ. Đến khi khai hội, thời là đại-biểu nước* Norvège *(tàu dịch là Na-uy) ra diễn-thuyết, bài-bác cái cách làm việc của Hội Vạn-quốc ; rồi đến đại-biểu nước* Hollande *(Hòa-lan), thảo-luận về vấn-đề giảm-binh. Rồi lại đến đại-biểu nước* Pologne *(Ba-lan) yêu-cầu với Hội Vạn-quốc nên kíp ký ước bảo-hòa, các nước phải cam-đoan với nhau từ rày không bao giờ dùng đến kế chiến-tranh để giải-quyết việc quốc-tế nữa. Lời bàn ấy quả-quyết, khiến cho Hội Vạn-quốc không thể không theo được. Sau đại-biểu các nước lớn, nhất là ngoại-tướng Anh, xin châm-chước lại một vài điều, như trước nói : « không nước nào được dùng kế chiến-tranh », thì đổi là « không nước nào được khởi sự chiến-tranh để xâm-phạm đến nước khác », tuy là làm hẹp mất lời bàn của nước* Pologne *đi, nhưng rút lại cũng là phải theo cả, không nước nào công-nhiên dám phản đối.*

Lại có lẽ cũng nhờ sự hoạt-động của các nước nhỏ ở Hội Vạn-quốc, mà kỳ này đề-cập tới vấn-đề bầu lại nước Tỉ-lợi-thì vào hội-đồng trị-sự. Năm 1926 ba nước Tỉ-lợi-thì, Triết-khắc (Tchécoslovaquie), *và* Salvador *(Trung-Mĩ) được bầu vào hội-đồng trị-sự, nhưng kỳ-hạn có một năm mà thôi. Năm nay, kỳ hội-nghị đầu năm, nước Tỉ lại xin hội-đồng tái-bầu cho kỳ nữa, nhưng đến khi bỏ vé thì trong bốn-mươi-tám nước chỉ có hai-mươi-chín nước bỏ vé bầu cho nước Tỉ mà thôi, mà theo lệ thì phải chia ba hai phần người bỏ vé bầu mới được. Thành ra nước Tỉ*

không được tái-bầu. Nước Tỉ có công to trong cuộc chiến-tranh mới rồi, lại chịu khổ vì việc chiến-tranh cũng nhiều lắm, tưởng Hội Vạn-quốc nên biệt-đãi thì phải; song xét ra những nước không bầu cho nước Tỉ phần nhiều là vì cớ cho rằng cái chân nước Tỉ ở Hội Vạn-quốc không phải là chân thường-trực, mỗi năm nên thay đổi một nước khác, không nên để một nước được bầu đi bầu lại nhiều lần; lại những nước muốn được vào chân trị-sự, cũng có ý cạnh-tranh mà không muốn tái-bầu cho nước Tỉ nữa. Việc bầu-cử ở Hội Vạn-quốc cũng có tranh-dành, cũng có vận-động như ở các hội-nghị khác. Ấy duyên-do là thế, chứ không phải Hội Vạn-quốc có ác-cảm gì với nước Tỉ.

Kỳ này ngoài nước Tỉ, những nước ra ứng-cử vào chân trị-sự hàng năm là nước Bồ-đào (Portugal), nước Hi-lạp (Grèce), nước Gia-nã-đại (Canada), nước Phân-lan (Finlande), và nước Cổ-ba (Cuba). Hai nước Bồ-đào và Hi-lạp không được bầu vì cớ nội-chính còn phân-vân; ba nước dưới thì được bầu vào hội-đồng năm nay.

Nhân đại-biểu nước Hòa-lan và đại-biểu nước Ba-lan khởi lên công kích việc chiến-tranh, và yêu-cầu sự giảm-binh, nên cuộc thảo-luận ở Hội Vạn-quốc kỳ này thành ra có thú-vị vô-cùng. Đại-biểu nước Đức thì công nhiên biểu-đồng-tình; đại-biểu Pháp thì diễn-thuyết nói rằng các nước đều trân-trọng tỏ lòng hòa-bình cả như thế, thì vấn-đề bảo-hòa tất phải giải-quyết cho hợp ý-nguyện chung. Đại-biểu nước Hi-lạp và nước Ý thì có ý hoài-nghi, nói rằng Hội Vạn-quốc không nên mơ-tưởng những sự xa-xôi quá. Đại-biểu Anh thì có ý biện-bạch cho rõ cái thái-độ nước mình, nói rằng Anh không phải là phản-đối cái ước hòa-bình, chỉ sợ rằng khuếch trương ra rộng quá thì thi-hành không được hoàn-toàn mà thôi. Nhưng xem ý Hội-đồng thì chỉ trừ nước Anh có ý miễn-cưỡng, còn các nước đều vui lòng muốn giải-quyết cho xong cái vấn-đề bảo hòa cả. Anh có một mình như thế tất dần dần cũng phải đổi thái-độ. Nói tóm lại thì đại-đa-số ở Hội Vạn-quốc là thành-thực tỏ lòng ham-muốn sự hòa-bình và quyết-chí lập phương-kế để ngăn-ngừa cho được cái nạn chiến-tranh trong thiên-hạ. Tuy-nhiên kỳ hội-đồng này cũng là còn mới tỏ ra cái khuynh-hướng chung như thế mà thôi, chưa phải đã giải-quyết được điều gì. Vả lại thuộc về vấn-đề giảm-binh, thì nhân vì hội-nghị tài-giảm hải quân do nước Mĩ chủ-trương mấy tháng trước, đã không thành-công, nên hiện nay cũng khó lòng giải-quyết ngay được.

Tuy các vấn-đề to đó chưa giải-quyết được, nhưng kỳ hội-đồng này cũng bàn-định được nhiều điều hay, như đặt ra một cái cơ quan để thực-hành những lời quyết nghị của quốc-tế kinh-tế hội-nghị, dự-bị mở một hội-nghị để biên-chế luật quốc-tế; lại quyết-nghị các kế-hoạch để giúp chỉnh-đốn tài-chính cho hai nước Bảo-gia-lợi (Bulgarie) và Hi-lạp, v. v..

Hội Vạn-quốc còn xét mấy việc nữa, tuy là những việc địa-phương, chỉ quan-hệ đến hai nước phân-tranh với nhau mà thôi, nhưng gián-tiếp không phải là không quan-hệ đến cuộc hòa-bình Âu-châu, như việc phân-tranh về luật điền-thổ của nước Hung-gia-lợi và nước Lỗ-mã-ni, việc phân-tranh về cửa bể Dantzig của nước Đức và nước Ba-lan, hai việc ấy đều ngầm có cái ý muốn phá-hoại hòa-ước Versailles, nên Hội Vạn-quốc định hẳn đình để nghiên-cứu cho kỹ.

Nói tóm lại thì đại-hội-đồng Hội Vạn-quốc vừa rồi, tuy chưa giải-quyết được các việc quan-trọng, nhưng đã đem các việc ấy ra thảo-luận một cách rất rộng-rãi, gây ra trong thế-giới một

cái phong-trào hiếu hòa-bình, ghét chiến-tranh, dẫu chưa có trực-tiếp ích-lợi về đường thực-tế, nhưng thật có ích-lợi to về đường tinh-thần vậy.

Việc nước Tàu.—*Tình-thế phương Nam hiện nay thì đảng quốc-dân chia ra bè đảng, nhiều việc rắc-rối. Nay lược-thuật theo điện-tín đăng ở các báo hàng ngày.*

Tuy rằng quân Nam-kinh đã đánh đuổi được Dương Sinh-Trí, trừ bọn cộng-sản đi mà chiếm giữ lấy Hán-khẩu đã đặt chính-trị ủy-viên hội để giữ-gìn trật-tự, quân Bắc-phạt cũng đã tiến lên miền Bắc, đánh lấy được Từ-châu, kể thanh-thế Nam-quân gần đây cũng đã có phần thắng-lợi nhiều; nhưng hiện-tình về quốc-dân đảng-vụ thì phái Giang-ninh với phái Quảng-đông lại có ý ngờ-vực nhau. Nhân khi tháng mới đây ở Quảng-châu lại mới xảy ra cuộc chính-biến, là sau khi Lý Tế-Thâm và Uông Tinh-Vệ ở Quảng-châu đi Thượng-hải, lẽ ra thì Trương-Phát-Khuê cũng đi theo, không biết vì cớ gì mà lại lỡ tầu ở lại. Tức-thì hôm sau Hoàng Kỳ-Tường là bộ-tướng Trương Phát-Khuê gây cuộc chính-biến, bắt Hoàng Thiệu-Hùng (nguyên là tướng Quảng-tây có công dẹp bọn cộng-sản ở Sán-đầu, đóng quân tại tỉnh thành Quảng-đông) đem giam và thâu lấy cả khí-giới. Sau Hùng hối-lộ cho quân canh, lại trốn thoát đi Hương-cảng, rồi qua Bắc-kỳ về Quảng-tây, chực muốn đem quân Quảng-tây đánh lại quân Trương Phát-Khuê. Trong khi ấy đảng cộng-sản lại thừa-cơ nổi loạn, đốt phá nhà cửa, giết hại người, cướp lấy của-cải, rất là thương-thảm. Làm cho các cơ-quan điện-thoại, điện-báo, nhật-trình, hỏa-xa đều đình-đốn cả. Người ta bảo rằng cuộc chính-biến ấy là do bọn cộng-sản xui giục, có trợ-lực cho Trương Phát-Khuê mà gây nên, cốt là đánh đuổi Hoàng Thiệu-Hùng chứ không có ý phản Lý Tế-Thâm. Song các ủy-viên Quảng-đông đối với bọn Trương Phát-Khuê và Hoàng Kỳ-Tường tự-do hành-động như thế, lại ra ý bênh-vực, nên các ủy-viên phái Giang-ninh mới sinh lòng ngờ ghét, muốn không cho phái Quảng-đông dự vào hội-nghị chấp-giám (1) lần thứ tư này nữa, mà Tôn Khoa, Lý Tôn-Nhân, Bạch Sùng-Hi thì lại càng phản-đối Uông Tinh-Vệ, không muốn cho Uông dự cuộc hội-nghị toàn-thể. Muốn mời Hồ Hán-Dân ra để điều-đình các phương-diện, nhưng Hồ tỏ ra ý chán-nản.

Tưởng Giới-Thạch từ khi ở Nhật-bản về Thượng-hải, cũng chưa chịu ra nhận chức. Chừng còn đợi cuộc hội-nghị chấp-giám khai-hội xem ý-kiến các phái ra làm sao đã. Không ngờ ở Quảng-đông lại xảy ra cuộc rối-loạn, làm cho các đảng-viên ngờ vực nhau. Tưởng có nói rằng cuộc biến loạn ấy là do đảng cộng-sản xui nên, mà Trương Phát-Khuê và Hoàng Kỳ-Tường đều có lỗi cả. Tưởng có điện cho Trương Phát-Khuê phải đái-tội lập-công, đem quân bản-bộ hợp với Trần Minh-Khu mà trừ tuyệt đảng cộng-sản đi cho yên. Lý Tế-Thâm là người trung-kiên trong đảng, thì Trương phải cùng với Lý duy-trì đại-cục. Trương, Hoàng đều tỏ ý phục-tùng mệnh-lệnh Tưởng Giới-Thạch.

Tưởng lại điện cho Hoàng Thiệu-Hùng, Trần Minh-Khu, Trần Tế-Đường, Tiền Đại-Quân, Từ Cảnh-Hường, Phương Đỉnh-Anh, Phạm Thạch-Sinh, Lý Phúc-Lâm, đều nên bỏ sự hiềm-nghi nhỏ-nhặt, duy-trì đại-cục, lập-tức liên-hợp với Trương để trừ tuyệt đảng cộng-sản.

---

(1) Chấp-giám hội-nghị là cuộc họp các ủy-viên các tỉnh, chia ra ban chấp-hành và ban giám-sát.

Chính-phủ Nam-kinh lại xét ra cái nguyên-nhân đảng cộng-sản quấy rối ở Quảng-châu là do ở quán Lĩnh-sự và cơ-quan thương-vụ của Nga, ngầm-ngầm xui giục. Đã lâu nay người Nga vẫn mượn cái cơ-quan lĩnh-sự ở Trung-hoa để làm nơi cho đảng cộng-sản hoạt-động. Vậy mới rồi Chính-phủ quốc-dân ở Nam-kinh đã tuyên-bố mệnh-lệnh không nhận các Lĩnh-sự Nga và đình-chỉ những cơ-quan thương-vụ của nước Nga ở những nơi thuộc về dưới quyền Chính-phủ quốc-dân. Ngoại-giao sứ-trưởng của Chính-phủ Quốc-dân là Quách Thái-Kỳ đã giao giấy thông-hành cho Lĩnh-sự Nga ở Thượng-hải, hạn trong một tuần-lễ phải ra khỏi cõi. Lại có tin rằng Phó-lĩnh-sự Nga ở Quảng-châu đã bị bắn, Tổng-lĩnh-sự đã bị bắt. Ở Quảng-châu đã có lập một Hội-đồng công-dân để khu-trục người Nga và bọn cộng-sản. Đã xử-tử 590 người và bắt 3000 người, Chính-phủ trừng-trị rất nghiêm. Chính-phủ quốc-dân đã công-bố tuyệt-giao với Chính-phủ Nga.

Cuộc chính-biến ở Quảng-châu xảy ra như trên rất là có ảnh-hưởng to cho công-cuộc tiến-hành của đảng quốc-dân. Trước hết là cuộc chấp-giám hội-nghị lần thứ tư này do Uông Tinh-Vệ đề-xướng ra, từ khi lên Thượng-hải vẫn hết sức điều-hòa các đảng-viên trọng-yếu các phương để triệu-tập, sẽ vì việc ấy mà phải trung-chỉ. Vì muốn triệu-tập cuộc hội-nghị ấy, trước hết phải xem cái thái-độ của các ủy-viên ở Quảng-đông thế nào, nay xảy ra việc ấy, các ủy-viên Quảng-đông đối với các ủy-viên ở Giang-ninh lại thêm một mối ngờ ghét nhau, tất không đến dự. Vì vậy người ta đoán chắc rằng, cuộc hội-nghị ấy không bao giờ thực-hiện được.

Mới rồi tại nhà riêng Tưởng Giới-Thạch ở tô-giới Pháp tại Thượng-hải đã mở một cuộc nói chuyện để dự-định mở cuộc chấp-giám hội-nghị lần thứ tư. Các ủy-viên chấp-giám dự định có hai mươi sáu người. Cử Tưởng Giới-Thạch làm chủ-tịch. Bàn về mấy việc quan-yếu sau này :

1º Về danh-nghĩa cuộc hội-nghị ấy gọi là tứ-thứ trung-ương chấp-giám liên-tịch hội-nghị, hay là trung-ương chấp-ủy toàn-thể hội-nghị ;

2º Nơi khai hội ở Thượng-hải, ở Giang-ninh hay ở Quảng-đông;

3º Dự định ngày mở hội và định nơi mở hội ;

4º Xét cái nghị-án của các ủy-viên Quảng-đông đối với cuộc hội-nghị ;

5º Cách xử-trí cuộc chính-biến ở Quảng-đông ;

6º Việc tổ-chức lại và mở rộng hội trung-ương đặc-biệt ủy-viên ;

7º Bàn cái nghị-án của Lý Thạch-Tằng về việc các chi chính-trị phân-hội nên hợp-tác.

Cuộc nói chuyện ấy các yếu-nhân ở Giang-ninh và Thượng-hải đến hầu hết, chỉ duy có Hồ Hán-Dân và Tiêu Phật-Thành là không đến dự.

Tưởng Giới-Thạch mới rồi đã cùng với nữ-sĩ Tống Mĩ-Linh làm lễ kết-hôn tại Đại-hoa phạn-điếm, hôn-lễ rất là đan-giản.

Phùng Ngọc-Tường và Diêm Tích-Sơn liên-danh gửi điện cho Tưởng, giục Tưởng lại ra nhận chức Tổng-tư-lệnh. Tưởng đã nhận lời. Nghe đâu Tưởng đã định đến ngày 1 tháng giêng năm 1928 này thì nhận chức.

Về mặt Sơn-tây thì Diêm Tích-Sơn vẫn hết sức chống nhau với quân Phụng-thiên, gần đây chỉ có đánh nhau ở trên đường hỏa-xa, từ Hán-khẩu đến Bắc-kinh. Quân Phụng chực đánh lấy Sóc-châu nhưng cũng không thành công.

Quân Phùng Ngọc Tường ở Hà nam nghe như thắng-lợi đã đánh được địch-

quân tự Qui-châu trở ra phía đông, tướng Sơn-đông là Từ Ngọc-Toàn và Vương Đông đều bỏ chạy. Quân Phủng lại đánh tướng Sơn-đông là Chử Ngọc-Phác bị trọng-thương, quân Sơn-đông đại-bại.

Tình-hình ở Vân-nam thì quân Chính phủ dựng làm đạo quân Quốc-dân thứ 38 chia làm ba toán đóng ở các miền, quân của các tướng phản-đối là Hồ Nhược-Ngu, Trương Nhữ-Kỳ và các tướng liên-minh thì đóng ở Cửu-tinh. Có tin rằng đã sắp khai-chiến. Mọi nơi vẫn điều-đình cho các tỉnh lân-cận đừng cho quân vào Vân nam nữa, nhưng vẫn chưa nên công-cán gì. Giặc cướp vẫn cướp phá trong tỉnh.

Việc trong nước

Nam-kỳ dựng tượng kỷ-niệm ông Trương Vĩnh-Ký. — Trong nước ai cũng biết tiếng ông Trương Vĩnh-Ký, là một nhà bác-học trong Lục-tỉnh hồi năm mươi năm trước, khi nước Pháp mới sang đặt bảo-hộ ở bên này. Ông là người trước nhất đã có công truyền-bá tiếng Pháp và chữ quốc-ngữ trong quốc-dân ta. Các bậc sĩ-phu ở Nam-Trung, muốn kỷ-niệm cái công-ơn ấy, tự mươi năm trước có mở một cuộc lạc-quyên để đúc bức tượng đồng ông dựng tại Sài-gòn. Tượng mãi đến gần đây mới xong. Vậy ngày thứ bảy 24 tháng chạp tây đã làm lễ khánh-thành, quan Toàn-quyền, quan Thống-đốc, các quan-lại Tây Nam, các nhà tri-thức, các bậc thân-thương khắp Nam-kỳ đến dự đông lắm.

Sau đây lược-dịch lời diễn-thuyết của ông Nguyễn Văn-Của, là Chánh hội-đồng chủ-sự việc kỷ-niệm này, thuật về lịch-sử và sự-nghiệp ông Trương Vĩnh-Ký.

Ông Trương Vĩnh-Ký, nhất-danh là Pétrus Ký, sinh ở Cai-môn, là một thôn nhỏ trước thuộc tỉnh Vĩnh-long, nay thuộc tỉnh Bến-tre, ngày mồng 6 tháng chạp năm 1837.

Bấy giờ đương là triều Minh-mệnh, nhà vua có lệnh cấm đạo Gia-tô. Cụ thân-sinh ra ông là Trương Chánh-Thi tuy làm quan với Triều-đình nhưng không hại kẻ theo giáo, lại có ý bênh-vực cho nữa.

Bởi thế nên khi cụ mất, ông Ký mới lên chín tuổi, được các Cố đạo giúp đỡ dạy bảo cho. Năm 1846 cố Long cho ông vào học ở nhà dòng Cai-nhung, năm 1848 đem sang trường Pinha-lu ở Cao-miên, rồi đến năm 1852 thì cho vào trường lý-đoán ở Plou-Pénang.

Trường này là để dạy những bậc thiếu-niên tuấn-tú, do các cố đạo đi giảng đạo ở các nước Á-Đông giới-thiệu mà đem về đấy. Pétrus Ký học ở đấy vào tay giỏi nhất, kỳ thi được giải nhất về bài luận tiếng La-tinh, lĩnh phần thưởng của quan Tổng-đốc Anh bốn xứ vi (Plou-Pénang là thuộc về thuộc-địa Straits settlements của nước Anh). Ngoài tiếng La-tinh và tiếng Hi-lạp là món trong chương-trình phải học, ông lại còn học rộng ra nhiều thứ tiếng nữa : tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Xiêm, tiếng Mã-lai, tiếng Cao-miên, tiếng Diến-điện, tiếng Lào, tiếng Tàu, tiếng Nhật, tiếng Ấn-độ, học bằng phép trực-tiếp, thật là tỏ ra tư-cách một nhà bác-ngữ có tài.

Cuối năm 1858, học tốt-nghiệp ở trường Lý-đoán, nhân có tin mẹ mất, ông trở về quê nhà.

Ông học ở trường lý-đoán trước là có ý đi tu để làm thầy dòng, nhưng ông vốn là người thành-thực, xét mình

không có cái lửa nhiệt-thành về tôn-giáo, không miễn-cưỡng xin vào giáo-hội, nhưng vui lòng giúp việc cho đức cha Gia-định.

Bấy giờ nước Pháp với nước Nam đương chiến-tranh với nhau, năm 1860 đức cha LEFÈBVRE giới-thiệu ông để làm thông-ngôn cho ông quan thủy JAURÉGUIBERRY là quan coi các binh Pháp ở Nam-kỳ bấy giờ.

Ông được quan thủy có lòng yêu, bấy giờ đương lúc chiến-tranh bối-rối, nhiều người bị bắt-bớ oan-uổng lắm, ông thường cay-thiệp mà xin cho được tha, cho nên được chúng hàm-ơn lắm.

Triều-đình ở Huế bấy giờ cũng biết tiếng ông, cho nên năm 1863, vua Tự-đức phái một bộ sứ sang Pháp để yết-kiến vua Nã-phá-luân thứ III, cử cụ Phan Thanh Giản làm chánh-sứ, thì cụ liền chọn ông để đi theo làm thông-ngôn.

Ông Trương ở Paris, hoặc giao-thiệp chỗ triều-đình, hoặc đi lại với các nhà văn-học, bác-học, đến đâu cũng được hoan-nghênh cả.

Ông được giao-tiếp với những bậc như VICTOR HUGO, LITTRÉ, RENAN, PAUL BERT, DUBUY, khi về nước, vẫn còn thư-từ đi lại mãi.

Năm 1864 về Sài-gòn lại làm chức thông ngôn cho Chính-phủ Pháp, dạy học ở « Trường Thí-sai » (Collège des Stagiaires), là trường dạy những người Pháp tập làm các chức quan-lại ở Nam-kỳ bấy giờ; ông lại chủ-trương tờ quan-báo bằng quốc-ngữ, tên là « Gia-định báo ». Năm 1872 ông được thăng chức tri-huyện hạng nhất.

Từ bấy giờ cho đến ngày mất, ông soạn-thuật không biết bao nhiêu là sách vở, vừa sách phổ-thông, vừa sách nghiên cứu về sử-học, về ngữ-học, như: sách dạy tiếng An-Nam, sách dạy tiếng quan-thoại, sách tự-vựng Pháp-Việt, sách dạy tiếng Cao-miên, sách dạy tiếng Tàu, sách văn-chương An-Nam, sách dạy tiếng Mã-lai, sách tự-vựng về tiếng Ấn-độ tamoul, sách địa-dư Lục-tỉnh, sách lịch-sử Việt-Nam, là quyển đã được nhà bác-học Pháp RENAN khen lắm; ông lại dịch ra quốc-ngữ truyện Kiều, truyện Lục-Vân-Tiên, sách Tứ-thư, và nhiều các truyện-văn thi-ca nôm.

Ấy là lược kể ít nhiều các sách của ông mà thôi, chứ kể cả thì đến hơn một trăm thứ. Ông lại từng làm sách bằng tiếng La-tinh, tiếng Y-pha-nho, tiếng Pháp, như sách bàn về các thứ tiếng và các thứ chữ Đông-Pháp giống nhau thế nào, sách so-sánh về ngữ-ngôn, văn-tự, tôn-giáo các dân-tộc Ấn-độ Chi-na, sách so-sánh về tiếng nói và chữ viết của ba ngữ-loại, vân-vân, toàn là những sách khảo-cứu tinh-tường cả, khiến cho ông đáng là tay bác-học một thời.

Bởi thế nên khi nhà khoa-học trứ-danh nước Pháp là ông PAUL BERT, được cử sang làm Toàn-quyền bên này, hồi bấy giờ việc giao-thiệp nước Pháp và nước Nam đương khó-khăn lắm, tới Sài-gòn vào tháng 2 năm 1886, liền cho mời ông Trương đến để giúp trong việc giao-thiệp.

Quan Toàn-quyền mới phái ông Trương ra Huế để điều-đình với các quan đại-thần. Ông giao-thiệp khéo, được các quan đều yêu-mến kính-nể, và nói rõ được cho Triều-đình hiểu nên đề-huề với nước Pháp.

Chính-phủ Pháp thưởng công cho ông, tháng 8 năm 1886, tư cho ông được đệ-ngũ-đẳng Bắc-đẩu bội-tinh.

Ông được ông PAUL BERT hết lòng yêu mến, nhưng ông PAUL BERT bị bệnh chết ngày 11 tháng 11 năm 1886. Bấy giờ trên Chính-phủ không có người che-chở, dưới quốc-dân bị lắm kẻ gièm-pha, mấy năm trở về già, thật ông lắm nỗi rầu lòng.

Không những người Nam mà cả người Pháp cũng có người trách ông là phản nước, ngay lúc đầu đã đi theo ngoại-quốc. Nhưng ai có đọc những thư của ông viết cho ông Toàn-quyền PAUL BERT *thì mới hiểu rõ tâm-sự ông. Địa-vị của ông lúc bấy giờ cũng khó xử. Nhưng ông là một nhà bác-học, lại là một nhà bác-ngữ-học, biết các thứ tiếng ngoại-quốc nhiều, nên biết rằng các giống người dầu ngữ-ngôn phong-tục có khác nhau, nhưng loài người đâu đâu cũng là một, chiến-tranh giết hại nhau thực không đang, làm sao cho đề-huề hòa-hợp nhau thì hơn*

Nhưng nhiều người không hiểu cái tư-tưởng của ông như thế, tỏ ra phản-đối ông. Tự đó ông không thiết đến việc thời-chính nữa, về ở nhà riêng ở Chợ-quán, chuyên nghiên-cứu về ngữ-học.

Sau thiên-hạ thấy ông không thiết gì về danh-lợi cả, mới biết bụng ông.

Ông mất ngày mồng 1 tháng 9 năm 1898. Ngay tự bấy giờ đã có người bàn lập hội-đồng dựng tượng kỷ-niệm ông. Cái ý-kiến hay ấy mãi đến nay mới thực-hành được.

Hội chợ Sài-gòn. — *Hội-chợ năm nay không họp ở Hà-nội mà họp ở Sài-gòn lần này là lần thứ nhất. Quan quyền Toàn-quyền* MONGUILLOT *thân-hành từ Hà-nội vào để khai-hội ngày 17 tháng chạp. Các nhà buôn-bán kỹ-nghệ ngoài Bắc đem đồ hàng vào cũng đông, nhưng nghe chừng lần này là lần đầu, cách sắp-đặt cũng chưa được hoàn-toàn lắm, nhất là những các gian hàng lợp không được kỹ, phải mấy trận mưa thật thiệt-hại cho các nhà giọn hàng. Những nhà công-thương Bắc-kỳ vào dự Hội chợ kỳ này có ý phàn-nàn lắm.*

Giới-thiệu sách mới.

1. — Leçons d'Histoire d'Annam, à l'usage des élèves des Cours Moyen et Supérieur des écoles franco-annamites *par* DƯƠNG QUẢNG-HÀM. *Sách Nam-sử soạn riêng cho các học trò lớp nhất lớp nhì các trường Pháp-Việt. Soạn theo chương-trình, kỹ-càng lắm, có bản-đồ, có tự-vựng, sách dày 300 trang, bán ở nhà tác-giả, 98 Phố Hàng Bông, Hà-nội, giá 0$80.*

2. Vợ lẽ có đầu. *Cảnh-thế ngôn-tình tiểu-thuyết. Của Mân-châu* NGUYỄN MẠNH-BỒNG *biên-thuật. Bán tại Hương-hải thư-điếm, Hải-phòng, giá 0$25.*

3. Sách xem tết năm Mậu-thìn, *của Tân-dân thư-quán. (Sách thơ văn chơi và tiểu-thuyết để xem tết năm nay). 78 trang Bán ở Tân-dân thư-quán, 29 phố Hàng Bông, Hà-nội, giá 2 hào rưỡi.*

Nam-Phong tùng-thư, *quyển III:* Văn-học nước Pháp *đã xuất-bản, bán ở Đông-kinh ấn-quán, giá 4 hào.*

Trong Nam-Phong tùng-thư *vào hạng « Đặc-biệt trước-tác », sẽ xuất-bản bài diễn-thuyết của ông Phạm Quỳnh ở hội Khai-Trí ngày 10 Décembre vừa rồi, về « Cái quan-niệm người quân-tử trong triết-học đạo Khổng »* (L'idéal du sage dans la philosophie confucéenne), *vừa pháp-văn, vừa quốc-văn, chừng cuối tháng thì in xong.*